SỬ ĐỊA

ĐẶC KHẢO VỀ

QUANG TRUNG

SỐ ĐẶC BIỆT XUÂN MẬU THÂN

Nhà sách Khai-Trí bảo trợ

9-10

1968

SỬ ĐỊA

TẬP - SAN SƯU - TẦM, KHẢO - CỨU, GIÁO - KHOA

BAN CHỦ-BIÊN:

NguyễnThếAnh • BửuCầm • PhanKhoang • LâmThanhLiêm • PhạmVănSơn • TháiViệtĐiểu • PhạmCaoDương • Phù-Lang • ĐặngPhươngNghi • QuáchThanhTâm • TrầnĐăngĐại • Phạm ĐìnhTiếu • NguyễnKhắcNgữ • NguyễnHuy • TạChíĐại Trường • PhạmLongĐiền • TrầnAnhTuấn • NguyễnTháiAn • TrầnQuốcGiám • NguyễnSaoMai.

VỚI SỰ CỘNG-TÁC THƯỜNG XUYÊN CỦA:

HoàngXuânHãn • ChenChingHo • ThíchThiệnÂn • LêVăn Hảo • NguyễnVănHầu • TạTrọngHiệp • NguyễnTrầnHuân • PhạmVănDiêu • BửuKế • NguyễnKhắcKham • TrươngBửu Lâm • LêHữuMục • NguyễnPhương • HồHữuTường • LêThọ Xuân • ƯngTrình • NghiêmThẩm • TôNam • BùiQuangTung.

BAN TRỊ-SỰ:

NguyễnNhã • NguyễnNhựtTấn • PhạmThịHồngLiên • Nguyễn NgọcTrác • TrầnĐìnhThọ • NguyễnHữuPhước • PhạmThịKim Cúc • TrầnNgọcBan • PhạmVănQuảng • PhạmĐứcLiên • NguyễnThịBíchLoan.

Ảnh bìa do Kha Thủy Châu phỏng họa

THƯ TỪ, BÀI VỞ, NGÂN, CHI-PHIẾU:
NGUYỄN NHÃ
221 Cộng Hòa, Saigon B. P. : 380
TRƯƠNG MỤC : *TẬP SAN SỬ ĐỊA*
Sài gòn T/M 2763
Chánh Trung Khu Chi Phiếu
SAIGON

ẢNH GIẢ VƯƠNG QUANG TRUNG

(Phạm Công Trị)

Ảnh do vua Kiền Long sai vẽ năm 1790, đồ quân phục cũng do vua Tàu tặng. Ảnh lấy ở trong Tập Mãn-Châu Cổ-họa, đăng trong Đông Thanh tạp chí số 1, 1932.

PHỦ CHÚA TRỊNH

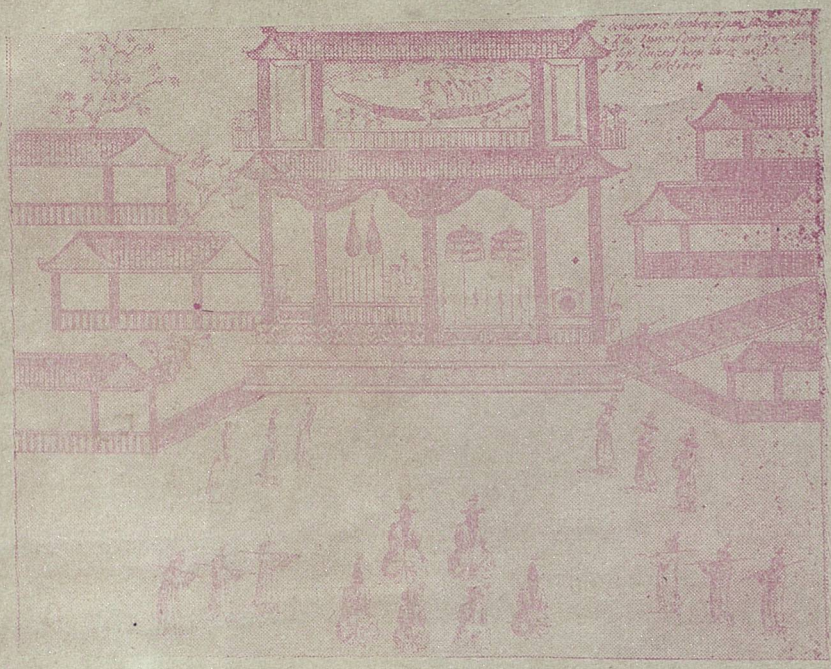

Ảnh của « Samuel Baron », đăng lại trong « Iconographie historique de l'Indochine française », Pl. VII, fig. 8.

TRANH THÀNH HÀ-NỘI VÀO THẾ KỶ 17

Tranh trích ở « La Description du Royaume du Tonkin của Samuel Baron », trong bộ « A collection of voyages and travels, vol. VI, 1732 (Bibli, de l'École des Langues Orientales) và được đăng lại trong «P. Boudet và A. Masson, Iconographie historique de l'Indochine française», Pl. VI, fig. 7.

LÁ THƯ TÒA SOẠN

Với chủ trương «phải làm sống lại» các vị danh nhân Việt Nam, thì Tập San Sử Địa không thể không nói tới «Người Anh-hùng của Mùa Xuân Kỷ Dậu» trong một số báo Xuân. Quang Trung như là biểu hiệu cho «Một Dân Tộc Anh-hùng». Quang Trung đã vượt lên mọi ác cảm, đố kị mà Quang Trung đã phải chịu quá nhiều để ngự trị trên đài vinh quang của dân tộc.

Tập San Sử Địa số này, chúng tôi đã dành một phần lớn cho những tài liệu của phe đối thủ, từ tài liệu của Trung Hoa tới tài liệu của Nguyễn triều hay tài liệu của những người không mấy thiện cảm với Tây Sơn như các Giáo sĩ Tây phương. Nhưng các tài liệu ấy không thể giấu giếm một sự thực: tài dùng binh thật đáng sợ và con người anh hùng cái thế của Quang Trung.

Sang năm, Xuân Kỷ Dậu, kỷ niệm 180 năm Chiến Thắng Đống Đa (Kỷ Dậu), nếu không gì trở ngại, Tập San Sử Địa sẽ dành riêng một số về «Chiến Thắng Đống Đa» (Kỷ Dậu), sẽ bổ túc cho số đặc khảo này và hy vọng có thể làm hài lòng quí đọc giả hơn, chúng tôi cũng kêu gọi sự đóng góp của quí vị xa gần, ngay từ bây giờ hãy sửa soạn tài liệu hay bài khảo cứu cho số đặc khảo về «Chiến Thắng Đống Đa» ấy.

Kể từ số này, Tập San Sử Địa đã bước sang năm thứ ba, bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn trưởng thành. Tập San thấy có cơ phát triển. Tập San sẽ cố gắng để không phụ lòng tin cậy của quí bạn đọc.

Ngoài số đặc khảo về «100 năm Nguyễn Trung Trực» và «Chiến Thắng Đống Đa» vào năm tới, chúng tôi hiện đương sửa soạn một công trình qui mô hơn: khảo cứu «Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam» nhân kỷ niệm «900 năm Nam tiến» vào năm 1969. Trông cậy nơi các nhà hảo tâm với văn hóa, chúng tôi đương sửa soạn tổ chức một giải thưởng lớn lao trị giá hàng trăm ngàn cho các tác phẩm khảo cứu hay các tài liệu hoặc loại bài biên khảo về Nam tiến của Dân tộc Việt Nam. Ngay từ bây giờ, quí đọc giả khắp đất nước có thể chuẩn bị tham dự giải thưởng ấy, bạn đọc có thể tìm các tài liệu như bia, thần tích, thần phả, gia phả của Việt, Miên, Chàm... để viết bài khảo cứu hay để sẽ gửi các tài liệu ấy tham dự vào «phần thưởng Tài liệu». Một ngày gần đây, Tập San Sử Địa sẽ công bố «thể lệ giải khảo cứu sưu tầm» về «Công trình vĩ đại nhất của Dân tộc Việt Nam»: Công trình Nam Tiến.

Kính chúc quí đọc giả hưởng một mùa Xuân dân tộc như ý.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

VIỆT THANH CHIẾN SỬ

theo NGỤY-NGUYÊN một sử-gia TRUNG-QUỐC đời THANH

(*Càn-long chinh vũ An-nam kí* — năm Đạo-quang thứ 22-1842)

▼ ▼ ▼ ▼ ▼ ▼ *HOÀNG XUÂN-HÃN*

Cuộc Việt Thanh giao chiến cách nay chưa lâu, nhưng những tài-liệu thư-tịch liên-quan đến không thấy mấy.

Ban đầu, những sử-gia Việt viết chuyện Tây-Sơn chỉ biết những tài-liệu Việt: hoặc chính-sử như *Đại-nam Thực-lục*, *Đại-nam Liệt-truyện*, hoặc ngoại-sử như *Lê quí kỉ sự*, *Hoàng Lê Nhất thống chí*.

Nhưng xét sử mọi cuộc chiến-tranh, còn có phần chắc tìm được tài-liệu ở đối-phương. Mà sự ấy rất cần, vì kẻ biên chép ở phe nào thường bênh-vực phe ấy. Chỉ theo một bên thì hay trở nên thiên-vị. Trong cuộc Việt Thanh giao chiến, Quang-Trung đã lập một vũ-công đặc-biệt, mà mọi sử sách ta, tuy là do những kẻ phò kẻ nội-địch là Nguyễn Ánh viết nên, đều ca ngợi. Nhưng giá như không có tài-liệu do người Thanh hoặc kẻ bàng-quan khẳng-nhận, thì độc-giả ngày nay có lí để nghi ngờ. Vì những lẽ ấy, ta nên và cần tìm những sử-liệu đời Thanh liên-quan với cuộc chiến-tranh ấy.

Tôi từng nghĩ rằng những sử-liệu ấy chắc có nhiều. Trong khi thu-thập tài-liệu về Quang-Trung, tôi đã để ý đến bộ sách khổng-lồ là *Đại-Thanh Thật-lục* (1) và một bộ sử chép riêng về việc binh nhà Thanh, là *Thánh-vũ-kí*. Tôi đã từng nhắc qua đến các tài-liệu ấy trong bài *Ngày giờ Quang-trung mất* đăng trong báo *Dư-luận* ở Hà-nội 1946, số 28 và trích in lại trong sách *La-sơn Phu-tử* trang 156.

(1) *Đại Thanh Thật-lục* được Nhật-bản xuất-bản sau khi lập nước Mãn-châu. Bộ sách rất to, in rất đẹp và cẩn thận, nhưng chắc rất ít bản. Trong hồi Nhật-quân còn đóng ở Hà-nội, tôi đã đọc một vài đoạn.

Sự thật là: cho đến ngày nay, tài-liệu Trung còn thấy ít. Ngoài hai nguồn đã nói trên, có tác-phẩm đặc-biệt mà sử-gia Trần Văn-Giáp năm 1954 đã thấy ở *Quốc-lập Đồ-thư quán* ở Bắc-kinh; ấy là sách *Quân-doanh kí-lược*, bút-kí của viên bí-thư của Tôn Sĩ-Nghị, sách viết tay gồm ba quyển (Theo *Văn-Tân* dẫn trong sách *Cách-mạng Tây sơn* xuất-bản tại Nà-nội năm 1958). Tác-giả tên là Trần Nguyên-Nhiếp

Gần đây các sử-gia tại Hà-nội đã khai-thác nhiều hai sách *Quân-doanh kí lược* và *Thánh-vũ kí* trong những sách kể chuyện Tây-Sơn (*Tìm hiểu thiên-tài quân-sự của Nguyễn Huệ* soạn bởi Nguyễn Lương-Bích và Phạm Ngọc-Phụng, Hà-nội 1966; Văn-Tân ngoài sách đã dẫn trên mới soạn *Nguyễn Huệ con người và sự-nghiệp*, Hà-nội 1967).

Giá-trị độc-đáo của *Quân-doanh kí-lược* thì không cần bàn, nhất là hình như bản viết còn lại có tự đời Càn-Long. Còn giá-trị của *Thánh-vũ kí* ra sao thì hai tác-giả sách *Tìm hiểu*.. vừa dẫn trên, là kẻ đã dùng nó nhiều, không bàn đến trong tác-phẩm của các ông ấy.

Sau đây sẽ phiên-dịch hoàn-toàn bài *Càn-long chinh-vũ An-nam kí* một thiên nhỏ trong số 55 thiên của sách *Thánh-vũ kí*. Tôi cũng sẽ giới-thiệu qua tác-giả Ngụy Nguyên, và thử đanh giá về phương-diện sử-học cái thiên tôi sẽ dịch.

●

Ngụy Nguyên, tự Mặc-thâm, người huyện Thiệu-dương tỉnh Hồi nam. Sinh năm 1794. Đậu tiến-sĩ, làm quan đến chức tri châu Cao-bưu thuộc tỉnh Giang-tô, Sách *Từ-nguyên* chép như trên và cho biết thêm rằng thuộc nhiều chuyện xưa, rất lưu-tâm đến thời-sự, Có soạn những sách *Hải-quốc đồ chí* và *Thánh-vũ kí*. (2)

Trong bài tựa sách cuối nầy, Ngụy Nguyên tự giới-thiệu và trở qua lai-lịch sự soạn sách ấy :

(2) Tác-phẩm của Ngụy Nguyên chắc còn nhiều. Một thiên nhỏ trong tùng-san *Tiểu phương-hồ dư-địa*, đề là *Việt-nam cương-vực khảo* và chú: Thiệu-dương Ngụy Nguyên lục (trang 88 quyển 10).

« *Ở phía nam miền Kinh-Sở (: tỉnh Hồ-nam), có tên dân đã chứa chất nhiều ơn Sinh một năm trước lúc Càn-long đánh rợ Miên ở vùng Sở (: năm Càn-long thứ 60, 1795, theo quyển 7 trang 44). Trung-canh (: lên 15 tuổi?) vào năm Gia-khánh đánh Giáo phỉ và giặc bể. Đến năm Gia-khánh thứ 18 (1813), là năm dẹp yên giặc ở Kì phụ mới đi thi ở kinh-sư. Lại đến năm Đạo-quang đánh dân Hồi ở Tân-cương (: Đạo-quang thứ 5, 1825, theo quyển 4, trang 48), mới bắt đầu làm quan ở Kinh-sư.*

« *Kinh-sư là cái bể chuyện xưa. Tôi được mượn đọc những sách công ở Sử-quán và Bí-các, các sách của đại-sĩ-phu tư-gia biên chép cùng các truyền-thuyết của các cổ-lão nữa. Nhờ đó, một số việc lớn xảy ra sau năm tôi sinh, và vài mươi việc lớn có từ trước khi tôi sinh ngược lên cho đến ban đầu nước (: nhà Thanh), thấy lỗi-lạc trước tai mắt, nghe mênh-mông trong ngực bụng. Suy trở lại đến thịnh suy của sức dân, sức vật, đến đầu đuôi tiền thoái thêm bớt của nhân-tài, phong-tục.*

« *Mãi về sau, khi tôi ở miền Giang Hoài (: trỏ châu Dương, châu Cao-bưu là nơi nhậm chức), các việc biến-động ở mặt bể dồn-dập tới (: vụ thủy-quân Anh uy hiếp Trung-quốc để nhập cảng thuốc phiện, đánh Thượng-hải, ép kí hòa-ước Nam-kinh năm 1842). Tức giận xúc-động đến những điều từng trữ trong lòng, Bèn đem hết những biên-kí từng giấu trong hòm, bày ra thành thứ tự ngang dọc, ruổi đi quay lại nhiều lần. Trước hết đem ra những biên kí chuyên về việc binh, và những thiên chép điều từng bàn-luận, sắp thành 14 quyển, cọng hơn bốn mươi vạn chữ...* »

Trên đây là lời tựa Ngụy Nguyên viết năm Đạo-quang thứ 22 (1842) tại Giang-đô, tức là Dương-châu trên sông đào Vận-hà ở Giang-tô, nhằm vào nam quốc-sĩ mới đầu của cuộc ngoại xâm.

Qua lời trên, ta biết rằng Ngụy Nguyên sinh vào năm 1794, bốn năm sau việc Thanh Việt giao chiến. Năm 32 tuổi mới làm quan ở Bắc-kinh, có lẽ ở Sử-quán, hoặc Bí-các. Theo lạc-khoản sau bài tựa thì năm 1842, y tự xưng là *Nội-các Trung thư xá-nhân*. Chắc đó là hàm của những viên tòng-sự trung-cấp ở Bí-các.

Nguyên, tính thích khảo cổ, lòng lo thời-sự ; lại được làm việc ở giữa « bể chuyện cũ ». Vậy ta không ngạc-nhiên biết y sưu-tầm thư-tịch quan, tư, chép về triều Thanh. Rồi trữ cất trong hòm mà theo hoạn-lộ của một viên quan nhỏ. Ba bốn năm sau khi đã ngoại-nhậm vùng Giang-tô, không xa Nam-kinh, Thượng-hải, thì họa đế-quốc thực-dân da trắng bắt đầu thực-hiện ở bể Đông. Thấy binh-lực nước nhà yếu ớt, các vũ-tướng vô-tài, y bèn phẫn-nộ, mới đem những điều ghi chép ra mà soạn thành sách *Thánh vũ kí* nầy.

Phàm các chuyện chép trong sách ấy, tác-giả không những chỉ ghi các điều-tiết, mà còn vạch rõ nguyên-nhân, tóm-tắt những việc trước liên quan, cuối cùng thường có nghị-luận, giải-thích lẽ được thua ; chỉ-trích, phê-bình và nói những điều đáng lẽ trước nên làm. Bốn quyển cuối cùng để riêng bàn các chiến-lược. Nói tóm lại Ngụy Nguyên là một sử-gia biết trọng sự sưu-tầm. Nhưng cũng là một nhà phê-bình thời-sự, có phần khó tránh chủ-quan.

Nói riêng về cuộc Việt-Thanh giao chiến, thì cái đầu-đề *Càn-long chinh vũ An-nam kí* tỏ rõ tính chủ-quan của tất cả những sử-gia Trung-quốc đối với nước ta Nhưng ta cũng nhận thấy rằng, Ngụy Nguyên đã không bịa những chi-tiết ghi trong thời đó. Rõ-ràng, y đã nhận sự thất-bại nặng-nề của quân nước mình, nhưng đã không bỏ cuộc dụng-binh nầy ngoài *Thánh-vũ kí*, là sách soạn cốt để tán-dương và kích-thích lòng tự-ái tự-cường của quốc-dân. Đó chứng rõ tính-cách khá bàng-quan của tác-giả.

Nhưng Ngụy Nguyên cũng không chịu tỏ rõ các chi-tiết sự thất-bại của người mình. Vì vậy bài kí chép rõ-ràng những trận tấn-công của quân Thanh trên đường Trấn-nam-quan đến Thăng-long, mà trái lại không cho biết những tiểu tiết về trận Nguyễn Huệ phản công, ngoài câu « *Giặc đều chở đại-bác bằng voi mà xông vào trận* », dụng ý để giải-thích sự bại trận của quân Thanh. Hoặc cho rằng Ngụy Nguyên không được biết nhưng tiểu-tiết ấy. Tôi nghĩ rằng ý đã từng biết chuyện, nhưng cố ý bỏ qua. Đối với một kẻ sưu-tầm việc cũ như Ngụy Nguyên, thì không lẽ một sách như *Quân-doanh*

kí-lược của viên bí-thư của Tôn Sĩ-Nghị và những hồ-sơ khác về Tôn Sĩ-Nghị đã lọt ra ngoài con mắt.

Nói tóm lại, đối với cuộc Thanh Việt giao chiến, sách *Thánh vũ kí* đã ghi sự thật, nhưng cũng đã giấu một phần. Tuy không phải là người trực-kiến những biến cố xảy ra, nhưng tác-giả đã dùng và dùng trực-tiếp những tài-liệu đồng-thời với sự kiện.

Lại nói đến nguyên-do sự Nguyễn Huệ chiếm đô nhà Lê, thì Ngụy Nguyên theo thuyết rằng Trịnh Nguyễn tranh giành, nên Trịnh mưu với anh em Tây-sơn mà đánh Nguyễn. Sự đồng mưu kia chắc không có, nhưng khi Hoàng Ngũ-Phúc lấy xong Phú-xuân, chúa định sai Phan Huy-Ích vào Quảng-nam phong cho Nhạc tước Cung quận-công (1775 — xem *Chinh-phụ-ngâm bị khảo* trang 49), sự ấy có thể làm cho kẻ ở xa hiểu lầm.

Những điều ghi về khoảng sau năm Thanh Việt giao chiến đáng được chú ý hơn: chuyện tàu Anh bị nhử vào trong sông « Phú-lương » rồi bị phục-kích (trang 52b — trong lời dịch, tôi gọi là phần phụ), và chuyện Tây-sơn dùng quân Tàu Ô cướp vùng Phúc-kiến Quảng-đông.

Về việc đầu, tôi chưa biết có hay không và chỗ xuất-xứ. Nhưng tôi nghĩ có lẽ tác-giả đã khuếch-trương một sự-kiện nhỏ, cuộc xô-xát đụng chạm của tàu buôn với tàu tuần của ta, sự-kiện mà người Thanh lấy làm thích thú, vì họ đương bị tàu Anh uy-hiếp.

Về chuyện thứ hai thì trong sử nước ta đã từng biên chép vài điểm. Nhưng trong bài này, tôi không theo mục-đích so-sánh sách *Thánh vũ kí* và các sách khác. Tôi chỉ chú ý giới-thiệu mà thôi.

Thiên *Gia-khánh đông-nam Tĩnh-hải kí* (quyển 8 trang 36) chép khá dài về việc quân Tàu Ô được Tây-sơn cấp bằng, cấp thuyền để quấy miền Mân Việt. Tôi cũng sẽ dịch đoạn đầu thiên ấy để bàng-chú thiên kia.

●

Bản *Thánh vũ kí* tôi dùng mang tựa năm 1842 đã dẫn trên.

Nhưng ở mặt sau tờ thứ tư có lời dẫn thêm rằng : « Tập kí nầy, đang khi mặt bể không yên, người đòi đọc nhiều ; cho nên vừa làm vừa cho in, chưa kịp thẩm-duyệt tinh-tường. Hai năm sau, lại trùng-đính ở Tô-châu Rồi hai năm sau nữa lại trùng-đính ở Dương-châu., Làm thành sách *Thánh vũ kí* trùng-đính lần thứ ba. Đạo-quang năm thứ 26-1846. Ngụy Nguyên viết tại lự-thứ Dương-châu », Vậy bản ấy thật là bản 1846, « tân tăng hiệu đối vô ngoa » như nhà tàng-bản *Cổ-vi-đường* đã đề vào bìa sách.

Trung-hoa thư-cục ở Thượng-hải đã tái-bản bằng thạch-bản. Các tác-giả Nguyễn Lương-Bích và Phạm Ngọc-Phụng . đã mách trong sổ tài-liệu dùng, nhưng không chép in vào năm nào Tùng-san *Tiểu Phương-hồ địa-dư*, có tái-bản thiên *Càn-long chinh vũ An-nam kí* nhưng bỏ hai chữ C-n-long và phần phụ-chú cuối cùng. Trong tùng thư ấy còn có thiên *Chinh An nam kí-lược* (trang 122, quyển 10), tác-giả là Sư Phạm người Triệu-châu, có lẽ là bộ-hạ của Phú Cương tổng-đốc Vân-Quí. Thiên nầy ngắn. Chắc vì đạo quân Vân-nam không dự trận nào, cho nên tác-giả hầu như không biết chi tiết nào về đoàn quân Quảng-tây.

Tuy vậy, Sư Phạm đã cho biết một vài điều thêm, ví như; lai-lịch sự Tây-sơn đánh Bắc-hà mà ta thấy chép trong *Thánh-vũ-kí* là theo lời khai của một tôi nhà Lê chạy sang Vân-nam trả lời hỏi của viên tổng-tốc Phú Cương. Lại cho biết rõ tên gia quyến vua Chiêu-thống chạy sang vùng Khai-hóa. Tôi sẽ có nhịp nói đến bài kí-lược nầy.

Sau đây, là bản dịch nguyen văn thiên *Càn-long chinh vũ An-nam kí*. Tôi đã dịch rất sát từng chữ, có hiệu-đính vài chữ sai, nhưng khi nào cũng ghi nguyên-văn. Hán văn rất giản-tiệp; cho nên nếu cần, tôi đã thêm một vài chữ để cho rõ nghĩa. Chữ ấy để trong dấu (...)

Về chú-thích, có loại vốn của nguyên-văn; tôi dịch và viết: (ng. ch..), nghĩa là nguyên-chú là... Còn ngoại-chú thì phần lớn cốt để giải-thích vắn-tắt cho độc-giả dễ hiểu ý văn. Trong trường-hợp

(Xem tiếp trang 245)

TRẬN ĐỐNG-ĐA

VỚI CHÍNH - NGHĨA QUỐC - GIA

☆ *NGUYỄN ĐĂNG-THỤC*

Hàng năm, cứ đến ngày mồng 5 tháng giêng sau Tết nguyên-đán 5 ngày và trước ngày khai-hạ 2 ngày, nhân-dân Hà-thành kéo nhau lũ-lượt tốp năm tốp ba, « ngựa xe như nước, áo quần như nêm » ra ngoại-ô về phía đông đầu ấp Thái-hạ, dưới chân một đồi đất cao để kỷ-niệm ngày giỗ Đống-Đa hay là ngày giỗ trận. Dân-chúng nói với nhau rằng cái đồi đất ấy chính là đống xương vô định của quân-sĩ chết trận trong trận đại-chiến quyết-thắng của vua Quang-trung đánh đuổi giặc ngoại-xâm Tôn-sĩ-Nghị.

Quân Thanh đã được Thăng-long
Một hai rằng thế là xong việc mình.
Dùng dằng chẳng chịu tiến binh
Nhác đường phòng-thủ mống tình dãi hoang.
Ngụy Tây nghe biết sơ phòng
Giả điều tạ tội quyết đường cắt quân.
Dặm trường nào có ai ngăn
Thừa hư tiến bước đến gần Thăng-long.
Trực khu đến lũy Nam-đồng
Quân Thanh dẫu mấy anh hùng mà đang.
Vua Lê khi ấy vội-vàng
Cùng Tôn-sĩ-Nghị sang đàng Bắc-kinh.
Qua sông lại sợ truy binh
Phù kiều chém đứt, quân mình thác oan.

(Đại-Nam Quốc-sử diễn-ca — (1991-2004), của Lê-ngô-Cát và Phạm-đình-Toái, xuất-bản Sông-Nhị, Hà-nội).

Trên đây là một đoạn sử tranh-đấu oanh-liệt của Nguyễn-Huệ, mới lên ngôi Hoàng-đế Quang-trung ngày 25 tháng một năm Mậu-thân 1788, tự mình thống-lĩnh quân thủy bộ ra đánh Bắc-hà, đánh đuổi quân xâm-lăng để danh chính-nghĩa quốc-gia bằng một cử-chỉ anh-hùng dân-tộc. Vua Quang-trung tự thân đốc quân phá vỡ nghĩa-binh của nhà Lê ở sông Giản-thủy, bắt sống quân Tàu ở Phú-xuyên, vây phá đồn giặc ở Hạ-hồi và Ngọc-hồi ở Hà-đông ngày 5 tháng giêng trong bầu không-khí khai xuân của toàn dân Bắc Việt. Nhiều tướng-lãnh Mãn-Thanh tử-trận trong số đó có đại-tướng Sầm-nghi-Đống đóng ở Đống-đa gần Nam-đồng này là ngoại-ô Hà-nội. Nghi-Đống bị vây hãm ở đay phải thắt cổ tự-tử. Lê Chiêu-Thống theo Tôn-sĩ-Nghị chạy trốn sang Bắc-ninh rồi bị đuổi bạt về Tàu. Trưa ngày mồng 5 tháng giêng, vua Quang-trung vào thành Thăng-long, áo ngự bào đen thuốc súng; theo truyền-thuyết trong dân-gian thì khi vua Quang-trung trẩy quân đến làng Ngọc hồi dân làng làm cỗ bàn bánh trái đem ra khao lạo quân nhà vua và tỏ ý hoan-nghênh cử-chỉ chính-nghĩa của vua đến giải-phóng nước nhà khỏi ách Mãn-Thanh nên họ có yết lên bốn chữ.

« Hậu lai kỳ tô » nghĩa là vua đến thì dân được sống lại. Vua Quang-trung trước lòng nhiệt-thành ấy của dân làng Ngọc-hồi hết sức hoan-hỷ vỗ-về ủy-lạo, nhưng không muốn phiền-nhiễu nhân-dân, trong các thực-phẩm dâng lên, vua đã ý-nhị chỉ chọn lấy cái bánh chưng, tiêu-biểu cho dân-tộc-tính nông-nghiệp trong ngày Tết nguyên-đán ở Bắc-hà. Và vua ban cho làng Ngọc-hồi bốn chữ.

« Hiếu nghĩa khả gia » nghĩa là lòng hiếu nghĩa khá khen là đẹp.

Cử-chỉ ấy của vua Quang-trung quả đã cảm-thông với tâm-hồn dân-tộc, cũng như Nguyễn-Thiệp đã có công giúp vua Quang-trung đại phá quân Thanh trong một trận, không phải vì tài độn-số mà là nhờ sự thông-cảm với tâm-hồn dân-tộc qua chiếc « bánh chưng » vậy. Theo Đào-Khê nhàn thoại, đăng trong số *Xuân Trung-Bắc* năm 1939 thì « nguyên khi Tôn-sĩ-Nghị chiếm đóng Thăng-long, có giao cho viên

đề-lĩnh họ Đinh là người của Lê-Chiêu-Thống cầm đầu một toán quân canh gác kho khí-giới và lương-thảo, vua Quang-trung khi kéo quân vào đến Nghệ-an có đến vấn Nguyễn-Thiệp là người đã ngồi dạy học ở nhà đề-lĩnh họ Đinh ngoài Bắc. Ngày mồng 3 Tết năm Kỷ-dậu (1789), Đinh thấy Nguyễn-Thiệp từ Nghệ-an gửi ra biếu chiếc bánh chưng, trong nhân bánh có để tờ mật dụ của vua Quang-trung. Đinh bèn nghe Nguyễn-Thiệp khuyên bảo, làm theo lời mật dụ ấy, đứng làm nội-ứng ngầm đốt kho khí-giới, lương-thực và súy phủ ở Thăng-long vào đêm mồng 4 rạng mồng 5 tháng giêng năm Kỷ-dậu » *(theo Hoa-Bằng)* chú-dẫn trong *Quang-trung* — xuất-bản Bốn-phương — trang 196).

Xem thế đủ thấy Quang-trung đã thành-công vì cảm-thông đến tâm-hồn tín-ngưỡng truyền-thống của nông-dân tức là của dân-tộc. Và sự cảm-thông ấy không phải ở lời nói suông mà là ở cử-chỉ vô-tư đồng-tình, quên mình vào nhân-dân, lấy tâm-hồn nhân-dân làm tâm-hồn mình, từ tín-ngưỡng đến tình-cảm, từ ý-chí đến hiểu-biết. Bởi thế mà vua Quang-trung cũng như La-sơn Phu-tử Nguyễn-Thiệp đã gọi đến ý-nghĩa tượng-trưng của chiếc « Bánh chưng ngày Tết » để rung-động vào tiềm-thức xa-xăm từ thời thần-thoại Hồng-bàng của nông-dân Việt-nam. Tuy vua Quang-trung tự biết có thừa tài thao-lược, thừa sức vũ-lực để đánh đuổi quân Mãn-Thanh cũng như quân Xiêm-la đã mượn danh-nghĩa nhà Lê nhà Nguyên để xâm-lăng, nhưng Ngài cũng tự biết mình là võ-biền nên đã tôn thờ Nguyễn-Thiệp một bạch-diện thư sinh làm phu-tử. Và La-Sơn Phu-tử hẳn thuộc nằm lòng câu nói của Khổng Phu-tử:

« Dân vô tín bất lập » nghĩa là « nhân-dân không tín-ngưỡng thì không đứng vững được » (*Luận-ngữ*). Cái tín-ngưỡng của dân-tộc là tín-ngưỡng truyền-thống của nông-dân, vì dân-tộc Việt-nam cho mãi đến nay vẫn còn là một dân nông-nghiệp. Bởi thế mà Nguyễn-Thiệp một nho-sĩ lão-thành không khuyên Quang-trung đem tín-ngưỡng Khổng-giáo cho dân mà lại trở về tín-ngưỡng Tổ-tiên với chiếc Bánh-chưng là biểu hiện trải qua hàng mấy ngàn năm.

Tại sao Nguyễn-Thiệp đã giúp Quang-trung những sáng-kiến có hiệu-lực mà không ra nhận một chức gì của vua Quang-trung, cả đến những tặng-phẩm cũng không dám nhận? Có lẽ vì Ông còn đòi ở Quang-trung cái chính-nghĩa dân-tộc quang minh chính-đại vượt cả lên trên cục-diện Nam Bắc phân-tranh của Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn, cơ hội ấy đã đến với Quang-trung. Chúa Nguyễn trong Nam đã mất chính-nghĩa sau khi mời quân Xiêm vào xâm-chiếm nên bị Quang-trung bấy giờ còn là Nguyễn-Huệ đánh cho đại bại ở miền Hậu-giang. Đến lượt vua Lê Chiêu-Thống, thừa hưởng cái chính-nghĩa dân-tộc của nhà Lê đánh đuổi quân Minh, bỗng chốc vác voi về dày mồ, đem quân Thanh vào dày xéo đất nước nên cũng mất chính-nghĩa hơn ba trăm năm của một triều-đại « văn-hiến chi bang ». Đấy thực lại là một cơ-hội rất tốt cho người anh-hùng tranh-thủ chính-nghĩa bằng cách giải-phóng dân-tộc khỏi ách ngoại-xâm.

Nước Việt ngàn năm truyền miệng trẻ:
Oai vũ thần-binh trận Đống-đa!
Nước Việt ngàn năm danh Nguyễn-Huệ.
Chu diệt quân Thanh phá Bắc-hà

(của Minh-Tuyền do Hoa-Bằng dẫn trong Tri-tân trang 2, số 35 ngày 18-2-1942).

Và ngày mồng 5 tháng giêng năm Kỷ-dậu (1789), về sau đối với nhân-dân Bắc-hà đã tự-động trở nên ngày « giỗ trận », đồng-bào kéo nhau đến chùa Đồng-quang trên đồi La-sơn tục gọi là Đống-đa để kỷ-niệm ngày thắng trận của vua Quang-trung, người anh-hùng của dân-tộc:

« Áo vải cờ đào

Giúp dân dựng nước biết bao công-trình » để đối-chiếu chính-nghĩa, với ngụy-quyền của Lê Chiêu-Thống cầu-viện quân Thanh để bảo-vệ dòng họ:

Tà vẫn Thanh lai đắc nhất vương
Giải giao nghịch tặc chuyển vi cường?

Long-thành thử địa y hà tự.
Thanh sứ tùng lai dỗng nhất trường.

Nghĩa là:

Hỏi Tàu lại được việc gì
Để cho quân giặc có bề mạnh thêm?
Long-thành này hãy chờ xem
Sứ Tàu qua nữa còn thêm não-nùng!

(« Thăng-long hoài cổ » do Nguyễn văn-Tố trích dịch trong Tri-Tân số 34).

Như thế tưởng đã minh-bạch chính-nghĩa quốc-gia lấy quyền-lợi dân-tộc làm tiêu-chuẩn do nhân-dân đã công-nhận bằng ngày « giỗ trận Đống-đa » mồng 5 tháng giêng. Vậy mà đoạn sử-ca trên kia dưới triều nhà Nguyễn còn viết là « Ngụy Tây » để gọi chính-quyền Tây-sơn Quang-trung, thì biết rằng vấn-đề chính tà theo sử sách của triều-đại thực cũng khó mà phân-biệt.

Sự « Thật » có được tôn-trọng nữa không hay là tôn-giáo, khoa-học, văn-học, sử-học, chính-trị-học v.v... chỉ còn là những bè đảng riêng tư, đua nhau tranh cướp chính-nghĩa, mạnh được yếu thua, được làm vua thua làm giặc?

Nếu thực chính-nghĩa chỉ là quyền-lợi hay mưu-lược xảo-quyệt mà sự thật không được tôn thờ thì sao Nguyễn-Huệ phải lấy danh-nghĩa phù Lê diệt Trịnh để ra đất Bắc-hà lần thứ nhất. Sau khi quân Trịnh đã dẹp rồi, trong tay có đủ binh-lực để thay thế ông vua già đang nằm bệnh chờ chết, sao Nguyễn Huệ lại phải khiêm-tốn trước giường bệnh vua Lê Hiển-Tông:

— « Tôi vốn là kẻ áo vải ở Tây-sơn, nhân thời thế mà nổi dậy. Bệ-hạ tuy không cho ăn cơm, áo mặc, nhưng tôi ở cõi xa, bấy lâu vẫn kính mến thánh đức. Bữa nay được nhìn thấy mặt trời, đủ thỏa được tấc lòng khao-khát. Họ Trịnh vô đạo, hiếp-đáp hoàng-gia nên Trời mượn tay tôi: một trận phá diệt ngay đặng ấy là nhờ ở đức Bệ-hạ cả! »

— Vua Lê ủy-lạo : « Ấy là võ-công của Tướng-quân cả chứ quả-nhân nào có tài đức gì !

— Nguyễn-Huệ khiêm tốn : « Tôi chỉ cốt tôn phù đâu dám kể tới công lợi. Việc ngày nay thật xảy ra như thế thật bởi lòng Trời xui nên hết thảy. Kể tới việc binh thì tôi cất-đặt đặng quân lính, điều-khiển đặng chiến-thuyền ; song le tôi có sức chi khiến được nước lụt phải cạn, gió đông nam phải thổi mạnh ? Thế là Trời có ý xui Bệ-hạ phấn-chấn kiến cương thống-nhất bờ cõi. Từ giờ xấp đi, Bệ-hạ cầm cương nấy mực, khiến cho trong êm ngoài ấm, tôi đây cũng được ơn nhờ ». (*Quang-trung*, trang 66).

Nguyễn-Huệ ở đây còn tôn-kính ý Trời với thánh-đức vua Lê, đấy là luận-điệu bề ngoài, tuy trong bụng đã muốn xưng đế xưng vương. « Ta mang vài vạn quân ra đây, một trận dẹp yên Bắc-hà. Vậy thì một thước đất, một người dân bây giờ không phải của ta thì của ai vào đây nữa. Dẫu ta muốn xưng Đế, xưng Vương chi chi ai dám làm gì ta đặng ? » (trang 88 sách dẫn trên).

Thế thì tại sao Nguyễn-Huệ không dám xưng đế, xưng vương như ý muốn trong lòng, mà còn phải khách sáo luận-điệu « phù Lê diệt Trịnh » ? Là vì nhờ có khẩu-hiệu ấy mới chinh-phục được lòng người, dù là lòng người dân ngu, nhưng « dân ngu nhi thần » nghĩa là dân tuy ngu nhưng sức mạnh như thần-lực Nguyễn-Huệ còn sợ lòng người, cho nên phải mượn lá cờ hiệu « phù Lê diệt Trịnh » làm chính-nghĩa. Cái chính-nghĩa ấy của nhà Lê hơn ba năm chưa mất hẳn, cho nên Nguyễn-Nhạc biết điều hơn khi nói :

« Tôi nghe ngày xưa đức Thế-tổ mở-mang ra nước Nam-Việt, công-đức thật là tầy trời. Tuy tôi ở lánh trong phía biển Nam, song cũng là đất của đức Thái tổ khai-thác ».

Cái chính-nghĩa của nhà Lê, sở dĩ được lâu bền là nhờ Trời và Người hiệp lực giúp Lê-Lợi đánh đuổi quân Minh ròng-rã hai mươi năm chiến-đấu để giải-phóng đất nước và dân-tộc khỏi ách đô-hộ ngoại-lai Bởi thế mà trận Đống-đa của Nguyễn-Huệ, đánh đuổi

quân Thanh đã mang lại chính-nghĩa cho vua Quang-trung, cái chính-nghĩa mà Lê-Chiêu-Thống đã bỏ mất khi rước Tôn-sĩ-Nghị vào bảo-vệ cho một họ của mình, coi nhẹ ý dân, tức là ý Trời của dân-tộc vẫn tin-tưởng. Chắc vào cái tinh-tưởng chính-nghĩa thiêng-liêng ấy mới có Trần-công-Xán khẳng-khái đáp lại lời hạch-sách của Nguyễn-Huệ bấy giờ là Bắc-bình-vương :

« Thuở xưa đức Lê Thái-tổ bình-định giặc Ngô, gây dựng lại nước nhà, công đức như trời biển. Đến vua Thánh-tông chăm lo việc nước, thiên-hạ thái-bình, điển tắc truyền đến muôn đời, từ cửa Nam-quan vào Nam, từ núi Đại-lĩnh ra Bắc đều là thần-dân, không nơi nào mà không tôn-kính, trung-gian bị giặc Mạc tiếm quyền, nhân-dân trong nước đem lòng oán giận. Lúc ấy Tiên-chúa nhóm họp được các đồng-chí, sau đó Trịnh-vương ban-hành hiệu-lệnh khắp trong nước cũng chỉ vì lấy danh-nghĩa tôn-phù nhà Lê, cho nên người dân hưởng-ứng ; tuy mấy đời gần đây, có sự hiếp chế, nhưng chính sóc còn đó, lễ nhạc không đổi, thiên-hạ vẫn là thiên-hạ của nhà Lê.

Đại-vương ngự giá ra Bắc, lần đầu tiên mà thẳng đến được kinh-thành, cũng là do tấm lòng nghĩa-cử, tôn-phù nhà Lê, cho nên người người tin phục, nếu không thế thì vào nước người, có phải dễ-dàng đâu !

Đức Tiên-đế mới thấy Đại-vương lần đầu, đã đem lòng kính trọng, trước sách phong hiệu Thượng-công, kế tiếp phong tước Vương, đó là điển-lễ cũ của bản-triều, chớ không phải là báo đáp không được thỉnh-tình, xin chớ cho là lạt-lẽo. Còn việc đem hết đất đai trao trả lại cho nhà Lê, là thuận theo lòng Trời vậy ».

Nói thế biết rằng sẽ bị giết, nhưng một lòng tin-tưởng vào chính nghĩa, nên trước khi chết còn để lại lời cách-ngôn cho đời sau :

Đạt đức hữu tam, túng vị năng chi nguyện học !

Tiểu tâm vô nhị, hành kỳ tố dã hà vưu ?

Nghĩa là :

« Đạt đức Nho có ba (trí, nhân, dũng), dẫu chưa hay xin học hỏi! Lòng này chung-thủy không hai, thực-hành chất-phác dám trách ai? »

Đấy là chính-nghĩa trả bằng cái chết của sứ-thần Trần-công-Xán cuối thời nhà Lê, khiến cho Nguyễn-Huệ phải chờ đến trận Đống-đa mới dám xưng là Quang-trung Hoàng-đế (1788).

Nhưng chính-nghĩa của dân-tộc Việt-nam đòi-hỏi xưa nay không phải chỉ có công đánh đuổi giặc ngoại-xâm mà thôi, lại còn phải thống-nhất được lãnh-thổ, đem giang-sơn về một mối từ Bắc chí Nam. Bởi thế mà trận Đống-đa mới chỉ là dọn đường cho chính-nghĩa Đại-Nam sau này vậy.

Sách tham-khảo :

— *Quang-trung anh-hùng dân-tộc* — Hoa-Bằng
Xuất-bản Bốn-phương

— *Hoàng Lê nhất-thống-chí* — Ngô gia văn phái
Xuất-bản Mai-lĩnh

— *Trần-công-Xán sự-trạng* — Đinh-nho-Linh dịch
Xuất-bản Bộ Quốc-gia Giáo-dục

— *Đại-nam Quốc-sử diễn-ca* — Lê-ngô-Cát
Xuất-bản Sông-Nhị

— *Tạp-chí Tri-tân*.

NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

HÃNG BÔNG

COBOVINA

BẠCH TUYẾT

SẢN XUẤT BÔNG, BĂNG, GẠC

148/1 Nguyễn MinhChiếu *Tân Sơn Nhứt*

di-tích và truyền-thuyết về

NHÀ TÂY-SƠN

QUÁCH-TẤN

L.T.S: Tuy rất khó tìm sự xác thực trong các truyền thuyết, nhưng các truyền thuyết nhiều khi có thể giúp ích cho các nhà khảo cứu tìm ra sự thực. Thi sĩ Quách Tấn đã ghi chép thật cẩn trọng những truyền thuyết Tây Sơn truyền trong dân gian ở đất Tây Sơn, nơi ông sinh trưởng, hi vọng có thể giúp ích cho các nhà khảo sử.

Những truyền thuyết dưới đây là tôi nghe nội-tổ và song thân cùng các vị phụ-lão ở Bình Khê kể lại.

Gia đình tôi ở ấp Tây-Sơn hạ (Bình Khê hiện thời) đã chín đời. Trong nhà trước đây có hai bộ sử chép tay về nhà Tây Sơn (Tây Sơn dã sử), một của người Bình-Định viết, một ở Bắc đưa vào. Thời Pháp-thuộc cụ Hoàng-Yến làm tri-huyện Bình Đệ mượn xem rồi tịch-thu mất (tịch thu vì là đồ quốc-cấm). Cho nên những gì tôi viết ra đây là viết thuộc lòng, nghe sao viết vậy mà thôi.

Đành chẳng công đầu may khỏi tội,
Bao nhiêu chữ đó bấy nhiêu tâm. (Sào Nam)

Quách Tấn

ẤP TÂY-SƠN

Tây-Sơn là dãy núi phía Tây tỉnh Bình-Định thuộc hệ-thống Trường-Sơn.

Nằm trọn trong phần đất ba quận Vĩnh-Thạnh, Cam-Túc, Bình-Khê hiện tại, Tây Sơn làm ranh-giới cho tỉnh Bình-Định ở phía Đông và Pleiku, Kontum ở phía Tây.

Dãy núi An-Lão và Kim-sơn cũng thuộc hệ-thống Trường-Sơn, cũng nằm phía Tây tỉnh Bình-Định (ở phía Bắc) và cũng dính liền với dãy Tây-Sơn (ở phía Nam) nhưng không mang danh Tây-Sơn.

Bởi vì cổ nhân lấy tỉnh-lỵ làm điểm đứng ngắm.

Tỉnh-lỵ Bình-Định trước kia là thành Đồ-Bàn ở Nam-An, Bắc-Thuận (An-Nhơn), thời gần đây là thành Bình-Định ở An-Ngãi, Liêm-Trực (An-Nhơn), và hiện nay là Qui-Nhơn. Đứng trong ba nơi nầy mà trông thì dãy Tây-Sơn nằm hẳn về chính tây, còn hai dãy Kim-Sơn và An Lão nằm về Tây Bắc.

Tên Tây-Sơn đã có từ lâu.

Vì núi mệnh danh là Tây Sơn, nên các vùng sơn-cước, bình-nguyên ở chung quanh cũng gọi là vùng Tây-Sơn. Trước kia gọi là Ấp Tây-Sơn.

Ấp Tây-Sơn gồm có ba phần:

— Tây-Sơn Thượng gồm toàn cõi An-Khê thuộc quận An-Túc hiện nay, lấy đèo An-Khê làm ranh-giới.

— Tây Sơn Trung gồm phần đất-đai thuộc quận Vĩnh-Thạnh hiện nay, tức từ đèo An-Khê đến địa-đầu Hữu giang, Tả-giang.

— Tây-Sơn Hạ gồm đất-đai từ Hữu-giang Tả-giang đến An-Chánh, tức là phần đất quận Bình-Khê hiện nay.

Ấp Tây-Sơn xưa kia thuộc huyện Tuy-Viễn (Đất Đồ-Bàn

sau khi trở thành đất Việt-Nam thì chia làm ba huyện: Bồng-Sơn, Phù-Ly, Tuy-Viễn). Tên ấp bị bỏ từ đời Gia-Long.

CÁC NGỌN NÚI CÓ LIÊN-HỆ MẬT-THIẾT ĐẾN NHÀ TÂY-SƠN

Ở Bắc ngạn sông Côn có hòn Trung-Sơn, nằm trong địa-phận thôn Phú-Lạc (chánh quán của Tây-Sơn tam kiệt).

Ở Nam ngạn sông Côn có những núi:

— NÚI HOÀNG-ĐẾ, núi HIỂN-HÁCH ở Quận An-Túc.

— Đèo An-Khê.

— Núi Ông Bình, núi Ông Nhạc ở phía đông đèo An-Khê.

— Núi Tâm-Phúc, núi Lãnh-Lương, hòn Hoành-Sơn, hòn Ấn, hòn Kiếm nằm dọc theo Quốc-lộ 19, từ núi Ông Nhạc xuống đến thôn Trinh-Tường, xã Bình-Tường, quận Bình-Khê.

•

Từ Tiên-Thuận trở xuống, dọc theo con sông Côn, đến Hữu-Giang, Phú Lạc, núi vẫn nối liền nhau, quanh-co khúc-khỉu. Nổi danh nhất là hòn *TRUNG-SƠN*.

Hòn *TRUNG-SƠN* thuộc thôn Phú-Lạc, quê-hương của tam kiệt nhà Tây-Sơn và anh-hùng Mai-Xuân-Thưởng.

Núi không lấy làm cao (422 thước) nhưng trông rất khôi-hùng.

Trông gần thì mập-mạp hung-hăng như con bò đực sung sức lúc nào cũng sẵn-sàng để chiến-đấu. Nên người địa-phương thường gọi là *HÒN SUNG*.

Lưng núi có nhiều chỗ nổi từng vồng từng ụ, như bị đánh sưng. Nên nhiều người gọi là *HÒN SƯNG* thay vì hòn Sung.

Núi còn có tên nữa là *ĐỘC-XỈ-SƠN* và *ĐỘC-NHŨ-SƠN*, vì ở xa, nếu đứng xiêng một phía mà trông thì giống một chiếc răng-nanh dựng ngược, còn đứng trước mặt mà ngó thì tương-

tợ một nấm vú-vung (1). Do đó núi lại có tên nữa là *BÚT-SƠN.*

HÒN SUNG là tổ-sơn trong vùng hữu-ngạn. Mặt hướng về Đông-Nam và lấy dãy Sơn-Triều-Sơn ở Cầu-Gành, thuộc An-Nhơn, làm Tiền án (2), và long-mạch chạy xuống hướng Đông đến hòn Mạ-Thiên-Sơn tục gọi là hòn Mò-O ở giữa An-Nhơn và Phù-Cát, thì hồi-cố (3). Phía trước mặt và hai bên tả hữu, gò đống nổi đầy, cuồn-cuộn nhấp-nhô như sóng biển. Và những ngọn núi chung quanh đều xây mặt về triều-củng, như các vị đại-thần đứng chầu một đấng anh-quân. Còn gò đống kia là quân-lính dàn hầu.

Đến viếng Hòn Sung, một du-khách có để lại mấy câu rằng:

Hòn Sung tuy thấp mà cao,
Trời cho làm chốn anh-hào lập thân.
Kìa ai áo vải cứu dân,
Kìa ai ba thước gươm trần chống Tây.
Chuyện đời rủi rủi may may,
Hòn Sung cây trải đá xây bao sờn.

Trên đỉnh hòn SUNG có 1 vùng đá hình chữ nhật, bằng-phẳng, bên cạnh có hai tảng đá vuông-vức chồng lên nhau. Người ta bảo đó là «Mả mẹ chàng Lía».

Truyền rằng mẹ chàng LÍA lâm-chung tại hòn Chớp Vàng thôn Phú Phong. Lía muốn đưa hài-cốt đến táng nơi hòn Sung, cách đến 5 cây số về hướng Bắc, bèn lên đỉnh núi, đầu đội quan-tài mẹ, 1 tay vịn, 1 tay nắm chiếc mâm đồng ngắm phía hòn Sung mà vút mạnh. Chiếc mâm vụt bay. Lía liền nhảy theo đứng trên mâm, rồi lấy thế nhảy vọt đến hòn Sung. An-táng mẹ xong, Lía rinh đá khối xây mộ, và chồng hai tảng đá bên mồ để ngồi khóc mẹ. (4)

---

(1) Theo truyền-thuyết thì Độc là một mình. Nhưng *Đại-Nam Nhất-Thống-Chí* chép chữ *Độc* là con bò nghé.

(2) (3) Sẽ nói rõ ở đoạn sau

(4) Sự-tích Chàng LÍA sẽ nói rõ ở mục Cổ-tích.

Do đó người địa-phương còn gọi hòn Sung là hòn «Mả Mẹ CHÀNG LÍA».

Sau lưng và phía Tả phía Hữu hòn Sung, có nhiều ngọn núi không cao nhưng hiểm-trở. Như hòn *HÀNH-SƠN* tục gọi là *Dốc-Dài* nối liền hòn Sung và hòn *VĨNH-ĐỖ* tức *hòn Dồ* ở Hữu-Giang. Nhưng đặc-sắc hơn hết là hòn *ĐÁ-DÀN*, tên chữ là *DƯƠNG-THẠCH-SƠN*. (1)

Hòn ĐÁ-DÀN ở phía Bắc hòn Sung, cạnh hòn Sõng.

Trên núi, đá chồng-chất, lớp dựng lên lớp giăng ra. Do đó núi mệnh-danh là ĐÁ-DÀN (dàn bày ra). Dưới chân và trên triền núi, cây-cối rậm-rạp. Nhưng trên đỉnh lại chỉ có bụi còi. Đỉnh núi bằng-phẳng và chạy dài *x* con đường quan-lộ. Có lối-đi từ chân núi lên đỉnh rồi chạy qua hòn Sõng, ra đèo Bồ-Bồ.., theo đường tắt ra vùng Kim-Sơn. Chính nghĩa-quân Cần-Vương đã dùng con đường nầy để liên-lạc với các mật-khu trong hai vùng Bắc Nam.

Trong dãy núi phía sau lưng hòn Sung, có ngọn suối gọi là *SUỐI-ĐÁ* vì khô quanh năm và trong lòng ngôn-nang đá là đá, thiên hình vạn trạng, chơm-chởm, chập-chồng. Đi vào trong sâu, có nhiều hang hố ẩn-núp được kín-đáo, và muốn vào suối phải qua nhiều lớp gò nổng. Thật có thế «một người chống được cả trăm». Nơi đó là một trong những mật-khu của nghĩa-quân Cần-Vương, do em ruột Mai-anh-hùng là MAI-XUÂN-QUANG trấn giữ.

Những núi-non của dãy Tây-Sơn ở phía hữu-ngạn sông Côn đại-khái là thế.

Còn bên tả-ngạn, thì núi-non cũng trùng-trùng điệp-điệp. Cùng theo một chiều, lớp chạy lên trên An-Khê; lớp chạy thẳng vào biên-giới Phú-Yên; lớp chạy xiêng-xiêng xuống hướng Đông-

(1) Trong *Đại-Nam Nhất-Thống-chí* lại chép chữ *Dương* là khi Dương.

Nam, từ Định-Quang xuống Thượng-Giang, Tả-Giang, Trình-Tường, Phú-Phong; thành từng giây dài, chằng-chịt, liên-miên... chằng chịt.

Đèo *AN-KHÊ* mở lối giao-thông giữa Bình-Định và vùng Tây-Nguyên.

Tên An-Khê mới thông-dụng từ thời Pháp Thuộc. Trước kia gọi là đèo *VĨNH-VIỄN*. (1)

Đèo An-Khê cao đến 740 thước và dài trên 10 cây-số, chạy từ Đông lên Tây. Đường đi rất hiểm-trở. Ngày xưa khi Quốc lộ số 19 chưa mở, hành-khách phải chịu lắm nỗi gay-go. Dọc đèo có nhiều nơi dốc ngược, đá mọc lởm-chởm. Có khúc phải dãng hai chân mà leo mới khỏi té. Nơi nầy tục gọi là dốc *CHÀNG-HẢNG*, Dưới dốc Chàng-Hảng về phía Đông có một cái nghẹo, nơi nghẹo có một cây khế rất sai. Hành-khách lên đèo mỏi mệt, thường dừng chân nơi gốc khế để nghỉ-ngơi và giải khát. Nghẹo ấy tục gọi là Nghẹo *CÂY-KHẾ*. Cách nghẹo Cây-Khế chừng một khoảng có hai cây cổ-thụ sống trên vài trăm năm, thân cao tàn cả. một cây *KÉ*, một cây *CẦY*. Đó cũng là hai trạm-nghỉ-chân rất được hành-khách lưu-luyến. Trên đỉnh đèo có đồn Thượng-An do người Pháp cất.

Thời chiến-tranh Việt-Pháp (1945-54), nơi đồn nầy đã xảy ra nhiều trận kịch-chiến. Và trước ngày ký hiệp-định Genève, quân Pháp ở trong đồn đã bị nghĩa-quân tiêu-diệt gần hết. Tiếp đó đồn An-Khê ở phía Tây đèo, cũng bị bao-vây. Thực-dân Pháp và các nhà Tư-bản Việt-Nam ở thị-trấn An-Khê phải tản-cư bằng máy bay

Trước đây gần 200 năm, đèo An-Khê là con đường lên xuống của binh mã nhà Tây-Sơn.

Hùng-khí vẫn còn ngùn-ngụt.

Chung quanh đèo, núi non chồng chất.

---

(1) Hiện ở phía Tây đèo có 1 ấp lấy tên Vĩnh-Viễn.

Ở vùng An-Khê (tức quận An-Túc hiện giờ) có núi *HIỀN-HÁCH* tục gọi là Hảnh-hót và *Đại-Nam Nhất-Thống-Chí* chép là HINH-HỐT là một danh-sơn có nhiều danh-mộc, và chung quanh có nhiều ngọn núi qui-triều.

Núi vùng An-Khê liên-tiếp với vùng Cao-Nguyên.

Phía đông đèo An-Khê, thuộc Tây-Sơn-Trung, núi cũng cao chớm-chở như ở vùng Tây-Sơn-Thượng, tức vùng An-Túc. Ngọn núi có danh nhất là hòn *ÔNG-BÌNH*.

Hòn ÔNG-BÌNH nằm phía Tây thôn Thượng-Giang. Tuy cao chỉ có 793 thước, song trông rất kỳ-vỹ và có vẻ bí-hiểm. Cây-cối sầm-uất, ngó mịt-mờ thăm-thẳm như không có đường lưu-hông. Nhưng sự thật thì có nhiều đường lối ra vào. Nơi triền phía Bắc, có đường đèo đi từ Đồng-Hào ở ngả Đông, lên Trạm-Gò, Cửu-An ở ngã Tây. Đèo nầy gọi là Đèo *VẠN-TUẾ*, tuy ngắn song dốc và đá mọc lởm-chởm, nên rất khó đi. Ở triền phía Nam có con đường mòn chạy theo hướng Đông-Nam để đến đèo An-Khê. Đó là con đường lịch-sử (sẽ nói rõ ở đoạn sau).

Đối-trì cùng hòn Ông-Bình, xiêng-xiêng về hướng Đông-Nam có hòn *ÔNG-NHẠC* cao và rậm không kém hòn Ông-Bình. Khí-thế cũng rất hùng-hiểm.

Từ hòn Ông-Nhạc, núi chạy lớp thì vào thẳng trong Nam, lớp thì chạy xiêng-xiêng xuống hướng Đông-Nam. Danh-sơn đều nằm trong dãy Đông-Nam. Trước hết là hòn *TÂM-PHÚC*, tục gọi là hòn *BÀ-PHỦ*.

Hòn Tâm-Phúc không cao, hình giống như chiếc nón lá úp sấp. Núi có nhiều cây cổ-thụ và nhiều thú rừng, nhất là heo. Đây là một hòn núi cấm, không ai được vào đốn củi, săn thú. Nhưng không cấm cũng ít ai dám vào, vì truyền rằng núi rất linh-thiêng. Bà Thiên-Y A-Na thường tới lui, hào-quang sáng-chói. Thường ngày lúc mặt trời gần lặn, người ở gần núi thường nghe

tiếng ụt heo inh-ỏi. Người ta bảo rằng đó là tiếng của những kẻ bộ-hạ ở nuôi heo cho bà Thiên-Y.

Vì núi có bà Thiên-Y tới lui nên mới mệnh-danh là hòn Bà-Phù, tức là hòn núi của bà có Phù-Phép.

Gần hòn Bà-Phù có hòn *MÀN-LĂNG*. Hai núi đối trĩ nhau. Thầy địa gọi hòn Màn-Lăng là hòn Nhật, hòn Bà-Phù là hòn Nguyệt.

Giữa hòn Màn-Lăng và hòn Bà-Phù có một thung-lũng bằng-phẳng và kín-đáo, tục gọi là *Hóc-Yến*.

Qua khỏi Hóc-Yến đến núi *ĐỒNG-PHONG* tục gọi là hòn *LANH-LƯƠNG*.

Đi xuống nữa thì đến hòn *HOÀNH-SƠN*, tục gọi là *NÚI NGANG*. (1)

Những ngọn núi thượng-dẫn liên hệ mật-thiết với nhau, chẳng những về phương-diện địa-lý vì cùng một sơn mạch; mà còn liên-hệ về mặt lịch-sử, lịch-sử nhà Tây-Sơn.

Nhà Tây-Sơn, trước khi khởi nghiệp đã dùng dãy núi Tây-Sơn làm căn-cứ quân-sự. Và đạo quân tiên-phong gồm hầu hết người Thượng.

Truyền rằng: Tất cả các bộ-lạc ở vùng Tây-Sơn đều theo tam kiệt. Chỉ có người Thượng Xà-Đàng ở vùng An-Khê không phục. Để cho họ tin rằng mình là người của Trời sai xuống trị thiên-hạ. NGUYỄN NHẠC dùng giỏ bội gánh nước.

Họ Nguyễn lấy một đôi giỏ bội mới, dùng giấy bồi quét dầu-trong phất ở phía trong lòng giỏ. Rồi mỗi buổi sớm gánh đôi giỏ xuống khe múc nước về. Người Thượng đứng xa trông thấy nước không chảy ra các lỗ giỏ, đều cho Nguyễn-Nhạc là kỳ-nhân. Nhưng viên chúa đàng cho rằng có phù-phép, chớ không phải chơn-mạng đế-vương.

---

(1) trùng tên Hoành Sơn ở Hà Tĩnh.

Nhân trên núi Hiền-Hách có bầy ngựa rừng, hễ thấy bóng người liền chạy trốn. Người chúa đàng bảo Nguyễn-Nhạc nếu gọi được bầy ngựa ấy chạy đến thì mới thật là người Trời. Nguyễn-Nhạc về nhà mua một con ngựa cái tơ thật tốt, dạy-dỗ thật khôn, hễ nghe tiếng hú thì chạy đến. Đoạn đem thả ngựa vào núi cho theo bầy ngựa rừng. Ngựa rừng xúm lại « ve-vãng » và luôn luôn kèm bên chân. Nguyễn-Nhạc cất tiếng hú, ngựa cái chạy đến. Bầy ngựa rừng cũng chạy theo, nhưng vừa thấy bóng người thì quày trở lui, song chạy một đoạn xa xa, ngoảnh lại trông, thấy ngựa cái vẫn đứng với người một cách thân mật, thì dừng lại đứng ngó. Nguyễn-Nhạc lấy cỏ bỏ cho ngựa cái ăn, rồi bỏ ra về. Bầy ngựa rừng liền kéo đến ăn cỏ. Hôm sau Nguyễn-Nhạc lại đến hú và lấy cỏ cho ngựa ăn. Bầy ngựa rừng thấy người không có ý làm hại giống-nòi, lần lần làm quen... Nguyễn-Nhạc bèn đến tìm chúa Xà-Đàng, hẹn ngày và nơi gọi ngựa.

Đến kỳ hẹn, Nguyễn Nhạc cùng chúa Xà-Đàng và một ít bộ-hạ đến núi Hiền-Hách. Nguyễn-Nhạc đứng giữa hai tảng đá dựng cao lút đầu người, và bảo chúa Xà-Đằng cùng bộ-hạ núp phía sau, im hơi lặng tiếng. Đoạn cất tiếng hú. Nghe tiếng chủ hú, ngựa cái từ trong rừng sâu chạy ra. Bầy ngựa rừng chạy theo sau. Nguyễn-Nhạc lấy cỏ cho ăn. Đã quen người quen lệ, bầy ngựa rừng không chút sợ-hãi. Nguyễn-Nhạc vuốt-ve ngựa cái rồi từ-từ đến gần bầy ngựa, vuốt mỏ vuốt lưng, hết con nầy đến con khác. Vì thấy ngựa cái đứng yên để vuốt-ve, bầy ngựa rừng cũng vững tâm ăn cỏ...

Người Thượng Xà-Đàng thấy Nguyễn-Nhạc « gọi » được bầy ngựa rừng, thì tin rằng là « Người Trời », nên thần-phục và chịu theo đánh giặc.

Những người Thượng cũng như người Kinh, tuyển mộ được bao nhiêu đều đem về hòn Ông-Bình và Ông Nhạc để tập-luyện. Dinh trại đều cất trong hai núi nầy. Nguyễn-Nhạc trấn-thủ một núi, Nguyễn-Huệ trấn-thủ một. Vì vậy nên hai ngọn núi nầy mang tên hai vị chỉ huy: Ông-Nhạc, Ông-Bình.

BÌNH là tên chữ Nguyên-Huệ (Nguyễn-Quang-Bình). Đối với Nguyễn-Huệ, người địa-phương ít hay gọi tên Húy. Lúc nhỏ thì thường gọi là «Chú Ba Thơm» (Hoa Huệ có hương), lớn lên lại thường gọi tên Chữ «Ông Bình». Tên Nguyễn-quang-Bình tuy đã đặt từ trước, nhưng mãi sau khi lên ngôi cửu-ngũ lấy niên-hiệu Quang-Trung, đánh đuổi quân Mãn-Thanh rồi, mới thấy xuất-hiện trong sử-sách. Sau khi vua Quang-Trung thăng-hà, miếu-hiệu Thái-Tổ Vũ-Hoàng Đế, thì hòn Ông-Bình được tôn xưng là hòn Thái-Tổ.

Còn hòn Ông-Nhạc thì người sau đọc trại là Ông-Nhược.

Nhà Tây-Sơn cử binh đánh nhà Nguyễn năm Tân Mão (1771) Trước khi cử sự, binh đóng ở hòn Ông-Nhạc đều dồn qua hòn Ông-Bình. Rồi đại-binh kéo đến đèo An-Khê làm lễ tế cờ khởi nghĩa.

Lễ tế cờ cử-hanh gần nơi cay Cay và cây Ké. Cho nên tục có câu «Cây Ké phất cờ, cây Cầy khỉ cồ» (1).

Truyền ráng: Đại binh kéo đến đeo An-Khê khi xuống vừa khỏi Nghẹo Cây-Khế, thì một con rắn thân lớn bằng cột nhà, sắc đen-nhánh như hạt huyền, thời-nhân gọi là Ô-Long, từ trên

---

(1) Cây Cầy hiện còn.

Cây Ké đã bị Chánh-Quyền địa-phương thời Ngô-đình-Diệm đốn lấy gỗ cất trụ-sở.

Ở các nước văn-minh, Đông cung như Tây, các di-tích lịch-sử đều được bảo-tồn, coi là quốc-bảo. Nếu hai cây lịch-sử đèo An-Khê được sanh ở một nước văn-minh thì chắc được vun-quến chăm-coi, trừ sức tàn-phá của thời-gian, búa riều không bao giờ nỡ phạm đến.

Những di-tích đời Tây-Sơn ở hạt Bình-Khê hầu hết đều bị nhà Nguyễn hủy-hoại. Hai cây Ké cây Cầy, vì ít người để ý, nên mới còn sống sót. Nay lại chỉ còn có một cây. Nếu cứ để mặc cho gió mưa thì không biết có chịu đựng nổi với «phong-trào nguyên-tử» không.

Cây Ké bò xuống, nằm chận ngang đường đi. Binh mã sợ không dám đến. Nguyễn-Nhạc liền xuống ngựa, tuốt gươm đến chém, lấy máu đề cờ. Nhớ đến chuyện Hán-Cao-Tổ chém rắn khởi nghĩa, tướng-sỹ tin là điềm lành nên nức lòng phấn chí.

Tế cờ xong liền tiến binh.

Binh đến núi Bà-Phù thì trời tối. Nguyễn-Nhạc bèn dừng lại nghỉ. Đêm đến mở yến-tiệc thết đãi tướng sĩ tại thung-lũng dưới chân Bà-Phù. Sáng hôm sau mới tiếp-tục tiến phát.

Nhân việc đồn binh được yên-ổn, và yến ẩm vui-vầy, Nguyễn-Nhạc mới đặt tên hòn Bà Phù là hòn Tâm-Phúc, và người đương-thời gọi thung-lũng là Hóc-Yến.

Trước khi xuất binh, Nguyễn-Nhạc đã sai Nguyễn-Lữ đi vận-tải lương-thực đến chân núi Đồng-Phong. Khi binh xuống đến Đồng Phong thì lương-thực cũng vừa tải đến. Nguyễn-Nhạc cho đóng binh lại đề phát lương và nghỉ-ngơi để chuẩn-bị tinh-thần chiến-đấu. Tướng sỹ được lãnh lương-thực tại Đồng-Phong nên gọi núi Đồng-Phong là hòn LÃNH-LƯƠNG.

Từ hòn Ông-Nhạc đến hòn Lãnh-Lương, núi chạy dọc, xiêng-xiêng xuống hướng Đông-Nam. Nhưng đến địa-đầu thôn Trinh-Tường, núi lại quay ngang ra hướng Bắc, thành hòn *HOÀNH-SƠN*, tức là *NÚI NGANG*, nằm theo hướng Tây Nam Đông-Bắc.

Núi Ông-Bình ngó ngay xuống Hoành-Sơn và làm hậu-tầm cho Hoành-Sơn vậy.

Hòn HOÀNH-SƠN không cao (364 thước), nhưng dài và rộng. Phía Tây và phía Nam, dòng Suối Đồng-Tre và Chi lưu ôm sát bên chân. Đường Quốc-Lộ 19 chạy dài ở phía Bắc. Trước mặt, đồng Trinh-Tường tiếp đồng Phú-Phong, và bên chân một con đường hương lộ chạy từ Bắc vào Nam, hợp cùng quốc-lộ 19 và 2 nhánh suối Đồng-Tre, thành một chữ NHẬT làm ranh-giới cho núi.

Mộ của NGUYỄN-PHI-PHÚC, thân-sinh của Tây-Sơn tam-kiệt, nằm trong hòn núi nầy.

Truyền rằng:

Niên-hiệu Cảnh-Hưng triều Lê (1740-1786), trong khoảng Định-Vương Nguyễn-phúc-Thuần (1765-1777) trị vì miền Nam, có một thầy địa-lý Trung Hoa, tục gọi là thầy-địa Tàu, thường ngày cứ đi đi lại lại trong vùng Tây-Sơn. NGUYỄN-NHẠC theo rình xem. Một hôm thấy thầy-địa đến Hoành-Sơn, dùng hai cây trúc cành lá xanh tốt và giống in nhau, đem cắm nơi triền phía đông, một cây ngoài Bắc, một cây trong Nam, rồi bỏ mà đi thẳng.

Biết rằng vùng Tây-Sơn là một đại-địa, và thầy-địa Tàu không tìm ra huyệt-tinh nên tìm cách để thử huyệt-khí, NGUYỄN-NHẠC bèn lưu ý đến nơi trồng hai cây trúc và ngày ngày đến thăm chừng. Cách mấy hôm sau, cây trúc phía Bắc sống và tươi tốt như lúc mới trồng. Đó là chứng-ứng cho biết rằng long-huyệt nằm ở đó. NGUYỄN-NHẠC hết sức mừng, bèn nhổ cây khô đem cắm vào chỗ cây sống, và đưa cây sống đến cắm chỗ cây khô.

Mười hôm sau, tính đúng 100 ngày từ khi trồng trúc, thầy-địa Tàu đến. Thấy hai cây trúc đều chết cả hai, thầy-địa nhún vai trề môi, bỏ đi không thèm trở lại nữa. Bởi thầy cho rằng đó chỉ là «giả cuộc» mà thôi.

NGUYỄN-NHẠC bèn về bốc mộ ông thân-sinh đem táng nơi chân trúc phía Nam.

Lại có người bảo rằng:

Thầy Địa-lý Tàu vốn quen thân với NGUYỄN NHẠC. Lúc đến vùng Tây-Sơn «tìm long điểm huyệt», thường tá-túc nơi nhà họ Nguyễn, và chính NGUYỄN-NHẠC là người dẫn lộ cho thầy Tàu. Đi khắp cả vùng Tây-Sơn, thầy Địa chỉ chú ý đến hòn Hoành-Sơn. Thầy đi qua đi lại không biết mấy lần, hết đặt địa-bàn ở chỗ nầy thì đem đặt ở chỗ khác, nhắm-nhía, tính-toán, có

vẻ đắc-ý lắm. Đoạn thầy bỏ đi đâu mất biệt. Hơn một năm sau thầy trở lại và cũng ghé nghỉ nơi nhà Nguyễn-Nhạc. Lần nầy ngoài chiếc địa-bàn, thầy có mang theo một chiếc trắp nhỏ, bọc trong một chiếc khăn điều.

Đoán biết rằng thầy Tàu đã tìm được «huyệt mả đại-phát» nơi Hoành-Sơn nên về Tàu hốt cốt tiền-nhân đem qua chôn, NGUYỄN NHẠC bèn tìm cách đánh đổi. Nhưng làm sao đánh đổi được, vì thầy Tàu không khi nào rời chiếc trắp ra, thậm chí cả những lúc «đi sông đi bãi»? NGUYỄN-NHẠC đóng một chiếc trắp giống hệt chiếc trắp của thầy địa, và hốt cốt ông thân-sinh đựng vào, rồi đem dấu sẵn nơi chân Hoành-Sơn...

Đến ngày đã chọn, thầy Tàu lén mang chiếc trắp cùng địa-bàn đi lên Hoành Sơn. Vừa đến chân núi thì một con cọp tàu-cau to-lớn ở trong bụi, gầm lên một tiếng, nhảy ra vồ. Thầy Tàu hết hồn, quăng trắp và địa bàn mà chạy. Hồi lâu không thấy cọp đuổi theo, liền quay trở lại chỗ cũ. Thấy chiếc trắp và địa-bàn còn nằm lăn-lóc đó, thầy mừng như chết đi sống lại, vội trực-chỉ lên nơi long-huyệt đã tìm ra.

Chôn cất xong yên thầy hớn-hở trở về Trung-Quốc, không ngờ rằng chiếc trắp thầy chôn vốn đựng di-hài Nguyễn-Phi-Phúc, và con cọp kia chỉ có lớp ngoài mà thôi.

Hai thuyết không biết thuyết nào đúng.

Hai bên chỉ khác nhau ở chi-tiết. Cả hai đều đồng 1 điểm chính là mộ Nguyễn Phi-Phúc chôn ở Hoành-Sơn.

Song không ai biết đích-xác ở chỗ nào. Chỉ nghe truyền rằng mộ gối đầu lên dãy núi phía Tây-Nam (1) và lấy hòn Hương-Sơn ở Kiên-Thạnh (Bình-Khê) làm nội-án, hòn Mò-O (An-Nhơn) làm ngoại án. Hai hòn nầy nằm xiêng xiêng hướng Đông-Bắc hòn Hoành-Sơn.

---

(1) Mộ thì gối đầu ở dãy Tây-Nam, còn núi thì gối đầu nơi hòn Ông-Bình.

Vì có mộ của Nguyễn-Phi-Phúc, nên hòn Hoành-Sơn được tôn-xưng là THIẾU-TỔ.

Sát chân núi Ngang phía đông, khoảng giữa, nổi lên một trảng đất lum-lum. Trong khoảng nầy dáng núi lại hơi cong-cong. Đứng phía trước trông vào thì giống một ghế-bành vỹ-đại, mà lưng và tay-dựa là núi, và mặt ghế là trảng-đất. Trên trảng nằm song song hai nấm mộ bằng đá, hình chữ nhật. Vua Gia-Long ngờ rằng đó là phần mộ của ông bà NGUYỄN-PHI-PHÚC, song thân ba vua Tây-Sơn, nên truyền quan địa-phương khai-quật. Nhưng hài cốt không thấy đâu cả, mà chỉ thấy bốn chum dầu phụng đã lưng, trong mỗi chum có một ngọn đèn chong-chóng đương cháy.

Ai cũng biết bốn chum dầu ấy do nhà Tây-Sơn chôn, song không ai đoán ra mục-đích. Và tất cả mọi người đều biết di-hài của ông bà NGUYỄN-PHI-PHÚC táng tại Hoành-Sơn, nhưng cũng không có người nào biết được nơi chôn. Vua quan nhà Nguyễn ra công tìm kiếm, nhưng dấu-tích vẫn mờ-mịt khói mây.

Nơi trảng đất dưới chân Hoành-Sơn, hiện nay vẫn còn ít nhiều di-tích. Những khách phương xa đến viếng cảnh, không biết rõ câu chuyện, đều lầm tưởng là mộ Nguyễn-Phi-Phúc bị đào. (1)

Có người bảo rằng ngọc cốt của vua Thái-Đức NGUYỄN-NHẠC cũng táng trong vùng Hoành-Sơn. Đó là bằng theo chuyện «bạch-mã hiện hình» mà ức-đoán.

Nguyên vua Thái-Đức có một con chiến mã rất tốt: Thân-vóc cao lớn như ngựa Bắc-Thảo, lông trắng như tuyết, đuôi và kỳ mao mịn như tơ. Nhà vua yêu quí rất mực. Sau khi nhà vua băng-hà, con bạch-mã, sổ chuồng chạy mất, quan quân tìm kiếm không ra. Cách ít lâu chiều chiều người trong vùng Hoành-Sơn thường trông thấy bóng ngựa trắng, khi thì đi thơ-thẩn dưới chân núi, khi thì lên trên đỉnh đứng hí não-nùng.

---

(1) Xem thêm mục «Dãy Tây-Sơn» ở trước

Mọi người đều tin rằng đó là con bạch-mã, hoặc là hồn thiêng con bạch-mã của vua Thái-Đức. Vì tôn-trọng nhà vua, người trong Ấp Tây-Sơn không một ai nuôi ngựa trắng.

Nhưng sau khi hai nấm mộ giả nơi trảng đất dưới chân núi bị nhà Nguyễn phá-hủy, thì bóng ngựa vắng-biệt trong một thời-gian khá lâu. Mãi đến khi nhà anh-hùng Mai-Xuân-Thưởng dấy nghĩa Cần-Vương (1885-1887) thì bạch-mã xuất-hiện trở lại. Người địa-phương cho là « ngựa thần » nên hết lòng kính sợ.

Vì sao thấy « ngựa trắng hiện hình » lại đoán rằng lăng-mộ vua Thái-Đức táng nơi Núi Ngang ?

Là vì ngựa vốn là giống vật rất khôn và có nghĩa. Nhiều con, chủ chết, bỏ ăn bỏ uống ra mả nằm chết theo. Lắm con không chết theo, nhưng thỉnh-thoảng tìm đến thăm mả chủ, và cất tiếng hí thê lương Nếu ngọc-cốt của nhà vua không an-táng nơi Hoành-Sơn thì sao con ngựa — hay hồn ngựa — của nhà vua lại tìm đến.

Đó là ức-đoán, chớ từ xưa đến nay không ai biết rõ nơi chôn-cất vua Thái-Đức, mặc dù vẫn truyền rằng di-thể được long-trọng đưa về cố-hương.

Còn về việc người Bình-Khê, nhất là người Phú-Lạc, Trinh-Tường, không nuôi ngựa trắng, thì trước kia hoàn-toàn do lòng tôn-trọng vua Tây Sơn, sau nầy một phần lớn do lòng mê-tín : Sợ thần Bạch-Mã.

Nghe đồn rằng : Thời Pháp-thuộc, tại Đồng-Vụ (thuộc Trinh-Tường) có người mua được một con ngựa bạch toàn-sắc, đem về nuôi không được bao lâu thì tự-nhiên ngã đùng ra chết. Người ta tin là bị thần Bạch-Mã vật. Do đó lòng kiên-cữ nuôi ngựa trắng của người địa-phương gia-tăng.

Đó là những chuyện ngày xưa. Từ ngày đất-nước nổi binh-đao, không biết ngựa trắng có còn xuất hiện nơi Hoành-Sơn và người vùng Hoành-Sơn có còn sợ thần Bạch-Mã ?

Dù có không không có, những huyền-thoại kể trên thêm vào những di-tích lịch-sử, làm tăng phẩm-giá cho Hoành-Sơn.

Năm Tân-Sửu (1961), nhân-dân Bình-Khê tại dời trung-cốt Mai-anh-hùng đến an-táng. Lăng-tẩm trang-nghiêm hùng-tráng làm tăng khí-sắc của sông núi bội phần.

Khách du-quan đến Bình-Định, tưởng không nên quên NÚI NGANG vậy.

Các thày địa-lý Việt-Nam cũng như Trung-Hoa đều công nhận đất Hoành-Sơn là đại địa, vì có nào bút nào nghiên, nào ấn nào kiếm nào cồ nào chung, ở bên tả bên hữu. Trước mặt trên ba nồng gò, đá mọc giăng hàng giống như những toán quân đứng chầu chực. Và xa xa có hồ phục long bàn.

Không phải ngoa ngôn:

Bút đó là hòn Trung-Sơn ở bên Phú-Lạc, xa trông phảng phất như ngòi bút chép mây.

Nghiên đó là hòn Hội-Sơn tục gọi là hòn Dũng, trong địa phận Trinh-Tường về phía Nam, đứng đối-trí cùng hòn Trung-Sơn ở phía Bắc.

Cũng như hòn Hoành-Sơn và hòn Trung-Sơn, hòn Hội-Sơn không cao lắm (491m), nhưng trông đồ-sộ, uy-nghiêm. Trên núi có một vũng nước vừa rộng vừa sâu, quanh năm không bao giờ cạn. Người địa phương lên vỡ đất làm ruộng, đất tốt không kém dưới đồng bằng. Vì núi có vũng nước nên đám bình dân, gọi núi là Hòn-Vũng thay vì Hòn-Dũng.

Còn đám hàn-mặc thì coi vũng nước là nghiên mực của trời, nên đặt cho núi một tên nữa là *NGHIÊN-SƠN* tức HÒN-NGHIÊN vậy.

Lên chơi Hòn-Nghiên, ĐỊNH-PHONG có mấy câu cảm-hứng:

(Xem tiếp trang 170)

vai trò của

NGUYỄN - HUỆ

trong chế-độ quân-chính
của TÂY-SƠN*

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

Trong 10 năm sau cùng của thế-kỷ 18, ta thấy tình thế cát cứ có vẻ đơn giản lắm, Tuy vào năm 1790 chẳng hạn, nước còn chia ba với Nguyễn-Huệ ở Phú-Xuân, Nguyễn-Nhạc ở Qui-Nhơn, Nguyễn-Ánh ở Gia-Định nhưng thực ra có thể nói chỉ có Tây-sơn và Nguyễn đối đầu nhau thôi Những lực-lượng gài nên thế phân tranh cũ đã tàn rụi dần: Cựu Nguyễn biến mất với cái chết của Duệ-Tông, Tân-Chính-Vương và các tướng, bọn di thần Trịnh Lê thì tan rã sau Đống-Đa, tản mát sống nhờ sự cô lập địa phương hay chạy vào Gia-Định đầu quân (1). Qui-Nhơn sống lây-lất, chỉ còn Gia-Định và Phú-Xuân có động lực biến thành hai đầu nam châm thu hút các tay muốn tận dụng khả-năng mình trong chiều hướng thực-tế.

Các đối phương đều tìm thế cách để lật nhau và trong tiến trình đó càng đi đến gần nhau hơn về lề-lối tổ-chức chính-trị, quân-đội, nội dung kỹ-thuật tranh chiếm. Điều-kiện chung của tổ-chức xã-hội bắt buộc như vậy, nhưng ban đầu họ cũng phải theo những quy-định của hoàn cảnh địa-phương, của tình-thế mà phát-triển khả-năng, vun bồi thực-lực riêng.

---

* Một số bài của Tạ Chí Đại Trường đăng trong số báo này là trích từ tập tiểu luận Cao-học của ông *Lịch-sử Nội chiến ở Việt Nam từ 1771 — 1802.*

(1) *Thực lục chính biên* I, q.5, 2a, q.7, 13a, 14b, q. 9, 16b... Đó là trường hợp của Vũ-bá-Diên hay Đặng-trần-Thường, Nguyễn-bá-Xuyến và những người do Nguyễn-đình-Đắc chiêu mộ ở Bắc.

Phía Tây-Sơn chẳng bạn. Họ đi từ Tây-sơn lấy sức mạnh cường bạo nơi đám người Thượng Cao-Nguyên, khách thương Trung-Hoa liều-lĩnh, nông dân Việt đi khai khẩn đất hoang tâm tính trở thành hung dữ, rồi truyền tấm lòng hăng-hái, nhiệt thành, tính cách vong mạng đó cho dân đồng bằng hiền lành, chân chất (1), gây nên một cuộc đảo lộn dữ-dội trong nước. Nguyễn-Huệ phải thú nhận tính cách quân phiệt đó với Nguyễn-Thiếp. Ngô-văn-Sở ở Thăng-Long, nghe Tôn-sĩ-Nghị sang, lấy đó làm một dịp để giễu cợt quan Thị-lang Ngô-thời-Nhậm.

— « Phải phiền ông làm một bài thơ để đuổi quân giặc Nếu không được thì túi đao, bao kiếm vẫn là phận-sự của kẻ võ thần ! » (2)

Không phải chỉ với đám nho thần của triều-đại cũ mà thôi võ tướng còn coi thường cả một số tin-tưởng cũ nữa. Nghe ở Kinh Đôi-Ma có hai con ma hiện về, họ đốt quan tài, đem súng đại bác, bắn nát lùm bụi bên sông (3). Ở miền Bắc, viên Trấn tướng Nghệ-An ngạo-mạn trong lễ tế thần : « Chó còn có ích hơn thần xã tắc » (4).

Họ tự phụ cũng phải, vì sự-nghiệp nầy do công lao hãn mã của họ xây dựng lên. Nhưng một khi trút cái lớp cường đạo để trở thành kẻ điều-khiển quốc-gia thì người ta phải thấy vấn đề phức-tạp hơn nhiều để chịu đựng một sự dung hợp với truyền thống cũ. Mặt khác, việc Tây-sơn bị đưa đẩy di-chuyển trọng tâm tập hợp tinh-hoa từ Qui-Nhơn ra Phú-Xuân rồi mong ngóng ngày về Phượng-

---

(1) V. Imbert, *Le séjour en Indochine de l'ambassade de lord* Macartney (1793) IDEO, Hanoi, 1924, tr. 260.

(2) *Hoàng Lê nhất thống chí*, bản dịch Ngô-Tất-Tố, Sài-gòn, Tự do tái bản, 1958, tr. 240.

(3) Trịnh-hoài-Đức kể (Aubaret 189) Kinh Đôi Ma chạy tư chợ Rạch-Kiến (Long-An) vào sông Vàm cỏ Đông.

(4) *Việt điện u linh tập*, Lê-hữu-Mục sao, dịch, Khai-Trí xuất-bản, Saigon 1962, Truyện Thiên cổ địa chủ Xã-Tắc đế quân-trang 218 — Ông Lê-hữu-Mục, trang 57 dịch là « Chó có lợi cho Xã-Tắc ».

Hoàng Trung-đô, đi ngược con đường ly khai về Nam cũ, chứng tỏ cái thế và ý muốn tạo thành đường hướng của họ muốn tự khuôn nắn.

Vị-trí Nghệ-An với hình ảnh công cuộc hợp tác giữa Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Thiếp nói lên tất cả những đặc sắc của Triều-đại Tây-sơn trong thời-gian xây dựng của họ. Qui-Nhơn mới Việt hoa chỉ mang lại sức mạnh cường bạo, Phú-Xuân, Thăng-Long thì đầy dấu vết các cựu triều, lại tàn tạ với đám nông dân mệt mỏi trong loạn lạc hàng mấy trăm năm, với đám sĩ-phu điều-khiển quốc gia lại ngoắc-ngoải trong cái học từ chương thiếu sinh khí. Nghệ-An ngoài ý nghĩa là quê hương của chúa Tây-sơn, còn là vị-trí ở giữa những ảnh-hưởng đối kháng, muốn giữ vai trò dung hòa mà không muốn bị lệ thuộc.

Cho nên khi Tây-Sơn thấy cần-thiết phải thuần hóa triều đại thì đến với họ không phải là đám Nguyễn-đăng-Trường, Lý-trần-Quán, Trần-công-Sán... mê đắm với triều-đại cũ mà là bọn Ngô-thì-Nhậm, lẫn trốn Trịnh-Chúa sau vụ án 1780, Phan-huy-Ích, nhục-nhã vì cái tiếng « nhà nho nói khoác » của Nguyễn-hữu-Chỉnh gán cho. Nguyễn-Huệ « tái tạo » Nhậm (1) đem cớ duyên (2) độc nhất đến cho Ích, gầy dựng cho những sĩ-phu ít hay nhiều đã không gặp may mắn với triều đại cũ. Và cũng vào hàng bất mãn với thời đại — bất mãn mới đi ở ẩn — đó là xử sĩ Nguyễn-Thiếp, ông già vai cầy tay câu.

Tất cả được khuôn nắn thâm hậu trong nho giáo rồi tùy phản-ứng cá nhân mà lục tục phụng-sự Tây-Sơn. Nhưng đặc biệt là họ đã từng đứng ngoài triều chính cũ, có dịp để phán xét, ít nhiều cũng không bằng lòng, nên làm quan với Tây-sơn, họ đưa ra những ý-niệm tổ-chức xã hội, tuy vẫn là của nho giáo nhưng dưới

(1) *Hoàng Lê*... tr. 208

(2) Chữ trong thơ cảm hoài của Phan-huy-Ích trích nơi Hoa-Bằng, *Quang-Trung Nguyễn Huệ*, anh hùng dân tộc, Sài gòn, Bốn Phương, 1958, tr. 275.

những khía cạnh, hình thức lãng quên hay không biết đến ở triều trước. Nguyễn-Thiếp trong một bài biểu gởi cho Quang-Trung (1) công kích mạnh-mẽ lối học từ chương, xa rời thực tế, thấy lối thoát là trở về với tinh-túy kinh sách « ban đầu giảng Đại-học, rồi Luận-ngữ, đến Mạnh tử đến Trung-Dung sau lại đến Ngũ kinh, Chư sử, tuần tự mà tiến, đọc cho kỹ mà ngẫm-nghĩ cho tinh » — Rồi Nguyễn-Thiếp chịu vâng mệnh Quang-Trung nhận giúp việc dịch kinh sách ra chữ nôm trong Sùng chính thư viện ở Vĩnh-kinh để phổ-biến đạo học sâu rộng trong nhân gian.

Cũng theo chiều hướng hồi cố để thích hợp đó, Ngô-thời-Nhậm dâng sớ (1788) cho Quang-Trung định cách cai-trị, phủ nhận thế chế tập trung của Trịnh Lê mà tuyên dương cái thế phân phong cho con em đồng tính cai-trị các nơi của nhà Chu, nhà Hán để giữ nước, kẻ 800 năm, người 400 năm (2). Con đường giáo-huấn mà Nguyễn-Thiếp đề cao « theo Chu-Tử » rồi Nguyễn-Huệ cũng thuận « nhứt định theo phép học Chu-Tử » (3) và lề-lối tổ-chức xã-hội phong-kiến của Ngô-thời-Nhậm, thể hiện giao điểm ý thức của đám sĩ-phu cũ tự cải-tạo, thức tỉnh trước tiếng dội từ miền Nam đem ra va đám quân tướng Qui-Nhơn bơ-vơ đi tìm Ý-thức hệ.

Triều chính Tây-Sơn là cả một tính cách dung hòa đó mà yếu tố quân sự lúc nào cũng giữ ưu thế. Thực là dễ hiểu khi nhớ lại quá khứ của họ và tình hình sôi sục lúc bấy giờ.

---

(1) Hoàng-xuân-Hãn, *La Sơn phu tử*, Paris, Minh Tân, 1952 tr. 144, 145, 146.

(2) Sớ bằng chữ nho, lược dẫn bởi Hoa-Bằng, sđd, 277.

(3) Chiếu lập Sùng chính thư viện. *La Sơn Phu tử* 147 — Chu-tử là Chu-Hy, một Tống nho cố danh, nằm trong phong-trào Tân Khổng-Giáo. Thuyết cách vật trí tri của ông lấy trong chữ Đại-học, không phải hiểu theo nghĩa thực-nghiệm, mà là nghĩa trong kinh sach xưa, nhưng cũng rõ ra cái ý-thức phục cổ, ý-thức đầy mạnh sự xuất hiện của Vương học, vừa là phản ứng, vừa là tiếp nối Chu học.

Phải bắt đầu chấn chỉnh lại thì họ nhìn vào đám nông dân điêu linh trong loạn lạc để sắp xếp việc làm ăn, kiểm soát dân số. Tờ chiếu « khuyến nông » mà Ngô-thời-Nhậm cho biết chính sách lúc bấy giờ, ra lệnh bắt về bản quán những người ngụ cư chưa được ba đời, nhắm vào đám lưu dân vì loạn lạc, vì trốn tránh dao dịch, để làng cũ có đủ tay sản xuất. Các sắc mục, xã-trưởng, thôn trưởng, phải làm việc kiểm tra sổ ruộng cày cấy, sổ ruộng bỏ hoang, sổ đinh thực tại, làm sổ bộ dâng lên Triều Đình (1) » nếu gian lận : coi người ở nhà như đi vắng, coi người còn sống như chết, làm sót sổ dân, làm thiếu thuế đều phải chịu trọng tội » (2).

Có lẽ là lần đầu tiên trong lịch sử, dân ta mới gặp một chính quyền cố thi-hành hiệu nghiệm chính sách đến mức tối đa bằng cách bắt dân mang thẻ căn cước « tín bài ». Đó là một tấm thẻ giữa in 4 chữ « Thiên hạ đại tín » chung quanh viết tên họ, quê quán của người có thẻ và có đánh dấu một ngón tay bên trái 1 m bằng. Thẻ phải đeo luôn trong mình, phòng khi xét hỏi Không có là dân lậu phải sung quân và xã trưởng, tổng trưởng của họ phải phạt tội (3). Để coi sóc công việc, bộ máy hành chánh trong nước phần lớn nằm trong tay các võ tướng. Tự trên Triều-Đình những chức Tam khôi, Tam thiếu, Đại chủng tể, Đại tư đồ, Đại tư mã, Đại tư không, Đại tư cối... (4) mang vết tích của tổ chức Trung Hoa thời xưa

---

(1) Dẫn lại của Hoa Bằng (*Quang Trung*, sđd, 283, 284, 285) lấy ở Hàn Các Anh Hoa, Ngô Thời Nhậm — Người ta cũng tìm được tờ chiếu khuyến nông của Quang Trung và Cảnh Thịnh sức dân trung châu Bắc Hà canh tác *Tự do*, 1-11-62 Tin Miền Bắc.

(2) Lời nhắc việc làm sổ đinh trong tờ sức về việc thâu thuế lâm sản dân Tổng Hữu Đạo Huyện Thượng Du — Nghệ An Quang-Trung năm thứ ba, 25-3 (9-4-1790). Cũng tìm được một lúc ở Nghệ An sổ loại khai ruộng đất công tư của Xã Võ Liệt — Thái Đức tháng 7 năm thứ 11 (1788 rõ là của Quang Trung lúc chưa lên ngôi) và sổ nhân số của xã Võ-Liệt (1782). (Tin Đặc Biệt Miền Bắc của Nhật báo *Tự do* 19-1-1963).

(3) *Hoàng Lê*... 270.

(4) *Liệt truyện chính biên*, q. 30, 40b.

đầy hùng khí rất thích hợp cho tính cách quân chính của triều Tây-Sơn. Ở các trấn, trấn thủ là quan võ và quan văn là «hiệp» trấn. Mỗi huyện có võ phân-suất và văn phân-trị hợp với tả hữu quản-ý coi sóc. Cách tổ chức này có thể coi như lấy ý của Nguyễn-Thiếp, nhưng chính Thiếp cũng căn cứ trên thực tế để khuyên Quang-Trung «chọn trong các bầy tôi lấy một viên thanh cần nhân dũng để làm chánh trấn, một viên sẵn có văn-học để làm hiệp-tá (1)» Đặc điểm nầy được phái-đoàn Macartney (1793) ghi nhận «giai cấp quân sự đứng đầu hết trong xứ rồi sau đó là các quan Tòa» (2).

Vì lẽ đó, ta không lạ khi thấy chánh sách chung là nhắm vào việc thành-lập một đạo quân hùng mạnh. Tuy không nhận đất Lưỡng-Quảng thuộc vào địa-bàn cũ của người Việt, ta cũng không thể phủ nhận ý định chiếm đất nầy của Quang-Trung (3), ý định được mở màn bằng việc dâng sớ đòi lại sáu châu ở Hưng-Hóa và ba động ở Tuyên-Quang, xúi dục các thuyền Tề-Ngôi cướp phá ven biển Trung-Hoa rồi tiếp đến việc sứ bộ cầu hôn, xin đất do Vũ-văn-Dũng lãnh đạo (1792).

Xét nguyên-nhân hiếu chiến, có người (4) đã thấy tính chất Napoléon của chế-độ Quang-Trung: dùng chiến-thắng quân sự bên ngoài để đánh bạt sức phản-động của cựu-chế, để bịt miệng phản-kháng bên trong do sự thỏa hợp của chánh quyền với một phần các lực-lượng cũ khiến cho quần chúng cách-mạng không bằng lòng. Sự so sánh đó quá thô-sơ đã quên mất những thực-tế sống động, đòi-

(1) Hoàng-xuân-Hãn, *La Sơn phu tử*, sđd, 141, 142.

(2) V. Imbert, *Le séjour...* sđd 28.

(3) Hoa-Bằng, *Quang-Trung Nguyễn-Huệ*, sđd, 310-15, 320-29 trích thư đòi sáu châu, biểu cầu hôn, chiếu sai Vũ-văn-Dũng đi sứ. Sứ bộ Macartney cũng nói Nguyễn-Huệ «có nhiều mộng lớn, mà 1 là chiếm lấy 1 phần nước Tàu không ngần-ngại tìm đủ mọi cách để thành-công (sđd, 17) — *Hoàng Lê...* 271.

(4) Lương-đức-Thiệp, *Việt-Nam tiến-hóa sử*, Liên hiệp tái bản 1950, 102-105.

dào riêng biệt của ta. Chúng ta có thể tìm ra những nguyên-nhân chánh yếu xác đáng hơn, tương hợp hơn với hoàn-cảnh đương thời.

Chiến thắng dễ-dàng đối với quân Thanh sau những chiến thắng liên-tiếp ở các chiến-trường khác là nguyên-nhân tâm-lý (1) khiến Tây-Sơn hướng về Lưỡng-Quảng. Trận Đống-Đa làm e dè bọn biên thần nhà Thanh, mở đường cho những văn thư ngoại-giao trao đổi, đưa đến việc Thanh-Đế nhận Quang-Trung làm An-Nam Quốc-Vương, quên mất tham vọng thừa nước đục thả câu chiếm lĩnh phương-Nam. Một bên là Phúc-khang-An và Hòa-Khôn, một bên là Ngô-thời-Nhậm có Nguyễn-quang-Hiển, cháu Quang-Trung, đến « gõ cửa thành », việc hòa hiếu được tiến hành mau lẹ và đầy vinh-quang cho Tây-Sơn. Tiếp theo việc phong vương và việc ban nhân sâm cho mẹ Quang-Trung, đến việc sứ bộ Giả-vương Phạm-công-Trị sang chầu lễ thọ bát tuần của vua Càn-Long (tháng 8 Canh-tuất 1790). Sứ bộ gồm Nguyễn-quang-Thùy, Ngô-văn-Sở, Đặng-văn-Chân và các văn quan Phan-huy-Ích, Vũ-huy-Tấn... với hai thớt voi tiến cống tượng trưng « cái đỉnh » của quân lực Tây-Sơn. Cuối năm 1790, Sứ bộ về sau khi hưởng những ưu đãi đặc biệt hơn các sứ bộ trước (2). Thái-độ đó của vua Thanh làm khoái-trá, khiếp phục được bọn văn quan như Phan-huy-Ích nhưng tất đã làm tăng thêm uy thế của Tây-Sơn và thêm phần kiêu hãnh cho bọn võ tướng

Thêm nữa trong nước lại bất an do bọn di thần cố Lê gây ra : Lê-duy-Chỉ ở Cao-Bằng, Trần-quang-Châu ở Bắc-Ninh, Trần-phương-Bỉnh ở Nghệ-An... Nguyễn-Ánh ở Gia-Định lại là mối lo-lắng nhứt của Quang-Trung. Cho đến khi nhắm mắt (3) tuy rằng Quang-Trung chưa phải trực tiếp thử sức với Gia-Định Tất cả buộc Tây-Sơn phải lo củng-cố quân lực và theo biến chuyển tự-nhiên, họ bành trướng thế lực để bảo vệ thế lực sẵn có.

---

(1) *Hoàng Lê* .. 256.

(2) *Hoàng Lê*... 262, 263, 264, 265 *Liệt truyện chính biên*, q. 30, 35b-39a.

(3) *Liệt truyện*, q. 30, 42b. *Hoàng-Lê*... 267, 268, 270, 271.

Lực-lượng họ như thế nào? Sử quan Nguyễn ghi vào khoảng tháng 3 Nhâm-Tý (1792), Quang-Trung đem đến, 2, 30 vạn quân chực đánh Gia-Định (nghĩa là quân số còn có thể hơn nữa) (1) Tuy nhiên phải dè-đặt về tài-năng ước lượng, thống kê của người xưa. Theo lối kiểm soát dân số ở trên và việc lấy ba xuất đinh một lính, một khách ngoại quốc thấy là « số người trong quân ngũ rất đông » — Riêng ở Huế có đến 30 000 người luyện tập hằng ngày. Họ võ-trang bằng dao găm, giáo mác, súng điểu thương, rất nhiều súng ngắn có miệng loe ra kiểu thế kỷ 16 của Tây-phương, có lẽ mua lại và súng bắn phải mồi lửa tự chế Người Anh đi lạc trong thành Quảng-Nam không thấy có 1 khẩu đại bác nào (2) nhưng chúng ta biết họ cũng có súng lớn khi chiếm của Nguyễn.

Lực-lượng chủ chốt của bộ binh là đám chiến tượng, tập luyện hàng ngày mà các tay võ tướng rất tin cậy ở sức chiến thắng và Tôn-sĩ-Nghị phải lo đề-phòng trước. Gia-Định cũng rất e-dè trước số lượng 300 con voi (3) ồ-ạt dầy xéo trên bước đường tấn công.

Mọi chi phí, gìn-giữ quân lực nầy rõ ra rất lớn, thế mà như ta đã thấy, vùng Tây-Sơn trong cấp thời lại với lề-lối khai thác nông-nghiệp cổ-điển trên đất đai đã tận dụng, không thể nào sản xuất đủ để cung-cấp, như Nguyễn-Thiếp đã trần tình « Nghệ-An đất xấu dân nghèo — Về trước chỉ chịu xuất binh chứ không phải nộp tiền gạo, nay thì binh lương đều phải xuất. Số lính ngày một tăng bội. Kẻ cày cấy ít mà kẻ đợi ăn thì nhiều .. » Trong ý-nghĩ đất đai kiệt lực đó

---

(1) *Thực lục chính biên*, q. 6, 3a.

(2) V. Imbert, *Le séjour* — sđd, 23, 24, 25, 40. *Hoàng-Lê*... 270. Trước đó, khi ra Bắc-Hà chuyển đầu, Nguyễn-Huệ đã biết tìm cách thu dụng giới tiểu công-nghệ để góp sức vào việc gia-tăng tiềm lực quân sự, chế-tạo vũ khí — *Hoàng-Lê*... 100 có nói việc Huệ (sai tìm thợ sắt).

(3) A. Launay, de la Société des Mission Étrangères *Documents historiques sur la Mission de Cochinchine* (1771-1823) t. III, Paris 1925 p. 278. Thư Le Labousse ở Gia-Định gởi ngày 13-12-1790 nói về tình hình Hoàng-tử Cảnh.

ta hiểu được danh từ phong thủy ngày xưa chỉ về một vùng « mất hết vượng khí », như chữ dùng trong văn thư ngoại-giao Tây-Sơn — Thanh để chỉ vùng Thăng-Long (1). Đời đất Lưỡng-Quảng là tìm đất mới thay đất cũ đã kiệt lực, là tìm cách giải-quyết những khó-khăn gặp phải trong thời kỳ xây dựng vậy. Cho nên việc đánh chiếm kinh-đô Vạn-Tượng vào năm 1791 của bọn Trần-quang-Diệu ngoài ý nghĩa phá mối lo bị đánh tập hậu, quân Tây-Sơn còn tìm của cải, ngựa, voi nghĩa là những thứ nuôi dưỡng, tăng gia quân lực mà Ai-lao đáng lẽ phải hàng kỳ hạn đem qua nộp với thể lệ triều cống (2).

Một con đường khác có thể mở ra cho họ là giao thương với bên ngoài. Thế mà tình-trạng giao-thương ở miền Bắc Đại-Việt lúc bấy giờ như thế nào? Chúng ta đã thấy nơi khác những biến cố khiến cho thương nhân Trung-Hoa và Tây-phương xa lánh Tây Sơn. Tình-trạng đó vẫn chưa kịp xóa bỏ. Tuy Quang-Trung đã mở được các chợ ở Bình-Thủy-Quan (Cao-Bằng) Du-Thôn-ải (Lạng-Sơn) và nhà hàng ở Nam-ninh (Quảng-Tây) để buôn bán với Trung-Hoa « khiến hàng hóa không ngưng đọng, lợi cho dân dùng » (3) Nhưng vấn-đề không phải chỉ là giao thương với Trung-Hoa trong lục địa mà là xử-dụng các bải-cảng trong nước, gần từng địa phương một hơn để mong thừa hưởng chút tiến bộ kỹ-thuật Tây-phương.

Phái-đoàn Macartney tới nhận thấy ở Tourane những ghe thuyền Trung-Hoa, những thuyền đi dọc biển của Ma-cao theo kiểu Tây-phương nhưng nhỏ bé và không võ trang. Ở đây, người Bồ nắm hết việc buôn bán còn sót lại và chỉ mua vét các chợ ở Quảng-Châu đem bán lại thôi. Cho nên khi Macartney tới, viên trấn-thủ Quảng-Nam nài-nỉ người Anh bán khí-giới và đạn dược lộ cho họ thấy rằng Tây-Sơn cần được giúp với bất cứ giá nào (4)!

---

(1) Hoa-Bằng, *Quang-Trung*... 222, 224, 226.

(2) *Liệt truyện chính biên*, q. 33, 27a, 28b. *Hoàng-Lê*... 269.

(3) Hoa-Bằng, *Quang-Truug*... 308 dẫn lời Ngô-thời-Nhậm ghi trong *Bang giao hảo thoại* của ông.

(4) V. Imbert, *Le séjour de l'ambassade*... 15, 17, 24.

Quang-Trung trước khi chết cũng tính gởi giáo-sĩ Labartette đi Ma-cao mời gọi người Tây-Phương đến buôn bán. Giữa khi người Âu còn e ngại về việc giao-thương với Tây-Sơn thì Gia-Định mở rộng cửa buôn bán lại, lôi cuốn các tàu tấp-nập ghé bến Đồng-Nai, chỉ còn sót lại những chiếc tàu bất mãn với Nguyễn-Ánh mới quay ra giao-thiệp với Phú-Xuân thôi: cũng Labartette cho biết có một tàu Ma-cao, một tàu Manille đem bán cho Quang-Trung 100.000 cân lưu-hoàng (1). Vì vậy cho nên đường cát rất nhiều và rất rẻ ở Quảng-Nam mà không thành một món hàng xuất cảng như ở Biên-hòa, trong khi trước nội chiến, Tourane nườm nượp những ghe trọng-tải từ 40-150 tấn đến chở cau, đường mà riêng thứ sau, mỗi chuyến đem đi hàng 40 ngàn tấn (2).

Kết quả là hiệu-năng vũ-khí kém đi với những chiếc súng nhồi bằng thuốc đạn Trung-Hoa không bắn xa bằng thứ cùng loại ở Gia-Định nhồi bằng thuốc đạn Tây-phương. Lực-lượng quân sự phía mặt biển yếu đi thấy rõ. Tây-sơn phải tìm cách bù đắp. Bọn Tề ngôi hải phỉ bổ túc vào sự thiếu sót đó.

Thực ra, sau khi làm chìm chiếc tàu Ma-cao tịch thâu được của bọn thương nhân Bồ bị bão dạt vào Qui-Nhơn, Tây-Sơn cũng cố gắng phát triển thủy quân. Nguyễn-Huệ đã đóng những chiếc đại hiệu thuyền có thể chở nổi con voi (3). Có lẽ đó là những chiếc tàu mà người Anh trong phái bộ Macartney đi lạc vào thành Quảng-Nam, nhìn thấy ước lượng đến 130 tấn trọng tải và chắc cũng là loại tàu Định-quốc mà Vũ-văn-Dũng đem án ngữ ở cửa Thị-Nại trong trận thủy chiến 1801. Nhưng chúng ta hãy nghĩ tới những chiếc tàu bọc vỏ đồng của Nguyễn-Anh? rõ là có sức chịu đựng hơn nhiều. Cho nên các thuyền Tề-ngôi vừa giữ nhiệm-vụ tiếp-tế cho nội địa, vừa chính là một bộ phận của thủy quân Tây-sơn để quân bình yếu kém vậy.

---

(1) Thư giáo-sĩ Labartette gởi cho Letondal 6-10-1797 A. Launay III, 244.

(2) V. Imbert — *Le séjour...* sđd, 22, 23, 27.

(3) *Hoàng-Lê...* 269, *Thực lục chánh biên* q. 4, 14b.

Tề-ngôi-hải-phi là gì? Có khi gọi là Ô-tàu hải-phỉ, danh-từ được thấy trong *Thực-lục* (1) chỉ rõ đám cướp biển đông gồm có hai nhóm: giặc Tàu Ô ở vùng Lưỡng-Quảng và Thiên địa hội ở Tứ-Xuyên cũng ở hải-ngoại (nên nhớ Hà-hỉ-văn thuộc Thiên địa hội, đã hoạt-động ở Vịnh Xiêm). Các đầu mục được Quang-Trung phong làm Tổng-binh (hay Thống binh) cho đi cướp phá khắp nơi. *Thực-lục* và *Liệt truyện* cho chúng ta biết một số tên các Thống binh như Dương-thất-Nguyễn, Ngô-tam-Đồng, Phiên-văn-Tài.. và đặc biệt là người cầm đầu, Đông hải vương Mạc-quần-Phù

Là quan Tây-Sơn nên sào huyệt của họ ở ngay trên đất Việt. Khi Nguyễn-Ánh tiến đánh thì họ bỏ thuyền chạy lên bộ để bị bắt sống. Phạm-vi hoạt động của họ rất rộng và danh tiếng cướp biển của họ lan xa đến nỗi Nguyễn-Ánh lần đầu bắt được thuyền Tề-ngôi vội-vã sai sứ đem cho Xiêm vương để tuyên dương công-trạng của mình! Kỹ-thuật thủy chiến tinh vi nên Tây-Sơn dùng họ chống đánh thủy quân Nguyễn-Ánh. Ngay từ trước khi Nguyễn-Huệ chết, hơn 40 thuyền Tề-ngôi men theo ven biển Bình-Khang, Bình-Thuận vào khuấy rối. Trận đánh cuối cùng dữ-dội nhất ở Trấn-Ninh (1802), thủy quân Tây-Sơn gồm toàn các thuyền Tề-ngôi. Đó chỉ vì chiến-tranh càng kéo dài ra, thủy quân Tây-Sơn hoặc phải đồng hóa các đơn-vị Tề-ngôi thuyền hoặc phải tổ-chức như họ. Cho nên trong trận Đà-Nẵng, Võ-Tánh bắt được hơn 20 Tàu Ô và tướng của họ — Không phải Tổng-binh — mà là Đô-đốc Nguyễn-văn-Ngũ.

Vai trò bổ-túc của họ quan-trọng đến thế nên không phải chỉ vùng Nguyễn-Huệ mới có Tề-ngôi thuyền. Nguyễn-Nhạc cũng phải để cho họ phụ giúp kiểm-soát vùng biển Qui-Nhơn: thuyền Tề-ngôi mà Nguyễn-Ánh bắt được đem khoe với Rama I là ở ngoài khơi Thị-Nại của Nguyễn-Nhạc.

Giữa lúc Tây-Sơn miền Bắc dựa vào Trung-châu Nhĩ-Hà cùng một vài khu-vực khác để nỗ-lực phát-triển trong những điều-kiện khó-

(1) *Thực lục chính biên* I, q. 6, 5b, 7b, 1a, q. 10, 3a, 6ab, 38b... Ô tàu hải phỉ là tên gọi của *Liệt truyện* q. 30? 41b. Ngoài ra ở q. 7, 13b, q. 11, 4b... vẫn gọi là Tề ngôi hải phỉ.

khăn thì Nguyễn-Ánh cũng vội vã lo củng-cố thế-lực ở một vùng đất mới chưa được tận dụng hết khả-năng: đồng-bằng miền Nam.

Có thể nói Nguyễn-Huệ đã dùng hào-quang của mình mà che-chở cho chế-độ, khi phong-trào Tây-Sơn đưa ông lên đài danh-vọng. Bởi chế-độ Tây-Sơn quả đã phải đứng bấp-bênh vì xây dựng trên một mâu-thuẫn. Chúng ta đã nói rằng phong-trào Tây-Sơn xuất-hiện vì sự giao thoa của hai nguồn năng-lực lấy từ hai biến chuyển, một bên trong là tiến-trình Nam-tiến kéo dài mấy trăm năm và một bên ngoài là sự khích động của văn-minh kỹ-thuật Âu Tây đến đất Đại-Việt.

Trong lịch-sử của họ, Tây-Sơn đã xô đổ Nam-hà rồi không tìm được đồng-minh ở bên ngoài, bên trong lại hảnh-diện vì sức mạnh quân-lực, họ không tìm được cách tổ-chức, khai thác những khả-năng của địa-phương để tâm phục dân chúng. Quay ra Bắc-Hà họ lại chui đầu vào trong cái rối-rắm mà người trước đã gỡ không ra vì sự cằn-cỗi của đất đai, vì không-khí bảo thủ đã lâu đời khó tẩy phá của sinh-hoạt vua quan, dân chúng.

Chúng ta đã thấy cố gắng dung-hòa giữa Tây-Sơn và cựu thần Lê Nguyễn. Nhưng sự vá-víu ấy quả là tạm bợ. Bên dưới nền tảng chế-độ vẫn chưa có sự hòa-hợp. Nguyễn-Thiếp chẳng hạn, tuy thấy được lối đào-tạo nhân tài theo kiểu trích-cú, tầm-chương không có ích-lợi thiết-thực nên hô-hào phục cổ? Nhưng cái giọng «tuần tự nhi tiến» quả cũng chỉ là giọng kinh-văn. Không thể đòi hỏi ở Nguyễn-Thiếp một khi còn tồn-tại cái không-khí truyền-thống nho giáo để hãnh-diện có một Ngô Nho chẳng hạn khẳng-khái nói «đại thần vì nước gánh việc kẻ sĩ vì người tri-kỷ mà chết, đều là nghĩa nên như thế, ngoài ra tôi không biết có sự gì khác». Chính bọn nho-sĩ bảo thủ này đi chê cười bọn nho-sĩ cải-cách và riễu-cợt lối học chữ nôm của Quang-Trung chủ trương. Quân tướng Qui-Nhơn cũng không chịu để lôi kéo xa. «Theo Chu-Tử» nhưng phải dịch Kinh Truyện ra chữ nôm, thi cử lời nôm, dụ tướng-sĩ bằng chữ nôm, điếu tang viết bằng lời nôm (1). Chúng ta đã thấy các bức thư chữ nôm của

(1) Hoàng-xuân-Hãn, *La-sơn phu tử*, sđd, 1952; Hoàng-Thúc Trâm *Quốc-văn đời Tây-Sơn*, Vĩnh-Bảo, Saigon, 1950.

Nguyễn - Ánh viết ra, nghe lời dụ ban cho tướng - sĩ ở Gia-Định (1800) (1) nhưng đó chỉ là những phương cách tạm bợ nhất thời đối với họ Nguyễn. Trong khi đó Tây-Sơn phải dùng chữ nôm như phương-tiện diễn đạt ý-tưởng chánh-thức. Có những tờ chiếu, tờ sắc thần (2) bằng chữ Hán trong triều-đại họ là một mỉa-mai cho quá khứ của họ nhưng cái thế cô-lập với ảnh hưởng phương Nam mà từ đó họ xuất phát khiến họ phải đi dần vào trong các không-khí trào cũ.

Sự lưỡng-lự đó làm nên yếu kém của Tây-Sơn Tất nhiên việc Chiêu-Thống còn ở bên Tàu, việc Nguyễn-Ánh hùng cứ ở Gia-Định ảnh hưởng phần nào vào sự quyết định hợp-tác với Tây-Sơn của các cựu thần Lê-Nguyễn. Nhưng bản chất bấp-bênh của chế-độ Tây-Sơn cũng làm cho người ta ngần-ngại hợp-tác — nếu không nói là chống đối lại.

Triều-đại Tây-Sơn do đó có bản-chất quân phiệt và chỉ có thể tồn-tại được bằng chế-độ quân chính của họ thôi. Sự thực ra, đám võ tướng cũng chứng tỏ được họ là những người kiểu-mẫu của thời-đại mới. Kiêu-căng, quen dùng uy-quyền để đàn áp họ khiến cho những người Anh đến thăm năm 1793 phải phàn-nàn cho đời sống người dân. Nhưng phái bộ Macartney cũng phải công bình mà nhận rằng bọn võ tướng ít hư-hỏng hơn bọn văn quan (3). Rõ bên dưới sự thanh liêm tương đối của quân-đội là một tình-trạng suy đồi xã-hội mà những sức phản-kháng tích-trữ có thể lợi dụng được.

Nhưng bọn võ tướng từng vào sinh ra tử vốn chịu phục tòng người chỉ huy của họ mà thôi. Nguyễn-Huệ cùng trưởng-thành với họ, với thiên-tư, với tài-năng đã cai-trị họ cũng như thần dân bằng sức mạnh của khiếp phục. Do uy-quyền đó mà Nguyễn-Huệ đã thi-hành những cải-cách quan-trọng có khi động chạm đến cả đời sống tinh-thần

---

(1) Do An-Khê sao lục *Nam-Phong Tạp-chí* t. XIV số 80 Février 1924 có trích ở Dương-quảng-Hàm, *VN Văn-học sử yếu*, BQGGD xuất-bản, Saigon, 1956, 73, 74, 75.

(2) *La sơn phu tử*, sđd, đạo sắc phong thần Đỗ-Công-Đại-Vương trưng bày ở Hội chợ HN 1941-42.

(3) V. Imbert, *Le séjour de l' ambassade*, sđd, 28.

của dân-chúng như khi tiếp tục thi-hành « phụng truyền » của Nhạc phá các chùa chỉ để mỗi tổng một mà thôi (1). Giáo-sĩ Labartette ở Bố-chính, hơn ai hết, có đủ những điều mắt thấy tai nghe để phán-đoán về chế-độ Tây-Sơn. Ông nói « một ông vua dù có dụng ý đến đâu đi nữa đối với tôn-giáo, có lẽ cũng thi-hành một cách nhẹ-nhàng vì những lý lẽ chính-trị. Ông chắc phải sợ bất mãn gây ra loạn lạc Không bao giờ ông có thể có đủ sức lực và mạnh-mẽ để làm những điều mà bọn này (Tây-Sơn) đã làm. Chỉ trong một khoảng thời-gian ngắn, họ đã quét sạch xứ sở khỏi những lạm dụng nhơ-nhuốc: Không ai dám rục-rịch hết. » (2)

Có lẽ biết đến vai trò — Không chắc quyết định — nhưng quan-trọng của ông trong sự sinh-tồn của triều-đại, nên Quang-Trung, trước khi mất ngày 29 tháng 7 Nhâm-Tý giờ Dạ-Tý (11-12 giờ khuya 16-9-1792) (3) đã đòi Trần-quang-Diệu về trối-trăn dặn chôn cất cho mau nội trong một tháng rồi dời Kinh về Phượng-Hoàng Trung-đô « Nếu không, quân Gia-Định kéo tới, các ngươi sẽ không có chỗ chôn đâu! » (4)

Đứa bé mới lên 9, « đồ sự du hí », làm gì biết đến sự cần-thiết của những biện-pháp khắt-khe. Cho nên bãi lệnh mang tín bài, bỏ lệnh bắt dân lậu (2), việc làm tuy tiếng là nhân-ái nhưng kỳ thực Tây-Sơn đã lùi một bước dài quan-trọng.

---

(1) Thư Giáo-sĩ Le Roi ở kẻ Vĩnh (Ninh-Bình) 6-12-1786 BEFEO 1912/7, 8 Tờ phụng truyền được dịch trong *Le Peuple Annamite*, E.Langlet-Berger Levrault Ed. Paris Nancy 1912. 50, 51.

(2) Thư Labartette 12-5-1787. C. B. M. *Documents sur l'etat du Cambodge, de la Cochinchine et du Tonkin de 1782-1786* Rl t. XIV Juillet-Décembre 1910-44.

(3) Hoàng-xuân-Hãn, *La Sơn phu tử* sđd, 160.

(4) *Liệt truyện* q. 30, 47b, *Thực lục* q. 6, 7b, 8a.

(5) *Hoàng Lê*... 272. *Liệt truyện* q. 30, 45b. Quang-Toản tên là Trát. Thư các Giáo-sĩ vẫn ghi là Hoàng-trot (Họ cho ta biết ông sinh năm 1783). Ta giải thích sai biệt bằng cách đọc theo giọng Quảng chữ Trát.

Chế-độ phân phong cho anh em đã chứng tỏ nhược điểm ở Trung-Quốc là khi trung-ương không mạnh thì quốc-gia dễ tan rã. Cho nên vào năm 1793 ai cũng biết là Quang-Thùy muốn độc-lập với Quang-Toản. Rối loạn lạc nổi lên, nhất là ở Bắc-hà « Xứ xứ tịnh khởi », thật sử quan vẽ được trong lời. sức phản-động bay tỏ khi Nguyễn-Huệ chết. Ở Gia-Định, tháng 7-1792 người ta còn hoảng-hốt vì « tên giặc ở Huế mạnh hơn bao giờ hết và chác hẳn sẽ bóp chẹt vua » (1) nhưng cùng tháng năm sau, người ta vui mừng « kẻ thù vẫn còn nhưng lực-lượng họ yếu kém thấy rõ.» (2)

Cho nên Ngọc-Hân than khóc chồng mà như thay cả triều-đại Tây-Sơn khóc chúa tể:

Nghe trước có đấng vương Thang, Võ,
Công-nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao
Mà nay áo vải, cờ đào,
Giúp dân dựng nước, xiết bao công trình...
. . . . . .
Công dường ấy mà nhân dường ấy,
Cõi thọ sao hẹp bấy hóa công!
Rộng cho chuộc được tuổi rồng,
Đổi thân ắt hẳn bỏ lòng tôi ngươi

(AI TƯ VĂN)

(1) Thư J. Liot Tân-Triệu 18-7-1792.
(2) Thư Lavoue Saigon 31-7-93.

CHIẾN-THẮNG NGUYỄN-HUỆ

trước viện-binh XIÊM-LA

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

Sau trận Đồng Tuyên, Nguyễn-Ánh lại thêm một lần khốn-đốn. Trong lúc quân lính chết đuối thì nhờ biết bơi ông đã thoát nạn. Có những may mắn đưa đến cho ông chúa này để sử quan Nhà Nguyễn lại có cơ hội tán tụng phước mạng đế vương. Qua Rạch Chanh, ông nhờ đến một con trâu nằm trên bờ ; giữa dòng nước triều chiều chảy xiết chìm trâu thì may sao, một con cá sấu (?) lại đưa giúp ông qua bờ bên kia (1). Tây-Sơn đã có mặt

(1) Ta biết Rạch Chanh bắt đầu từ Long định ở đầu này của tỉnh Long-An đi vào Vàm Cỏ Đông (phía dưới Bến-Lức) qua Vàm Cỏ Tây (phía trên Tân An) rồi ra Tiền-Giang của Định-Tường. Vậy thì Nguyễn-Ánh đã thoát nạn khúc nào của Rạch-Chanh ?

Chứng tích so với sử sự thì hình như không hợp. Rạch Chanh rất nhỏ (độ vài sải tây) mà sử quan kể việc Ánh lội qua leo lên lưng trâu cỡi, nước triều buổi chiều dâng, trâu chìm, cá sấu đưa đi.. như ở trên một khúc sông lớn vậy. Địa-điểm người ta kể lại là Vịnh Đá-Hàn ở trên sông Vàm Cỏ Tây gần chỗ Rạch Chanh tách ra (xã Hướng thọ Phú, tỉnh Long-An). Đó là một vùng nước xoáy rất dữ (một khuỷu sông) tục truyền Nguyễn-Ánh đi qua đó không ghe thuyền, bỗng nhiên đá dưới sông nổi lên, hàn lại (vì thế mới có tên Đá-Hàn) làm cầu cho Ánh qua. Người ta đồn ở khúc sông này có bầy trâu nước, nếu ai lấy được một sợi lông của nó thì mang theo qua sông không bao giờ chìm. Phảng phất trong chuyện tích ta thấy có chuyện Ánh cỡi trâu qua sông. Vậy khúc sông Vàm Cỏ Tây phía trên tỉnh-lỵ Tân-An là vùng Nguyễn-Ánh đã thoát nạn.

tại Hậu-Giang chận mất con đường chạy trên quen thuộc, ông phải chạy xuống trú ở Mỹ-Tho rồi từ đó đưa gia-quyến đi Phú-Quốc.

Bị săn đuổi, binh tướng trở lòng. Đó là đám người từ lâu vẫn khó đồng-hóa: đám quân tàu Hòa-Nghĩa đạo Nguyên, để có người điều khiển đám tàn binh, Ánh sai Tôn-Thất-Cốc trông coi rồi sai tướng Hòa-Nghĩa Trần-Đình về cửa Cần-Giờ dọ thám. Công việc thật khó khăn mà tướng sai bảo thì không đủ uy-tín, Đình không thi hành. Ánh sai Cốc giết đi. Thuộc tướng của Đình là Trần-Hưng, Lâm Húc làm phản chiếm Hà-Tiên. Rủi-ro cho Nguyễn kim Phẩm và Công Chúa Ngọc Chú, người về Hà-Tiên thu binh, người mua gạo mắm đều bị bọn người giết chết.

Tuy nhiên, việc quân đội Gia-Định có mặt ở các đảo vịnh Xiêm gây nên khó khăn cho các tướng cướp biển ở vùng này, Vinh-ly-Ma. một viên tướng Xiêm từ sau loạn Phi-Nha Oán-Sản (1781) tụ tập một đám người Mã-Lai chiếm cứ đảo Cồ Long trong vịnh Komponsom, thấy lẽ khôn ngoan và đem thuộc binh ra xin thần-phục Nguyễn-Ánh. Đám quân đội lưu vong lại có thêm 100 chiến thuyền và 200 người nữa.

Nhưng thêm người ta tất thêm miệng ăn cho bọn quân thiếu thốn sẵn. Nguyễn-Ánh phải dùng binh Vinh-ly-Ma quen cướp giựt, hai, ba lần Hà-Tiên và quanh đó để kiếm khí-giới, lương thực. Tin tức nơi trú ẩn tất lộ ra ngoài.

Tháng 6 â.l., lúc Nguyễn-Ánh đang vào Hòn-Chồng thì Tây-Sơn Tổng-Quát Phan-tấn-Thuận kéo binh tới vừa thủy, vừa bộ. Cai cơ Lê-phước-Điển phải đóng lại vai trò Lê-Lai thuở trước, Ánh mới chạy thoát về đảo Cồ-Long (1). Tôn-thất-Điển, Tôn-thất-

(1) Sử quan nhà Nguyễn gọi là Đảo Côn-Lôn. Tìm ra chính địa điểm Cồ-Long là công của Ch. Maybon (*Hist. Mod. du Pays d'annam*, 201, chú 3). Tuy nhiên tên Côn-Lôn nói ở các quyển *Thực-lục* sau không thể lẫn được vì đảo nầy từ lúc Nguyễn-ÁNH chiếm hẳn Gia-Định, đóng vai trò quan trọng trong việc giao-tiếp với Tây-Phương mà Tây-Phương thì lại biết rõ nó hơn Cồ-Long.

Cốc, Hoàng, Vinh-ly-Ma đều bị bắt và bị giết (2).

Tây-Sơn vẫn không tha. Một tháng sau, Phò-mã Trương-văn-Đa lại đem quân đến Cồ-Long vây 3 vòng trùng trùng, điệp điệp, quyết không để Ánh thoát lần nữa. Rủi ro cho Tây-Sơn, một trận bảo làm đắm nhiều thuyền để cho Ánh nhân đó thoát ra chạy đi Cồ-Cốt.

---

(2) Chi-tiết vụ này lấy ở *Thực-lục chính biên* I q2, 3ab *Liệt truyện* q. 28, 9b. Thư Langenois gởi cho Descourvières Sadec 14-11-1783. Sử quan nhà Nguyễn gọi vị-trí xảy ra cuộc vây hãm là Điệp-Thạch dự, hòn (Đảo) Điệp-Thạch? Trịnh-hoài-Đức (Aubaret 52) kể chuyện Vinh ly Ma gọi là Vũng Lũy Thạch ở Phú-Quốc. Hai chữ Lũy và điệp có thể lẫn với nhau. Hòn-Chồng là địa danh thực sát với tên Điệp Thạch dư. Sở dĩ sử quan Nguyễn gọi «dự» cho chữ hòn hoặc vì họ đã lầm hòn là hòn đảo, hoặc chỉ cần dịch sát địa danh thôi.

Vấn đề còn lại là xét xem trận chiến xảy ra trên đất liền hay trên đảo. Tài-liệu Tây-Phương ở trên ghi «(Ánh)... trong lúc chờ đợi viện binh ở Xiêm đã hai ba lần lẻn vào Cancao và quanh đó với bọn *Mã-Lai Campot* để tìm lương thực, khí giới thì thủy quân Tây-Sơn và đạo quân Lào, Bassac, bằng đường bộ, đổ xô đến, cướp của ông nhiều thuyền đi biển, với các tướng, hầu hết phản bội, Một vài người bị giết, số còn lại đem về Saigon» (A. Launay III, 79, chú).

Chúng tôi in nghiêng các chữ Mã-Lai Campot vì đó là đầu mối để lập được tổng hợp hai tài-liệu của giáo-sĩ và của sử quan nhà Nguyễn. Sử quan vẫn gọi bọn cướp biển ở vịnh Xiêm là giặc Đồ-Bà. Khi Nguyễn-ÁNH ở Xiêm đánh Pegou (Mã-Lai) giúp Rama, sử-quan cũng gọi là giặc Đồ-Bà. Vậy Đồ-Bà chính tên là dân Malais. Bọn Malais du Campot là tướng của Vinh ly Ma. *Thực-lục* ghi việc Xiêm tướng Vinh ly Ma về giúp rồi tiếp theo vụ Điệp-Thạch dự liền, khiến ta có thể thấy sự liên tục giữa hai sự kiện. Hơn nữa. trong thời-gian «chờ đợi viện binh» này, chỉ có trận bại chiến này là to lớn thôi, trận mà Pigneaux có nói tới «... (khoảng 17, 18/7)... vua đánh với bọn nổi loạn một trận mất gần hết binh thuyền còn lại» (A. Launay, III, 88) rất đúng với thời điểm tháng 6 âm-lịch của *Thực-lục*.

Tây-Sơn rút đi, Ánh lại mò về Phú-Quốc. Tình cảnh của đám quân lại thật thảm thương : thuyền Ánh gãy nát cột buồm, quân lính hết lương phải bứt cỏ mà ăn rồi sống nhờ một thuyền gạo của một người đàn bà Hà-Tiên đem giúp. Để vợ con lại hải đảo, Nguyễn-Ánh táo bạo đem một chiếc thuyền vào cửa Ma-Ly (1) dọ thám tình hình. Độ hai chục thuyền Tây-Sơn thấy được đến vây, ông dương buồm chạy thẳng ra biển, lênh đênh suốt 7 ngày đêm. Gặp được dòng nước ngọt, thoát chết khát, ông quay trở về Phú-Quốc.

Không ở yên được một chỗ, Ánh phải sai Cai cơ Nguyễn văn Chính về Long-Xuyên chiêu tập binh mã. Thuyền đến cửa sông Ông Đốc (2) thì bắt được viên tướng Tây-Sơn là Quản Nguyệt, Ánh sai chém đầu thị chúng. Oai vũ hơn chưa thấy đâu mà chí làm động tới Tây-Sơn. Lưu-thủ Long-xuyên là Nguyễn-Hóa nghe biết được bèn phục binh ở cửa sông. May mắn cho Ánh, đạo quân tuần đêm bắt được thuyền viên Phó chiến Dạng của Tây-Sơn. Rõ được cơ mưu, Ánh bảo thuyền chèo chạy mau.

Lúc bấy giờ Lữ, Huệ đã về Qui-Nhơn để lại Trương văn Đa với Chưởng-tiền Bảo. Nguyễn Ánh lênh đênh Hòn Chông rồi Thổ Châu, Cổ-Long, Cổ-Cốt... sống cuộc đời vật vờ, phẫn chí viên chúa tề trong cơn bại vong. Ông phải thay phiên chèo thuyền chia sớt cùng khổ với bọn tòng thần cùng vài trăm binh trên độ

---

(1) Theo Trịnh hoài Đức (Aubaret, 138) thì đó là cửa sông Ma-Ly chia ranh Bình-thuận và Biên-Hòa. Bản đồ của *Đồng-Khánh ngự lãm địa dư chí đồ* (quyển hạ; trang 290) cho biết đó là cửa biển của Xã Tam-Tân (Bình-Tuy Sông Ma-Ly có tên trên bản đồ của Nha Địa dư là Sông Phan. Ta có thể hoài nghi vì quá xa Phú-Quốc và quá gần Tây-Sơn. Tuy nhiên việc lại quá hợp với chi tiết «nước ngọt giữa biển» kể sau. Phải ở Ma-Ly chạy thẳng ra biển Đông, đi tới 7 ngày đêm, người ta mới vẫn may gặp các dòng do Sông Cửu-Long đổ ra, vì khối lượng lớn quá nên không lẫn với nước mặn được.

(2) Đức Công hải-khẩu. *Thực lục chính biên* I, q. 2, 7ab.

mươi lăm chiếc thuyền. Tướng sĩ có khi vài ngày không ăn phải đào rễ cây nhấm nhá cầm hơi (1).

Vắng Nguyễn-Huệ, dư đảng Ánh trên đất liền tưởng có dịp nổi lên thành công. Hồ văn Lân đánh ở Tân-Châu, Tôn thất Hội chiếm Giồng-Sao (2) đắp lũy cự địch trong khi Lê văn Quân lại giữ sông Tân Hòa. Quân Tây-Sơn tiến đánh Giồng-Sao rồi phá tan đồn Tân-Hòa. Tháng giêng năm Nhâm thìn (1784), kiện tướng Ánh không còn ai ở Gia-Định vì Hội, Quân đều bỏ chạy sang Xiêm, chỗ trú cuối cùng.

Chu văn Tiếp, sau trận Giác Ngư đã theo đường thượng chạy một mạch qua Xiêm kêu xin viện binh (3). Tiếp thực táo bạo trong lúc Ánh không dám liều lĩnh (4). Sở dĩ như vậy vì bang giao Xiêm Việt lúc bấy giờ tuy có dấu hiệu cải thiện nhưng chưa đủ để Ánh thấy Xiêm tỏ ra quên những cừu thù cũ.

Nam-Vang và Hà-Tiên là hai địa điểm đầu mối gây chiến. Ta đã biết âm mưu mở rộng Hà-Tiên qua phía Xiêm đã gây nên trận chiến tranh giữa Mạc thiên Tứ và Trịnh quốc Anh (4). Khi Duệ-Tông bị bắt, Tứ với Tôn thất Xuân chạy trốn bị thuyền Xiêm bắt về Vọng-Các. Mùa Xuân 1778 Ánh sai Cai Cơ Lưu phúc Trung qua tìm Tứ. Mùa hạ năm đó sứ bộ của Cai cơ Tham, Tịnh đi Xiêm thì gặp rủi ro: một thuyền Xiêm đi buôn Quảng-Đông về qua Hà-Tiên bị Lưu thủ Thăng giết cướp. Bô lão Chân Lạp có người lại nói dèm rằng Gia-Định có mật thư cho Tứ, Xuân làm nội ứng để chiếm Vọng-Các. Muốn khỏi lo lắng, Trịnh quốc Anh cho giết Tứ, các con lớn Tử-Diên, Tử-Hoàng, Tử-

---

(1) *Thực lục* I, q2, 8b. Thư của Pigneaux (A. Launay, III, 90) kể chuyện nữa sau tháng giêng 1784.

(2) Tinh phụ ở đất biển Balai (Aubaret, *Histoire et description de la Basse Cochinchine*, Paris, Impr. Impériale, 1863, p 203).

(3) Truyện Chu văn Tiếp đã nói.

(4) Thư ông Descourvières A. Launay, III, 80.

(5) Documents sur Pigneaux de Béhaine, évêque d' Adran. Ch. E. Maître — *Revue Indochinoise*, 1913, 176.

Thượng và Tôn-thất Xuân, Tham, Tịnh, 50 người tùy tòng, chỉ chừa lại con nhỏ và Châu Tứ phải đi đày thôi (1). Tình hình bang giao thực không mấy khả quan thì lại tiếp xảy ra việc tranh quyền bảo hộ Chân-Lạp.

Vào cuối năm 1781, Trịnh quốc Anh phái các tướng Chất Tri, Xô-Si qua Chân-Lạp hỏi tội Nặc-Ấn, trả thù vụ Nặc-Vinh bị Đỗ thanh Nhân giết. Nặc-Ấn thua rút binh về Colompé cầu cứu với Gia-Định vào cuối tháng giêng 1782. Nguyễn hữu Thụy và Hồ văn Lân tiến quân lên Loveck (2). Chiến tranh còn dằng dai thì ở Xiêm xảy ra chính biến. Nguyên giặc thành Korat (3) nổi dậy, Trịnh quốc Anh sai Phi nhã Oan Sản (4) cầm quân dẹp mà không lưu ý đến việc người cầm đầu cuộc loạn lại là em Sản. Sản quay giáo đem quân về Vọng-Các bắt Anh về cầm tù. Ở Chân-Lạp, Chất Tri cầu hòa với Thụy, bẻ tên thề, nhận cờ, đao, kiếm của Thụy cho rồi kéo quân về giết Quốc Anh, vu tội cho Sản rồi giết luôn. Chất Tri, Xô-Si và cháu là Ma-Lặc làm đệ nhất, đệ nhị. đệ tam Phật-Vương cùng nhau cai-trị truyền giòng Rama (5).

Việc kết giao với Nguyễn hữu Thụy tiếp theo đến việc Rama I kêu Mạc tử Sanh về Vọng-Các nuôi, có thể coi như những dấu hiệu khuyến-khích Nguyễn-Ánh tiến gần Xiêm hơn. Cho nên khi bại binh ở sông Ngã Tư, Ánh sai sứ bộ Nguyễn hữu Thụy trên 150 người theo đường Chân-Lạp qua Xiêm cầu viện.

---

(1) *Liệt truyện chính biên*, q. 32, 3b, 4a.

(2) La-Bích — Lê-Việt.

(3) Cổ Lạc.

(4) Phi Nhã là chức tước (sử quan nhà Nguyễn cũng biết điều này). Chất Tri cũng vậy. Tên Rama I là P'hut Yodfa [P. Schweisguth, *Un siècle d'hist. dans la péninsule Indochinoise* (1750- 830) Taupin, Hanoi, 1944.]

(5) *Thực lục chính biên*, q. I, 14ab, 15ab. Thư M. Liot cho M. Descourvières 25-7-1782 A. Launay III, 74.

Dân Chân-Lạp gặp dịp may trả thù kẻ thất thế bèn giết gần hết sứ bộ với Nguyễn hữu Thụy, Trần xuân Đàm. Chỉ có Nguyễn văn Nhàn, Cao phước Trí là chạy thoát (1).

Tuy bị trở ngại, Nguyễn-Ánh khôn ngoan vẫn cố giữ tình cách thân thiện để hy-vọng nhờ cậy. Mùa thu năm 1782, khi trở lại Gia-Định rồi, ông cũng sai sứ đi Xiêm nữa.

Đến nay, Xiêm Vương nghe Chu văn Tiếp ai cầu, một mặt sai Thất Xỉ Đa đem thuyền đi Hà-Tiên, tìm rước Ánh ở Long-Xuyên vào khoảng tháng 5-1784. (2).

Có phải chỉ vì nhờ mối kết bang giao với Nguyễn hữu Thụy trước kia, vì lời khẩn thiết của Chu văn Tiếp mà Xiêm Vương rước Nguyễn-Ánh để rồi sẽ trợ giúp không? Có những tài liệu khiến ta phải dè dặt trong quyết đoán này.

Bá đa Lộc (A. Launay, III, 80) đến Bangkok vào đầu tháng

---

(1) *Thực lục chính biên* q. 1, 18a — *Liệt truyện* q. 13 truyện Nguyễn hữu Thụy 6a — truyện Nguyễn văn Nhàn 15b. *BSEI*, 1940, *La révolte et la guerre des Tây-Sơn*, bđd, 87.

(2) *Thực lục chính biên* I, q2, 9b, 10 a, ghi tháng 2 âl (21-2-20-3-1784). Ghi chú của ông Descourvières, A. Launay III, 80) tuy không đề rõ ngày viết, nhưng cho b ết J. Liot ở Chantaboun bệnh không theo Pigneaux được viết thư nói rõ Nguyễn-Ánh gặp tướng Xiêm « tháng 5 năm nay » nói rằng « vua từ Chantaboun đi Bangkok lúc ông ta viết thư ngày 31-5 », Năm nay, là năm 1784 vì khi nói chuyện Bá đa Lộc xin được giấy thông hành đã ra khỏi Xiêm (1784) Descourvières cũng dùng chữ năm nay. Về số quân đem vào Liot nói có tới 4, 500 người *Thực lục* ghi chỉ có tướng hơn 30 và quân vài mươi. Ngày về được ghi rõ « Nhâm thìn tháng 6 » (25-7). Vậy Ánh ở Xiêm không lâu, chứng tỏ Xiêm đã chuẩn bị sẵn-sàng từ trước. Về đạo quân đi rước, có thể đây là đạo quân mà Pigneaux gặp ở Chantaboun giữa tháng 12-1783. Đó là đạo thủy quân, vì họ ra lệnh cho ông đợi họ rời bến rồi hãy đi sau. Điều ông nghe thấy là đạo quân này « gởi chống bọn Cochichinnois » (A. Launay III, 89) phù hợp lời *Thực lục*, q2, 9b « Thát Xỉ Đa đem thủy quân đi Hà-Tiên, tiếng là cứu viện mà để lén mời Nguyễn-Ánh. »

11-1783 có gặp ở đây một sứ giả của Tây-Sơn. Tài liệu thật là ít ỏi để cho ta có thể biết thêm về ngày tháng đến, về, sứ mệnh giao phó, tiến hành công việc ở Bangkok của viên sứ giả này. Tuy nhiên ta cũng thấy Xiêm phải lựa chọn giữa Nguyễn-Ánh và Tây-Sơn mà quyết định nghiêng về phe nào lại tùy thuộc vào tình hình Chân-Lạp.

Thực vậy, trong tháng 12-1783, Trương-văn-Đa dẫn quân tấn công Chân-Lạp. Trước đó, Nặc-Ấn bị Chiêu-thủy-Biện, một người Mã-Lai nổi dậy đánh đuổi đến phải trốn qua Xiêm. Đa đến Biện vốn được Xiêm công nhận là phụ chính ở đây từ trước, vội vàng chạy đi cầu viện. Và rồi quân Tây-Sơn giáp mặt quân Xiêm. Trương-văn-Đa nghe tin điệp viên báo rằng quân Xiêm sẽ tiến theo đường Lào đánh Qui-Nhơn nên quyết-định khai chiến. Xiêm cũng đòi hỏi Tây-Sơn trả lại những kẻ thù của Xiêm mà Tây-Sơn giữ (?) không thì chiến tranh. Và chiến tranh xảy ra. Tây-Sơn bị Xiêm vây, hai bên đánh nhau vài lần.

Cuối cùng Trương-văn-Đa rút khỏi Nam-Vang (6-1-1784). Nhưng từ đó «chiến tranh càng ngày càng nhen nhúm giữa người Xiêm và bọn giặc ở Saigon» (1).

Để phân tán lực lượng Tây-Sơn, Xiêm vương nghĩ tới Nguyễn-Ánh. Và đó là cớ quan-trọng nhất để giải thích việc Nguyễn-Ánh được «rước mời» vào Vọng-Các. Cuộc đón rước nếu thực tình và diễn tiến trong bình đẳng thì sao lại để xảy ra những điều mà khi gặp lại Bá-đa-Lộc lần thứ hai, Ánh phải than phiền về «cách thức người ta lôi ông vào Xiêm».

Tuy vậy, Ánh cũng ở Vọng Các chờ đợi đưa về. Đây là dịp may mắn cho Xiêm vương có thể mở rộng cương giới về

(1) Thư của André Ton cho O. Descourvières 1-7-1784. A. Launay, III, 84. A. Ton cũng bị dẫn từ Nam-Vang về trong dịp này. Thư của LM. Ginestar, dòng Fanxicô 1784 (La révolte... bđd. BSEI, 1940, 98). Ông bị đưa lên Nam-Vang với thầy giảng Emmanuel trong tháng 12-1783 và về theo Trương-văn-Đa. *Thực lục chính biên* I, q-2, 8a.

phía Thủy Chân-Lạp. Viện binh Xiêm gồm có hai vạn quân ba trăm chiến thuyền dưới quyền điều khiển của Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương xuất binh ngày Nhâm thìn tháng sáu (25-7-1784.)

Chiến tranh dùng Xiêm binh chiếm Gia-Định được Nguyễn-Ánh tóm thuật trong một bức thư gởi cho LM. J. Liot (1).

« Từ thầy theo ta mà trở về.(2) thì ta cùng Xiêm binh tựu tại Mân-Thít (3) hạnh công Tây tặc, thử thăng tàu một chiếc hải đạo (4) 5 chiếc. Nhân ngày sau trực tấn xứ Lạch (5). Nay thời Xiêm binh đại tứ lỗ lược, dâm nhơn phụ nữ, lược nhơn tài vật, túng sát bất dung lão thiếu. Vậy nên Tây tặc binh thế nhựt thạnh Xiêm binh thế nhựt suy. Cớ ấy qua tháng chạp, mùng tám vừa thất lợi, các gian hội tán »...

Sử quan ghi cẩn thận hơn: Tháng 7 âl, khi quân Nguyễn-Ánh và Xiêm chiếm Kiên-Giang rồi đánh Đô-Đốc Tây-Sơn Nguyễn-Hóa ở Trấn Giang (Cần-thơ), quân Xiêm chia nhau đồn trú Ba-Vác, Trà-Ôn, Mang-Thít, Sađec.

Về phần Nguyễn-Ánh, ông cũng lo kiếm tạo lực lượng riêng. Ông sai cai cơ Trịnh ngọc Trí đi đến các làng kêu cựu thần đang lẩn trốn và hào kiệt nổi lên hưởng ứng quan binh. Kết quả sơ khởi cũng khả quan: Ở Vũng-Liêm (6), Phó Đốc chiến Lý của

---

(1) BAVH Janv, Mars 1926 bản chụp ảnh bức thư chữ nôm thứ ba. Thư ghi ngày 15-12 Cảnh-Hưng thứ 45.(1784) J. Liot có tên trong *Liệt truyện* (q. 28 Bá đa Lộc), tuy *Liệt truyện* lẫn với P.Ginestar (sẽ nói sau).

(2) Thư triệu hồi Long-Xuyên gởi cho J. Liot cùng năm 26-8.

(3) Hay Mang-Thít, một ấp ở làng Mỹ-Thạnh-Trung, quận Minh Đức, Vĩnh-Long.

(4) Hải đạo thuyền (thuyền đi biển) thấy ghi trong *Thực lục, Liệt truyện.*

(5) Định-Tường còn có tên xứ Tầm-Lạch. Nay còn địa danh chợ Lách, một quận của tỉnh Vĩnh-Long phía bờ tây Tiền-Giang.

(6) Liêm úc của *Thực lục.*

Tây-Sơn ra hàng. Cai cơ Nguyễn tấn Văn hàng Tây-Sơn ở trận Giác Ngư năm ngoái nay cũng trở về. Sau đó là Lê-văn-Duyệt, Nguyễn văn Khiêm bị bắt sau trận Đồng Tuyên và dư đảng Đông-Sơn do Nguyễn-văn-Thành chiêu dụ.

Tháng 10 âl, Nguyễn-Ánh chịu một cái tang đau đớn Chu văn Tiếp quá hăng hái, tiến sâu vào trận địa chết đồi mạng với Chương tiền Bảo ở Mang Thít. Trương văn Đa vội rút về Long-Hồ, sai người cấp báo Qui nhơn.

Nhưng quân Xiêm hoành hành dữ Ánh, kêu với cận tướng (1) rồi bỏ ra các hải đảo, gặp Bá đa Lộc ở Thổ châu vào tháng 12/1784 (khoảng 11 âl), than thở với ông này rằng: người Xiêm lừa gạt ông, lấy cớ lập lại quyền binh cho ông chỉ để dùng danh vị ông mà cướp bóc dân chúng và bắt sống ông thôi» (2). Trong khi đó, các tướng ông còn lại ở lục địa cố gắng tìm chiến thắng. Lê văn Quân tiếp tục công việc Chu văn Tiếp làm Khâm sai Tống Nhung đem Chưởng Cơ Đồng tiến chiếm Bà lai, Trà lọt.

Nhưng không lâu, tháng chạp giáp thìn, Nguyễn-Huệ kéo quân vào. Chạm với một kẻ địch «lạ tay», Nguyễn-Huệ đánh mấy lần không thủ thắng đã có ý rút quân về. Vừa lúc một hàng tướng của Nguyễn Ánh, Lê xuân Giác, liền cho Huệ kế phục binh, đánh mạnh, bất thần, hợp sở trường viên tướng trẻ mà đầy khả năng này.

Huệ đem bọn lính thiện chiến mai phục ở Rạch Gầm Xoài Hột (3) rồi dụ quân Xiêm tới. Quen mùi chiến thắng quân Xiêm tiến sâu vào trận địa bị đánh úp tan tành, chỉ còn vài nghìn người lần trốn theo đường bộ Cao Miên chạy về nước. Thực là một chiến công làm choáng váng địch quân. Nguyễn Ánh từ nay không trông cậy gì ở viện binh Xiêm nữa «Họ sợ Tây Sơn như sợ cọp».

---

(1) *Thực lục chính biên* q. 2, 14a.

(2) Pigneaux thư 20 Mars 1785 ở Pondichéry (A. Launay III, 91).

(3) Sầm Giang, Xuy Miệt của *Thực lục — Liệt truyện*. Binh Xiêm bại ngày 8 tháng 12 Giáp thìn (18-1-1785) như lời Nguyễn Ánh kể trước.

Nguyễn-Ánh chạy về Trấn-Giang sai cai cơ Châu-Phúc Trung tâu sự tình lên Nhị Vương Xiêm quốc. Cuộc đời lao đao bị săn đuổi lại bắt đầu qua Thổ-Châu rồi Cổ-Cốt. May mắn hơn, lần này có quen sẵn, ra Cổ-Cốt, Nguyễn-Ánh gặp cai cơ Trung đem binh Xiêm rước. Tháng ba năm Canh Tuất, với các tướng tòng vong, trên 5 thuyền và 200 binh, Nguyễn-Ánh lủi thủi vào Vọng-Các.

Nhưng hy-vọng chưa dứt, ông còn mong chờ. Trong khi đó Tây-Sơn lại bắt đầu tính chuyện tuôn đổ sức mạnh có sẵn của họ ngược lên phía Bắc, cưỡng bách đám dân chúng ở đây nhìn nhận oai quyền, giá trị của kẻ bà con phương xa về đã thu nhặt được trong chuyến viễn du mấy trăm năm cách biệt.

CÔNG-TY GIẤY VÀ HÓA-PHẨM ĐỒNG-NAI

(Société de Papeterie et de Produits Chimiques du Donnai)

COGIDO

CÔNG-TY NẶC-DANH VỐN 213.180.000$00

Trụ sở *17, Bến Chương-Dương, SAIGON*

Nhà máy *An-Hảo — BIÊN-HÒA*

Văn-phòng Thương-Mại *3, Võ-Di-Nguy, SAIGON*

Điện-thoại : 25.659

▽

CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI

Giấy in — Giấy viết

Giấy bìa — Giấy gói

Giấy Duplicateur — Giấy Bristol

Carton DUPLEX — Carton gris

Carton paille

NGANG HÀNG VỚI SẢN-PHẨM NGOẠI-QUỐC

dân ĐẠI-VIỆT

ở cuối thế-kỷ XVIII

▼ TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

Trên con đường phát-triển của đôi bên Tây-Sơn và Nguyễn, dần dần đưa đến chỗ biến đổi thế quân bình có lợi cho Gia-Định, chúng đã phân tích ảnh hưởng bên ngoài cùng thái-độ, công việc của bọn cầm quyền. Nhưng ta cũng không quên rằng thấp thoáng sau những sự-kiện chứng dẫn vẫn có bóng quyền uy, mồ-hôi nước mắt của đám dân chúng đã đưa Quang-Trung đến trận Đống-Đa, mời gọi Nguyễn-Ánh về Gia-Định, nghĩa là thúc đẩy lịch-sử đi theo bước tiến của nó mà chính họ, họ cũng không hay biết gì. Trước khi bước gấp tới để nhìn đôi bên thanh toán nhau, chúng ta hãy dừng lại sống cuộc sống không tên không tuổi của người xưa vào thời đó qua những tài-liệu quá hiếm-hoi, quá vắn tắt đã để lại.

Bản-đồ nhân chủng Đại-Việt vào hậu bán thế-kỷ XVIII có khác với bây giờ, nhất là ở miền Nam-Hà. Trên con đường tràn về Nam, đám nông dân đồng bằng tiếp xúc với những nhóm thiểu số hoặc từ đời nào vẫn có cuộc sống bộ lạc, dời đổi, như các sắc dân phía Tây, hoặc đã từng là phần tử của những quốc-gia hào-hùng trong quá khứ như Chiêm-Thành, Chân-Lạp, hoặc là những kẻ từ phương xa đến, những con chim đi tìm đất lành như Tiêm, Trung-Hoa... Chúng ta đã thấy sức mạnh của Nam-Hà dựa trên sự kết hợp nầy như thế nào rồi. Tuy nhiên các phần tử không phải đã được nhất hóa — cũng như ở Bắc-Hà, tuy nơi nầy trình-độ hòa hợp đã cao hơn — Các nhóm sẽ hướng về trung-ương mà lần lần biến đổi.

Trước nhất là dân Chiêm-Thành. Khoảng 1773-74, chúng ta đã gặp họ tụ đoàn xa nhất về hướng Bắc là Thạch thành ở Phú-Yên. Nữ chúa Thị-Hỏa của họ đã hưởng ứng với Tây-Sơn và bị Tống-phúc-Hợp giết. Nhóm thứ hai quan-trọng hơn, ở Bình-Thuận, được Nguyễn đặt riêng là Thuận-thành trấn, từ Kế Bà tử đến chưởng cơ Tá vẫn thế tập kế truyền.

Từ năm 1782, Tây-Sơn vào, Tá đem vàng bạc ra hàng. Từ 1788, Nguyễn-Ánh về, Tá đem quân lên núi giết quân Ánh, biến thành một tiền đồn quan-trọng của Tây-Sơn. Khi quân Nguyễn ra đến dhan-Rí, Nguyễn-văn-Hào dẫn bắt giết Tá. Từ đó hết vương hiệu. Ánh phong cho Nguyễn-văn-Chiêu làm Chưởng cơ, Nguyễn-văn-Hào, Nguyễn-văn-Chấn làm Cai cơ coi trấn Thuận-thành. Các tên đó vốn là Nguyễn hóa rồi chứ thật ra Chiêu tên Môn Lai Phù Tử, Hào tên Thôn Ba Hú, Chấn tên Bộ Kha Đáo. Sau Chiêu được phong Tán Lý theo quân Nguyễn-Ánh đánh giặc trở thành một viên quan triều trong khi Hào lên thế coi 3 sóc Chữ-trực-trà-dương, Tiểu-trà-dương và Đại-trà-dương có Chấn phụ-tá, đều thuộc về doanh Bình-Thuận. Sau đó vào đầu 1793, lại thêm hai sóc nữa về hàng là Phố-Châm và Ba-Phủ.

Nguyễn-Ánh lo tổ-chức cai-trị trấn Thuận-thành. đặt Lịnh-sử-ty 10 người coi xét công việc trong trấn. Sưu dịch mà họ phải làm ngoài binh vụ là bắt voi nạp, lập An tượng cơ dạy voi cho thuần để dùng trong chiến-tranh. Thuế mà Gia-Định đánh vào họ là thuế trầm hương, kỳ Nam, thuế lúa thay tiền nạp. Ruộng ở đó thường bị khô cháy không cày cấy nên được miễn thuế. Ruộng Trà-nương ở xứ Long-Hương, Phan-Rí, Phố-Hài, là lộc ăn của vua Chàm cũng theo quy chế trên nghĩa là chỉ chịu thuế những khoảng nào có người cầy thôi.

Như vậy là theo với thời gian, người Chàm dần dần tham gia mạnh vào biến loạn. Họ được tổ-chức hơn nhưng cũng bị sách-nhiễu nhiều hơn theo nhu-cầu của chiến-tranh. Các trận chiến lôi qua kéo lại vùng Bình-Thuận khiến họ phải kéo nhau hơn 36 sóc

xuống phương Nam ở vùng Đồng-môn, Phước Hưng, La-Bôn (?), yên ổn hơn và xin phụ vào dinh Trấn biên. Thêm vào đó là việc người Việt nhân ruộng họ không ranh giới nhất định nên hoặc vô tình đến khai phá, hoặc cố ý xâm chiếm sinh kiện tụng dây-dưa. Cho nên họ làm loạn suốt trong mấy năm 1796, 97, 98, 99 đến nỗi Nguyễn-văn-Thành phải tâu lên «Ba phủ là mối lo bên trong của ta». Chính loạn Ba phủ, lúc dừng lúc phát, khi lẩn tránh trong rừng sâu, khi tràn xuống cướp phá, đã làm ngăn trở ít nhiều cuộc tiến quân ra Bắc (1) khiến cho những năm nầy chiến-tranh không dữ-dội như những năm sau đó.

Nguyễn-Ánh có lần đã biết phân-biệt người Chàm và người Mọi nên mới sai Tán-lý Chiêu đi làm sổ bộ để xem sách man nào của Thuận-thành, sách man nào của các đạo thì tách riêng ra (2). Sóc Ba-Phủ dữ-dội chiến đấu dai-dẳng, có tính cách rừng rú hơn đám dân Chàm ở đồng bằng, dễ tan rã hơn mỗi khi nổi dậy. Cho nên có thể họ là người Mọi và đám dân thiểu số miền Tây lúc này tỏ ra họ đã tiếp tục tham gia vào biến cuộc, trong sự phát-triển của Đại-Việt.

Một điều đáng chú ý là sự quy phục càng ngày càng đông của những người nầy về phía Gia-Định. Rải-rác đây đó, *Thực lục* ghi việc tháng 4 â. l. 1791, Mọi Bình-Khang đánh Tây-Sơn, việc Ánh kêu gọi các tù-trưởng Phồ-Châm, Ba Phủ vỗ về bọn Mọi hàng để ngăn giặc, việc mọi Đồng Hương ở Bình-Khang (1713), Thủy-Xá ở Phú-Yên (1794) ra hàng được cấp vải vóc tiền bạc... (3).

---

(1) Thực lục chính biên *q. 5, 4b, 6a chuyện tháng 9, 10 â l. (1790); q. 6, 10b, 19b ; tháng 12 â.l. (đầu 1792) q. 7, 2ab, 3a tháng 2 â l. (1794), 1b tháng 8 â.l. (1794); q. 8, 11a (tháng 11 (1795); q. 9, 5ab, 8a, 12ab, 34ab, 35ab, 37ab. Chuyện tháng 11 â l. (1796) tháng 12 cùng năm, tháng 2 â.l. (1797), tháng 6, tháng 9, tháng 10, tháng 12 cùng năm.*

(2) Thực lục chính biên *q. 5, 18ab, mục tháng 2 â. l. 1791.*

(3) *—nt— q. 4, 21b ; q. 6, 10b, 31b; q. 7, 1b, 4a, 12b : chuyện Hà-công-Thái :* Liệt truyện *q. 28, 4b.*

Các việc nầy cũng như việc Hà-công-Thái tù-trưởng Mường ở Thanh-Hóa đưa thư vào Gia-Định xin đánh giặc chứng tỏ thái-độ bất phục của đám dân phía Tây đối với Tây-Sơn. Hành-động này có thể vì uy-danh Nguyễn-Ánh lan rộng ra, nhưng đằng khác cũng bắt nguồn từ việc Tây-Sơn không có đủ để trao đổi với họ gạo lúa, vải vóc, sắt đồng... nghĩa là những thứ họ cần dùng, trong khi Gia-Định rộng-rãi hơn.

Xa nữa về phía Nam, cũng có những vấn-đề phức-tạp về chủng-tộc phải đặt ra. Ở đây, sử quan gọi người Việt là Hán nhân, người Tàu đến ở là Thanh-nhân, Dương nhân tân cựu, người Miên là Lạp dân hay Phiên dân. Chính sách tự trị, phân biệt, được thực hiện trong một chừng mực có lợi cho quốc-gia. Một người Thanh làm Chưởng cơ tên Trần-công-Dẫn được phái trông coi làm sổ bộ cho các người tân cựu Đường nhân các tỉnh kể cả binh lính. Có lẽ Lư-việt-Quan làm Tổng phủ phủ Trà-Vinh coi Đường nhân, trưng thâu quan thuế, là một người Tàu. Cũng có lẽ người Tàu là Tường-Vinh-Quan làm Đồng khấu coi ruộng muối, Lâm-ngũ-Quan làm Tổng phủ Ba-Thắc coi sóc người Miên.

Nhưng quyền bính trên cao ở Ba-Thắc thì có bề ngoài chuyển về tay người Miên: tháng 1 â. l. (1791), Ốc-nha-La làm An-Phủ ở đấy, trông coi các Phiên liêu bộ-lạc (1) Chính-sách tự trị một phần này là kết quả của những bước dò-dẫm. Ban đầu dẹp xong Phạm-văn-Tham, giết được Ốc-nha-Ốc, Ánh cũng không cai-trị trực tiếp họ được nên phải để cho một viên «phiên liêu về hàng» là Gia-tri-Giáp coi phủ Ba-Thắc. Triều-đình trông chừng bằng cách lập phủ Trấn-Di kềm chế.

Thế nhưng chính sách tự-trị rộng rãi này lại không được hiệu quả. Gia-tri-Giáp về Nam-Vang thì viên tù trưởng mới lại đánh phá lũy Trấn-Di khiến Tôn-thất-Hội, Nguyễn-văn-Trương phải đến thay thế Trương-phúc-Khoa mới dẹp yên được. Số lương quân chinh phạt lên đến 8.000 người và kết quả là đồng ruộng

(1) Thực lục, *q. 4, 35a; q. 5, 17a.*

bị đốt cháy, bọn nổi loạn bị giết chết không có Bá-đa-Lộc kịp thời can thiệp (1). Nguyễn-Ánh rút bớt quyền các tù trưởng, chỉ để bọn Ốc-nha-Kê, Ốc-nha-Nhâm-lịch dưới quyền đạo Trấn-Di, đi thu mối lợi lớn là thuế hoa chi của bọn Đường Nhân, còn các chức việc Miên (Phiên liêu) thì dưới quyền một An-phủ người Miên như đã thấy.

Việc Ba-Thắc lôi-thôi cũng vì Chiêu-thùy-Biện, viên phụ chính ở Nam-Vang. Ông nầy luôn luôn tìm cách gây hiềm khích giữa Gia-Định và Vọng-Các bằng cách báo rằng Nguyễn-Ánh đúc súng đạn để xâm chiếm Xiêm, khiến Ánh phải sai sứ sang phân trần. Việc Biện muốn chiếm lại Ba-Thắc có lúc đã được Rama I nghe theo nên khiến sứ qua Gia-Định điều đình về việc đó, nhân tiện muốn lan rộng ảnh hưởng đến vùng Hà-Tiên bằng cách xin cho Mạc-công-Bính giữ Long-Xuyên, Kiên-Giang — Ánh từ chối khéo «vì cớ Chiêu-thùy-Biện, chứ riêng người Xiêm thì đâu có tiếc!» Cho đến tháng 9 â. l. (1794) Biện phải chạy về giữ Battambang. Gia-Định nhân đó đòi Nặc-Ấn từ lâu ở Xiêm, Nguyễn-Ánh mới thoát được một kẻ làm rầy-rà nhất là khi thực lực của ông đã lớn mạnh hẳn (2). Người Việt tới, người Miên cũng không tránh khỏi nạn bị giành đất. Nguyễn-Ánh phải ra sắc bắt dân chúng phàm xứ nào ruộng đất canh tác thành ruộng rồi thì trông coi, dư ra đem chia đều mà không được ranh tụng gì cả. Còn người Tàu ngụ cư như có đất hoang có chứng quan cho khai phá thì được cấp làm.

Phân định rõ-ràng quyền-lợi, người Miên trở thành một phần tử trong quốc-gia. Cho nên Nguyễn-Ánh cũng không quên nguồn nhân lực này. Ta đã nói tới đội-binh Miên của Nguyễn-văn-Tồn, người mõ làng (dịch đình nô) sau nầy vào năm 1795

---

(1) Thư Le Labousse cho 1 người trông coi chủng viện các Phái Đoàn Truyền-Giáo 13-12-1790. A. LAUNAY, de la Société des Missions Étrangères, Documents Historiques sur la Mission de Cochinchine, Tome III, Paris, 1925, 290.

(2) Thực lục *q. 5, 9a, 32b; q. 6, 5b, 3ab; q. 7, 12ab.*

cùng với 1.600 binh chánh phó trưởng-chi Miên binh ở Tiền du đạo (Mang-Thít) Ốc-nha-Diệp, Ốc-nha-Oa đi trấn ở Bà-Rịa (1). Chúng ta cũng biết đến đoàn quân Miên 5.000 người cùng 10 voi do Caolahâmsâm có mặt ở Qui-nhơn trong trận phá vây cho Võ-Tánh. Tất cả vừa đủ để chứng tỏ sự tham gia của họ vào chiến-tranh. Điều đáng lưu ý là theo với thời gian, lối sinh sống của họ cũng như những đám thiểu số khác dần dần Việt hóa đi. Lịch sử Đại-Việt có họ thêm dồi-dào, phức-tạp, thêm yếu tố thúc đẩy năng-lực tiến thủ, cần-thiết cho bất cứ một tập thể nào muốn sinh-tồn và đã lớn mạnh.

Những sự-kiện chứng dẫn trên nhìn xét trong giao-tiếp từng khối người, trên bình diện chính-trị quốc-gia, không làm cho chúng ta quên người dân sinh-hoạt trong hằng ngày. Thực ra chúng ta còn thấy họ, khi chúng ta về thăm lại những làng, sóc miền quê, nhìn lại chung quanh ta. Điều ấy xác quyết được vì sự tiến-bộ khi bao hàm đổi thay cũng có ý-nghĩa là cái gì được giữ lại. Tuy nhiên, không vì lẽ đó mà chúng ta lẫn-lộn hiện tại với quá khứ, nhất là khi quá khứ có chứng tỏ đã quan sát vào lúc đương thời của nó.

Sinh-hoạt thường ngày (1) khác nhau tùy theo cách khai thác sản-vật. Trên miền núi hay bìa rừng người ta sống với một lề lối lượm hái săn bắn có khi được tổ chức khá cao. Ở Nghệ-An dân tổng Hữu-Đạo, huyện Thượng-Du phải đi lấy vỏ quế và sáp ong vàng để thượng tiến» (2). Việc lấy sáp vàng thấy

---

(1) Thực lục q. 7, 24ab.

(2) Những bằng chứng về sinh-hoạt kể ở từ đây, nếu không chú rõ xuất xứ, thì đều lấy ở những điều mà nhan viên phái bộ Macartney quan-sát ở Tourane (Quảng-Nam). Đành rằng sinh-hoạt có khác nhau từng địa-phương nhưng vào khoảng 1793 nước Đại-Việt đã trải qua nhiều biến chuyển gây ra sự đồng nhất về sinh-hoạt giữa lớp dân chúng vốn đã gần nhau nhiều trong khung cảnh kinh-tế nông nghiệp và ý thức hệ Tam giáo.

(3) Tờ sức về việc thu thuế lâm-sản ngày 9-4-1790 đã dẫn, Tự-do *số 1757, 19-1-1963.*

CẢNH TRƯỜNG THI

(Thời vua Lê chúa Trịnh)

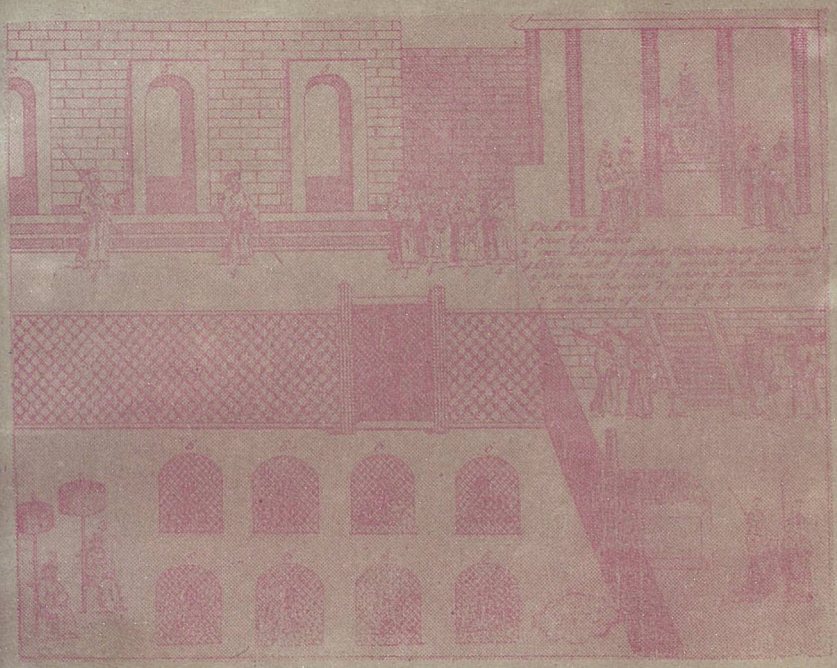

Trích từ « P. Boudet và A. Masson, Iconographie historique de l'Indochine française » Pl. VII, fig. 9.

ĐI CÁNG

(Thế kỷ 19)

Trích ở « Journal of an Embassy from the Governor General of India to the Courts of Siam and Cochinchina » của John Grawfurd (1783-1868) đăng lại ở « Iconographie historique », sđd, Pl. XXIII, fig. 45.

« SINH HOẠT VĂN NGHỆ » Ở NAM KỲ
(Cuối thế kỷ 18)

Trích từ « A voyage to Cochinchina » của John Barrow, đăng lại trong « Iconographie historique de l'Indochine française », sđd, Pl. VIII, fig. 10.

DÂN NAM KỲ
(Cuối thế kỷ 18)

Ảnh của « John Barrow », sđd, Pl. VIII, fig. 11

có khắp nơi trên đất Việt (Hoàng-lạp-nậu của Gia-Định) nhưng quế là đặc-biệt ở vùng Thanh-Nghệ — Quảng cũng như trầm hương kỳ nam thấy nhiều ở phía Nam, nghề-nghiệp của dân mọi Bình-Khang, dân Chàm... Dân mọi len-lỏi hái trầu chuyền qua các nguồn. Trầu nầy lá to, đậm vị, trồng ở vườn nên được ưa chuộng hơn. Ngoài ra ngà voi, sừng tê là những sản phẩm có danh ngoài xứ.

Người dân miền núi dữ-dằn, đen điu thì người dân đồng vẻ mặt trông nhẹ-nhõm hơn, nước da ít sậm hơn, lễ phép, đáng yêu, lành và giản-dị. Người nông-phu, theo nhận xét của người ngoại-quốc, có dáng lanh-lẹ và thông-minh — Đàn bà nhiều hơn đàn ông và cũng làm việc đồng áng nhiều hơn. Ruộng thì có ruộng núi nhờ nước trời mưa và ruộng đồng.

Ở vùng quê Quảng-Nam ruộng cắt thành từng mảnh giữa những lối đi nhỏ. Các rạch dẫn nước từ sông vào. Ruộng nào nước không tới thì người ta tưới bằng vò. Tuy nhiên có hệ-thống dẫn thủy nhập điền được trông nom chu đáo bằng những công-cụ khá tinh xảo như các xe nước ở Bắc Bình-Định và Quảng-Ngãi. Người ta cày với hai con trâu kéo. Cái cày toàn bằng gỗ. *Thực-lục* có dẫn việc cấp ngưu canh điền khí cho những người ở đồn-điền trại, việc trâu bò của Kiến-Hòa phải chết dịch nhiều.

Người dân chài có khi sống cả năm trên các ghe mui cong. Muốn cho những đứa bé, nếu rủi có rớt xuống nước khỏi chết trôi, người ta cột vào cổ chúng những cái phao to. Các ghe giản dị nhất thì bằng tre đan rồi quét vôi lên. Nhưng cũng có thuyền gỗ thường dùng làm bằng 5 tấm ván ghép chung với nhau, không cần sườn nâng đỡ. Chúng được uốn cong bằng lửa rồi nối bằng các cột nhỏ và tre chẻ nhỏ làm dây lạt cột. Chính dân chài tự đóng thuyền lấy và họ xử dụng nhiều đến các ngón chân phụ giúp các bàn tay khiến chúng cứng khều như bàn chân vậy.

Việc buôn bán những thổ sản đối với các nghề nông, chài

thật đã đem lại nhiều mối lợi lớn hơn. Chúng ta đã thấy Nguyễn-Nhạc buôn trầu (hiểu với nghĩa buôn qua các nguồn: lâm-sản đi xuống, cá muối, kim khí đi lên) nên «nhà khá giả». Chúng ta cũng biết đến đám các lái vận-chuyển bằng ghe thuyền ở Bắc-Hà, đồng bạn với thân sinh Nguyễn-hữu-Chỉnh. Xứ Đồng-Nai dưới quyền Nguyễn-Ánh, việc mua bán phát-đạt đến nỗi, sứ bộ Cao-miên Ốc-nha-Tha-La-Ma, Ốc-nha-sa-Thi, nhân đi cống đem theo 14 thuyền, 140 người có dư để đi buôn khiến cho dinh Vĩnh-trấn phải náo-động (1). Sự giao-tiếp với người ngoại-quốc sinh ra một hạng đàn bà làm áp-phe, làm vợ bé, dùng việc nầy để được việc kia, đến có khi được chồng đồng ý cho phóng-túng. *Tang-thương ngẫu lục* (2) có chép chuyện sinh một đứa con lai, kết-quả của cuộc chung đụng đó.

Kỹ-thuật dựa trên kinh-nghiệm cũng được người Anh khen. Họ ngạc-nhiên về việc người dân Quảng-Nam biết dùng bẹ chuối đắp lên trên một lớp mỏng đường đen để rút mật còn lại một thứ đường trắng tinh-khiết. Đồ gốm làm ra rất sạch-sẽ. Còn về nghề nấu quặng họ đã lấy được sắt tốt đúc súng mồi lửa (hỏa hồ?), lao phóng và các thứ khí-giới. Điều nầy làm ta nhớ đến các cục tượng của Nguyễn-Ánh. Thành Chà-Bàn ngày nay có một làng dân chuyên nghề lò rèn. Chắc đó là hậu duệ của đám dân chế võ khí cho Nguyễn-Nhạc, Quang-Toản vậy. Quan-sát viên không thấy ở Quảng-Nam dấu vết của họa-phẩm, điêu-khắc phẩm. Le Labousse có nhắc tới một người ở Gia-Định không học gì hết mà có thể làm được các đồ vật bằng ngà (3). Thực ra, về tiểu công-nghệ, nếu quan-sát viên đến thăm miền Bắc hẳn sẽ thấy có nhiều điều ghi chép hơn.

Cơm ăn thường ngày lẫn với một ít gia-vị, mỡ súc-vật. Bữa cơm của viên trấn-thủ Tourane đãi phái-đoàn Macartney khá

---

(1) Thực lục chính biên I, *q.5, 17b, tháng 5 â.l. 1791.*

(2) *Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất bản, Saigon, 1962. 89.*

(3) *Thư Le Labousse 3-12-1790 A. Launay, III, sđd, 280.*

thịnh-soạn. Có những đĩa đựng thịt heo thịt bò xắt miếng vuông chấm nước rất ngon (nước mắm?). Có những đĩa đựng cá, thịt gà vịt hấp (luộc?) và rất nhiều trái, mứt. Số đĩa dàn ra ba hàng đến hơn 100 cái. Trước mặt các thực khách, các bát cơm và hai lông nhím để xiêng thịt. Các thìa bằng sứ như bây giờ. Sau bữa ăn người ta mời giáp vòng uống các ly rượu để nhỏ. Không thấy Tổng-trấn mời người Anh thưởng-thức những chen trà tàu mà Phạm-đình-Hổ thèm tiếc (1).

Khách ngoại-quốc ngạc nhiên sao ta không biết dùng rượu vang, tuy dây nho mọc đầy núi. Thuộc vào hàng chất say, họ chú ý tới trầu cau. Người ta đựng trong một túi lụa, treo nơi lưng quần và có nhiều ngăn. Người giàu có đầy tớ mang theo ống điếu hầu. Nhưng chính họ lại mang theo trầu cau trong một túi nhỏ bỏ vào ruột tượng quàng từ trên vai xuống dãy lưng. Gói trầu là một trong những vật kề vào đồ mạc chính. Ở Quảng-Nam có rất nhiều bông vải. Trẻ con lột lấy múi bông rồi đàn bà kéo sợi, dệt vải, thường đem nhuộm chàm đi. Dân chúng cả đàn ông lẫn đàn bà, đều mặc những cái áo dài thật rộng, cổ chật, trước ngực nhiều lần xếp, cánh dài phủ cả bàn tay. Người quí phái mặc áo trùng, cập đôi cập ba. Áo thứ nhất dài chấm đất, chiếc ngoài cụt hơn một chút. Cứ như vậy, nếu có cập nhiều màu thì ta thấy có hình-dạng cầu vồng sặc-sỡ. Đồ lót gồm có một áo cánh lụa hay vải và không quần cụt, quần dài cùng thứ vải với áo.

Phạm-đình-Hổ cho biết (2) người ở quê mặc áo vải trắng to, học-trò hay người thường lúc việc công mặc áo xanh lam (thanh cát) hoặc sầm, hoặc lợt, hoặc sừng lúc có quốc tang, lúc thường mặc áo thâm. Đàn-bà miền Bắc vẫn mặc váy (3).

Đàn bà đội nón, không đội mũ. Đàn ông hoặc lấy khăn chí

---

(1) *Tuyết trang Trần-văn-Ngoạn dịch.* Tồn cổ lục, *NP, V, 137.*

(2) Vũ trung tùy bút, *Nam-Phong XXI, 462, 63 hay Tồn cổ lục IV206*

(3) Hoàng Lê.... *36.*

đầu hoặc đội các thứ nón tu lờ của nhà Sư (cư diện), nón sọ nhỏ (xuân lôi tiểu) nón vỏ bứa (toan bì) (1). Tất cả đều đi chân đất. Nhưng ta thấy người sang di chuyển bằng ngựa, bằng cáng như Tây-Sơn lúc khởi loạn, bằng võng « mành mành cánh sáo » (2).

Trên một bức họa của Jh. Barrow để lại (3) chúng ta thấy một nhóm người ngồi chơi ngoài trời. Ở mặt tiền bên phải một người có vẻ lính, vì có dáo dài, có tấm khiên đánh giặc, đầu vấn khăn, quần cụt, ở trần lộ những bắp thịt rắn chắc. Trước mặt anh ta là một bàn cờ tướng. Phía sau anh ta, và ngồi nhìn thẳng nguyên mặt là một người đàn bà tóc vấn, ở trần hở ngực, nét mặt nhẹ-nhõm, thanh-tú như J. Barrow đã công nhận. Những người bên trái hoặc ở phía sau nữa, có vẻ sang hơn: một ông già mặc áo rộng thùng thình, những người đội nón lá chóp đã tơi, che thêm cái dù và có người đội nón thượng. Tất cả đều có vẻ thư-thả ung-dung, trong một khung cảnh nhàn tản như túp lều ẩn sau hàng cau làm nền cho bức vẽ.

Đám quân lính thì có điều đặc-biệt hơn. Quân Tây-Sơn mang dáo rất dài trang-trí bằng một cục tua nhuộm đỏ và màu đỏ nầy không ai được mang ở áo quần cũng như vật dụng và chỉ dành riêng cho quân đội thôi (thì ra họ vẫn giữ-gìn được mối quyến-rũ của lá cờ đỏ những ngày mới nổi dậy). J. Barrow tả lính Gia-Định không đồng phục về màu sắc cũng như kiểu mẫu. Thường ra, một chiếc khăn quấn đầu đôi khi trùm khắp, một cái áo cánh hay áo chẽn xuề-xòa với một quần cụt là trang-phục của lính. Nhưng

---

(1) *Các số*) Nam-Phong *trên IV, 205, XXI, 461, 462, Phạm-đình-Hổ kể các thứ nón riêng cho từng hạng người, kinh kỳ (nón cồ chầu) trẻ (tiểu liên diệp), lính (trao lạp) người hầu hạ, vợ con (viên đấu) sư, có tang (Xuân lôi đại)... nhưng trước đó soạn giả có nói đến việc thay đổi ăn mặc, giao tiếp dưới đời Trịnh-Sâm.*

(2) *Đông châu Nguyễn-hữu-Tiến dịch chuyện « mẹo kẻ cắp » NP XXI, 124.*

(5) *P. Boudet và A. Masson,* Iconographie historique de L'Indochine fse. *Bản VIII, hình 11.*

khi triều-đình có việc thì họ mặc đặc-biệt hơn đội mũ giấy bìa cứng treo đuôi bò màu đỏ loét.

Các áo chiến choàng ngoài và các vạt áo lấm chấm thì hoàn-toàn theo kiểu cách Trung-Hoa (1).

Đời sống thường nhật đó không phải lúc nào cũng êm-đềm trôi qua. Trong giai-đoạn chiến tranh này, dân chúng đã trải qua những tai-họa khủng-khiếp. Ta đã nói đến những thảm cảnh đói ở Thuận-Hóa năm 1775, tưởng-tượng trận dịch tề làm hao mòn 1/2 quân Trịnh ở nơi đó rồi. Hãy nghĩ thêm những khi lính tráng đắc thế như lúc loạn kiêu binh. Họ phá nhà Huy quận-công Hoàng-đình-Bảo «không còn mảnh ngói», phá cả nhà «những quan thị mọi ngày có tính khắc-khổ mà quân lính vẫn ghét. Họ còn lùng những người đó mà giết nữa là khác». Trịnh-Tông chém một người để thị oai, thì việc phá nhà tạm ngừng, nhưng việc bắt người vẫn chưa thôi hẳn» (2). Dân chúng ở Quảng-Nam Thuận-Hóa cũng phải chịu áp bức của những người có chút chức vị và bọn lính tráng tàn ngược. Ở Gia-Định lính và cả quan cũng đi trộm cướp, có người chức khá lớn như Cai Cơ Nguyễn-vănTriệu, Ngô-công-Thành, Nguyễn-văn-Đại ở dinh Vĩnh trấn. Cấm vệ binh của Nguyễn-Ánh được ưu-đãi, quyền lớn nên có kẻ giả mạo để đi ăn cướp khỏi bị tội khiến Ánh phải lập thẻ lính để kiểm soát.

Cho nên khi tình thế đảo ngược, có dịp trả thù là dân chúng không từ nan. Quân Trịnh đóng ở Huế khi bị Nguyễn-Huệ phá vỡ chạy ra ngoài thành đều bị dân chúng giết chết. Kiêu binh ở tứ trấn khi Nguyễn-Khản ủng hộ Trịnh-Khải chống họ, họ phải trốn đi qua các làng xóm buột miệng nói lộ ra tiếng Thanh-Nghệ đều bị dân quê bắt giết, phải giả làm người câm ăn xin cùng đường. Một hoạt cảnh mà *Hoàng-Lê...* kể lại nói lên đầy đủ thái-độ dân đối với quan và lính trong thời loạn:

---

(1) *G. Taboulet dẫn của J. Barrow* La geste française en Indochine, *Tome I, Paris, 1955, 257.*

(2) Hoàng Lê Nhất Thống Chí *bản dịch Ngô Tất Tố, Sài-gòn Tự do xuất bản, 1958, tr. 30.*

Khi Tây-Sơn vào Thăng-Long, kiêu binh chạy ra các làng bị dân quê kể tội kiêu lộng ngày trước không chứa chấp và làm nhục-nhã đủ đường. Có người cởi trần trùng-trục hốt-hoảng ở phía trong thành chạy ra khi qua cửa Ô bị dân ở đó trông thấy, và chỉ mặt nói:

«Thằng bụng phệ kia có lẽ là lính Nhưng kiện lôi cổ nó lại mà đánh chết đi».

Người ấy vội đáp:

— Không phải, ta là quan Huyện úy Huyện Thọ-Xương đây.

Mọi người cùng cười:

— Người ta vẫn bảo «ông Huyện to bụng» thật không sai

Người ấy cũng cười rồi đi. (1)

Ở những nơi không có đánh nhau họ vẫn phải chịu ảnh hưởng nặng-nề khi các đối-phương thấy rằng muốn thắng được địch họ phải tận dụng sức lực, tài-năng dân chúng. Ta đã thấy điều đó ở vùng Tây-Sơn. Nguyễn-Ánh cũng không thế nào làm khác hơn. Thiếu lương mễ, đóng thuế, dân góp. Thiếu gỗ ván làm thuyền đánh giặc, dân góp. Thiếu gỗ ván làm thuyền, vận lương, dân đóng mỗi người mạnh hơn 3 quan, già yếu bệnh tật một nửa. Thiếu áo cho cho lính mặc, dân phải nạp vải. Đến đi lính mà cũng không tránh được đóng góp. Để dự bị đánh Tây-Sơn vào giữa năm 1789, Ánh bắt thu lương riêng của quan quân. Đánh giặc nửa chừng (tháng 4 â.l. 1795) Ánh kêu Cảnh ở Gia-Định bắt bọn phủ binh, thuộc binh, lạc tòng quân không đi đánh giặc mỗi người nộp hai vuông gạo. Cho nên dân phải trốn tránh. Đến dân đồn điền càng không sung sướng gì hơn. Họ trốn nhiều đến nỗi Hộ Bộ phải ra lệnh bắt cai trai mộ người bổ sung, hạn 15 người là đủ số, trong tháng không xong thì phải đi làm lính (2). Tuy

(1) Hoang Lê... 76.

(2) *Theo thứ-tự thời-gian* Thực lục *q. 4, 1b, 14a; q. 6, 12b; q. 7, 30b; q 8, 7a, 13b; q. 10, 14a.*

nhiên, qua đói kém, chiến trận, người dân lại cày cấy, cất lại nhà thờ khiến các Giáo-sĩ phải ngạc-nhiên về năng-lực xây-dựng của họ. Rồi ngay trong những lúc rảnh rỗi, họ cũng biết tìm cách giải-trí

Phái-đoàn Macartney ngạc-nhiên về một đám người 7, 8 người chuyên nhau đá kiện không để rớt xuống đất. Họ tả kỹ trái kiện làm bằng một miếng da thuộc khô, cuốn lại bằng một sợi dây. Có 3 sợi lông dài cắm vào trong miếng da phía trên tỏa ra nhưng đằng dưới túm lại chui qua các lỗ cách nhau khoảng nửa phân ở giữa một đồng tiền. Có hai ba đồng tiền như vậy để làm đầm cái kiện.

Khi rảnh rang người ta cũng đi coi hát, người Anh không biết họ diễn hài-kịch gì (có lẽ là buổi hát chèo, bài chòi) nhưng thấy một người già làm vẻ tức giận và một thằng hề chọc cười đáng gọi là có tài. Người đi xem vây quanh rạp, có người leo lên cây nhìn vào đám hát cũng như đám khán-giả, Macartney được mời đi xem một vở tuồng hát bội vào bữa 4-6, kèn trống hợp-tấu, diễn-tử cũng nhịp-nhàng như «sân-khấu» ý. Đám đào ca hát rất đúng nhịp và cả tay chân thân mình uốn éo cũng rất uyển-chuyển đều-đặn như bức hình ghi lại cho ta thấy thêm (1). Ca nhi cũng nhiều ở Gia-Định nhưng Nguyễn-Ánh lại tìm cách cấm ngăn lẫn lộn trong quan quân. Ngoài ra các trò đá gà, đá cá, đánh bạc cũng là những món giải-trí thông thường (2).

Sống vui buồn lẫn lộn như vậy, dân chúng cũng biết để ý đến những hiện tượng siêu hình. Các lễ tiết, tin tưởng mà chúng ta vẫn còn thấy quen thuộc vừa là dịp vui chơi vừa là

---

(1) *P. Boudet et A. Masson*, Iconographie historique de l'Indochine, *bản VIII, 10.*

(1) Thực lục chính biên I, *q. 8, 28b mục tháng 8 â.l. 1796. Văn võ thần Nguyễn văn Trương, Nguyễn văn Thành Lê văn Duyệt, Nguyễn văn Khiêm Nguyễn Thái Nguyên, Lê Quang Định... đá gà đá cá, đánh bạc ăn thua hàng trăm, ngàn.*

dịp cho họ cầu mong thần-thánh giúp đỡ họ qua nguy khốn như người dân chài ở Tourane (Đà-Nẵng) lên bộ cầu xin gia đình yên ổn, chuyến ra khơi đầy lưới. Trên các cành cây to hay ở trên các nơi cao khác, họ dựng trang thờ, đặt vào đó cơm, đường và các thức ăn được rồi đốt trầm lên khấn-khứa.

Trong dân gian đầy phù-thủy, ông đồng, bà bóng mà Nguyễn-Ánh bắt ngăn cấm, không thì đánh roi, phạt xay lúa giã gạo. Tục lệ bị khinh khi nhưng thực ra nó bắt nguồn từ trong tin tưởng của rất đông dân chúng, nên ảnh hưởng rất là to tát. Chúng ta lưu ý rằng tin tưởng đồng bóng là được thể chế hóa ở vùng Trịnh bằng Đạo nội. Chuyến về Nam, màu đỏ của phái đạo đó trở nên một khích động, linh hồn quân tướng Tây-Sơn, nói lá cơ, nơi sắc áo lính tráng. Tất nhiên không khí thần bí đó gặp mảnh đất tốt của sinh hoạt bộ lạc của tư tưởng Chiêm-Thành, của các hội kín Minh dân lưu vong lại càng nồng nàng thêm khiến kết thành một phong trào quấy đảo dữ dội mà chắc cũng là một nguyên nhân khiến Nguyễn-Ánh thù ghét các ông đồng bà bóng cứ tưởng là vô tội vạ. Cấm đoán một phần cũng có ý nghĩa là chính quyền trừ khử bởi những hành vi tiêu cực làm cản trở việc tổ chức Gia Định: Bắt bà đồng bỏ nghề đi xay lúa, giã gạo cũng như bắt người Miên làm biếng, ham chơi phải đi lính thôi.

Tin tưởng đồng bóng của dân chúng có vẻ như hoặc thâm nhập, hoặc lấn át xua bên lề xã hội sinh hoạt tôn giáo của những người thờ Phật. Cuộc sống tu hành khuất lấp, dửng dưng, vô tội đến nỗi một người điềm chỉ cho Ngô-văn-Sở đi bắt Lê-Chiêu-Thống, đã tỏ cái dễ dàng của công việc bằng 1 câu ví tức cười:

«Như vào chùa trói một lão sư đi mà thôi.»

Bởi vì chính yếu là sự tin vào con người có linh-hồn, không phải là một thứ linh-hồn vô tội, như một xuất-hiện của bản ngã mà là một thứ linh-hồn có xúc-cảm, có quyền phép. Tin-tưởng

đó, ta còn thấy chung-quanh ta, nhưng nghe một linh-mục, khi tả cảnh xài phí của đám chuyển linh-cữu Trịnh-Sâm về thành, ta biết rõ hơn những điều đã gây nên ngạc-nhiên cho người ngoại-quốc:

« Vào tháng Giêng 1783, người ta mang xác chúa đến mộ, xa kinh-thành vài ngày (...). Người ta khó mà tưởng-tượng được đã phải tiêu-phí như thế nào cho đoàn rước ấy. Ngoài một số nhiều bàn dọn ê-hề mọi thứ đồ ăn cúng người chết mỗi ngày nhiều lần và phải suốt 3 năm theo tục lệ, người ta thấy khắp chỗ, vải vóc, tơ lụa quý báu để trang-trí phần mộ và những cơ-sở mê-tín xây lên cho người chết.

Vàng lóng-lánh trên ghế, trên kiệu, và trên mọi đồ dùng tang-lễ; nhiều chiếc thuyền lớn đều lát vàng. Tất cả những gì để tráng-lệ đó cũng như tất cả những đồ dùng thường ngày của Chúa đều thiêu đốt đi để Chúa dùng bên kia thế-giới ».

Thế-giới đó, nơi trú-ngụ của linh-hồn người thường-dân, là địa-ngục, là âm-phủ. Thế-giới chúng ta sống là hạ giới. Khoảng vô hình quanh ta có những con ma ở kinh Đôi. Ma trêu ghẹo quân-lính Tây-Sơn, con tinh, ông thần phù-hộ cho người chài lưới Đà-Nẵng được mùa cá. Còn linh-hồn Trịnh-Sâm chắc là lên thượng giới nơi có thượng-đế, ông trời với cả một triều-đình y như dưới này vậy.

Trên mảnh đất Đại-Việt, những bè phái có chống đối, chém giết nhau nhưng cũng đều chia xẻ tin tưởng ấy, rõ ràng hay mơ hồ tràn-trề tình-cảm tôn-kính sợ hãi hay cứng cỏi trong lý-luận là còn tùy từng người. Nguyễn-Ánh và Trịnh-Hoài-Đức đều ý-thức rõ ràng nước ta không lấy Phật-giáo làm quốc-giáo như Xiêm mà gọi vua là Thiên-tử, Thiên-vương. Nguyễn-Nhạc của Tây-Sơn, giản-dị, xuề-xòa hơn, để cho dân-chúng gọi mình là vua Trời.

Những ngày còn cướp bóc, phải phá nhà thờ, lấy chuông chùa, Tây-Sơn vẫn giữ tục-lệ thông-thường như L. M. Ginestar cho biết: « Bọn vô thần cấm tất cả mọi tôn giáo hành lễ trừ đạo đời Lê, nghĩa là đạo Trời dạy những gì là thiện và những phép tôn-trọng tổ-tiên » (2).

(1) *Thư Giáo-sĩ Serard 6-1783 — RI. t, XIII No. 6, 521.*

(2) *Thư trích trong* La Guerre et la révolte des Tây-Sơn d'après les Franciscains Espagnols de Cochinchine, BSEI, *XV, 1940, p 91.*

vua QUANG-TRUNG qua chính sử của triều NGUYỄN

Bản dịch phần Ngụy Tây liệt truyện
từ trang 17 b đến trang 43 b trong
Đại Nam Chính biên liệt truyện — *sơ tập, q. 30*

■ *TẠ QUANG-PHÁT*

Tuy bị triều Nguyễn biếm xưng là Ngụy Tây vua Quang-trung với những hành động anh hùng, những chiến công cái thế vẫn nổi bật lên là một hoàng-đế chính thống của Việt-sử, một anh hùng của dân tộc.

TẠ QUANG-PHÁT

Nguyễn Văn HUỆ là em của Nguyễn Văn Nhạc, tiếng nói như tiếng chuông to, mắt lập lòe như ánh điện, là người giảo hoạt, đánh trận rất giỏi; người người đều sợ Huệ.

Năm ất-vị (1775), Nguyễn Huệ đánh úp được Phú-yên. Nguyễn Nhạc dâng công ấy lên tướng Hoàng Ngũ Phúc của Trịnh, nhân đó Nguyễn Huệ được trao chức Tây-sơn hiệu Tiền phong tướng quân.

Khi xưng đế, Nguyễn Nhạc phong cho Huệ là Long-nhương tướng quân.

Nguyễn Huệ đã bốn lần đánh phá Gia-định, lâm trận đi đầu các quân sĩ, hiệu lịnh rất nghiêm minh, quân sĩ đều kính phục.

Năm bính-ngọ (1786) Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Huệ tiết chế các bộ quân đi đánh úp Phạm Ngô Cầu Nguyễn Huệ liền thẳng ra Phú-xuân (18 a). Do đó thế lực của Nguyễn Huệ càng to không thể nào ngăn nổi.

Kinh thành Phú-xuân từ khi quân Trịnh chiếm cứ, được quân lưu đồn ba ngàn (3.000) và thú binh ba vạn (30.000) trấn giữ, có đại tướng, phó tướng, đốc thị, phó đốc thị. Hoàng Ngũ Phúc chết rồi thì có Bùi Thế Đạt, Phạm Ngô Cầu nối nhau làm trấn phủ, bạo ngược tham lam, tàn hại quá lắm.

Phạm Ngô Cầu lại khiếp nhược đa nghi, không hòa hợp với Phó-tướng Hoàng đình Thể.

Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đã rình dò từ lâu, đến lúc ấy thì biết có thể lấy Phú-xuân được.

Trước đó Nguyễn Huệ cho một thuật sĩ đến lấy việc họa phúc mê hoặc Phạm Ngô Cầu, khiến Cầu sai sĩ tốt đặt đàn chay cầu đảo ngày đêm không dứt.

Bộ binh của Nuyễn Huệ đã qua núi Hải-vân, tướng Trịnh Hoàng Nghĩa Quyền tử trận. Thủy quân của Nguyễn Huệ do cửa biển vào. Hai đường cùng tiến. (18 b)

Phạm Ngô Cầu nghe báo từ trên đàn chay hoảng hốt chạy về bàn mưu đưa quân ra chống cự. Quân sĩ từ lâu đã mệt mỏi vì đàn chay cho nên không có chí chiến đấu.

Nguyễn Huệ bí mật khiến Nguyễn Hữu Chỉnh dùng thơ bọc sáp hẹn ước với Hoàng Đình Thể làm nội ứng, nhưng giả lầm đưa cho Phạm Ngô Cầu Cầu nghĩ: Đình Thể và Hữu Chỉnh cũng là học trò của Hoàng Ngũ Phúc, ắt không lợi cho mình.

Phạm Ngô Cầu hồ nghi riêng lo việc đầu hàng để tính khỏi nạn.

Binh của Nguyễn Huệ ụp tới, thủy bộ giáp công. Phạm Ngô Cầu sai Hoàng Đình Thể ra thành nghinh chiến.

Thành Phú-xuân giáp sông. Nguyễn Huệ thấy chân thành cao hơn hai trượng thì súng không thể bắn lên. Hoàng Đình Thể bắn đại pháo đánh chìm một chiến thuyền. Binh của Nguyễn Huệ hơi lùi. Thình lình nước sông dâng lên cao. Chiến thuyền của Nguyễn Huệ (19a) liền cập sát thành bắn thẳng vào. còn bộ binh được tung

ra vây các cửa thành. Đình Thể và hai người con trai ra sức chiến đấu giết được mấy trăm người, nhưng thuốc đạn đều hết.

Đình Thể cho người vào xin thêm thuốc đạn. Phạm Ngô Cầu không cho. Đình Thể căm giận, muốn vào thành giết Phạm Ngô Cầu trước rồi sau sẽ ra chiến đấu, nhưng thấy trên thành đã treo cờ trắng. Đình Thể xua quân dùng đoản đao tiếp chiến, giết được mấy mươi người. Hai con trai của Hoàng Đình Thể đều tử trận. Đình Thể kiệt sức tự cắt cổ chết trên bành voi.

Nguyễn Huệ xua quân vào thành chém giết. Quân miền Bắc của Chúa Trịnh mấy vạn người đều chết cả. Kẻ nào chạy ra ngoài thành cũng bị dân chúng tranh nhau giết chết. Quan đốc-thị Nguyễn Trọng Đương chết trong loạn quân. (19 b) Phạm Ngô Cầu tự trói xin hàng bị đưa về Quy-Nhơn và bị giết.

Nguyễn Huệ đã thắng Phạm Ngô Cầu, thừa thế đánh Động-hải. Tướng trấn giữ Ninh Tốn bỏ thành trốn. Nguyễn Huệ bèn sửa chữa ranh giới ở La-hà, muốn ngăn ranh để giữ lấy.

Do đó Nguyễn Hữu Chỉnh nói với Nguyễn Huệ:

— Tướng quân đánh một trận mà lấy xong Thuận-hóa, uy chấn Bắc hà. Phép hành quân một là thời, hai là thế, ba là cơ. Ba điều ấy mà nắm được thì không đến đâu mà không thắng. Nay ở Bắc-hà tướng lười biếng kiêu căng, ta nên thừa đại thắng mà lấy. Ấy là nói lấy kẻ yếu, đánh kẻ ngu, lấy kẻ loạn, chiếm kẻ sắp mất. Thời và cơ ấy không thể để mất

Nguyễn Huệ đáp:

— Bắc-hà nhân tài nhiều nhất, há lại có thể khinh dễ?

Nguyễn Hữu Chỉnh thưa:

— Nhân tài Bắc-hà (20 a) duy một mình Chỉnh này thôi. Chỉnh đi rồi thì nước trống không. Xin Ông chớ nghi.

Nguyễn Huệ cười bảo:

— Người khác thì không đáng nghi, chỉ nghi ở Ông thôi.

Chỉnh biến sắc tạ rằng:

Chỉnh tôi cũng kể là tầm thường ngu dốt. Nơi thật là Bắc-hà không có nhân tài vậy.

Nguyễn Huệ lại lấy lời ngọt-ngào an ủi Chỉnh, rồi hỏi:

— Một nước dựng từ mấy trăm năm, một sớm mình lại trộm đoạt lấy, thì người ta bảo đạo quân ấy ra làm sao?

Chỉnh thưa:

— Nay Bắc-hà có Vua lại có Chúa, đó là việc đại biến của xưa nay. Họ Trịnh tiếng là phụ chính, sự thật là hiếp chế vua. Người trong nước không chịu dự vào việc ấy đã lâu rồi. Mà họ chưa hành động là vì thời thế chưa có vậy.

Tướng quân thật có thể lấy danh nghĩa *phù Lê diệt Trịnh* (20 b) thì thiên hạ ai lại không hưởng ứng. Đó là cơ hội ngàn năm một thuở.

Nguyễn Huệ nói:

— Khanh nói phải lắm. Còn việc cải lịnh thì sao?

Chỉnh thưa:

— Cải lịnh là nhỏ, còn công là to. Có công thì còn bị kể việc cải lịnh nữa sao? Huống chi tướng ở ngoài, lịnh vua có khi không nhận. Ông há không biết hay sao?

Nguyễn Huệ vốn là người hung hăng, được lời của Chỉnh thì cả mừng, bèn sai Chỉnh trước hết đem chiến thuyền vượt biển, hẹn đến sông Vị-hoàng thì đốt khói lửa lên thông tin.

Nguyễn Huệ cho Nguyễn Lữ ở lại Phú-xuân, đoạn đưa thư báo cho Nguyễn Nhạc biết, rồi tự thống lãnh đại đội binh thuyền tiến nối theo.

Nguyễn Hữu Chỉnh qua Thanh-hóa Nghệ-an, mỗi nơi đều sai du binh lên bộ phô trương thanh thế khiến không ai dám chống cự, Khi đến Vị-hoàng thì nghe tin tướng trấn thủ ở đấy đã vỡ chạy. Chỉnh thu được thóc hàng trăm vạn hộc (21 a) bèn đốt lửa lên thông tin cho Nguyễn Huệ biết.

Gặp gió Nam thổi mạnh, chiến thuyền của Nguyễn Huệ hàng mấy trăm chiếc lướt tới như bay, cờ xí rực-rỡ, dũng khí tăng lên trăm phần. Những bộ lão ở Thanh Nghệ trông thấy than rằng:

— Cõng rắn cắn gà nhà, Chỉnh thật có tội, nhưng thật cũng là một hành động hiếm có trong đời!

Khi Nguyễn Huệ đã tiến tới Vị-hoàng, kinh thành Thăng-Long chấn động. Trịnh Khải sai Trịnh Tự Quyền đem bộ binh xuống Sơn-nam, sai Đinh Tích Nhưỡng đem chiến thuyền chận ngang sông Lô giang (sông Luộc) lập thế trận hình chữ *nhất*. Lúc ấy nước lụt vừa yên, đang đêm Nguyễn Huệ cho năm chiếc chiến thuyền *Mông xung* (để mạo hiểm xung đột) trước hết tiến bức Lô giang mà đánh. Binh của Đinh Tích Nhưỡng tranh nhau bắn, nhưng chiến thuyền của địch lặng-lờ không động đậy gì (21 b). Đến sáng binh của Đinh Tích Nhưỡng mới biết đó là thuyền không, thì thuốc đạn đã hết Chiến thuyền của Nguyễn Huệ ụp tới thuận theo gió, súng nổ rền trời, đạn bay đoạn ngang cây cổ thụ.

Quân của Trịnh Tự Quyền vỡ trước. Đinh Tích Nhưỡng lùi giữ Hàm-giang. Đỗ Thế Dận trấn thủ Sơn-nam bỏ trấn chạy. Buổi chợ sáng náo loạn, người người đều chạy trốn.

Bộ binh của lão tướng Hoàng Phùng Cơ đóng ở hồ Vạn-xuân, Thủy quân đóng ở Thúy-ái đều bị Nguyễn Huệ tiên tiếp phá tan.

Quân của Nguyễn Huệ khua trống reo hò thẳng đến bến Tây-long.

Trịnh Khải mặc quân phục lâm trận chỉ huy các đạo. Quân Nguyễn Huệ dùng ống phun lửa xông vào trận. Quân Trịnh vỡ tan. Nguyễn Huệ bèn vào thành đóng quân trong phủ chúa Trịnh, xuống lịnh chiêu an. Hôm đó là ngày 26 tháng 6 năm bính-ngọ (1786) (22 a).

Trịnh Khải chạy lên Sơn-tây bị một người gạt bắt đưa đến quân doanh của Nguyễn Huệ. Dọc đường Trịnh Khải tự cắt cổ chết, Nguyễn Huệ vỗ thây Trịnh Khải bảo:

— Đáng tiếc cho một hảo nam tử, lúc đầu nếu sớm đầu hàng thì hẳn không mất phú quý, sao lại khổ tự hủy mạng?

Nguyễn Huệ cho lấy lễ bực vương tống táng Trịnh Khải (1).

Ngày vào thành, Nguyễn Huệ trước hết sai người thông báo cho vua Lê và xin tiến yết vào hôm sau.

Hôm sau Nguyễn Huệ đến điện Vạn-xuân yết kiến vua Lê

Vua Lê sai người đỡ Nguyễn Huệ lên và cho ngồi trên một cái sạp riêng, rồi ôn tồn ủy lạo. Nguyễn Huệ tâu:

— Hạ thần quật khởi ở Tây-sơn, từ lâu ngưỡng mộ chánh đức. Nhân vì họ Trịnh lăng bức cho nên Trời mượn tay hạ thần đánh một trận mà giết mất. Đó là uy đức của Bệ-hạ đã khiến thế. (22b)

Vua Lê khiêm nhường đều cho đó là công của Nguyễn Huệ.

— Chí của thần ở việc tôn phù, dám kể công kể lợi sao? Việc hôm nay hoàn toàn là ý trời. Tức như quân sĩ thuyền tàu, thần có thể xui khiến đi đến. Còn như việc nước lụt hạ thấp (2) gió Nam thổi mạnh (3) thì há là sức của thần làm nổi hay sao? Trời khiến Bệ-hạ nhất thống hoàn-vũ. Từ nay Bệ-hạ lập kỷ-cương, cho yên ở trong, lặng ở ngoài, thần cũng nhận được phần ân đức ban bố vậy.

Nhân đó Nguyễn Huệ chỉ Nguyễn Hữu Chỉnh và tâu.

— Đây là kẻ bề tôi của Bệ-hạ. Thần được đến đây là nhờ sức của ông ta.

Vua Lê bảo:

---

(1) Một cử chỉ quân tử anh hùng.

(1) Lúc Nguyễn Huệ đánh thủy quân của Đinh Tích Nhưỡng ở sông Lỗ.

(2) Lúc Nguyễn Huệ đem đại đội chiến thuyền ra đánh Bắc-hà.

— Chỉnh được đến đây cũng là do Lịnh công làm nên cho vậy.

Chỉnh cúi đầu vái tạ. Vua Lê thung dung ban trà rồi lui.

Từ đó nhân tình được yên. (23 a) Triều thần lần lần tụ tập.

Chỉnh nói với Nguyễn Huệ:

— Tướng quân đến đây lấy việc tôn phù làm danh nghĩa thì phải thực hành. Việc tư yết vua Lê hôm qua chưa tỏ rõ với thiên hạ.

Tướng quân nên lựa ngày triều kiến khiến cả nước đều biết mới là cử chỉ chính đáng.

Nguyễn Huệ nghe theo.

Ngày mùng 7 tháng 7 mùa thu, Nguyễn Huệ xin vua Lê thiết đại triều ở điện Kính-thiên. Nguyễn Huệ dẫn tướng sĩ từ cửa Đoan-môn vào làm lễ năm vái ba khẩu đầu, trần bày ý nghĩa diệt họ Trịnh cũng đem sổ bộ tịch quân dân trình lên và nghe theo lời phán xử.

Vua Lê nhận lấy ban chiếu thư nhất thống ở ngoài cửa Đại-hưng.

Ngày hôm sau vua Lê phong cho Nguyễn Huệ làm *Nguyên súy dực chính phù vận Uy quốc-công.* (23 b)

Nguyễn Huệ vái nhận xong, liền nói riêng với Chỉnh:

— Ta cầm mấy vạn binh đánh một trận định được Bắc-hà, một thước đất một tấc dân chẳng là không phải của ta hay sao? Nếu ta xưng đế xưng vương có chi là không được? Sở dĩ ta nhường mà không làm thế, đó là ta hậu đãi nhà Lê. Nguyên-súy Quốc-công đối với ta có thêm gì cho ta đâu? Chớ lấy cái hư danh mà long lạc ta nhé.

Chỉnh biết ý Nguyễn Huệ bất mãn, bèn tâu vua Lê đem công-chúa Ngọc Hân gả cho Nguyễn Huệ.

Lúc ấy vua Lê đã thấy trong mình bất thường không yên vui. Nguyễn Huệ ép vua Lê thiết triều nhận lễ chúc mừng.

Ngày hôm sau bịnh tình của vua Lê quá nặng. Ngọc Hân công-chúa mời Nguyễn Huệ vào viếng thăm. Nguyễn Huệ bảo:

— Ta từ xa đến, người trong nước chưa tin. (24 a) Nếu vào hầu, vạn nhất xa giá chậm ra (1) thì chẳng là để lại cho ta một mối nghi ngờ không biện bạch được hay sao ?

Thế rồi vua Lê băng.

Ngọc Hân công-chúa vốn không ưa tự tôn (cháu nội của vua được lên ngôi), thầm đem một vài việc xấu của tự tôn Duy Kỳ nói với Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ nghi ngờ muốn hoãn việc hành lễ lên ngôi Cả triều đình e ngại kinh hãi. Các vị trong tông thất nhà Lê đều đổ tội cho công-chúa Ngọc Hân đã làm lỡ việc lớn.

Công-chúa sợ, về xin Nguyễn Huệ cho lập hoàng tôn Lê Duy Kỳ lên ngôi. Nguyễn Huệ bằng lòng. Do đó Lê Duy Kỳ được lên ngôi, đấy là vua Lê Chiêu-thống (2).

Ngày lễ thành-phục (3) Nguyễn Huệ mặc đồ tang đứng bên trái trên điện. Có một người chấp-sự cười lén. Nguyễn Huệ nhận thấy, ra lịnh bắt đem chém.

Lúc xe tang đưa linh cữu đi, Nguyễn Huệ đích thân đưa đến bến sông mới trở về.

Nguyễn nhạc được tin Nguyễn Huệ ra đánh Bắc-hà thì không vui, sai người ra ngăn, thì binh thuyền của Nguyễn Huệ đã vượt biển đi rồi. (12b)

Đến khi nghe Nguyễn Huệ lấy được thành Thăng-long, Nguyễn Nhạc cả kinh, cho rằng Nguyễn Huệ cầm binh ở ngoài thì một mảnh giấy không thể gọi về được, bèn dẫn thân binh năm trăm người (500) ra gấp Phú-xuân lấy thêm binh tinh nhuệ đi gấp ra Bắc-hà. Lúc ấy vua

---

(1) Thiên-tử thường dậy sớm ra làm việc, nay đã băng, cho nên không còn ra sớm nữa, ngụ ý vua băng.

(1) *Chiêu*, sáng tỏ. *Thống*, thống nhất. *Chiêu-thống*, làm sáng tỏ việc nhất thống hoàn vũ.

(2) Lễ mặc đồ tang sau lễ đại liệm.

Lê Hiển-tông đã băng. Thái-tôn (cháu nội của vua được nối ngôi) Lê Duy Kỳ tức Lê Chiêu-thống nối ngôi, nghe Nguyễn Nhạc đến liền dẫn bá quan xa ngoài xa nghinh tiếp. Nguyễn Nhạc xua binh đi gặp, sai người thưa lại ngày khác sẽ gặp nhau.

Hôm sau vua Chiêu-thống đến chỗ Nguyễn Nhạc ngụ. Nguyễn Nhạc đứng chắp tay trên bực cấp, sai Nguyễn Huệ xuống bực cấp đón vua Chiêu-thống. Nguyễn Nhạc ngồi giữa, vua Chiêu-thống ngồi phía đông, Nguyễn Huệ ngồi phía tây.

Vua Chiêu-thống thung dung an ủi tạ ơn, xin cắt đất mấy quận ấp khao thưởng tướng sĩ. (13 a)

Nguyễn Nhạc đáp:

— Vốn vì họ Trịnh chuyên quyền cho nên mới làm cử-chỉ tôn phù này. Nếu là đất của họ Trịnh thì một tấc đất cũng không để lại Còn như đất của nhà Lê thì một tấc đất cũng không dám lấy. Chỉ mong Hoàng-thượng nối ngôi, phấn phát kỷ-cương giữ yên thiên-hạ, tình lân giao giữa hai nước được đời đời. Đó là cái phúc của hai nước vậy.

Khi Nguyễn Nhạc mới đến Thăng-long, trong và ngoài đều nghi ngờ e sợ, hoặc có kẻ khuyên vua Chiêu-thống dâng biểu xin hàng. Đến lúc lấy nhân tình mới yên.

Ở lại mươi ngày, Nguyễn Nhạc kéo Nguyễn Huệ và tướng sĩ trở về Nam, lấy Hải-vân trở ra ngoài cho thuộc Nguyễn Huệ làm Bắc-bình vương. Gia-định thuộc Nguyễn Lữ làm Đông-định vương. Nguyễn Nhạc tự xưng Trung-ương hoàng-đế. (13 b)

(24 b) Nguyễn Huệ theo Nguyễn Nhạc về Nam, đến Nghệ-an mưu tính chiếm cứ đất ấy, nghe La-sơn xử sĩ Nguyễn Tiếp, đem thơ và lễ vật đến mời.

Nguyễn Tiếp đến, được Nguyễn Huệ trao cho chức Sùng chính thư-viện viện-trưởng.

Lúc trước khi mưu tính về Nam, Nguyễn Huệ không cho Nguyễn Hữu Chỉnh biết, đến khi về đến Nghệ-an, thì được Hữu Chỉnh hạy theo, xin tháp tùng. Nguyễn Huệ bảo :

— Nay tướng Trịnh là Hoàng Phùng Cơ và Đinh Tích Nhưỡng chưa trừ được. Bắc-hà nếu chẳng phải ông ở lại thì không xong.

Rồi Nguyễn Huệ cho Chỉnh 20 lượng vàng, 200 lượng bạc, khiến cùng với Nguyễn Văn Duệ giữ Nghệ-an, Đô-đốc Vũ Chiêu Viễn đóng đồn ở Hà-trung, Vũ Văn Nhậm đóng đồn ở Động-hải làm thế nương tựa nhau.

Nguyễn Huệ dặn riêng bọn Duệ: (25 a)

— Chỉnh vốn là đứa vong mệnh (1) đến đầu theo ta, hắn phan phúc không thể tin được. Ta lúc đầu muốn mượn tay người Bắc-hà giết hắn, chẳng ngờ hắn chạy thoát theo đây. Theo nghĩa ta cũng không nhẫn bỏ rơi hắn. Nghệ-an là quê quán của nhà hắn. Ngươi phải xem xét tình tế động tịnh của hắn mà phòng bị. Nếu có biến thì đưa thơ cấp báo:

Huệ bèn dẫn binh về Nam.

Chỉnh ở Nghệ-an tụ tập những binh hương dũng, âm thầm có chí giành lấy đất Nghệ-an.

Lúc ấy các bề tôi nhà Lê lại lập Trịnh Bồng làm An-đô vương (2). Vua Chiêu-thống bị cô lập, liền vời Nguyễn Hữu Chỉnh ra để tự vệ.

Chỉnh ra đến nơi thì Trịnh Bồng chạy.

Vì công ấy, vua Chiêu-thống trao cho Chỉnh chức *Bình-chương quân quốc trọng sự đại tư-đồ* với tước *Bằng trung công*. Chỉnh sáng lập Vũ thành quân doanh.

Khi Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc hiềm khích nhau, Duệ là

---

(1) *Vong*, trốn ; *mệnh*, tên. *Vong mệnh*, kẻ chạy trốn, thoát tên ở số bộ.

Thật uổng công *phù Lê diệt Trịnh* của Nguyễn Huệ.

(25 b) tướng cũ của Nhạc muốn phản Nguyễn Huệ. Chỉnh lấy vàng ngọc của-cải kết giao trọng hậu với Duệ toan tính trừ Vũ Chiêu Viễn mà chiếm lấy Nghệ-an, sửa lại lũy Hoành-sơn rồi hoạch định lấy sông Gianh làm ranh giới như xưa. Duệ cũng có viết thơ đáp ứng với Chỉnh Cơ sự hơi bại lộ. Vũ Văn Nhậm biết được vội cấp báo cho Nguyễn Huệ việc biến ấy.

Lúc ấy Nguyễn Huệ vừa đưa binh giữ nhau với Nguyễn Nhạc, không đi được. Nguyễn Huệ mới sai Vũ Văn Nhậm mau ra Nghệ an bắt Duệ và xem xét tình ý của Chỉnh thế nào.

Nhậm (1) được lịnh đi gấp đường ra Hà-trung, thì Duệ đã do thượng đạo về Qui-nhơn rồi.

Nhậm kiểm điểm binh mã, trưng lương thực và phân đồn đóng các nơi hiểm yếu rồi gởi thơ hỏi Chỉnh việc giao thiệp với Duệ. Chỉnh đáp thơ biện hộ rõ-ràng cho mình (26 a) Nhậm lấy lời nói khéo an ủi cho Chỉnh yên lòng.

Năm đinh-vị (1787) vua Chiêu-thống sai Lê Duy Yêu, Bình-chương sự Trần công Xán (tiến-sĩ làng Yên-vỉ ở Đông-an). Cấp-sự trung Ngô Nho (tiến-sĩ làng Tri-chỉ ở Phú-xuyên) đem thơ vào Nguyễn Huệ xin đất Nghệ-an.

Nguyễn Huệ giận sai giam Xán vào ngục. Ngô Văn Sở xin giết Xán. Lúc ấy Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc vừa đánh nhau. Nguyễn Huệ mới nói với Trần Văn Kỷ:

— Việc biến ở tiêu-tường (2) không thể để cho người ngoài nghe biết được. Nay sứ Bắc-hà có mặt ở đây, nếu mình cho họ về thì lậu tình thế trong nước, còn giết họ thì mang tiếng không phải.

Nguyễn Huệ bèn khiến sứ giả Bắc-hà trở về, rồi sai Đô-đốc

---

(1) *Đại Nam chính biên liệt truyện* chép là Vũ Văn Sĩ.

(2) *Tiêu*, cung kính. *Tường*, bình phong. *Tiêu-tường* là chỗ phía trong, nơi vua tôi làm lễ cung kính gặp nhau, ngụ ý ở phía trong, nội bộ.

Vũ Văn Nguyệt đem chiến thuyền đưa sứ bộ đến phía ngoài biển Đan-nhai, đục thuyền cho chìm. Bọn Xan đều chết. (26 b)

Rồi Nguyễn Huệ cùng Nguyễn Nhạc giảng hòa. Nguyễn Huệ trở về nói với thuộc hạ:

— Nguyễn Hữu Chỉnh là đứa lạc phách cùng đinh (1), ta vẽ mày vẽ mặt cho hắn. Nay hắn bay liệng (2) ở Bắc-hà, sai khiến cả một nước, ngang nhiên ở vào địa-vị của Chúa Trịnh, lại muốn tranh đoạt đất Nghệ-an đương đầu với ta. Thằng đó mà không giết thì làm sao sai khiến tướng sĩ được?

Nguyễn Huệ liền sai Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân lãnh quân ra Nghệ-an theo Nhậm lo việc Bắc phạt.

Binh mã Tây-sơn đi đến Thanh-hóa. Tướng trấn thủ Lê Duật của Chỉnh thoái lui đóng đồn ở phía bắc sông Trịnh giang. Ngô Văn Sở đưa quân đi ven theo núi rồi lén qua sông Tắt-mã đánh bọc hậu. Quân của Lê Duật vỡ tan. Lê Duật bị Ngô Văn Sở giết chết.

Nguyễn Hữu Chỉnh cho thuộc tướng Nguyễn Như Thái làm thống-lĩnh, Ninh Tốn làm tham-tán quân vụ. Thái đến Chu-cầu (27 a) nghe Duật đã chết, muốn dựa vào núi Tam-điệp làm thế vững chắc. Thái đến sông Giản-thủy, thì quân của Vũ Văn Nhậm đã qua núi Tam-điệp rồi.

Thái nghinh chiến nhưng không chống nổi, bị giết giữa trận.

Ninh Tốn chạy trốn trong nhà dân chúng mà khỏi chết.

Chỉnh nghe cấp báo, sai con Nguyễn Hữu Du lãnh Ngũ súng cơ binh đi trước đến sông Thanh-quyết đắp lũy cố thủ. Lúc đó trời lạnh, quân sĩ đều đốt củi mà hơ. Vũ Văn Nhậm sai quân khoét lũy đưa súng nhắm chỗ đốt lửa mà bắn, không phát nào trật. Binh của Hữu Du kinh hải rồi loạn bỏ chạy.

---

(1) Đứa cùng khốn trôi nổi.

(2) Chỉnh được vua Lê Chiêu-thống phong tước *Bằng trung công*. Bằng là chim đại bằng, cho nên Nguyễn Huệ dùng chữ bay liệng.

Chỉnh ở Bình-vọng nghe báo, đêm hôm dẫn binh về thành, trước hết dẫn vợ con chạy lên Kinh-bắc.

Vua Chiêu-thống hoảng lắm không biết làm thế nào cũng dẫn cung quyến chạy qua sông. (27 b) (1).

Chiều tối Nhậm vào thành, xua quân cướp phá, sai bộ tướng Nguyễn Văn Hòa đuổi kịp Chỉnh và giao chiến ở núi Tam-tằng. Hữu Du ra sức chiến đấu chết trong trận. Ngựa Chỉnh vấp ngã. Chỉnh bị bắt đưa về Thăng-long. Nhậm kể tội rồi phân thây Chỉnh.

Vua Chiêu-thống trốn tránh ở núi Bảo-lộc.

Nhậm đưa Sùng-nhượng công Lê Duy Cận làm giám-quốc.

Thấy thế Ngô Văn Sở không vui lòng, bèn vu cáo Nhậm phản, khiến Nguyễn Huệ giết Nhậm.

Vũ Văn Nhậm là rể của Nguyễn Nhạc. Lúc đầu Nguyễn Huệ sai Nhậm, nhưng lòng hơi nghi, bèn nói kín với Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân:

— Nhậm trong chuyến đi này cầm trọng binh, chuyên việc nước lớn-lao thì cái biến không thể nào liệu trước được. Điều ta lo không ở Bắc-hà mà chỉ ở Nhậm thôi. Bọn ngươi phải xem xét bắn, tỷ như lửa vậy, dập lúc lửa mới nhen nhúm thì sức rất dễ.

Khi Vũ Văn Nhậm thừa thắng đuổi thẳng ra xa như vào chỗ không người, Nguyễn Hữu Chỉnh đã bị bắt, vua Chiêu-thống đã chạy ra ngoài, Kinh-bắc thì có Trần Quang Châu, Hoàng Xuân Tú, Sơn-nam thì có bọn Nguyễn Viết Khang (28 a) chiếm đất chống giữ. Thân thuộc của nhà Lê, như Duy Trọng, Duy Lãm thì nổi lên ở Thanh-hóa, Duy Chi thì nổi lên ở Định-châu làm thanh ứng lẫn nhau

Có Trần Đình Khôi, người ở Cơ-xá thuộc Gia-lâm tự xưng là quan thiêm-sự nhà Lê nói với Nhậm rằng:

---

(1) Vua Chiêu-thống vô mưu mới bỏ chạy. Thật đáng tiếc!

— Bắc-hà oán Chỉnh tuy sâu xa, nhưng lòng nhớ nhà Lê chưa dứt. Tự quân (vua nối ngôi) một khi ra đi chưa biết lúc nào về. Nay có Sùng-nhượng công Lê Duy Cận, lúc tiên đế còn sống đã được lập làm Đông-cung, trong biến loạn năm nhâm-dần (1782) (1) đã bị kiêu binh phế xuống. Ông nên phục chức cho Lê Duy Cận, treo một tờ giấy ở cửa Đại-hưng, thì nội ngày văn võ bá quan sẽ tề tập đầy đủ. Việc nước mình vận chuyển như trở bàn tay.

Nhậm nghe theo, sai người rước Lê Duy Cận làm giám-quốc, cho trú ở bên tả điện cần-chính, rồi tìm lại khắp nơi các bề tôi của nhà Lê cũng không có một người.

Người trong kinh đô gọi Lê Duy Cận là giám-quốc lại mục (chức lại coi giữ nước).

Ngô Văn Sở nói với Nhậm :

— Tôi xem mặt mũi Sùng-nhượng công như thế thì sai bảo được ai. Tư xưa cả thiên hạ cũng chẳng phải của riêng ai, nếu mình lấy được thì cứ lấy. Việc gì lại nhờ một thằng khờ giám quốc làm một ông chủ bù nhìn, mình cứ đóng binh mãi trong thành, mà trái lại vì hắn mình làm khách binh ở trọ vậy ?

Nhậm đáp :

— Lòng người Bắc-hà còn tưởng nhớ nhà Lê, cho nên mình không thể không theo ý dân. Các ông chỉ biết chiến đấu cho khỏe mà thôi (2). việc này đã có tôi chủ trương rồi.

Ngô Văn Sở làm thinh (28 b) lui ra nói với Phan Văn Lân :

— Ông Tiết-chế Nhậm khinh người quá lắm. Xem lão có tài đức chi mà dám đối đãi ta như một tên lính.

---

(1) Khi chúa Trịnh Sâm mất, quân Tam Phủ (kiêu binh) nổi lên phế Trịnh Cán, lập Trịnh Tông, giết Hoàng Đình Bảo gây thành cuộc loạn kinh khủng ở kinh thành Thăng Long.

(2) Nhậm khinh Sở hữu dũng vô mưu như một tên lính.

Sở bèn thầm trích hành động không hợp pháp của Nhậm thành tội trạng làm phản, lại dùng Phan Văn Lân làm chứng việc đó rồi mật sai người báo cáo cho Nguyễn Huệ.

Nguyễn Huệ bảo: «Chết! Vũ Văn Nhậm, ta vốn biết hắn ắt làm phản, thì quả nhiên.»

Nguyễn Huệ bèn hạ lịnh xuất quân ngày đêm đi gấp hơn mười ngày (1) đã đến Thăng-long.

Vừa đúng lúc trống canh tư, Nhậm còn ngủ say không hay biết, Nguyễn Huệ tiến thẳng vào phòng ngủ, sai vũ-sĩ Hoàng Văn Lợi đâm chết Nhậm rồi khiêng tử thi ra phía sau phủ đường.

Hừng sáng Nguyễn Huệ cho Ngô Văn Sở thay Nhậm quản lãnh quân đội, nhưng vẫn dùng Sùng-nhượng công Lê Duy Cận làm giám-quốc chủ việc thờ cúng tông miếu nhà Lê (2).

Xong xuôi Nguyễn Huệ vời các bề tôi của nhà Lê ra trao cho quan chức.

Có quan Thị-lang Ngô Nhậm, người làng Tả Thanh-oai thuộc huyện Thanh-oai là tiến-sĩ nhà Lê bị mắc tội phải trốn tránh, đến lúc ấy mới bắt đầu ra xin với Trần Văn Kỷ yết kiến Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ vốn nghe tài năng của Ngô Nhậm, nên trọng đãi Nhậm, cho làm Thị-trung trực học-sĩ. Nguyễn Huệ nói với Kỷ;

— Ông ta là người mà ta tái tạo cho.

Ngô Thì Nhậm dập đầu bái tạ.

Ngô Thì Nhậm nhân đó dẫn các thân bằng là Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Nha, Nguyễn Bá Lan, Nguyễn Du, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn lục tục đến bái yết Nguyễn Huệ, Nguyễn Huệ trao cho Phan Huy Ích (29 a) chức thị-trung ngự sử,

---

(1) Với chiến lược thần tốc.

(2) Vẫn hậu đãi nhà Lê, cũng là một cử chỉ quân tử anh hùng.

cho Nguyễn Thế Lịch chức Hiệp-biện đại học-sĩ. Các vị khác đều được Nguyễn Huệ trao cho chức quan cả.

Trịnh quốc-sư Nguyễn Hồn, Bình-chương sự Phan Lê Phiên đều lấy tuổi già xin hưu trí. Hành tham-tụng Bùi Bích thác bịnh không chịu ra. Thiêm đô ngự-sử Nguyễn Huy Trạc uống thuốc độc tự-tử. Các bề tôi của nhà Lê có kẻ trốn tránh ở núi đầm, có người ẩn tích ở nhà dân.

Ngô Thì Nhậm khuyên Nguyễn Huệ nên bức ép họ ra hợp tác. Ninh Tốn lúc đầu ẩu trốn không chịu ra. Nguyễn Huệ cho bắt em của Tốn đỗ hương cống ra chém để Tốn sợ. Tốn sau mới chịu ra hợp tác, được Nguyễn Huệ trao cho chức quan. Chẳng bao lâu Tốn bị bịnh trở về.

Nguyễn Huệ bèn lưu Nội hầu Phan Văn Lân, Chưởng phủ Nguyễn Văn Dụng, Đô-đốc Nguyễn văn Tuyết, Hộ bộ Trần Thuận Ngôn, Học-sĩ Ngô Nhậm cùng với Ngô Văn Sở giữ Thăng-long.

Nguyễn Huệ bày yến tiệc đại hội, và bảo:

— Sở và Lân là nanh vuốt của ta, Dụng và Ngôn là lòng bụng của ta, Nhậm là bề tôi mới của ta. Nay ta lấy các việc quân dân của toàn hạt mười một trấn ủy thác cho mà hành sự theo tiện nghi (29 b), phải hội đồng thương nghị với nhau, chớ vì mới cũ mà xa cách nhau, ấy là điều mong ước của ta.

— Lê Chiêu-thống do ta lập lên làm vua là người tối-tăm yếu đuối tự chuốc lấy bại vong. Nay ta cho Sùng-nhượng công làm giám quốc, e về sau vua Chiêu thống trở về cùng Sùng-nhượng công tranh giành nhau, ấy là do ta gây thành lần lần mối loạn, cho nên chẳng thể không để Tư-mã Sở phụ tá ông ta, đợi khi bốn cõi khá yên, ta liền phải triệu về.

Ta thật không lấy Bắc-hà làm lợi.

Vì thế Nguyễn Huệ lại dẫn binh về Phú-xuân.

Trước kia khi Thăng-long thất thủ, vua Chiêu-thống sai quan hầu cận Lê Quýnh cùng mười người trong tông thất nhà Lê đi theo hầu hạ Quốc mẫu họ Nguyễn và cung quyến đến Cao-bằng để dựa vào quan Đốc trấn Nguyễn Công Túc. Vua Chiêu-thống đưa thơ đến doanh Long-bằng cầu xin Tôn Sĩ Nghị, Tổng-đốc Lưỡng Quảng cầm binh sang cứu. Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh nói:

— Gây đại sự ở biên cương, lợi hại không phải nhỏ. Xin Ngài trù liệu cho chín chắn.

Tôn Sĩ Nghị nói:

— Cái nạn của bề tôi dâng cống chẳng thể nào không cứu. Nếu cho (30 a) vùng bỉ lậu hoang viễn mà không cứu thì bề tôi trong cửu di bát man đã tôn thờ Trung-quốc sẽ nhờ tựa vào đâu?

Tôn Sĩ Nghị bèn gọi bọn Lê Quýnh, hỏi rõ tình trạng.

Bọn Lê Quýnh thưa:

— Họ Lê được nước đã hơn ba trăm năm, lấy ân huệ kết chặt lòng dân, lấy lễ nghĩa vun bồi sĩ khí. Cho nên quân phản nghịch tiếm đoạt mà lòng người thờ vua cũ vẫn không quên. Chỉ vì họ Trịnh hiếp chế vua Lê mà nhân tình phẫn uất. Tây-sơn thừa thế lấy danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh mà người trong nước không chống cự. Chẳng ngờ Tây-sơn đã dắc chí càng thêm hung hăng lén chiếm thành trì khiến cho tự-quân (vua nối ngôi) phải chạy ra ngoài. Do đó cày cuốc trở thành khí giới, khắp nơi nhân dân nổi lên ủng hộ họ Lê. Họ không chung mưu mà cùng đồng một lời.

Nếu được Thượng quốc rủ lòng nhân thương nước nhỏ, đem quân áp cảnh làm thanh viện (1) thì người trong nước nghe được ai lại không hưng khởi quyết chí phục thù. Tưởng cũng không đến nỗi quá phí binh lực của Thiên triều.

Tôn Sĩ Nghị liền phái Tả giang binh bị đạo Thang Hùng Nghiệp đưa Lê quốc-mẫu và cung quyến đến thành Nam-ninh an trí.

(1) Lên tiếng tiếp ứng mà giúp đỡ.

Tôn Sĩ Nghị dâng biểu đại lược nói:

« Bề tôi dâng cống họ Lê đó là tự tôn (cháu nội của vua được lên ngôi) theo lệ phải được kế vị, chẳng may nước bị phá tan, mẹ và vợ phải kêu cửa quan tỏ bày thảm thiết, tình thật đáng thương. »

Vua Cao-tông nhà Thanh xem tấu nói với quan Nội các Đại học sĩ Hòa Thân:

— Lê Duy Kỳ của nước An nam tuy chưa thụ phong (30b) nhưng đó là người được kế vị, nay hãy còn ở trong nước tự lo hưng phục. Người trong nước còn nhớ triều xưa, cũng có cái lẽ xong việc được. Nguyễn Huệ ỷ mạnh đoạt nước, phép không thể dung tha. Trẫm đã phái binh Quảng-tây sẵn sàng điều khiển. Nếu Nguyễn Huệ còn hung hăng như trước, Trẫm liền đưa đại binh bốn mặt hợp công tiễu trừ để làm rõ cái tội của hắn. Trẫm truyền dụ chỉ cho Sĩ Nghị trước phải làm tờ hịch đưa sang An nam khiến tất cả đều biết.

Tôn Sĩ Nghị lại tâu thêm:

« An nam là đất cũ của Trung-quốc, nếu sau khi khôi phục cho nhà Lê rồi, ta nhân đó cho binh đồn thú đất An nam luôn. Đó là giúp họ Lê và được luôn An nam thật là lưỡng đắc. »

Phủ thần Tôn Vĩnh Thanh dâng sớ chống lại:

« Nay họ Lê họ Nguyễn tranh nhau, họ Lê ắt bị họ Nguyễn thôn tính. Chẳng gì bằng ta cứ án binh bất động, rồi sau thừa họ nguy hại kiệt quệ mà đánh lấy thì cũng chưa muộn. »

Vua nhà Thanh cuối cùng nghe theo lời của Tôn Sĩ Nghị. Tôn Vĩnh Thanh không hạp với Tôn Sĩ Nghị bèn lấy cớ bịnh mà không đi.

Tôn Sĩ Nghị một mình vâng chiếu chỉ đem quân Quảng-đông Quảng-tây Vân-nam Quý-châu hai mươi vạn binh (200.000) chia làm hai đường:

1.— Đường thứ nhất ngả Lạng-sơn do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu

2.— Đường thứ nhì ngả Tuyên-quang do Tổng-binh Quý-châu cầm đầu. Hai đạo đều do Tôn Sĩ Nghị tiết chế.

Đầu tiên Sĩ Nghị sai Nguyễn Huy Túc trở về tìm chỗ ở của vua Chiêu-thống.

Trước kia vua Chiêu-thống ở trong núi Bảo-lộc vất-vả nơi khe động, rồi âm thầm đến Hải-dương Sơn-nam gom nhóm nghĩa quân thì bị Ngô Văn Sở phá ở Ngô-đồng. Vua Chiêu-thống lại vượt biển vào Thanh-hóa (31 a) rồi giả dạng dân thường trở về Phượng-nhỡn ở Kinh-bắc và bí mật sai bề tôi thân tín Trần Danh Án Lê Duy Đản đi đường tắt sang nhà Thanh cầu viện.

Hai vị này đến Thái-bình thì nghe nhà Thanh đã ra quân, bèn trở về.

Sĩ Nghị đến quan ải đưa thơ hiểu dụ: « Ai bắt sống được Nhạc và Huệ mà đem giải nạp thì được đầu công, »

Tướng Tây-sơn Nguyễn Văn Diễm Phan Khải Đức giữ Lạng-sơn thấy bài hịch thì kinh hoảng. Trong một ngày lính người bản thổ đã trốn hết quá nửa. Phan Khải Đức trước hết đến quan ải đầu hàng. Văn Diễm tự liệu quân côi không chống nổi bèn gom quân, thừa đêm hôm chạy trốn.

Khi vua Chiêu-thống xin viện binh, Tôn Sĩ Nghị đem quân đến biên cảnh, Ngô Văn Sở vừa nghe báo cáo, liền sai văn quan bọn Nguyễn Nha đem tờ bẩm của Sùng-nhượng công và nhân dân đến quân doanh của Sĩ Nghị xin hoãn binh. Sĩ Nghị không nhận.

Ngô Văn Sở bèn hội đồng các tướng thương nghị đánh hay giữ.

Ngô Thì Nhậm đề nghị lui quân đóng giữ núi Tam-điệp, cho thủy quân và lục quân thông nhau, chiếm giữ chỗ hiểm yếu rồi sai người (31 b) gấp đem thơ cáo cấp cho Nguyễn Huệ.

Ngô Văn Sở lại bí mật truyền lịnh cho các trấn ở Kinh-bắc Thái-nguyên bắn tiếng hội quân xây lũy đắt ở sông Nguyệt-đức, rồi lén thu quân mà lui về.

Ngô Văn Sở ra lịnh cho các trấn thủ Hải-dương, Sơn-tây nội ngày phải hội quân ở Bắc-th nh, cho trấn Sơn-nam chỉnh bị thuyền tàu đợi thủy quân đến thì tiến phát.

Lúc ấy phân phái mọi việc đều xong, Ngô Văn Sở hay tin quân Thanh đã vào quan ải. Sở tính lui quân thì Phan Văn Lân nói :

— Binh không cần đông, nước không cần lớn, nay lại cầm binh ở ngoại, giặc đến mà mình không đánh, lại nghe đồn-đãi mà lui về thì làm tướng ra thế nào?

Lân bèn đưa quân sang sông lên bắc, ban đêm đến bờ phía nam sông Nguyệt-đức thì nghe quân Thanh đóng ở núi Tam-tằng. Lân thúc giục tướng sĩ mạo hiểm giá, rét lội qua sông. Phần lớn bị chết chìm, quân nào qua đến bờ thì bị quân Thanh đi tuần bắt giết. Lân vội lui quân một người một ngựa chạy về.

Ngô Văn Sở hay tin cả kinh, giấu việc bại binh ấy, ra lịnh cho các đạo quân chỉnh tề đội ngũ mà đi đến núi Tam-tằng, chia đồn cố thủ, gặp sai Nguyễn Văn Tuyết (hay Đinh Công Tuyết) chạy về cáo cấp cho Nguyễn Huệ hay.

Tôn Sĩ Nghị đã đến Kinh-bắc. Vua Chiêu-thống ra đón quân Thanh rồi cùng một đường (1) thẳng đến bến sông Nhĩ-hà. (32 a)

Quân của Sĩ Nghị ở bờ phía nam trong những bãi cát lập cầu nổi để tiện việc qua lại.

Ngày hôm sau, Sĩ Nghĩ tuyên phong vua Chiêu-thống làm An nam quốc vương. Hôm ấy là ngày 21 tháng 11 năm mậu thân (1788).

Ngô Văn Sở bỏ các trấn ở Bắc-thành. Vua Chiêu-thống sai quan đến nhậm chức ở các nơi. Các quan văn võ lục tục kéo đến

(1) Rước mừng như chó gặp chủ.

đô thành Thăng-long bái yết. Họ đều xin Sĩ Nghị ra quân. Sĩ Nghị bảo:

— Năm sắp hết, việc gì mà vội? Không cần đánh gấp. Quân giặc ốm, chúng ta chính đang nuôi cho chúng mập béo để chúng tự đến nạp thịt vậy.

Sĩ Nghị truyền lịnh cho các đội quân hạ trại nghỉ-ngơi, hẹn ra xuân mùng 6 tháng giêng ra quân

Nguyễn Huệ được cáo cấp, mắng to: « Chó Ngô là quân gì mà dám tung hoành? »

Nguyễn Huệ liền hạ lịnh cất quân. Các tướng đều khuyên: «Trước tiên nên chính ngôi vị để (32 b) kết chặt lòng người. »

Nguyễn Huệ bèn cho đắp đàn ở phía nam núi Ngự-bình, lấy ngày 25 tháng 11 năm mậu-thân (1788) tự lập làm hoàng đế, đổi niên hiệu là Quang-trung.

Liền ngày ấy vua Quang-trung đem các tướng sĩ thủy bộ cùng tiến ra Bắc.

Ngày 29 tháng 11 đến Nghệ-an, vua Quang-trung cho dừng lại hơn mười ngày để tăng quân số. Dân Nghệ-an thì cứ ba đinh tráng thì lấy một, Thân binh Thuận-Quảng được chia làm bốn doanh: tiền, hậu, tả, hữu Tân binh Nghệ-an làm Trung-quân. Binh Đắc-thắng được hơn mười vạn (100 000) voi trận mấy trăm thớt.

Vua Quang-trung duyệt binh sĩ ở trấn-doanh, thân cỡi voi ra doanh trại ủy lạo quân sĩ rồi hạ lịnh tiến phát.

Ngày 20 tháng chạp vua Quang-trung đến núi Tam-điệp. Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân phủ phục ở bên đường xin tội. Vua Quang-trung nói: (33 a)

— Tội của bọn ngươi đáng muôn thác. Nhưng ta nhớ lại Bắc-hà mới dẹp yên, lòng người chưa phụ vào. Bọn ngươi bảo toàn được quân đội để tránh mũi dùi nhọn của giặc, trong thì kích thích chí của

quân sĩ, ngoài thì làm kiêu căng lòng giặc. Đó cũng là cái kế dụ địch. Ta cho bọn ngươi đái tội lập công để ta xem chiến tích của bọn ngươi sau này.

Vua Quang-trung đãi quân sĩ ăn uống no say rồi nói với toàn quân:

— Nay chúng ta hãy ăn Tết trước, đợi sang xuân mùng 7 vào thành Thăng-long rồi ta sẽ mở yến tiệc một lần nữa. Bọn ngươi nhớ xem ta có nói ngoa hay không?

Vua Quang trung trnyền lịnh cho ba quân nghe sai phái:

— Đại Tư-mã Sở, Nội-hầu Lân đem tiền quân làm tiên phong.

Hô hổ hầu đem hậu quân, Đô-đốc Lộc Đô-đốc Tuyết đem (33 b) tả quân và thủy quân vượt biển vào sông Lục-đầu.

Tuyết kinh lược ở Hải-dương và tiếp ứng đạo quân phía đông.

Lộc lấy đường đi gấp đến những địa-phương Lạng giang Phượng-nhỡn An-thế để chận đường rút lui của quân Thanh.

Đại đô-đốc Bảo, Đô-đốc Mưu đem hữu quân và voi ngựa thuộc vào, Mưu xuyên ra huyện Chương-đức lấy đường đi thẳng đến Nhân mục huyện Thanh-trì để đánh tạt ngang đồn quân Điền-châu. Bảo chuyên thống suất voi trận từ Sơn-minh ra Đại-áng huyện Thanh-trì để tiếp ứng cánh hữu.

Năm quân đều lãnh quân lịnh.

Đến ngày trừ tịch (cuối năm) quân Nam qua sông Giản-thủy.

Quân của Hoàng Phùng Nghĩa, tướng nhà Lê trấn thủ Sơn-nam đầu tiên bị tan vỡ. Quân tình báo của giặc Thanh đều bị giết sạch (34 a) để dứt tuyệt tin tức. Từ Ô-môn thuộc Thăng-long đến Hà-hồi thuộc Thượng-phúc, giặc Thanh dựng đồn liền nhau, gác đại bác, ngoài đồn thì chôn địa-lôi, phòng bị rất kiên cố.

Nửa đêm mùng 3 tháng giêng xuân Kỷ-dậu (1789) quân Nam

đã đến Hà-hồi bí mật vây kín lấy đồn, dùng ống loa truyền lịnh, quân sĩ dạ rân nghe như gần mấy muôn binh.

Quân giặc trong đồn run rợ, không đánh mà tự vỡ tan. Quân Nam đoạt hết quân-tư khí-giới.

Hừng sáng ngày mùng 5 quân Nam tiến lũy Ngọc-hồi. Trên lũy đạn bắn xuống như mưa. Vua Quang-trung ra lịnh cho quân sĩ lấy ván gỗ núp mà xung vào trận. Vua Quang-trung tự đánh voi đốc quân ở phía sau.

Quân Nam đã phá được cửa lũy (34 b), liền bỏ ván gỗ xuống đất, dùng đoản đao đanh giết Quân giặc Thanh chống không nổi, tan rã bỏ chạy từ phía mắc vào bẫy ngầm, địa-lôi phát nổ, tử thương rất nhiều. Vua Quang-trung giục trống thúc quân đuổi nà, phá luôn mấy đồn Văn-điển, An-quyết.

Đề-đốc Hứa Thế Hanh, Tổng-binh Trương Triều Long, Thương Duy Thăng, Tri-phủ Điền-châu Sầm Nghi Luyện đều tử trận.

Tôn Sĩ Nghị ở Sa-châu nghe báo, một người một ngựa chạy về hướng bắc, tướng sĩ tranh nhau qua cầu, khiến cầu phải gãy mà rơi xuống nước chết đuối gần muôn người. Nước sông Nhĩ-hà không chảy được vì thây quân giặc Thanh chận lấp.

Ngày ấy vua Quang-trung xua quân vào thành. Chiến bào của vua biến thành màu đen xạm vì thuốc súng.

Vua Chiêu-thống (35 a) vội-vã qua sông theo Tôn Sĩ Nghị về Bắc. Nhà Lê mất.

Vua Quang-trung lấy trọn đất An nam.

Sĩ Nghị đã thua. Vua Quang-trung cho quân đuổi theo đến cửa ải Lạng-sơn, và lên tiếng sẽ vượt ải đuổi theo giết sạch không sót mạng nào và để tìm tung tích vua Chiêu-thống.

Người Tàu nhà Thanh kinh khủng, từ cửa ải trở về bắc, già trẻ dìu nhau trốn chạy. Hằng mấy trăm dặm tuyệt nhiên người và khói bếp lạnh tanh.

Đạo quân Vân-nam và Quý-châu vừa kéo xuống Sơn-tây, nghe tin Tôn Sĩ Nghị đại bại, cũng tìm đường trở về.

Vua nhà Thanh liền xuống chỉ cho quan Nội-các Phúc Khang An thay Tôn Sĩ Nghị làm tổng-đốc Lưỡng Quảng, để-đốc binh mã chín tỉnh, điều binh 50 vạn (500.000) nội ngày ấy đến Nam-quan kinh lý việc An nam. (35 b)

Trước kia vua Thanh sai Tôn Sĩ Nghị ra quân, rồi lại có mật dụ bảo hoãn lại chớ gấp thi hành: « Trước hết phải truyền hịch lên tiếng trước, thả bầy tôi của nhà Lê về tìm Lê Chiêu-thống cho lộ diện đối địch với Nguyễn Huệ. Nếu Nguyễn Huệ lui tránh, thì ta nhân đó sai Lê Chiêu-thống đuổi theo và cho đại binh tràn sang nối theo (1) thì ta sẽ không khó nhọc mà được thành công. Đó là cái cao kiến của kế sách này.

Nếu người trong nước An nam đều phân nửa binh Lê Chiêu-thống, phân nửa binh Nguyễn Huệ, Nguyễn Huệ không lui quân, thì ta chờ thủy quân Mân-Quảng vượt biển đánh vao vùng Thuận-Quảng rồi cho bộ binh tiến sang (2). Lưng và bụng đều thụ địch, Nguyễn Huệ vì tình thế phải quy hàng. ta nhân đó giữ cả hai Chiêu-thống và Nguyễn Huệ. Từ Thuận Quảng về nam, ta cắt cho Nguyễn Huệ ở, từ Hoan ái về bắc ta lấy phong cho Chiêu-thống, rồi ta đem đại binh trấn đóng nước An nam để kiểm chế, chờ về sau sẽ có cách xử trí! »

Khi Tôn Sĩ Nghị dìu dắt nhau chạy về Bắc, các sắc thư của hắn mang theo đều rơi rớt dọc đường. Vua Quang-trung thu được, nói với Ngô Thì Nhậm:

— Ta xem sắc thư của vua Thanh chẳng qua là họ xem thế mạnh yếu mà giúp vậy thôi. Việc giúp nhà Lê không phải ở bản tâm chân thật, mà chỉ mượn đó làm danh nghĩa để mưu lợi.

Nay sau khi thua trận, họ tất cho là nhục, hẳn là không chịu

(1) Theo kế sách giúp kẻ thắng để giành phần.

(2) Để đánh ép hai đầu.

dứt can qua. Nhưng hai nước giao binh cũng không phải là cái phúc cho nhân dân. Nay chỉ khéo ở lời thù tiếp ngoại giao mới có thể dứt được đao binh. Việc này phải do khanh chủ trương.

Vua Quang-trung bèn ra lịnh cho các người Tàu bị bắt làm tù binh đều được cấp lương phạn và được chọn nơi cho tạm trú (36 a) Vừa lúc ấy quan Tả giang binh bị đạo Thanh Hùng Nghiệp đưa thơ sang, đại lược nói:

« Lê Duy Kỳ bỏ nước mà trốn, Thiên triều bản nhiên không đem nước An nam cho y nữa. Vậy thừa lúc trước khi chưa có dụ chỉ của Thanh đế, Ông nên sai người đến gõ cửa ải kêu cầu, ngõ hầu có thể ngưỡng mông ân huệ. »

Vua Quang-trung được thơ, biết người nhà Thanh muốn giảng hòa, thì trong lòng đã khinh khi họ, bèn sai tướng Hô hổ hầu dâng biểu xin cho làm An nam quốc-vương. Tờ biểu viết:

« Thần là kẻ áo vải ở Tây-sơn thừa thời cử sự, năm bính-ngọ (1786) đem quân diệt họ Trịnh trả nước lại cho họ Lê. Vua Lê tạ thế, thần lại tôn lập cháu nội vua Lê là Duy Kỳ nối ngôi. Duy Kỳ là người dâm loạn hung bạo. Kẻ bề tôi và nhân dân trong nước chạy đến tố cáo với thần và xin thần ra binh trừ loạn.

Năm đinh-vị (1787) thần sai một viên tiểu tướng đem binh hỏi tội kẻ tả hữu đã giúp bạo quân làm xằng, thì Duy Kỳ từ xa ngóng thấy đã sợ hãi chạy trốn đang đêm, tự chuốc lấy cái lo.

Năm mậu-thân (1788) thần tiến binh ra đến đô thành Thăng-long (36 b), lại ủy thác cho con của vua Lê là Duy Cận làm giám-quốc. Thần đã sai sứ giả gõ cửa quan đem tình hình trong nước tâu bày. Nhưng mẹ của Duy Kỳ đã sang trước cửa ải Đẩu-ảo gởi thân cầu xin cứu viện.

Tôn Sĩ Nghị là bực đại thần ở biên cương lại vì tiền-của và nữ sắc đem tờ biểu của thần xé nát ném vuống đất, làm nhục sứ giả của thần, ý muốn động binh gây chiến. Thần không biết việc đó có quả là do sự sai khiến của Đại hoàng-đế hay là do Tôn Sĩ Nghị

vì bị một người đàn bà sai khiến, mong lập công ở biên cương mà cầu lợi lớn chăng ?

Ôi ! Nhân sĩ giáp binh của một dãy bờ biển này không đáng một phần muôn của triều đình Trung-quốc. Nhưng vì khe sâu ở trước, cọp dữ ở sau, lòng dân chúng sợ chết đều lo phấn đấu. Thần không tránh cái tiếng ném chuột vỡ đồ, bèn đem đinh tráng năm ba ấp đi theo. Ngày mùng 5 tháng giêng năm nay (kỷ-dậu 1789) tiến ra đô thành Thăng-long mong được một lần yết kiến Tôn Sĩ Nghị, hay được đem ngọc và lụa thay cho thuần giáo, chuyển binh xa làm hội áo quần. Nào ngờ binh của Tôn Sĩ Nghị tiến ra đón đánh trước. Vừa mới giao phong, binh của Tôn Sĩ Nghị đã tan rã chạy tứ tán. Binh sĩ chạy trốn ra thôn trang ngoài thành lại bị dân chúng chung quanh giết chết hầu hết.

Ngày vào thành, thần lập tức ngăn cấm dân chúng không được giết càng. Tất cả binh sĩ trốn tránh đưa đến đô thành được hơn tám trăm người (800), thần đã cấp cho họ lương thực.

Trộm nhớ nước thần từ Đinh Lê Lý Trần trở lại đây đời đời (37 a) thay đổi mãi không phải vẫn một họ làm vua. Hễ ai có thể làm rào cột ở phương nam thì người ương trồng phải vun bồi bảo bọc cho. Chỉ có cái lẽ chí công chí nhân ấy mà thôi.

Cúi nghĩ, Đại hoàng-đế đặt mình vào địa vị trời mà thi hành giáo hóa thuận theo lẽ tự nhiên, tha thứ cho hạ thần cái tội đón đánh Tôn Sĩ Nghị và lượng xét cho thần lòng thành đã gõ cửa quan ải trình tờ tấu mà cho thần làm An nam quốc-vương để có người cai quản.

Thần kính cẩn sai sứ đến cửa khuyết vâng mệnh làm phiên thần nộp cống và đem những tù binh hiện còn sống sang nộp để bày tỏ lòng chí thành.

Ôi ! đường đường là triều đình thiên-tử lại đi so hơn thua với nước bé thì ắt là muốn chinh chiến mãi không thôi để cùng khốn binh sĩ, lạm dụng vũ lực hầu sướng khoái cái lòng tham lam tàn

bạo thì thật lòng Đại hoàng-đế không nhẫn. (1)

Vạn nhất can qua mãi không dứt, tình thế đến nỗi nào thật không phải do thần muốn và cũng không dám biết đến. » (2)

Thang Hùng Nghiệp tiếp được tờ biểu cả kinh, nói với sứ giả Hồ hồ hầu:

— Nay không phải lúc hai nước đang đánh nhau, sao lại viết toàn giọng giận dữ. Viết như thế là muốn cầu phong tước chăng hay muốn khởi hấn chiến tranh chăng?

Thanh Hùng Nghiệp giao trả tờ biểu không chịu để đạt lên vua Thanh.

Vua Quang-Trung bèn để Ngô Văn Sở giữ Bắc-thành và bảo:

— Phàm việc ngoại giao với nhà Thanh thì giao cho Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích, việc qua lại giữa hai nước, ta cho được tiện nghi xử trí (37 b), Việc không quan hệ khẩn cấp không cần phải bẩm báo với ta

Vua Quang-trung bèn dẫn quân về Nam.

Thế rồi Phúc Khang An đến Việt-tây (tỉnh Quảng-đông) chuyển ý giảng hòa đưa thơ đem việc lợi hại làm tỷ dụ cho biết.

Vua Quang-trung lấy vàng lụa tặng cho rất hậu để cầu cho thành việc, rồi tự đổi tên là Quang Bình, sai cháu, Nguyễn Quang Hiển cùng bồi thần Vũ Huy Tấn đem làm lễ cống gõ cửa ải thành khẩn xin vào chiêm cận.

Vua Thanh vui mừng chuẩn y lời tâu và dạy cho năm sau Quốc-vương An-nam phải đích thân sang chiêm cận ở cửa khuyết.

Bài biểu văn đại lược như sau:

« Thần khởi lên ở Tây-sơn, đầu tiên có đất Quảng-nam, vốn

(1) Thật là câu chửi khéo.

(2) Thật là câu khiêu khích.

không có phân biệt cao thấp với nhà Lê. Năm trước thần đã từng sai người gõ cửa ải trần bày duyên cớ gây hấn với nhà Lê, bị quan trấn thủ biên cương bác thơ không chịu để đạt lên.

Đến khi quan binh (quân Thanh) tiến ra quan ải đi chinh phạt, thần trong tháng giêng năm nay tiến đến đô thành nhà Lê để hỏi duyên cớ tại sao lại kêu rước quân Thiên triều (1). (38 a)

Chẳng ngờ, vừa thấy quan binh Thiên triều liền phấn khởi hăng hái tàn sát bọn thủ hạ của thần. Cho nên binh của thần khó mà bó tay chịu trói. Cầu trên sông Nhĩ lại gãy, quan binh phải tổn thương mà kinh hoàng không xiết. (2)

Thần đã lắm lần sai người gõ cửa ải xin tội cùng đưa về những quan binh chưa chạy khỏi. Những người đã tàn hại quan Đề trấn thì đã bị xử theo pháp luật.

Vốn phải đích thân đến cửa khuyết của triều đình để tỏ tình xin tội, nhưng vì trong nước vừa bị chiến tranh, lòng người chưa yên, thần kính cẩn sai đứa cháu ruột là Nguyễn Quang Hiển theo tờ biểu vào chiêm cận.»

Bài biểu văn đều do Phúc Khang An dẫn ý.

Vua Thanh xem biểu vui mừng chuẩn cho Nguyễn Quang Hiển lên kinh đô và dạy vua Quang-trung rằng:

— Ngươi tuy tự biết sợ sệt, nhưng cái tội chống cự quan binh và giết quan Đề-trấn xét ra khó mà khỏi được. Nếu ngươi không đến cửa khuyết xin tội và gấp cầu phong tước hiệu thì Thiên-triều không có việc châm chế ấy được.

Ngươi đã chưa được liệt vào hàng chư hầu, rào giậu, cho nên các lễ vật dâng cống chưa tiện thu nhận. Như muốn thật lòng nộp cống, thì sang năm nhằm lễ Vạn-thọ bát tuần của Trẫm hãy đến kinh đô kêu xin.

---

(1) Việc cõng rắn cắn gà nhà.

(2) Bêu việc bại binh nhục-nhã của Thiên-triều.

Bọn Đề-trấn trận vong phải được lập đền thờ theo địa-phương bên An-nam Như thế thì Trẫm ắt đặc biệt gia ân cho, hoặc phong liền cho bằng vương tước, đời đời con cháu có thể giữ mãi nước An-nam

Còn như Lê Duy Kỳ nhu nhược không tài năng, lại bỏ ấn chạy trốn thì Trẫm không nhẫn lại giết luôn hắn, cho nên chỉ cho hắn (38 b) ở tỉnh thành Quế-lâm, quyết không có cái lẽ thừa lúc ngươi vào chiêm cận Trẫm lại đưa hắn về An-nam để cho hắn làm chủ nữa. Ngươi khá chớ nghi ngờ lo sợ.

Nay đặc biệt ban cho ngươi một xâu chuỗi trân châu đeo tay. Ngươi phải cung kính vâng theo ân mệnh để được lòng quyến ái nồng hậu của Trẫm. Cố gắng lên.»

Vua Quang trung lại dâng biểu tạ ơn, xin sang năm vào chiêm cận.

Vua Thanh tin thật, liền sách phong vua Quang-trung làm An-nam Quốc vương, sai Thanh Lâm, quan hậu bổ Quảng-tây sang.

Thanh Lâm đến quan ải. Vua Quang-trung mượn cớ thành Thăng-long đã tiêu tán hết khí hưng vượng xin đến Phú-xuân. Thành Lâm cho là trái lệ thường, không chịu đến Phú-xuân.

Vua Quang-trung lại mượn cớ bịnh hoạn dần-dà qua ngày tháng rồi cho châu, Phạm Công Trị giả mạo nhận lễ thụ phong. Vua Quang-trung sai người đem sản vật địa-phương tạ ơn.

Trong bài biểu tạ ơn, vua Quang-trung nói:

«Nhà có mẹ già, xin nhân sâm làm phương trường thọ.»

Vua Thanh liền phát một cân sâm ở Quan-đông của ngự-dụng (1) sai dịch trạm chạy đem sang ban cho.

Vua Quang-trung dâng biểu có câu:

«*Thần hữu mẫu hữu thân, báo đáp ngưỡng bằng ư đại tạo.* (39 a)

(1) Của vua Thanh dùng.

Quân vi sư vi phụ, sanh thành thâm ký ư long triêm.

(Dịch nghĩa: Thần có mẹ có cha; báo đáp ngẫng nhờ nơi công lớn — Vua là thầy là cha, sanh thành mong mỏi ở ơn nhuần.)

Vua Thanh phê: « Lời này đáng khen, Trẫm bất nhẫn không xem người như con. »

Mùa xuân năm canh-tuất (1790) Phúc Khang An giục vua Quang-trung sửa soạn sang chầu.

Vua Quang-trung lại mượn cớ có tang mẹ xin cho con là Quang Thùy thay mình vào chiêm cận Phúc Khang An không chịu, bí mật sai người đến cửa quan đem nỗi niềm ẩn khuất bay vẽ nếu bất đắc dĩ không đi được thì nên tìm người giống mình mà thay thế.

Vua Quang-trung bèn cho Phạm Công Trị giả mạo lấy tên mình và sai bề tôi là Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Vũ danh Tiêu, Nguyễn Tiến Lộc, Đỗ Văn Công với ngoại lệ hai thớt voi đực để làm khổ bọn quan Tàu dọc đường dịch trạm.

Lưỡng Quảng Tổng-đốc Phúc Khang An và Quảng-tây Tuần-phủ Tôn Vĩnh Thanh đưa phái đoàn đến kinh đô. Vua Thanh ban thưởng rất trọng hậu để biểu thị ý đặc biệt.

Đến Hành-cung ở Nhiệt-hà, Giả vương (1) vào chiêm cận vua Thanh và làm lễ bão tất. (39 b)

Vua Thanh đích thân viết bốn chữ to CŨNG CỰC QUY THÀNH (Tinh tú vây chầu sao Bắc-cực mà quy hướng và tin thành vào, ngụ ý chư hầu đến chầu thiên-tử mà quy hướng và tin thành vào người) và một câu đối:

祝嘏效尊親永矢丹忱知弗替
覲光膺寵錫載稽青史未前聞

(1) Quốc vương giả mạo.
(2) Lễ ôm đầu gối.

Chúc giả hiệu tôn thân, vĩnh thỉ đan thằm tri phất thế,
Cận quan ưng sủng tích, tái kê thanh sử vị tiền văn.

Nghĩa là:

Sang chúc phước như con-cái tôn thờ cha mẹ, thề mãi với lòng thành son sắc, thì biết rằng không phế bỏ (việc trung thành).

Đến chầu thiên-tử mà được vinh quang phải được thương yêu ban thưởng, hãy xét lại sử xanh thì từ trước chưa từng nghe (việc ưu đãi đặc biệt như vầy).

Cùng một bài thơ:

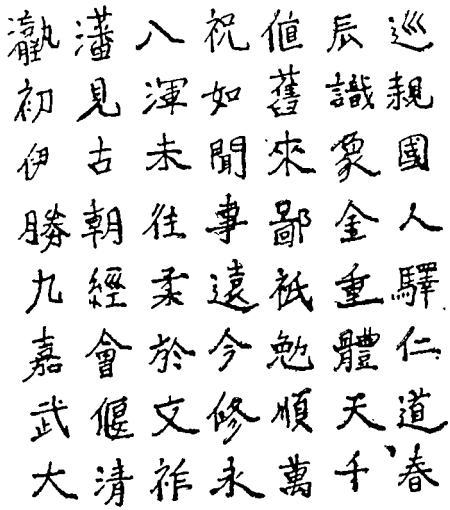

Doanh phiên nhập chúc trị thần tuần,
Sơ kiến hồn như cựu thức thân.
Y cổ vị văn lai tượng quốc,
Thắng triều vãng sự bỉ kim nhân.
Cửu kinh nhu viễn chi trọng dịch,
Gia hội ư kim miễn thể nhân.
Vũ yển văn tu thuận thiên đạo,
Đại Thanh tộ vĩnh vạn thiên xuân.

Dịch nghĩa:

1. — Vua nước phiên hải ngoại vào chúc thọ gặp lúc thiên-tử đi tuần thú,

2.— Mới gặp nhau lần đầu mà hoàn toàn như đã biết và thân nhau đã lâu.

3.— Từ xưa chưa nghe nói vua nước phương nam đến chầu,

4.— Việc cũ của triều đã bại mất (nhà Minh) thì đáng khinh bỉ vụ đòi cống người bằng vàng.

5 — Phép làm yên lòng người ở xa trong chín đạo thường là kính trọng việc trạm dịch qua lại giao hảo với nhau,

6.— Trong hội tốt lành hôm nay cố gắng việc thân thiện nhân đức.

7.— Dứt việc vũ, trau việc văn để thuận đạo trời,

8.— Thì phúc của nhà Đại Thanh được lâu dài muôn ngàn năm.

Vua Thanh thưởng cho Giả-vương y phục chén bát cũng đồng như bực thân vương. Vua Thanh lại thưởng thêm bạc vạn lượng.

Khi Giả-vương đến cáo từ để trở về nước, vua Thanh cho Giả-vương đến bên sạp ngự và vỗ vai Giả-vương an ủi dạy bảo ôn tồn rồi sai họa công vẽ chân dung mà ban thưởng (nay còn bức ảnh truyền lại).

Khi Giả-vương đã trở về rồi, vua Thanh sai đưa sang ban cho chữ PHÚC và đồ trân ngoạn của ngự dụng. Sứ giả qua lại không ngớt

Thuở trước khi vua Chiêu-thống sang Tàu, em là Lê Duy Chi chiếm cứ Tuyên-quang Cao-bằng dựa vào những viên thổ tù Nùng Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng và liên kết với các rợ Vạn-tượng, Trấn-ninh, Trịnh-cao, Quy-hợp đánh phá thành Nghệ-an. Vua Quang-trung sai quan Đốc-trấn Nguyễn Quang Huy làm đại tổng-quản, Đô-đốc Nguyễn Văn Uyển đem năm ngàn tinh binh (5.000) theo thượng lộ ở Nghệ-an đánh dẹp.

Tháng 6 (40 a) quân Tây-Sơn khắc phục Trấn-ninh, bắt được người cầm đầu Chiêu Kiểu Chiêu Nan, tháng 8 diệt được Trịnh-cao Quy-hợp, tháng 10 Quốc-trưởng Vạn-tượng phải bỏ thành chạy. Quân Tây-sơn bắt được voi ngựa chiêng trống và đuổi ra xa đến biên giới Xiêm-la, chém được viên suý Tả Phan Dung và Hữu Phan Siêu rồi đem quân về Bảo-lạc.

Lê Duy Chi và Phúc Tấn Văn Đồng thế không địch nổi đều bị giết.

Vua Quang-Trung sai Vũ Vĩnh Thành, Trần Ngọc Thị sang triều nhà Thanh dâng tin chiến thắng, tiếng là cung thuận nhưng thật là khoa trương vũ công.

Ở Bình-thủy quan thuộc Cao-bằng, Du-thôn ải thuộc Lạng-sơn vua Quang-trung lại xin mở chợ thông thương miễn thuế và xin lập trung tâm xuất nhập cảng ở Nam-ninh, đều được vua Thanh ưng thuận.

Thuở trước sáu châu ở Hưng-hóa và ba động ở Tuyên quang vào cuối thời Lê đều bị các thổ-ty nhà Thanh xâm chiếm, đã được nhiều lần bày giải mà vẫn không được thu hồi.

Vua Quang-trung gởi thơ cho Tổng-đốc Lưỡng Quảng xin phân rõ biên giới cũ. Tổng-đốc Lưỡng Quảng cho rằng biên giới đã định xong mà trả thơ lại.

Do đó vua Quang-trung hơi có ý bất bình, khuyến khích quân sĩ làm thuyền tàu, âm thầm nuôi chí dòm ngó đất Quảng đông Quảng-tây. Vua Quang-trung thường nói với các tướng:

— Được thêm vài năm bồi dưỡng uy lực nhuệ khí ta nào sợ chúng.

Vua Quang-trung đã đắc chí hiển nhiên sống theo hoàng-đế. Lập Ngọc Hân nọ Lê làm Bắc-cung hoàng-hậu, con đích (40 b) là Quang Toản làm Thái-tử.

Vì Nghệ-an là vùng chính giữa quốc gia, cũng là quê quán xưa của tổ tiên, vua Quang-trung bèn cho xây bức thành đất, dựng lâu điện ở dưới núi Kỳ-lân, gọi đó là Trung-đô, đổi thành Thăng

long làm Bắc-thành, chia đất Sơn-nam làm hai trấn, Sơn-nam thượng và Sơn-nam hạ. Trị sở của Sơn-nam thượng là Vị-hoàng, của Sơn-nam hạ là Chu-cầu.

Ở trấn thì đặt chức trấn-thủ và hiệp-trấn, ở huyện thì đặt văn-phân-tri, vũ-phân-suất

Vua Quang-trung định lại tên các chức quan.

Xét theo đời Tây-sơn, quan chế không thể khảo, được thấy rải rác ở những dã sử và tạp ký, có Tam công, Tam thiếu, Đại mông tể, Đại tư-đồ, Đại tư-khấu, Đại tư-mã, Đại tư-không, Đại tư-hội, Đại tư-lệ, Thái-úy, Ngự úy, Đại tổng quản, Đại đốc-lý, Đại đô hộ, Đại đô-đốc, Đô-đốc, Nội hầu, Hộ giá, Điểm kiểm, Chỉ huy sứ, Đô ty, Đô úy, Trung úy, Vệ úy, Quán quân, Tham đốc, Tham lãnh, Trung thư tỉnh, Trung thư lịnh. Phụng chính, Thị trung, Đại học sĩ, Hiệp biện đại học sĩ. Thị trung ngự-sử, Lục bộ thượng thư, (41 a), Tả hữu đồng nghị, Tả hữu phụng nghị, Thị lang tư vụ, Hàn lâm; còn những tên quan chức khác rất nhiều không thể kể xiết.

Quân hiệu thì có Trung, Tiền, Tả, Hữu, Hậu là Ngũ quân cùng Tả bật, Hữu bật và Ngũ Chế.

Lại có những quân hiệu: Càn thanh, Thiên cán, Thiên trường, Thiên sách, Hổ bôn, Hổ hầu, Thị lân, Thị loan.

Vua Quang-trung sai lập bộ đinh bộ điền.

Đinh phân ra ba hạng:

9 đến 17 tuổi: hạng vị cấp cách.

18 đến 55 tuổi: hạng tráng,

56 đến 60 tuổi: hạng lão.

61 trở lên: hạng lão nhiêu.

Công điền hạng nhất, mỗi mẫu lệ thu 150 bát thóc,

— — — nhì — — — — 80 bát thóc,

— — — ba — — — — 50 bát thóc,

Tiền thuế thập vật mỗi mẫu 1 mạch.

Tiền khoán khố mỗi mẫu thu 50 văn.

Ruộng tư điền hạng nhất, mỗi mẫu lệ thu 40 bát thóc,

— — — — nhì, — — — — 30 — —

— — — — ba, — — — — 20 — —

Tiền thuế thập vật đồng như của công điền.

Tiền thuế khoán khố là 30 văn.

Lại từ sông Gianh về bắc dân số phần nhiều ở ẩn lậu không đem sự thật khai lập sổ. Vì thế mỗi người dân được cấp một thẻ bài gọi là *tín bài* (41 b) ghi bọ tên quê quán có ấn dấu ngón tay, ở trong có in bốn chữ to THIÊN HẠ ĐẠI TÍN.

Ai không có thẻ tín bài là dân lậu phải bị sung vào phòng dịch (biên phòng) mà lý trưởng phải tội lây. Các lại dịch nhân đó đó làm việc gian ác, ra khắp nơi tìm bắt dân, đến nỗi có kẻ phải đào hầm mà trốn, nỗi khổ không xiết.

Lúc ấy giặc biển Tàu-ô ở Lưỡng-Quảng bị nhà Thanh đánh đuổi, thế bức phải đầu triều đình Việt-nam Vua Quang-trung thu dụng tên đầu đảng, ban cho hắn chức tổng-binh. Vua Quang-trung lại thâu nạp đảng cướp Thiên-địa hội, cho thừa thế ẩn hiện cướp phá Trung-quốc.

Đường biển vì thế mà không thông, nhưng quan nhà Thanh sợ vua Quang-trung hùng cường mà không hỏi đến.

Năm nhâm-tý (1792) vua Quang-trung sai làm tờ biểu cầu hôn (công chúa nhà Thanh) để thăm dò ý vua Thanh và cũng để mượn cớ gây hấn. Nhưng vua Quang-trung lại bị bịnh mà việc ấy phải thôi. (42 a)

Nguyễn Huệ tàn ngược vô đạo, lúc đô thành Phú xuân bị chiếm, các tôn lăng của chúa Nguyễn đều bị xâm phạm.

Một buổi chiều, vua Quang-trung đang ngồi bỗng xây-xẩm tối-

tăm, thấy một ông già đầu bạc từ không trung hạ xuống, mặc áo trắng, cầm cây thiết bảng mắng rằng:

— Tổ phụ ngươi sống trên đất của Chúa, đời đời làm dân của Chúa (Nguyễn). Ngươi sao dám phạm đến lăng tẩm của Chúa.

Nói xong, lão lấy thiết bảng đập vào trán vua Quang-trung. Vua Quang-trung mê-mang ngã xuống, hồi lâu mới tỉnh và kể lại với quan Trung-thư Trần Văn Kỷ.

Từ đó bịnh của vua Quang-trung chuyển nặng. Vua gọi quan Trấn-thủ Nghệ-an Nguyễn Quang Diệu về thương nghị dời đô về Nghệ an. Thương nghị chưa xong thì Thế tổ Cao hoàng Nguyễn ÁNH đã khắc phục được Gia-định và lấy Bình-thuận, Bình-khang, Diên-khánh với thanh thế chấn động.

Vua Quang-trung nghe được (42 b) buồn lo mà bịnh ngày càng tăng, liền gọi bọn Quang Diệu vào dặn rằng:

— Ta mở rộng bờ cõi chiếm cả vùng Nam-phục này, nay vì bịnh tật mà ắt không dậy được. Thái-tử tư chất khá cao nhưng tuổi còn bé, ngoài thì có mối thù với nước Gia-định, vua Thái-đức (Nguyễn Nhạc) thì tuổi già ham dật lạc không lo hậu hoạn.

Khi ta thác rồi, việc chôn cất phải sơ-sài trong một tháng cho xong mà thôi Bọn ngươi phải phò Thái-tử sớm dời về Vĩnh-đô để khống chế thiên-hạ. Nếu không, như thế, thì binh Gia-định đến bọn ngươi không có chỗ chôn.

Bọn Diệu cùng khóc mà nhận lịnh, rồi giết ngựa bạch mà thề.

Ngày 29 tháng 9 năm nhâm-tý (1792) (1) vua Quang-trung băng, ở ngôi được 5 năm, thọ được 40 tuổi.

. . . . . .

(43 a) Thái-tử Nguyễn Quang Toản lên nối ngôi, tháng 10 làm

(1) Sách *Quang-trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc* của Hoa Bằng chép ngày 29 tháng 7 năm nhâm-tý.

lễ an táng vua Quang-trung ở phía nam sông Hương, tên thụy là Thái tổ Vũ hoàng-đế.

Tự quân sai Thị-trung Đại học sĩ Ngô Thì Nhậm, Hộ bộ Tả đồng nghị Nguyễn Viết Trực, Hộ bộ Tả thị-lang Nguyễn Văn Thẩm sang nhà Thanh cáo tang, nói dối vua Quang-trung để di chúc sau khi băng thì chôn ở Tây-hồ thuộc Bắc-thành để được gần kề triều nhà Thanh.

Vua Thanh tin thật, ban tên thụy là Trung-thuần và đích thân làm bài thơ điếu:

外邦例以遣陪臣
展覲從無至己身
納款最嘉來玉闕
懷疑堪笑代金人
秋中尚憶衣冠肅
膝下渾如父子親
七字不能罷哀述
憐其忠悃出衷眞

Ngoại bang lệ dĩ khiển bồi thần,
Triển cận tùng vô chí kỷ thân.
Nạp khoán tối gia lai ngọc khuyết,
Hoài nghi kham tiếu đại kim nhân.
Thu trung thượng ức y quan túc,
Tất hạ hồn như phụ tử thân.
Thất tự bất năng bãi ai thuật,
Liên kỳ trung khổn xuất trung chân.

Dịch nghĩa :

1.— Lệ nước phiên ở ngoài thì Quốc-vương sai kẻ bề tôi sang chầu,

2.— Làm lễ chiêm cận cũng không hề do bản thân của Quốc-vương.

3 — Vụ nạp cống lễ, thật đáng khen Quốc-vương đã đích thân đến cung khuyết bằng ngọc của Thanh triều,

4 — Trẫm hoài nghi và đáng cười việc triều trước (nhà Minh) đòi người bằng vàng mà thay thế (tướng Liễu-Thăng bị giết).

5.— Trong mùa thu trước Trẫm còn nhớ Quốc-vương với áo mão nghiêm trang,

6.— Còn dưới đầu gối khi Quốc-vương làm lễ bão tất, thì hoàn toan Trẫm với Quốc-vương như tình thân thuộc cha con.

9.— Bảy chữ không thể kể hết niềm đau-đớn,

8 — Thương nỗi trung thành do ở lòng chân thật của Quốc-vương.

Vua Thanh ban thêm một pho tượng Phật lớn, bạc ba ngàn lượng để dùng về việc tang.

(43 b) Án-sát Quảng-tây là Thành Lâm đến mộ giả ở Linh-đường thuộc huyện Thanh-trì đọc văn tế. Bài văn tế có câu :

祝釐南極效忠特奬其趨朝
安魄西湖沒世無忘於戀闕

Chúc ly nam cực, hiệu trung đặc tưởng kỳ xu triều,
Thỏa phách Tây-hồ, một thế vô vong ư luyến khuyết.

Dịch nghĩa :

— Cầu phúc cho Vương ở cuối phương Nam đã dâng lòng trung, đặc biệt khen thưởng việc Vương sang chầu,

— Vương yên xác ở vùng Tây-hồ, lúc thác chẳng quên lòng luyến mộ cung khuyết (của Thiên-triều).

Bài văn điếu được khắc vào bia đá dựng bên tả ngôi lăng.

góp thêm về phổ-hệ

TÂY-SƠN

và CHÂN DUNG ANH EM HỌ

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

Từ khi học giả Trần trọng Kim nâng dòng Tây sơn lên thành một triều đại Việt nam và cũng nhân dịp ý thức dân chủ, cách mệnh tăng tiến tràn lan thì người ta cũng biết đến Tây sơn càng ngày càng nhiều qua những bài khảo sát, hoặc chi li trong khuôn khổ tìm tòi tài liệu, hoặc mở rộng trong những giải thích tổng quát.

Nhưng không kể những bài có dụng ý chính trị, hiện đại hóa lịch sử nhiều hơn là có tính chất sử học, chúng ta phải nhận rằng những khảo sát về Tây sơn vấp phải thiếu sót tài liệu lớn lao nhiều hơn là ở những phe phái đồng thời. Chỉ vì Tây sơn là một «triều ngụy». Con cháu họ bị truy nã, tận diệt, sách vở viết về họ, dưới triều họ ngự trị bị thiêu hủy ngay sau khi phe phái chính thống thắng họ cả hàng vài mươi năm. Chưa cho là đủ, người ta phân chia lại ruộng đất nơi thang-mộc-ấp của Tây sơn để xóa ảnh hưởng tận gốc (1): cuộc cải cách ruộng đất ở Bình

(1) Nguyễn Thiệu Lâu, *Cuộc cải cách điền địa năm 1839 ở tỉnh Bình Định, Phổ thông, Hội Ái hữu Cựu Sinh viên trường Luật,* tháng 6-7, 1952, 106-122. Tính chất chính trị nặng nề của cuộc cải cách giải thích được sự lựa chọn địa phương và giải đáp cho vấn đề ông Nguyễn thiệu Lâu nêu ra là không có một phản ứng nào được ghi nhận từ phía địa chủ bị truất hữu. Áp lực chính trị làm tê liệt dân chúng địa phương đến nỗi gây ra tâm lý ghi nhận trong câu vè:

Quảng nam hay cãi, Quảng ngãi hay co,
Bình định hay lo, Thừa thiên ních hết.

định năm 1839 mang tính chất chính trị đặc biệt và suy từ đó ai không nghĩ rằng các quan ta xưa lại không là những nhà mác xít trước khi biết đến chủ nghĩa Mác?

Sự sai lầm của ông Văn Tân về xứ Bình định nghèo khó mà ông Nguyễn Phương đã chỉ vạch (1), bắt nguồn từ sự yếu kém về ý thức khảo sát khoa học — dùng lý thuyết làm khuôn mẫu cho một trường hợp riêng rẻ thay vì dùng sự kiện cụ thể để kiểm chứng, tài bồi lý thuyết — nhưng sai lầm đó và những cái khác tương tự cũng do bởi tài liệu quá ít khiến cho việc suy diễn phải nhờ cậy quá nhiều vào những hệ thống tổng quát có sẵn. Nhưng thực ra không dễ gì xóa bỏ được triều Tây sơn như là một hiện diện trong lịch sử nên các sử quan dòng chính thống vẫn phải nói về họ và đặc biệt ta có riêng một quyển 30 của *Đại nam Liệt truyện sơ tập* biên chép về họ — tuy thật là quá ít ỏi so với vai trò của họ.

Những tài liệu dã sử may mắn còn đến bây giờ thì lại gặp phải bao nhiêu ngăn cách với người tìm tòi. Ông Nguyễn Trần Huân có liệt kê một mớ đã chụp thành vi ti phim:

Tây sơn ngoại sử,

Tây sơn thủy mạt ký,

Tây sơn liệt truyện... (2)

thật quá ngoài tầm tay người trong nước. Cho nên, việc tìm hiểu Tây sơn trong tương quan với Trịnh, Lê, nhất là Nguyễn, có phần dễ dàng hơn việc tìm hiểu nguồn gốc họ, đời sống riêng tư của họ. Vả lại đã thành thói quen là chỉ có việc của họ nhà

(1) Một số quy chiếu trong bài không thể liệt kê ra được. Viết lịch sử bằng «tuồng bụng» một phần có thể khiến người thận trọng chê trách, nhưng người viết cũng đã cố gắng tối đa để mong có dịp khác hơn sửa đổi lại.

(2) Annuaire 1964 — 65, Ecole des Hautes Etudes, IVè section: Sciences historiques et philologiques, p. 358.

vua — chính thống — là được ghi chép kỹ lưỡng, còn trong dân gian — ngay cả những người có chức phận — ai sinh năm nào, ai chết năm nào, liên hệ thân tộc như thế nào... có mấy tài liệu ghi rõ ? Do đó, ở ta, việc lập một phổ hệ chính xác trong thời gian thật là vạn nan. Không phải những chi tiết này đã không can hệ đến sự thành bại của các giả thuyết lịch sử chỉ muốn nhìn vào con người xã hội, hay của những lý thuyết tổng quát. Hãy xem một minh chứng rõ ràng, mới nhất ở quan điểm phân chia « thế hệ văn học » của LM Thanh Lãng : vì thiếu những chi tiết về năm sinh, tháng đẻ của các văn sĩ — điều kiện để tập họp một nhóm người trong một *thế hệ* — LM mất dữ kiện chính để làm việc nên để lối phân chia thế hệ văn học trở thành một lối phân chia thời đại trá hình.

Ngược về 200 năm trước với Tây sơn, chúng ta cũng chỉ tìm được những mảnh nhỏ tài liệu. Tuy nhiên nếu nhìn nhận rằng lịch sử là quá khứ nhìn qua tài liệu và tiến triển về hiểu biết quá khứ thường thường đi với sự khám phá tài liệu mới và khả năng giải thích tài liệu, ta có thể dừng lại bất cứ lúc nào để tìm hiểu. Tây sơn, nhìn riêng trong sự tiếp nối gia đình của họ, cũng như trong tâm tính các nhân vật, sẽ được chúng tôi trình bày sau đây, trong giới hạn phương pháp đã nêu trên.

PHỤ HỆ TÂY SƠN.

Có một điều chắc chắn là tổ tiên Tây sơn gốc ở Nghệ An. *Đại Nam Nhất Thống Chí* tuy là sách về sau nhưng dựa vào 1 phương pháp khảo sát xác đáng là thu nhặt tài liệu ở các gia phả địa phương nên khá có giá trị, đã cho biết rằng Nghệ An có những chi nhánh họ Hồ, đỗ đại khoa, làm quan lớn (1). Chiến tranh 1945-54 còn may-mắn giữ được *Hồ tôn thế phả* để kể thêm được một Hồ xuân Hương trong dòng dõi danh gia ấy (2).

---

(1) *Nghệ An tỉnh*, Bộ QGGD xuất bản, 1965.

(2) Tài liệu miền bắc của ông Văn Tân, chúng tôi chỉ có thể dùng qua ông Phạm văn Diêu *Thân thế và văn tài Hồ xuân Hương*, Văn hóa nguyệt san, tháng 7, 8/1962).

Trong quá khứ, họ Hồ xứ này đã dựng một triều đại ngắn ngủi, nhưng cũng đầy tính chất cách mệnh, không biết có ảnh hưởng gì tới đám hậu sinh của thế kỷ 18 không ?

Tổ tiên Hồ Quý Ly là « Hồ hưng Dật, người Triết giang, đời Hậu Hán, đến làm quan ở Diễn châu, sau ở lại làng Bào Đột châu ấy, đời nào cũng làm chủ trại. Cháu 12 đời là Hồ Triêm dời đến ở làng Đại Lại, trấn Thanh hóa, làm con nuôi Lê Huấn mới đổi ra họ Lê, 4 đời sau đến Quý Ly... (1) »

Số đời đếm có thể lộn, vì cứ cho 3 đời là một thế kỷ thì 16 đời kể từ Quý Ly (thế kỷ 14) ngược lên hơn 500 năm không đến đời Hậu Hán (thế kỷ 3). Lối truyền dõi theo phụ hệ khiến ta biết được nguồn gốc Trung hoa của họ Hồ. Nhưng ta cũng có thể đoán được sự đóng góp bản xứ quan trọng ở dòng này (2). Một chi tiết ở trên cũng đáng cho ta lưu ý : một người trong dòng dõi « đời nào cũng làm chủ trại » mà chịu bỏ họ làm con nuôi họ Lê thì đủ biết họ Lê cũng là một vọng tộc ở Thanh hóa. Có phải đó là một dòng quan Lang Mường tương tự như của viên phụ đạo làng Khả lam, Lê Lợi, đấy không ?

Chỉ biết Quý Ly, dưới bóng họ Lê, chen được vào trong một triều Trần đầy nghi kỵ kẻ cướp ngôi đến nỗi chỉ lấy người trong họ. Ông lấy con gái Nghệ tông và có hai người cô và chị gả cho Minh tông, một người sinh ra Dụ tông, cha của Phế đế Nghiễn. May mắn hơn, một đối chiến cho ta biết năm sinh của Hồ quý Ly.

---

(1) Ngô thời Sỹ, *Việt sử Tiêu án*, Văn hóa Á châu, 275.

(2) « Nếu tất cả những quận công và hoàng tử Pháp đều là con cháu St. Louis như gia phả chứng tỏ, thì họ cũng là con cháu của nhiều gia đình thị dân và nông dân. Ngược lại, phổ hệ của một gia đình thị dân xưa cũng cho thấy có những quý tộc liên quan đến tất cả những gia đình quận công, ông hoàng và cả đến gia đình nhà Vua nữa. » *(L'Histoire et ses Méthodes,* Encyclopédie de la Pléiade, 1961, 727.) Cũng lưu ý thêm rằng có khi giai cấp là dấu hiệu của sự phân biệt chủng tộc, như rõ ràng ở trường hợp của Ấn độ.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục (q. 12, 9a), mục tháng 9, Ất dậu (1405) ghi Quý Ly cho phụ lão các lộ 70 tuổi trở lên được một tước, bà lão được tiền, còn phụ lão kinh thành thì ban tước thêm rượu nữa. Ngô thời Sỹ (sđd, 280) nói rõ hơn rằng Thất tuần khánh đó là nhân lễ thất tuần của Hồ quý Ly mà có. Như vậy, ta biết Quý Ly sinh khoảng 1336. Năm ông chết có lẽ sau năm 1407 không lâu, tuy không phải năm này, vì *Cương mục* cực lực phản đối thuyết Quý Ly bị giết trên đường về Kim lăng (q. 12, 21 ab).

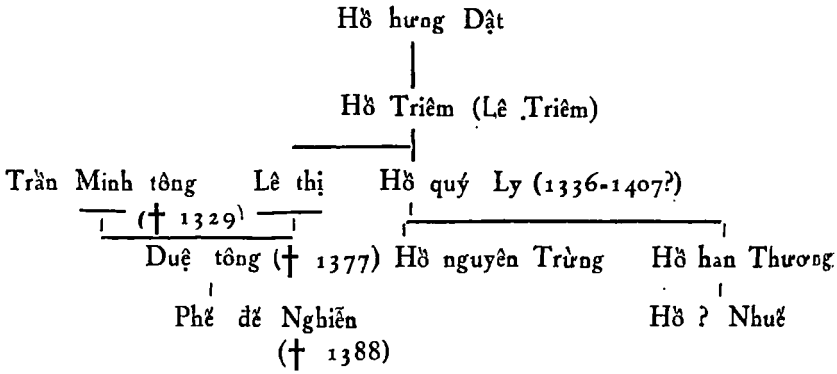

Mối liên lạc giữa Tây sơn và nhà Hồ có lẽ không trực tiếp vì sách *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* chỉ ghi rằng «(Nhạc)... dòng dõi Hồ quý Ly». Nhưng liên lạc thân tộc với các dòng họ Hồ khác ở vàng Nghệ An còn được ghi rõ hơn nhờ các gia phả lưu truyền trong vùng nhất là bản *Hồ tôn thế phả*, do đó ông Văn Tân đã đặt mối liên lạc giữa Tây sơn và Hồ Xuân Hương. Chứng dẫn của Giáo sư Phạm văn Diêu có vẽ phổ hệ họ Hồ vùng Nghệ An như sau:

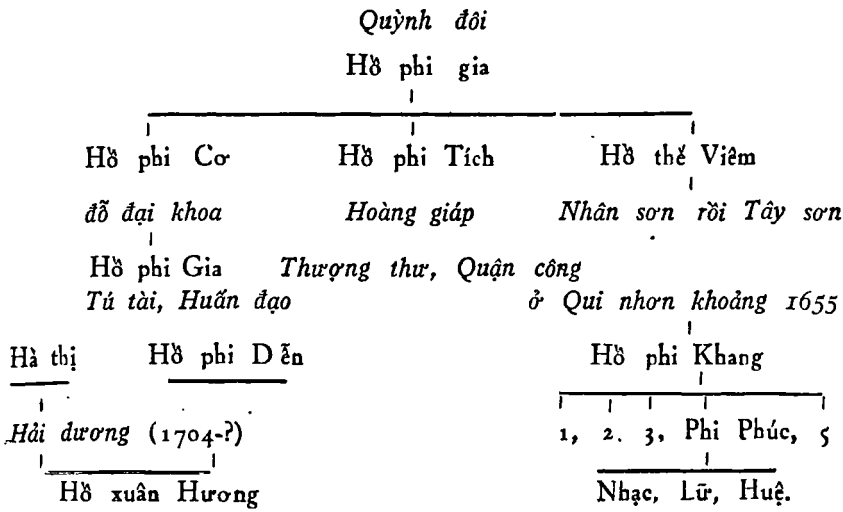

Chép đúng thì như vậy, nhưng có lẽ tên Hồ phi Gia dưới chữ Quỳnh đôi phải được thế bằng tên Hồ sĩ Anh như trang 757 tạp chí đã dẫn, khỏi trùng hợp với một tên Hồ Phi Gia vào hàng cháu.

Ở đây, ta xét riêng về nhóm họ Hồ ở Nhân sơn. Ông Văn Tân thấy *Hồ tôn thế phả* chỉ chép chi họ Hồ Nhân Sơn đến đời Phi Khan, Phi Phúc rồi bặt luôn, bèn phối hợp với các tài liệu sử sách mà cho rằng các người trong chi này đã bị bắt khi quân Nguyễn tràn ra vùng Bắc Bố Chính, Nghệ an vào năm 1655. Sách *Hoàng Lê, Liệt truyện, q. 30, Cương Mục* đều ghi tổ quán Tây sơn ở huyện Hưng nguyên, Nghệ an. *Phương đình Dư địa chí* (1) cho biết tên huyện Hưng nguyên được đặt từ triều Lê vì *Thiên nam Dư hạ tập* ghi phủ Anh đô gồm hai huyện Nam Đường và Hưng nguyên, phủ Diễn châu gồm hai huyện Đông thành và Quỳnh lưu. Tên phủ Diễn châu đặt từ đời Đường, bây giờ còn lại vẫn là phủ ở phía nam huyện Quỳnh lưu và bắc huyện Hưng nguyên, tất cả đều

(1) Ngô mạnh Nghinh dịch, Tự do xuất bản, 136, 138.

ở bờ bắc sông Cả. Làng Nhân sơn nằm ở phía nam huyện lỵ Quỳnh lưu nghĩa là không ở trong phạm vi huyện Hưng nguyên chút nào thì không hiểu sao lại được nối kết chi họ Hồ ở đấy với huyện Hưng nguyên được?

Thực ra, mối liên lạc Hồ Nhân sơn với Nguyễn Tây sơn được đặt ra chính vì tên Hồ phi Phúc hiện diện trên các tài liệu với giá trị minh chứng khác nhau. Cũng có thể một cánh quân Nguyễn năm 1655 đã tràn đến Quỳnh lưu, cũng có thể họ Hồ ở Nhân sơn đã dời vào huyện Hưng nguyên trước đó.

Sau khi xác nhận sự liên lạc này, vấn đề nữa được đặt ra là mối liên lạc giữa Hồ phi Phúc và anh em Tây sơn. Có thực Phúc là cha Nhạc không? Ông Văn Tân cũng như ông Phạm văn Diêu cho rằng phải. Chúng tôi thoáng thấy trong một tập văn học sử Việt nam xuất bản ở miền bắc (một tác giả là Văn Tân), được Đại học Văn khoa Sài gòn cho quay ronéo phổ biến trong khi chờ đợi tác phẩm khác tốt hơn, cũng cho Phúc là cha Nhạc. Chúng tôi nghĩ rằng không phải và nhận thấy lầm lạc chính từ sự khẳng định của *Liệt truyện* (q. 30, 1a) là: «cha (Nhạc) là Phúc». Cái bẫy này giăng mắc được một số đông người, trong đó có ông Trần trọng Kim và gần nhất, ông Nguyễn Phương.

Sự mơ hồ về niên đại trong lịch sử ta, như đã nêu rõ ở trên, khiến chúng ta quên mất sự xử dụng niên đại ngay khi có nó nữa. Ở đây, chúng ta có năm 1655 làm gốc. Chúng ta tìm lấy một năm xác đáng nữa. Ở Nguyễn Huệ, Huệ chết năm 1792, được ghi là thọ 40 tuổi (1). Quen với *tuổi ta*, ta biết ông chết lúc 39 tuổi và như vậy, sinh khoảng 1753. Hồ phi Phúc, đã có mặt ở Nghệ An năm 1655, cho dù được Phi Khang ẩm ngữa vào nam, nếu đúng là cha Nhạc, phải sinh Huệ vào lúc gần trăm tuổi. Chỉ có ai làm thầy tướng số, vin vào

(1) *Lt*, q. 30, 47b. *Thực lục Chính biên Đệ nhất kỷ* (TI) q. 6, 7b, 8a.

sự nghiệp lấy lừng của Tây sơn mới tin trường hợp «lão bạng sinh châu» này mà thôi.

Huống chi hai tài liệu, *Hồ tôn thế phả*, *Hoàng Lê*, đều ghi nhận Hồ phi Phúc ở Nghệ An không phải với tư cách một đứa bé mà là một người lớn đã có danh vọng. Đứa bé Phúc đi vào nam, tuyệt dòng họ Hồ Nhân sơn, làm sao còn lưu tiếng ở Nghệ An để hơn 100 năm sau, Ngô thì Chí ghi được một cách nề vì: (Nhạc)... «cùng ngành với Hồ phi Phúc»? Toán họ Hồ vào nam không phải sinh ngay ra Nhạc, mà phải «qua 2 đời» *(Hoàng Lê)*; chứng cớ này phù hợp với lời của *Liệt truyện*: «Tổ 4 đời, khoảng Lê Thịnh đức, bị quân ta bắt». Con số *đời* có khác nhau không phải sai lạc vì một đằng tính theo *khoảng cách*, một đằng tính theo *mốc* vị trí.

Như vậy, hoặc là *Liệt truyện* sai lầm, hoặc là họ Hồ (Nguyễn) Tây sơn có hai người tên là Phúc. Chúng ta lại không chấp thuận điều sau. Tin tưởng linh hồn trong tục lệ thờ cúng tổ tiên cùng với thứ bực khắc khe của tổ chức xã hội theo Khổng giáo không cho phép trong một nhà có hai ông Phúc con cháu cha ông lộn xộn. Có thể rằng khi bị bắt ở Hưng nguyên (hay Nhân sơn), Hồ phi Phúc đã lớn, đã có danh vọng, nên được ghi vào sổ bộ của toán quân Nguyễn chiến thắng. Đám di dân bất đắc dĩ vào nam, ở trên núi đồi An khê, trở thành vô danh tiểu tốt, một sớm một chiều bỗng nhiên sản sinh được những tên phản loạn, khuynh đảo cả triều đình, khiến đám quan lại kiêu căng giật mình dò lại sổ bộ thấy có tên Phúc có liên quan tới Biện Nhạc bèn gán đại làm cha với dụng ý làm liên tục dòng dõi *dân lưu đày — tướng cướp — ngụy triều*.

Còn về phía ngoại Tây sơn, đám người có họ Nguyễn đã khiến họ Hồ phải chuyển họ? Không có dấu vết nào rõ rệt, nhưng hình ảnh Huệ «tóc quăn» dáng người dữ tợn (xem sau), có là bằng cớ cho một dòng máu Thượng hay không?

Vậy thì khoảng 100 năm sau khi vào Nam, họ Hồ Nhân sơn có thể đã «được an sáp tại làng Tây sơn thuộc huyện Phù Ly; qua 2 đời thì sinh ra Nhạc và hai người em là Bình và Lữ.» *(Hoàng Lê)*

Phù Ly nay đã mất địa vị huyện mà chỉ còn là một địa điểm nhỏ trên quốc lộ số 1, còn làng Tây sơn được mở rộng thành hai địa điểm Cửu an và An khê vẫn còn chứng tỏ vị trí chiến lược quan trọng trong hai cuộc chiến 1945-1954, 1960. Trước 1945, các nơi này thuộc tỉnh Kontum, sau 1954 được sáp nhập vào tỉnh Bình định của một quận mới lập: quận An túc.

Bình, hay Nguyễn quang Bình là tên Nguyễn Huệ đổi nhân có việc cống sứ nhà Thanh (1). Câu văn Hoàng Lê trên không nêu rõ thứ tự anh em, cho ta hiểu đại khái Nhạc là anh cả, Bình giữa và Lữ là em út. *Cương Mục* (q. 44, 22a) cũng ghi «kỳ đệ Văn Huệ, Văn Lữ...» trong khi *Liệt truyện* cho biết cha Nhạc bỏ đất Tây sơn xuống Kiên thành, sinh ra 3 anh em lấy mẫu tính gọi theo thứ tự Nguyễn văn Nhạc, Nguyễn văn Lữ, Nguyễn văn Huệ. Thứ bực lộn xộn, chúng ta phải nhìn vào cách thế ghi chép tài liệu để phân định.

Giữa hai người, chức tước, tài năng Huệ đều trội hơn Lữ. Năm 1778, sau khi thắng Nguyễn Ánh ở Đồng nai, kéo về Qui nhơn, Nhạc xưng làm Hoàng đế, phong Lữ làm Tiết chế, Huệ làm Long nhương Tướng quân. *Từ hải* cho biết chức Tướng quân với các thứ bực của nó được xuất hiện hầu hết qua các triều đại Trung Hoa. Qua Việt Nam, các Thái thú thời Bắc thuộc được giữ chức tướng quân rất nhiều, đặc biệt, Đào Khản thời Lục triều làm Thái thú Giang hạ, Đàn hòa Chi, thứ sử Giao châu, còn có thêm tước Long nhương Tướng quân. (2) Đời Nguyễn Ánh có Bảo giá Đại Tướng quân Lý Tài, cũng như Khai quốc Bình Tây Đại Tướng quân Tôn thất Hội. Trong khi

(1) *Lt*, q 30. 37 b.

(2) *An nam Chí lược*, Đại học Huế, 1960, 154, 157.

đó *Từ hải* ghi một cách sơ sài cho Tiết chế là « chỉ huy quản hạt » trích ví dụ trong Đường thư, truyện Quách anh Ngại. Lữ bị mất tiếng ngay sau chuyến đánh Gia định 1777. Trong khi đó Huệ hoạt động liên tục đến nỗi thương nhân Chapman năm 1778 lên Đồ bàn yết kiến Nhạc chỉ thấy Lữ mà vắng bóng Huệ (1) Huệ được quân Bắc gọi là Đức Lệnh, uy hiếp bọn giáo sĩ Tây phương theo Nguyễn Ánh khiến họ phải gọi là « le cruel Long nhương ». Địa vị, uy thế đó, khiến người ghi chép khi nhắc tới Tây sơn, sau Nhạc là người cầm đầu, tất phải kể đến Huệ rồi mới tới Lữ. Đó là trường hợp ở *Hoàng Lê, Cương mục*. Còn *Liệt truyện*, trong một quyển nói riêng về Ngụy Tây, kể tông tích dòng dõi họ, bị giới hạn trong vấn đề, phải lưu ý đến sự sắp đặt tự nhiên, nhất là ở những lúc mà sự kiện không dồn dập, thúc bách người ghi chép. Lời bình thường « Nguyễn văn Nhạc, Nguyễn văn Lữ, Nguyễn văn Huệ » là thứ bực đúng của anh em Tây sơn vậy.

Không phải chỉ có 3 người. Nhạc còn một người em gái đã cùng đi điếu Quang trung, nhưng đến Quảng ngãi thì bị quân Quang Toản chận lại (2). Người này, không biết thứ mấy, nhưng là chị của Lữ, Huệ.

Một bức thư của giáo sĩ Labartette viết từ Quảng bình ngày 12-5-1787 (3) cho biết luôn thứ bực của 3 người con trai: « Chủ tướng của họ là 3 anh em: người anh lớn là ông *Vua* (...) *Nhạc* nay đã lấy tước vị là *Thoi Đuc* (Par Excellence), người thứ hai gọi là *Duc ong bai* (ông hoàng thứ bảy), người thứ 3 gọi là *Duc ong am* (ông hoàng thứ tám) ».

Chữ « aîné » chỉ Nhạc ở đây phải được hiểu qua tiếng Việt là gì? Vấn đề được đặt ra để giải quyết số người trong gia

(1) Ký sự của Chapman, H. Berland dịch ra Pháp văn trong Bulletin de la Société des études Indochinoises (BSEI), t. XXII, 1948, 15-78.

(2) *Tl*, q. 6, 13b.

(3) Revue Indochinoise, t XIV, Juil. Déc. 1910, 44. Chữ in xiêng là chữ Việt không dấu trong bức thư.

đình Tây sơn. Chữ «cả» dùng cho con đầu lòng, người cầm đầu, còn thấy xử dụng ở triều đình Nam hà đương thời: Hoàng tử Cảnh là «ông hoàng Cả», LM Pigneau là «Ông cả», «Cha cả», một thầy dòng làm do thám được Nguyễn Ánh gọi tên «Thầy cả Minh». Ở dân gian, người ta cho rằng người con thứ nhất trong gia đình không được gọi là «thằng cả» như ngoài Bắc vì dân chúng kính trọng Hoàng tử Cảnh nên dành thứ bực ấy cho ông. Tuy nhiên, gốc gác việc kiêng cữ này có vẻ cũng không được chắc chắn lắm. Bằng chứng là chữ «kiểng» được gọi tránh chữ «Cảnh» là kỵ huý không phải của tên Hoàng tử Cảnh mà viên tướng Nguyễn hữu Cảnh khai phá Thủy chân lạp thế kỷ trước. Chữ «Thái» được đọc là «Thới» (*Thới* bình, *Thới* lai) không phải bởi kiêng vua Thành thái mà bởi kiêng tên một nhân vật nào trước thời Tây sơn nữa vì trong bức thư dẫn trên, Thái đức đã được viết là Thới đức. Trở lại vấn đề chữ «cả», tục lệ tránh né địa vị lớn nhất tràn khắp dân chúng Nam hà, có vẻ mang dấu vết địa phương thần quyền sâu đậm: thứ bực «cả» để trống vì không phải chỗ của người thường tục. Dù sao tục lệ cũng lan sâu đến nỗi ta có thể nói rằng chữ «aîné» của giáo sĩ Labartette dùng tuy không có kèm thêm giải thích thứ bậc như ông đã làm sau đó, nhưng cũng có thể cho ta biết Nhạc phải được gọi là «anh Hai». Thứ bực 7, 8 (Đức ông bảy, Đức ông tám) của Lữ, Huệ rõ là được kêu theo thói quen đương thời. Vậy có thể là gia đình Tây sơn gồm có 7 người mà 4 người còn sống: Nhạc (có thể là con trưởng), một người con gái không rõ thứ bậc, Lữ người em trai thứ 6 và Huệ, người em út, thứ 7. Nay ta điểm qua từng người một.

NGUYỄN VĂN NHẠC.

Nhạc sinh năm nào không rõ, chắc là lớn tuổi hơn Lữ, Huệ đến gần 15 tuổi, căn cứ vào sự cách biệt thứ bậc và dấu hiệu con cái: năm 1778, lúc Huệ được 25 tuổi, Chapman lên Thị nại đã gặp được một vị phò mã của chúa Tây sơn, có thể là Trương văn Đa, người rượt đuổi quân Đồng nai đến tận Nam vang

(1783). Nhạc xưng đế vào tháng 4 năm Đinh mùi (17/5-14/6/1787) (1) và chết năm Quý sửu (1793) (2) khi toán quân cứu viện của Phú xuân tiến vào xua quân Đồng nai lui về Diên khánh. Người ta thuật chuyện rằng khi quân cứu viện đến trước Hoàng đế thành thì thấy cửa đóng. Họ đe dọa thì Nhạc nhắm không đủ sức giữ bèn mời họ vào. Tiếp theo là những cử chỉ nhường nhịn giả dối. Vài tháng sau ông mất đi, «vì buồn rầu và xấu hổ» (3). Thư của một giáo sĩ khác cho biết: «Thới đức chết tháng 12 1793» (4). Giám mục De Gortyne cai quản Địa phận Tây Bắc kỳ xác định rõ hơn: «Ông Nhạc nổi danh (..) chết ngày 13-12 năm vừa qua. Các chủ tướng của đạo quân (cứu viện) đó đã bức bách đến nỗi ông ta chết vì buồn rầu. Người ta còn đồn ông bị đầu độc..» (5)

Như vậy Nhạc chết ngày 13-12-1793. Nhưng sự thực con người hùng chí của Nhạc đã chết từ giữa năm 1787 khi ông lên mặt thành Đồ bàn khóc kêu gọi tình ruột thịt để Huệ giải vây. So với một năm trước dắt vài trăm quân kỵ đi trên đường trường, xứ lạ, từ Qui nhơn thẳng ra Thăng long gọi Huệ về, hành động này của Nhạc quả là tuyệt vọng.

Còn buồi đâu, ta không thể tìm được một người chủ tướng gan dạ, cơ trí hơn. Người ta biết ông đi buôn trầu với dân miền thượng, theo vòng trao đổi kinh tế núi — đồng qua các nguồn. Điền khiển được trong tay đám Thiên địa hội «khi đánh giặc uống rượu say, ở trần, đeo giấy bạc, xung trận liều mình... (6)» cùng với đám dân «vong mạng», «vô loại» như bọn cướp. Nhưng

(1) CM q. 47, 5a. Lt q. 30, 15a.

(2) Lt, q. 30, 16a, 54a.

(3) Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient, 1912/7, trang 33, thư của giáo sĩ Lavoué ở Tân triệu gởi cho các ông Boiret, Descourvières ở Paris đề ngày 13 5-1795).

(4) Bđd 36, thư của giáo sĩ Le Gire, Kẻ hương, Quảng bình, gởi cho các ông Boiret, Chaumont, Blandin (Paris), đề ngày 12-1-1796.

(5) Bđd, 32, thư đề ngày 22-4-1794.

(6) *Thực lục tiền biên*, q11,18ab. *Phủ biên tạp lục*, q. 1, 49b, 50a.

Huy, Tứ Linh ở nguồn An tượng, phải là một người có uy tín, chứng tỏ gan dạ bằng hành động. Muốn biết quyền uy của Nhạc hãy so sánh với Nguyễn Ánh để Đỗ thành Nhân « lộng quyền thiêu sống người, giết cả đàn bà có mang » ở Gia định. Bọn cướp dưới quyền của tên Biện lại Vân đồn tuyên bố rằng họ không phải là « những tên trộm cướp, họ gây chiến là để tuân mệnh trời và tuân mệnh đức Thượng sư » (1). Được gọi là « những tên trộm cướp nhân đức », công lao ấy phải do tay Nguyễn Nhạc vì lúc khởi nghĩa, Huệ mới có 18 tuổi đầu. Công cướp thành Cà dương, với lời đồn đại là chính chủ tướng Tây sơn ngồi trong cũi, chứng tỏ được cơ mưu trí trá, lòng gan dạ mà Nhạc có thể chứng minh được với thủ hạ.

Ông cũng biết sử dụng quyền uy điều hòa với thủ đoạn chính trị: trong chuyến Tây sơn ra Quảng nam, LM Jumilla được chủ tướng họ đóng quân ở nhà thờ Tiên đỏa ghé thăm, xin thuốc men, cho giảng đạo công khai, xây nhà thờ, cho 13 người lính gác bảo vệ. Ân xong, tới uy: họ đòi LM tới dinh nói rõ nguyên cớ nổi dậy và mục đích của họ là thay đổi chính quyền đương thời, chính quyền mà LM tuy nói « không muốn can dự vào chính trị » nhưng cũng phải nhận xét rằng « giờ phán xét của Thượng đế đã điểm đối với chúa Nguyễn và bầy tôi ».

Mộng chinh phục của Nguyễn Nhạc cũng lớn lắm, theo lời ông tiết lộ với thương nhân Chapman: ông muốn chiếm Cao miên, đến tận Xiêm và các tỉnh Nam hà phía bắc còn trong tay quân Trịnh. Để thực hiện mộng ước ấy ông đã đề nghị Chapman làm trung gian mời cố vấn Anh phụ giúp, thuê các tàu Anh chở binh lính. Đổi lại, ông có thể nhượng đất cho Anh lập thương điếm, cho Anh tự do buôn bán.

Đại khái bấy nhiêu đó cho ta thấy khí dũng cùng chí

(1) Thư của LM Diego đe Jumilla viết ở Tiên Đỏa 15-2-17-74 trong BSEI, tXV, 1940, 74.

hướng của Nhạc. Ta không còn được dấu vết về tác người, nét mặt của Nhạc. Nhưng về phương diện con người riêng tư ta cũng thấy chút đặc tính của chung anh em Tây sơn. Nhạc bị vây khốn trong thành, hết kêu khóc ở đền thờ cha mẹ lại kêu khóc với đứa em thù nghịch đang ở ngoài đắp núi đất đặt đại bác bắn đồ vào. Đứa em này, đánh giặc thù thì tận diệt cho không còn một tên địch trốn thoát, nhưng nghe anh khóc lại chịu rút quân. Bài hịch chửi Nhạc do Lại bộ Hồ Đồng, tôi chúa Nguyễn bị bắt trong trận Đồng tuyên (5-1783) làm giúp, nhưng rõ là không phải do giọng nho sĩ, mà là giọng của dân đồng ruộng, rẫy bái, ngược chợ xuôi sông. Chính là lời của Huệ gọi Nhạc «sài lang, chó heo», «làm nhơ uế cả một triều, khinh xuất, cạn không nghe». Không trách đám người vào khuôn ra phép ngạc nhiên thấy 2 ông tướng gặp nhau ở thành Thăng long «anh em trò chuyện, kẻ hỏi người đáp, cực kỳ ôn tồn y như anh em các nhà thường dân.»

Con Nhạc, theo ta biết, có Nguyễn Bảo hay Nguyễn quang Thiệu là lớn, được Quang Toản phong làm Hiếu công, ăn lộc huyện Phù Ly sau 1793. Tháng 11 năm Mậu ngọ (1798), Bảo được sự khuyến khích của Nguyễn văn Thành, Đặng Trần Thường, tung quân chiếm Qui nhơn, đuổi Phạm văn Hưng chạy lên xứ Mọi cạo trọc đầu, ăn mặc rách rưới để trốn tránh. Nhưng Quang Toản đã kịp thời đích thân kéo quân vào, hạ thành, xử Bảo theo lối tam ban triều điển.

Nhạc còn hai người con lẩn tránh sau khi triều đại sụp đổ: Nguyễn văn Đức, Nguyễn văn Lương. Con Đức là Văn Đâu cùng với cha, chú bị bắt năm 1831, đem về chém ngang lưng, tuyệt dòng Tây sơn (1). Hai người con gái của Nhạc được biết qua hai người con rể: một là Trương văn Đa xuất hiện có lẽ ở Qui nhơn năm 1778. tham gia chiến trận ở Gia Định năm 1783, một nữa là Vũ văn Nhậm, nạn nhân của cuộc tranh giành giữa Nhạc Huệ.

(1) Lt, q 30, 55 b.

NGUYỄN VĂN LỮ.

Đây là con người tầm thường nhất trong bọn. Cầm quân đầu tiên chiếm Gia định vào mùa xuân 1776, Lữ chưa so tài với quân Đông sơn trang bị võ khí thô sơ, đã vội vơ vét thóc lúa Gia Định chở về Qui nhơn. Năm sau vào Gia Định, cũng như năm 1785 đánh Thuận hóa kèm với Huệ để học nghề cầm quân, Lữ cũng vẫn không tiến bộ mấy, để đến nỗi sợ gió rung cây, thấy quân địch, bỏ Gia Định chạy về Qui nhơn chết ở đấy không biết lúc nào, chấm dứt cuộc đời đáng thương, lạc loài, bất đắc dĩ giữa đám anh em vượt chúng, quấy đảo thời thế.

Thực ra, đó cũng là kết quả đặc tính của con người Nguyễn Lữ. Bản chất mềm yếu, dễ dao động — dẫn đến bề ngoài đa nghi — thắc mắc, âu lo là nguyên nhân dẫn đến tôn giáo ta được biết ở Gia định, Đông định vương Nguyễn Lữ còn kiêm thêm chức giáo chủ đạo Mani (1).

Mani giáo là đạo gì? Hẳn không phải là manichéisme của Ba tư vì chúng ta không gặp dấu vết ở đất Việt. Ý nghĩa tôn giáo trong cây «cờ đào» của Tây sơn rút từ tư tưởng Nội đạo, không có liên quan gì đến một danh từ lạ lùng như vậy. Địa điểm Manille mà âm gần cận có được nghe đến với các tàu buôn, với sự hiện diện của các giáo sĩ Tây ban nha. Nhưng đấy là đất của Thiên chúa giáo.

Có lẽ sự kiện liên quan tới hệ phái Hồi giáo Bani (Islam bani: con của đạo) Về phương diện ngữ học, hai chữ Bani và Mani có thể là đồng tộc vì âm b có thể chuyển qua âm m (2).

---

(1) Trong số *Bách khoa Thời đại* 259, mới xuất bản, ông Nguyễn ngu Í có cho biết tên đạo là *Ba ni*. Như vậy luận cứ của chúng tôi có thể chứng minh được ngay không cần phải qua những trung gian. Về phần thứ bực của anh em Tây sơn thì theo những điều vừa nói, nguồn tin của dân chúng rõ là sai lạc. Ngày sinh của Nguyễn Huệ cũng vậy.

(2) Lê ngọc Trụ, *Chánh tả tự vị*, Trường thi, 1960, 29.

Về phương diện nhân chủng và lịch sử, khối đông đảo Chàm ở Bình thuận có Nữ chúa Thị Hỏa rồi Vương triều Tá là đồng minh với Tây sơn, đám người đó có một phần thuộc vào hệ phái Chàm Ba ni. Vậy có lẽ Nguyễn Lữ đã thiên về Hồi giáo và với bản chất dao động như trên đã nói, ông có thể là một tín đồ nhiệt thành.

Về con cái Lữ không nghe nói đến.

NGUYỄN VĂN HUỆ.

«Đức ông tám» này là người đặc biệt nhất trong bọn. Cũng vì xuất sắc mà người ta biết đến ông nhiều hơn những người khác. Sử thần nhà Nguyễn ghét cay ghét đắng nhà Ngụy Tây mà phải khen ông lúc còn sống, lúc chết ghi rõ ràng là «thọ 40 tuổi». Do đó ta biết ông sinh năm 1753, ngày ông chết là 16-9-1792.

Về ngày sinh, năm nay ban tổ chức điện Tây sơn có làm lễ sinh nhật ông nhằm ngày mồng 5 tháng 5 âl (12-6-67). Đây là buổi giỗ đầu tiên mà nhờ ảnh hưởng chiến tranh lại trở nên long trọng khác thường. Nhưng có phải Nguyễn Huệ đẻ ngày 5 tháng 5 Quý Dậu không? Một người dân địa phương có cho chúng tôi biết sinh nhật tổ chức năm nay là do lời khuyên bảo của một chính khách ở Sài gòn. Riêng chúng tôi nghĩ rằng ngày lễ hàng năm 5-5 tổ chức từ trước có lẽ do triều đình Huế chủ trương để bố cáo một ngày chiến thắng của Tiên khảo họ trên đất địch ngày Đoan ngọ năm Tân dậu (15-6 1801) lúc 8 giờ sáng, Nguyễn Ánh ghé thuyền ngự vào kinh thành Phú xuân mà vua tôi Tây sơn vừa bỏ chạy để lại. Nhưng khi kẻ thắng ăn mừng; thì người bại luôn dịp kỷ niệm ngày tủi nhục: các phe phái nghịch nhau cùng gặp nhau chỗ cần thiết lễ tiết, tin tưởng khiến tồn tại hàng trăm năm có hơn một sự kiện nghịch thường là một đền kỷ niệm được duy trì trên một vùng đất người ta có tình truy nã, tận diệt dòng giống, ảnh hưởng dấu vết của bọn loạn thần, tặc tử đó. Công trình hủy diệt đối phương của phe thắng đã đến mức thành công gần như hoàn toàn vì dân chúng

địa phương không còn nhớ gì nữa cả về những kẻ họ thờ cúng ngoài những hình ảnh sai lạc, huyễn hoặc chập chờn như ngôi miếu nhỏ đổ nát giữa đám tàu chuối, bụi cỏ phất phơ trên thôn Phú Lạc.

Vậy điều chắc chắn còn giữ lại là năm sinh của ông mà thôi. Vả lại, những bước chiến thắng liên tục của ông cũng làm bận rộn trí nhớ rất nhiều về năm tháng: tru diệt gần tuyệt tộc họ Nguyễn mùa thu 1777, thử sức với chiến tàu Tây phương (4-1782) đánh tan 20.000 quân Xiêm ở Rạch Gầm (18-1-1785), tiêu diệt quân Trịnh ở Thuận hóa (14-6-1786), rồi Thăng long (1788). Và chót hết là trận Đống đa ngày mồng 5 tháng giêng năm Kỷ dậu (1789).

Về mặt mũi của viên tướng này, bức hình truyền thần của nhà Thanh còn lưu lại không đủ chứng tỏ vì đó chỉ là vua giả Phạm văn Trị, người vây bắt Linh mục dòng Făn xi cô đi làm sứ thần bất đắc dĩ Nguyễn Ánh cầu viện Manilla (12-7-1783). Một tập dã sử về Tây sơn (1) ghi một chi tiết lý thú ẩn sau thói quen thần thánh hóa nhân vật: «Tóc Huệ quăn, mặt đầy mụn, có một con mắt nhỏ, nhưng mà cái tròng rất lạ, ban đêm ngồi không có đèn thì ánh sáng từ mắt soi sáng cả chiếu...»

Tóc quăn, mặt mụn, một mắt nhỏ là dấu vết thân xác. Nhưng câu chuyện tròng mắt có ánh sánh phát ra, ban đêm soi sáng cả chỗ ngồi là cảm tưởng của người nhìn, khiếp sợ trước uy vũ của «Thượng công». Sử quan nhà Nguyễn cũng phải thừa nhận: «Nguyễn văn Huệ là em Nhạc, *tiếng nói như chuông, mắt sáng như điện*, giảo, kiệt, thiện chiến, ai cũng phải sợ... (2)». Một cung nhân ở Thanh hóa trong dịp Ngô văn Sở chận núi Tam điệp đã nói với Lê Thái hậu:

«Nguyễn văn Huệ là bực anh hùng lão thủ hung tợn và

(1) *Tây sơn thuật lược*, Tạ quang Phát dịch, bản viết tay.

(2) Lt, q 30, 17 b. Chúng tôi gạch xiêng.

giỏi cầm quân. Coi y ra Bắc vào Nam thật là thần xuất quỷ nhập không ai có thể dò biết.

Y bắt Nguyễn hữu Chỉnh như bắt trẻ con, giết Vũ văn Nhậm như giết con lợn, không một người nào dám trông thẳng vào mặt. Nghe lịnh của y ai cũng mất cả hồn vía, sợ hơn sấm sét... (1)»

Tuy nhiên tướng sĩ dưới quyền cũng có lần vui cười với câu nói cợt nhả bất ngờ: «Vì dẹp loạn mà ra rồi lấy vợ mà về, trẻ con nó cười thì sao? Tuy vậy, ta chỉ quen gái Nam hà, chưa biết con gái Bắc hà, nay cũng thử một chuyến xem có tốt không.»

Người con gái Bắc hà 16 tuổi đó đã nắm được nhược điểm của bậc anh hùng, nên đã dùng thế lực riêng của mình mà sai khiến Nguyễn Huệ, ảnh hưởng vào triều chính nhà Lê. Một người vợ khác mất vào cuối tháng 3-1791 (2) khiến ông phải điên cuồng lên làm khiếp sợ bọn giáo sĩ Tây phương.

Bản chất đam mê, nồng nhiệt bên trong đó đem đổ vào đời công nơi triều chính, chốn sa trường, biến thành một sức quyến rủ, lôi cuốn mọi người. Ở vào thế đối địch mà Nguyễn hữu Chỉnh, Nguyễn đình Giản đều nhận «Bắc bình vương là tay anh hùng», bốn lần đánh Gia định, lúc ra trận đều đi trước, sĩ tốt hiệu lệnh nghiêm minh, thuộc hạ ai nấy đều dốc lòng vâng mệnh». Khi triều thần Bắc hà họp nhau lại để bàn về việc cử người đòi đất Nghệ An, Phan lê Phiên loại Nguyễn đình Giản, Phạm đình Dư, viện lẽ «Bắc bình vương là người rất quyệt hay dùng trí thuật lao lung người khác, trong lúc bàn luận, khi xuống lại nâng lên, người ta không biết đằng nào mà dò». Trách vì khi quân Trần quang Diệu đánh Vạn tượng mà cả Gia định có tàu

(1) *Hoàng Lê*... sđd, 252.

(2) Thư ông Girard gởi cho ông Boiret, Macao 25-11-1792, trong A. Launay, *Documents historiques sur la Mission de Cochinchine*, t. III, 244.

Tây sau lưng vẫn phải nhốn nháo (1)!

Về phía hậu cung của Nguyễn Huệ, ta biết có hai người được phong chức Hoàng hậu. Ngọc Hân công chúa, Con Lê Hiển tông, sinh năm 1771, mất năm 1799, được truy tặng Nhu ý Trang thuận Trinh nhất vũ Hoàng hậu. Các con của bà, sau này bị bắt lúc thành Phú xuân thất thủ (1801), được L. Barizy nhận diện, không tiếc lời khen về vẻ mặt ưa nhìn và thái độ cứng cỏi của họ. Bà Phạm thị, mẹ Cảnh thịnh, lại được truy tặng là Nhân cung Đoan tĩnh Trinh thụ Nhu thuần, Vũ hoàng Chính hậu (2). Thêm một chữ «chính» địa vị bà này đã trội hơn Ngọc Hân. Trong đời sống riêng tư, Quang trung đối với bà cũng rất nặng tình. Bà mang trọng bệnh, ông mời đến các giáo sĩ, và khi bà chết ông «điên cuồng lên» làm cho bọn này lo sợ. Hãy nghe viên thầy thuốc bất đắc dĩ thuật lại: «Ngày 7-3-1791, tôi được dẫn vào trình diện bạo chúa... một trong những người vợ ông coi là chính thất lâm bệnh nặng... chết ngày 29-3 và chôn ngày 25-6 sau đó (3)». Con bà tất nhiên được kế vị Quang trung.

Đó là Nguyễn quang Toản, tên riêng là Trát, lên ngôi lúc 10 tuổi (4). Như vậy, Toản sinh năm 1783 đúng như xác nhận của giáo sĩ Longer (5). Ta lại cũng thấy Le labousse gọi Toản là ông «Hoàng Trot» (6) có lẽ là giọng đọc Nam, Ngãi của chữ «Hoàng Trát». Ông bị Gia long cho xử lăng trì năm 1802, lúc mới có 19 tuổi.

---

(1) Thư Le labousse 16-6-1792, sđd, 223.

Thư Le labousse cho Letondal 17-6-1792. sđd, 97.

(2) Sơn tùng Hoàng thúc Trâm, *Quốc văn thời Tây sơn*, Vĩnh bảo, 1950, 82.

(3) Labartette gởi cho Letondal, 6-10-1797, thư ông Girard kể trên A. Launay, sđd, 244.

(4) *Lt*, q. 30, 45b.

(5) Thư gởi Giám đốc Nhà dòng Phái đoàn Truyền giáo, 3-6-1799, sđd, 247.

(6) Thư từ Collège Đồng nai 24-4-1800, A. Launay, sđd, 260.

Quanh Phạm Hoàng hậu này, ta thấy có một số người họ Phạm, có thể là anh em cật ruột họ hàng với Bà. Những người này cũng xứng đáng lắm trong công trình xây dựng nhà Tây sơn: Hộ giá Phạm Ngạn chết ở cầu Tham lương (khoảng tháng 5-1782), Phạm văn Trị vây bắt hai sứ thần bất đắc dĩ của Nguyễn Ánh (12-7-1783), làm giả vương đi sứ Trung hoa (1790), Thái úy Phạm văn Tham kiệt lực chống Nguyễn Ánh, túng thế đầu hàng ở Ba thắc rồi bị giết (1789), Thái úy Phạm văn Hưng giúp Tham ở Sài gòn, cầm quân cứu Qui nhơn (12-1793) và mất tiếng sau vụ Nguyễn Bảo nổi loạn (1799).

Phạm hoàng hậu có anh cùng cha khác mẹ là Thái sư Bùi đắc Tuyên, phụ chính Quang Toản, bị đảo chính và phải chịu dìm nước chết, kéo theo con là Bùi đắc Thận. Anh em ruột của Tuyên là Hình bộ Thượng thư Bùi văn Nhật. Không biết nữ tướng Bùi thị Xuân bà con thế nào với Tuyên, nhưng rõ là có mối thân tộc mật thiết giữa hai người vì cuộc đảo chính gây ra sự chống đối sau đó giữa Vũ văn Dũng và Trần quang Diệu. Thứ bực Bùi thị Xuân có lẽ ngang hàng với Tuyên vì các giáo sĩ gọi Trần quang Diệu là « oncle maternel du roi », theo đó, Diệu là *dượng* của Cảnh thịnh.

Ta biết Phạm hoàng hậu được phong làm chánh cung lúc 30 tuổi có 3 trai, 2 gái (4). Ngoài Quang Toản là đích tử ra, có thể 2 người sau là Quang Bàn và Quang Chiêu. Một trong hai người con gái chắc đã được gả cho Phò mã Nguyễn văn Trị bị bắt khi chống giữ tiền đồn cho Phú xuân (1801).

Nhưng trường hợp Nguyễn Quang Thùy thật đáng lưu ý. Kể về tuổi tác, Thùy lớn hơn Toản, đã tham dự sứ bộ chúc thọ bát tuần vua Thanh khiến Thanh đế tưởng là con trưởng Huệ mới phong làm Thế tự sau mới biết rằng lầm (5). Tất nhiên ông không phải là con Phạm hoàng hậu cũng như của Ngọc hân công

(4) *Lt*, q30, 43b.

(5) *Lt*, q. 30, 44b.

chúa. Ngoài chứng cớ ám thị ở *Liệt truyện*, ta còn được nghe giáo sĩ Lelabousse nói rõ sự khác biệt giữa hai dòng con của Quang Trung như sau: «Ông để lại hai người con... người được chỉ định nối nghiệp là người đích tử duy nhất, nhưng còn có một người khác *lớn tuổi hơn* đang cai trị xứ Bắc kỳ là con của một người hầu» (1). Rõ ràng không phải như ông Trần trọng Kim đã ghép Thùy làm em Toản và anh Quang Thiệu (?) (2)

Sự việc đáng lưu ý là Nguyễn Huệ là con nhà dân giả chớ không phải con vua cháu chúa gì mà lấy hầu *để sẵn* trong khi chờ kén vợ chính thức, nên có con dòng lẽ trước con dòng chính. Quang Thùy hẳn là con của người Huệ lấy trước nhất. Nhưng mẹ Thùy là ai?

Sử nhà Nguyễn có ghi là sau khi rút ở Thăng long về (9-1786), Nhạc, Huệ lục hặc nhau, Nhạc đắc chí (có lẽ phẫn chí thì đúng hơn) buông thả, dâm loạn, giết Nguyễn Thung, *hiếp vợ Huệ* (3). Trong tờ hịch đánh Qui Nhơn, có câu buộc tội Nhạc «làm nhơ uế cả một triều» chắc là ám chỉ đến việc này. Giống như Nguyễn hữu Chỉnh chỉ mang con lớn, Nguyễn hữu Du, và người thiếp, Nguyễn Huệ đi đánh Thuận hóa có lẽ chỉ đem theo Quang Thùy, Phạm thị và Quang Toản còn ẵm ngửa mà thôi, Còn *mẹ Quang Thùy ở lại Qui nhơn*. Vì lẽ đó khi biến cố không lường trước được xảy ra thì Phạm thị lên ngôi chánh cung và Quang Toản trở thành đích tử. Điều này cũng giải thích được mối phân ly giữa Quang Toản ở Phú xuân và Quang Thùy ở Bắc hà khi Quang Trung mất đi.

Sự chia rẻ bất thần giữa Nhạc, Huệ hồi năm 1787 khiến các tướng tá có liên hệ với một phe phái phải trở nên lúng túng hơn để có khi dẫn đến những kết quả thảm thương. May mắn

---

(1) BEFEO, 1912/7, 30, chú (1), thư Le labousse gởi cho Trường dòng Paris 1793. Chúng tôi gạch xiêng.

(2) *Việt nam sử lược*, in lần 7, 406.

(3) *Lt*, q. 30, 13b.

hơn Vũ văn Nhậm, Nguyễn Duệ ở Nghệ an trốn được về Qui nhơn. Trong khi đó ở Đồng nai cách trở, Nguyễn đăng Vân, con nuôi của Huệ, không còn thấy cách nào khác hơn là vượt bể trốn sang Vọng các (mùa thu 1787) để khoảng vừa một năm sau trở về đánh Phạm văn Tham, bị bắt, mắng chửi mà chết.

Còn Nguyễn quang Hiền, người «gõ cửa thành» cầu hòa với Hòa Khôn là con ai? Không lẽ con của Nhạc? Con Lữ chăng? Ta không thể bàn xa hơn được.

Hầu hết con cháu, tướng tá Nguyễn Huệ đều chết chung trong một cuộc xử trả thù mà hình ảnh cương quyết, dáng điệu điềm tĩnh của Bùi thị Xuân còn làm cho giáo sĩ De la Bissachère thán phục. Từ 1831 dòng dõi Tây sơn tuyệt diệt hay ít ra trong cuộc lần trốn vạ tru di, họ đã không còn dám lưu giữ chút vết tích nào khiến cho đến nay lời khen một thuở oanh liệt không còn ai đứng ra ứng thinh, nhận tiếng.

NGÂN HÀNG VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Số Vốn 200.000.000$

Trụ-sở Chánh: 17, Bến Chương-Dương — SAIGON

ĐIỆN THOẠI SỐ 90.491 — 90.495

Chi Nhánh
- CHOLON 75-77-79, Tổng-Đốc-Phương Đ.T. 37.345
- GA SAIGON Công-Trường Diên-Hồng Đ.T. 25.072
- CẦNTHƠ Số 1, Lê-văn-Duyệt
- BAXUYÊN 44, Góc Gia-Long/Nguyễn-Huỳnh-Đức
- LONGXUYÊN 1, Đại-lộ Đồng-Khánh
- PHANTHIẾT 1, Nguyễn-văn-Thành
- NHATRANG 29, Yersin
- ĐÀNẴNG 52, đường Độc-Lập
- RẠCH GIÁ 1, Công-Trường Thủ-Tướng Thinh

— MỞ TRƯƠNG MỤC TIẾT KIỆM TẠI TRỤ SỞ VÀ CÁC CHI-NHÁNH

— ĐẢM-NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG

— CÓ ĐẠI DIỆN KHẮP HOÀN CẦU.

TÔN - SĨ - NGHỊ trúng kế « kiêu địch » của NGÔ-THỜI-NHẬM

▼ *X. X. X.*

Cuộc đại thắng quân Thanh của vua Quang-Trung năm Kỷ-dậu (1789) đã được nói đến nhiều, và ai cũng cho rằng ấy là vì tài dùng binh của Nguyễn-Huệ.

Vâng, chính nhờ mưu lược tốc chiến và cách bài binh bố trận của vua, cho nên đã chiến thắng dễ dàng, nhưng chúng ta không nên quên rằng chính vì Ngô-Thời-Nhậm khuyên Ngô-Văn-Sở rút hết quân về núi Tam-Điệp, không chống cự, nên Tôn-sĩ-Nghị vượt qua ải Nam-quan, xuống Lạng-Sơn, đến Lạng-Sơn tướng giữ đồn là Phan-Khải-Đức đầu hàng, rồi kéo đến Kinh-bắc như vào một nơi bỏ ngõ, không một ai ngăn trở nên Tôn-sĩ-Nghị mới coi thường sinh kiêu, tưởng rằng quân Tây-Sơn lực lượng không đáng kể, nên không giữ gìn, phòng bị gì cả. Phỏng như quân Tây-Sơn đã giao chiến bẫn hòi với quân Thanh từ lúc họ tiến vào đất Việt, khiến Tôn-sĩ-Nghị phải gian lao, vất vả mới đến được Thăng-Long, ắt Sĩ-Nghị phải lo lắng, không dám khinh địch và chiến cuộc có lẽ đã diễn tiến một cách khác.

Nguyên sau khi quân Thanh vào cửa quan, tin cáo cấp đưa về, Ngô-Văn-Sở liền hợp các quan để bàn việc chống giữ. Trong cuộc hợp, Chưởng-phủ Nguyễn-Văn-Dụng thưa: « Tôi nghe hồi cuối đời nhà Trần, cường binh sang lấn nước ta, Hoàng-Phúc, Trương-

Phụ, Mộc-Thạnh, Liễu-Thăng đều là những tướng hung tợn của Tàu, vua Lê Thái tổ khởi nghĩa ở Lam-sơn, thế và sức đều không thể địch lại họ Nương mà hành binh quỉ quyệt, không kiêng những sự quyền mưu, Thái-tổ chỉ khéo mai phục, rồi thừa cơ đánh úp quân giặc. Nhờ vậy, Ngài có ít quân mà đánh được kẻ nhiều quân, vây Vương-Thông ở bến Đông-bộ, giết Liễu-Thăng ở núi Mã-yên, chiến công rực-rỡ, nghìn đời ngợi khen. Nay quân Thanh ở xa đến đây, trèo đèo vượt suối, cực kỳ khó khăn, ta nên dùng cách « dĩ dật đãi lao », các chỗ hiểm yếu đều cho quân đi mai phục, chờ khi họ đến thì đánh, như thế lo gì không được? » (1)

Ngô-Thời-Nhậm nói: « Không được! Ông chỉ biết một mà không biết hai. Việc trong thiên hạ, tình tuy giống nhau mà thế khác nhau thì sự được, hỏng cũng không giống nhau. Xưa kia, khi nước ta bị Minh-thuộc, người Minh tàn ngược, cả nước ai cũng muốn đuổi họ đi. Cho nên vua Lê Thái-tổ chỉ gọi một tiếng, xa gần đều theo, hào kiệt trong nước như mây kéo đến. Mỗi lúc đánh nhau với giặc, người trong nước chỉ sợ quân mình bất lợi, khi nghe tin thắng trận, ai cũng vui mừng. Lòng người như thế cho nên hễ có phục binh núp ở chỗ nào, người ta dấu diếm kín đáo, giặc không biết. Thắng trận là nhờ thế. Ngày nay, những bề tôi nhà Lê đi trốn đâu đâu cũng có, nghe tin quân Thanh sang cứu, họ đều nghểnh cổ ngóng trông. Sĩ dân cả nước chạy đi đón chúng, quân ta mai phục ở đâu, địa thế hiểm trở thế nào, quân số bao nhiêu, giặc nếu không biết, họ sẽ báo cho giặc biết. Nhân kế của mình làm kế của chúng, chúng sẽ vây kín bốn mặt mà bắt. Quân-cơ của mình đã bị tiết lộ, tự nhiên mình sẽ mất sự tiện nghi, ấy là mình tự hãm mình vào chỗ chết vậy, còn hòng đánh úp được ai? Binh pháp nói rằng: « Khéo mai phục thế nào cũng thắng, lầm mai phục thế nào cũng thua ». Được thua khác nhau, là tại đời xưa đời nay không giống nhau vậy. » (2)

Ngô-Văn-Sở hỏi:

— Thế thì nên làm sao?

---

(1) *Hoàng Lê Nhất-thống-chí.*

(2) *Hoàng Lê Nhất-thống-chí.*

Nhậm đáp:

— Trong phép dụng binh, có đánh với giữ. Bây giờ quân Thanh sang đây, thanh thế rất lớn. Người trong nước, những kẻ làm nội ứng cho giặc lại còn nói phao cho thanh thế của chúng to thêm, để làm kinh động lòng người. Quân ta hễ có sai phái người nào, ra khỏi thành liền bị bắt giết. Những người Bắc-hà đã bị làm lính chỉ chực có dịp là trốn. Đem hạng quân ấy đi đánh giặc, không khác gì xua đàn dê đi đánh con cọp, không thua sao được? Còn muốn đóng cửa thành cố giữ thì lòng người đã không vững rồi, cái lo bên trong chắc sẽ xảy ra, dẫu đến Tôn, Ngô sống lại, cũng phải bó tay không thể tính được kế gì. Như vậy lại không khác gì đem con trạch mà bỏ vào giỏ cua vậy. Xin nghĩ cho kỹ mà xem; đánh đã chẳng được, giữ cũng chẳng vững; đánh và giữ đều không phải là thiện sách cả. Bất đắc dĩ chỉ có cách này: sớm truyền cho thủy quân chở các thuyền lương, thuận gió dương buồm, ra thẳng cửa biển, đến núi Bện-sơn mà đóng, và cho bộ quân chỉnh đốn khí-giới, mở cờ gióng trống lui về giữ núi Tam-điệp, mặt thủy mặt bộ thông nhau, giữ lấy chỗ hiểm cho vững thế thủ, rồi cho người phi báo Chúa-công.

Sở nói:

— Chúa-công về nam, đem cả thành này giao phó cho ta. Giặc đến thì phải quyết chiến, sống thác với thành thì trên không thẹn là kẻ bề tôi giữ đất, dưới không phụ cái chức trách cầm quân. Nếu thấy bóng giặc đã trốn, bỏ thành cho giặc, chẳng những đắc tội với Chúa-công mà người Bắc còn coi ta ra cái gì nữa! (1)

Nhậm nói:

— Tướng giỏi thời xưa, phải lượng thế giặc mà đánh, phải nắm phần thắng mới đánh. Theo thế lập mưu, giống như đánh cờ vậy, trước có nhịn người một nước, sau sẽ hơn người một nước, rồi đem nước sau làm nước trước mới là cờ cao. Nay toàn quân

(1) *Hoàng Lê Nhất-thống-chí.*

ta rút lui, không bị mất một mũi tên, cho nó ngủ trọ một đêm rồi lại đuổi đi; cũng như ngọc bích của nước Tấn đem cho nước Ngu, rồi lại vẫn về nước Tấn, có mất gì đâu! Nếu có vì thế mà mắc lỗi, tôi dám bộc bạch rõ với Chúa-công, chắc Ngài cũng lượng xét, xin ông đừng nghi ngại. (1)

Ngô-Văn-Sở theo lời Ngô-Thời-Nhậm, một sai quân các trấn Kinh-bắc, Thái-nguyên, Lạng-sơn, Sơn-tây, Hải-dương đến hợp ở Thăng-long, còn trấn Sơn-nam sắp sửa thuyền bè, đợi thủy quân đến sẽ cùng trốn đi. Năm ngày sau, quân các nơi đều đến Thăng-long và Sở ra lệnh rút lui về Tam-điệp, mặt thủy, mặt bộ liên lạc với nhau.

Vì vậy trên đường đi đến Kinh-bắc, Tôn-Sĩ-Nghị không gặp một ngăn trở nào, Phan-Văn-Lân có đem quân toan chống cự, nhưng quân chưa đánh đã tan, còn Ngô-Văn-Sở cũng phải thu quân tự lùi, trước tình-trạng khiếp nhược ấy, Nghị không lo ngại điều gì, nên đã nói: «.. nó (Nguyễn Huệ) chỉ như hạng chó dê, chỉ sai một người dùng thừng buộc cổ lôi về, chẳng khó khăn gì. Đợi khi ta đến La-thành, chỉ nhổ nước bọt xoa tay là làm xong việc.» Đối với quan nhà Lê đến xin Nghị sớm xuất quân đánh Tây-sơn, Nghị nói: « Việc gì mà phải lật đật như thế?... Chẳng qua cũng như lấy của trong túi, lấy sớm thì được sớm, lấy muộn thì được muộn... Giặc gầy thì ta béo, để tự nó đến nạp thịt..» (1)

Kiêu căng, khinh địch như thế, lại gặp phải chiến lược « tốc chiến » của vua Quang Trung, nên Tôn-Sĩ-Nghị thua to là phải. Mà sở dĩ Nghị kiêu căng, khinh địch là nhờ Ngô Thời Nhậm thấy rõ thực tế, đã đem ba tấc lưỡi mà thuyết phục Ngô-Văn-Sở rút hết quân về Tam-điệp.

Khi vua Quang-Trung kéo quân ra đến Tam-điệp, Ngô-Văn-Sở, Phan-Văn-Lân vác gươm lên vai, đến xin chịu tội, Vua nói: « Các người đem thân theo việc binh, đã lên đến ngôi tướng súy, giao cho tất cả đất 11 trấn, lại cho tiện nghi làm việc, thế mà giặc đến, chưa

(1) *Hoàng Lê Nhất-thống-chí.*

đánh một trận nào, mới nghe thấy tiếng đã chạy. Binh-pháp nói: « quân thua chém tướng », tội các ngươi đều đáng chém vạn lần. Nhưng ta nghĩ các ngươi đều là kiện tướng, chỉ biết đánh giặc, còn gặp lúc lâm cơ ứng biến thì không đủ tài, trước kia ta phải để Ngô-Thời-Nhậm ở lại cộng sự với các ngươi, chính là lo sẵn chỗ đó. Bắc-hà mới yên, lòng người chưa phục; Thăng-long lại là một thành trống trải, có thể bị đánh 4 mặt, sông núi không có chỗ nào khả dĩ nương tựa, năm trước ta ra tới đó, Chúa Trịnh quả nhiên không thể chống nổi. Đó là chứng nghiệm. Các ngươi đóng trơ trọi ở đấy, quân Thanh kéo sang, người nào cũng làm nội ứng cho chúng, thì các ngươi nhắc chân nhắc tay sao được? Chịu nhịn để tránh sức mạnh ban đầu của chúng, rút về chỗ hiểm yếu, trong thì khiến lòng quân khích thích, ngoài thì khiến lòng giặc kiêu căng, đó là một kế rất hay. Khi mới nghe nói ta đã đoán là do Ngô-Thời-Nhậm chủ trương, hỏi Văn-Tuyết, quả đúng như vậy. » (1)

Xem vậy, ý-kiến của Ngô-Thời-Nhậm hoàn toàn tương đồng với ý-kiến của vua Quang-Trung, và yếu-tố « khiến lòng giặc kiêu căng » là một yếu-tố đã góp phần quan trọng trong cuộc chiến thắng chớp nhoáng này.

Tôn-Sĩ-Nghị đã trúng kế « kiêu địch » của Ngô-Thời-Nhậm nên mới thua lớn, thua nhanh như thế.

Tin mừng

Nhận được hồng thiếp báo tin bạn Nguyễn Ứng Long, giáo sư Trung Học Kiểu Mẫu Thủ Đức sẽ làm lễ thành hôn cùng chị Trần thị Bạch Yến vào ngày 25-12-1967.

Thành thật chúc đôi bạn sống hạnh phúc lâu bền.

Nguyễn Nhã
Phạm văn Quảng
Trần ngọc Ban

(1) *Hoàng Lê Nhất-thống-chí*

để so-sánh các-anh-hùng-trước-nguyễn-huệ với

NGUYỄN - HUỆ

PHẠM VĂN-SƠN

Từ nhỏ đến lớn tôi đã bị một ám ảnh nặng-nề do ham đọc lịch-sử và viết lịch-sử. Và đọc lịch-sử cũng như viết lịch-sử ai mà không say mê sự-nghiệp của những anh-hùng hào-kiệt nước nhà tỉ-dụ Lý-thường-Kiệt, Trần-quốc-Tuấn, Lê-Lợi... nhất là Nguyễn-Huệ? Nay một mùa Xuân lại tới, đó là thêm một dịp cho chúng ta tưởng niệm đến các vĩ-nhân dân-tộc.

Với Lý-thường-Kiệt, tôi chịu ông tướng này về cái gan bởi ông đã dám mang mười vạn quân vượt biên-thùy Hoa việt dẫm nát đất Tàu từ Khâm-Châu, Liêm-Châu tới Ung-Châu tung hoành ngang dọc luôn 60 ngày, sát hại tướng tá quân dân người Tống trên bảy chục ngàn rồi rút về nhẹ nhàng, êm thắm khiến cái mộng mở bờ cõi, lập biên công của Tể-tướng Vương-an-Thạch tan tành ra mây khói.

Hào-hùng thay vị Đại-tướng nhà Hậu Lý!

Toàn thể các giới đồng-bào chúng ta thuở đó phải hoảng hốt về sự táo bạo của triều-đình nhà Lý nói chung, của Thường-Kiệt nói riêng bởi so-sánh lực-lượng của ta và Tàu bấy giờ viên Đại-Tướng Việt-Nam đã làm một việc gần như đem trứng chọi đá. Rồi khi ngọn cờ ban sư phất-phới bay ngoài thành Thăng Long kèm theo tiếng quân reo ngựa hí rồn-rập của đoàn quân viễn chinh người ta mới hết hồi-hộp, sau đó có câu ca-dao:

«Nực cười châu chấu đá xe,

Tưởng rằng chấu đỏ, ai dè xe nghiêng.»

Hãy khoan thưa các bạn, một việc khác kỳ lạ hơn!

Ấy là việc Hưng-đạo-Vương Trần-quốc-Tuấn ba phen đẩy lui quân Mông-Cổ là một thứ quân Đế quốc hung-tợn nhất, hiếu-chiến và cũng thiện-chiến nhất thuở đó đã nuốt trôi nước Tàu, tràn qua Đông-Âu, Bắc Âu, Trung Á làm chủ ba phần tư thế giới. Quả vậy con cháu Thành-Cát Tư-Hãn cho tới bấy giờ không hề biết có chiến-bại. Và vào thế-kỷ thứ 5 (sau C.N.) Attila tướng Mông-Cổ đã có phen viếng Âu-Châu, gây những cuộc tàn sát khủng-khiếp như chưa từng thấy đề có thề nói rằng «*Nơi nào quân đội Mông-Cổ đã qua, nơi đó cỏ cũng không mọc nổi.*»

Năm Đinh-Tị (1257) Tướng Ngột-Lương Hợp-Thai mang quân sang đòi vua Thái-Tôn nhà Trần xưng thần nạp cống. Vua Thái Tôn không chịu rồi quân Mông-Cổ từ Vân Nam ầm-ầm kéo xuống Thăng Long như nước vỡ bờ.

Hưng-Đạo-Vương Trần-quốc-Tuấn thống-suất ba quân đã dùng kế đoản-binh chống tràng-trận. khuyên tướng sĩ đừng thấy giặc mạnh như gió như lửa mà hoảng-sợ, lại áp dụng chước vườn không nhà trống cùng yếu-tố khí-hậu độc-địa của nước nhà đề tiêu-diệt đối-phương. Vị Đại-tướng này đã có một đức-tính bình-tĩnh hết sức và kiên-nhẫn hơn người, biết mình biết địch, biết sử-dụng triệt-đề những ưu-thế sẵn có.

Trong ba phen chống Nguyên, ông đã thi-hành hai chiến pháp:

a) Mượn trời giết giặc.

b) Lấy sức người giết giặc.

Về điểm trên ông đã đọc nhiều sách của Tàu hiểu rõ những chỗ yếu của giặc khi bàn, chép về các cuộc chiến-tranh với Việt-Nam. Nếu chúng tôi không lầm ông đã được coi cả đoạn Mã-Viện đời Hán tức Phục-Ba tướng quân khi mang quân sang đất

Việt đánh dẹp Hai Bà Trưng luôn ngót 3 năm ròng phải mệt lòng rối trí về vấn-đề khí-hậu ở đây đã gây cho binh sĩ của y nhiều cái chết rất vô-lý bởi chết ít vì chiến-đấu mà chết nhiều vì bịnh hoạn. Viết thư cho người em là Sa-Du y than đã chót theo đuổi cái ấn phong hầu, chức quyền Đại-Tướng nên chuốc vào thân bao nhiêu sự vất vả nhọc nhằn, thà trung-ẩn mà hơn (làm quan nhỏ).

Sự phùng đắc ý nghi hưu tức

Phú quý tràng trung dị bạch đầu (1)

Nghĩa là con người vì ham phú quý, bôn tẩu nhiều thì dễ trắng tóc hơn ai. Y nhắc rằng trên đất Giao-Chỉ có cái nóng hun mây cháy đá, chim đang bay trên trời bị khí độc phải sa xuống thì con người đâu có mình đồng da sắt để chịu đựng được nổi nóng lạnh ghê-gớm của xứ nầy.

Biết được nhược điểm của giặc, Hưng-Đạo-Vương không ham đánh, lấy nhu chế cương, đánh lâu đánh dài (trì cửu chiến) quan niệm một trận thắng chưa thể kết-liễu chiến-tranh. Rồi quân Mông-Cổ muốn đánh không được đánh và ta có đánh thì phải có ăn chắc mới đánh, tránh giặc nhiều hơn đánh giặc đồng thời mượn thời-tiết oi-ả làm giặc mệt nhọc, ốm đau sinh ra chán nản Nhưng lúc giặc bị thua liên tiếp, bị ốm đau, bị mệt nhọc chán-chường, Đại-tướng họ Trần mới dốc toàn lực để tiêu diệt. Luôn ba giai đoạn của cuộc chiến tranh tự vệ từ 1257 đến 1288, chiến pháp này được áp dụng trong những cơ hội thích nghi nhất nên giặc Nguyên đã bị giời giết và quân ta giết khiến sau này Nguyên và ta đã giải binh, Đại tướng Thái-tử Thoát-Hoan và lũ tàn quân chạy về đến Bắc-Kinh vẫn rùng mình sởn gáy như còn đang nằm trong một cơn ác-mộng.

---

(1) Câu này trích ở *Đường-thi*, ý nói việc đời nếu đạt được ý mình một cách tương-đối thì nên cho là đủ. bo thiết với vinh hoa phú quý chóng bạc đầu. (Bài này vịnh hoa *Mẫu-đơn* cũng như bài vịnh Trúc để tượng trưng cho người quân tử.)

Có ai ngờ được một nước Nam nhỏ bé người hiếm của kiệm có thể đẩy lui được một lực-lượng đế-quốc lớn nhất thế-giới, đông đảo cũng nhất thế-giới chăng?

Và nếu Đế-quốc Mông-Cổ thôn tính được Việt Nam một tiền đồn chống xâm lăng ở Đông-Nam-Á, liệu Mên, Lào, Tiêm-La, Nam Dương quần-đảo bấy giờ có thoát khỏi nanh-vuốt của con cháu Thành Cát Tư Hãn?

Một chuyện lạ nữa và có thể nói là hết sức phi-thường trong lịch-sử của ta và đối với lịch-sử của các dân tộc: cuộc kháng Minh của Bình-Định-Vương Lê-Lợi vào thượng bán thế kỷ XV.

Trên quan-điểm sử-học của chúng tôi mà công tác phân-tích, phối kiểm, đánh giá là cần-thiết chúng tôi cho rằng cuộc thắng trận vĩ-đại của quân-dân đời Trần tuy vậy còn có nhiều chất thông-thường. Đến cuộc khởi nghĩa Lam-Sơn. thì ta khó mà tính ra những yếu-tố chiến-thắng. Nó vượt sức tưởng-tượng của chúng ta quá xa. Nó là một con toán được trông rõ các dữ-kiện nhưng ta thấy hầu như bất-lực trong việc kiếm lời giải đáp.

Này nhé, đời Trần chống nhau với Mông-Cổ là lúc nước Việt-Nam ta đang lành mạnh: giới lãnh đạo và nhân dân hòa vui như cá với nước, các tầng lớp xã hội có cơm no áo ấm, guồng máy chính-quyền ổn-định, các tổ-chức quân sự của quốc gia được chỉnh-bị lại còn được tăng-cường bằng các tổ-chức phụ lực của các vương hầu. Tóm lại, ta có một nước Việt hùng cường. Nhưng vào 1418 nước Việt Nam không còn độc lập nữa. Bốn trăm bảy mươi hai nha-môn hành chánh, quân-sự của nhà Minh đã trấn đóng từ trên rừng-rậm xuống đến biển khơi, bọn quan lại tôi tớ của Trương Phụ, Hoàng Phúc đã nắm vững các quận, các lộ ở đồng bằng từ Bắc-Việt vào tới Thanh Nghệ. Sách vở về chánh-trị, học thuật, kinh điển của ta bị tước-đoạt hết, các người trí-thức của ta bị bộ hạ của Minh Thành-tổ mua chuộc và trưng dụng đưa hết về Kim-Lăng để rèn rũa thành những

công-cụ sắc bén cho bộ máy thuộc-địa. Còn người dân thì xác như vờ, sợ như nhộng, mất hết cả tinh-thần vật vờ hết thảy như đám ma trơi do sự khủng bố, bóc-lột hết sức dã man của nhà Minh. Sau này kể đến nỗi thống-khổ của nhân-dân, bài *Bình-Ngô Đại-Cáo* của Nguyễn-Trải còn nhắc rất kỹ-càng khiến ta nghĩ đến không khỏi giật mình ghê sợ.

Về bóc lột qua chế-độ thuế-khóa:

«Dân đen sống muôn vàn cơ khổ,
Đứa trẻ con còn đỏ không yếu! (2)
Oán hờn hơn một chục niên
Còn đâu nhân-nghĩa đảo điên đất trời!
Tiền thuế má vét thôi đã hết,
Lại bắt nào tìm vết hươu đen,
Lại nào thả lưới dò chim;
Lại nào xuống biển mà tìm ngọc-châu!
Trên rừng rậm không đâu còn mỏ,
Loài côn-trùng cũng khổ theo lây,
Điêu tàn muôn-thức cỏ cây.
Điêu liên quan quả thảm thay bao người!...»

Về nạn nô-dịch trong các công tác xây đồn đắp ải; dinh-thự v..v...

«Loài quỷ sống uống tươi máu mỡ,
Bấy nhiêu ngày mà chửa đã no.
Xây nhà đắp lũy đủ trò,
Chân tay nào phục dịch cho vừa lòng?

(2) Giặc Minh có chánh sách vô cùng tàn ác: chúng giết dân và con nít đem nướng trên lửa đỏ, chúng chặt đầu moi ruột các người kháng chiến treo lên cành cây để diều tha quạ mổ có mục-đích làm cho nhân-dân ta mất tinh thần đề kháng v..v...

Phu vừa mới bắt xong lại bắt,
Lệ luật nào khe khắc gớm ghê!
Bắt đi mà chẳng có về,
Bốn phương vắng lặng hết nghề cửi canh»...

Dân tình cực khổ đến thế là cùng, nạn diệt chủng coi như sát nách nên mặc dầu nền thống-trị của bọn xâm-lược đã vững mạnh như Vạn-lý trường thành, người anh hùng đất Lam-Sơn (Thanh-Hóa) không thể lặng thinh, phải vung cờ khởi-nghĩa cứu nhà, cứu nước. Nhưng cứu nhà cứu nước bằng gì? Lê-Lợi lúc này chỉ có một tấm lòng hăng-hái và hai bàn tay trắng. Ngài đã than:

«Chính những lúc giặc trời đang mạnh
Thời nghĩa-kỳ vút cánh bay cao
Phất bay theo tiếng gió gào,
Khơi bao uất-hận, gợi bao khích lòng.
Duy ngặt một điều trong buổi mới,
Mấy băn khoăn là nỗi riêng ta!
Sớm mai mong lúc chiều tà
Mà nhân tài chỉ như là lá thu!
Tuấn kiệt rõ như sao buổi sớm,
Chẳng ai cùng trên chốn ngược xuôi,
Ở nơi duy ác hiếm người,
Chẳng ai cùng góp đôi lời bàn suy.
Đòi phen mảnh nhung-y vùng vẫy,
Chỉ nóng lòng về lấy Đông-Đô!
Nhưng qua mấy thuở đợi chờ.
Cỗ xe hư tả vẫn chưa ai ngồi! (4)
Mà trông người thì người vẫn vắng,
Vẫn mịt mờ vẫn chẳng thấy ai,

---

(3) *Quan*: người góa vợ, *Quả*: kẻ góa chồng,
Điên liên: những người không nhà không cửa, cùng vô sở xuất.

(4) Văn Vương mời Khương-tử-Nha làm tướng ngồi chung một xe để tỏ sự thân hiền đãi sĩ.

Vẫn như trông vọng ra khơi,
Ngoài khơi chỉ thấy nước trời mênh mông!
Thế là ta tự lòng lo cả,
Lại càng thêm vội-vã như khi,
Trông giờ chững nịch hiểm nguy
Cứu người mà có thể trì-chậm ư!»

Ở cảnh ngộ đồng-chí vắng người, nhân tài ít ỏi, quân nhu, lương thực hiếm hoi người anh hùng dân tộc của chúng ta vẫn không nản lòng chiến đấu rồi từ 1418 đến 1420. Ngài đem quân về đóng ở Lỗi-Giang (tức Mã-giang thuộc huyện Cẩm-Thủy tỉnh Thanh-Hóa) lực-lượng ứng nghĩa mới bắt đầu khởi sắc được ít nhiều thì Nguyễn-Trãi và Trần-Nguyên-Hãn tìm đến. Đáng lưu-ý: trong kháng chiến thuở đó chỉ có hai ông này là thành-phần trí-thức và quý tộc mà thôi, còn lại bao nhiêuđều là nông dân cả.

Giai đoạn này trở đi Nghĩa quân có người giỏi thêm sức đánh đâu được đó nhưng vẫn còn trải nhiều bước điêu-linh bởi giặc quá đông, có sẵn tổ-chức, được huấn-luyện đầy-đủ lại có những tướng lãnh nhà nghề chỉ-huy. Lê-Lợi và các cộng-sự-viên nhiều phen vào sinh ra tử và có cả khi phải hòa với giặc tạm thời để bổ-xung thực lực.

Qua 1424 là năm Giáp-Thìn kháng-chiến uy hiếp được giặc ở mọi chiến-trường, chiếm Nghệ-An, Tây-Đô, Tân-Bình, Thuận-Hóa rồi tiến ra Đông-Đô năm 1427 hạ sát được rất nhiều binh hùng tướng mạnh của địch: khiến giặc trong nước tan rã mà viện-quân của chúng chưa vào sâu nội-địa đã phải chạy dài (5). Bọn Vương-Thông, Mộc Thạnh, Hoàng Phúc là những tướng chủ chốt am-hiểu rất rộng vấn-đề Việt-Nam sau nhiều cố gắng vô hiệu phải xin hàng. Nước Việt kể từ 1428 lại trở về với người Việt.

Xét sự nghiệp của Lê Lợi thì thật là nước lã gột nên hồ;

(5) Trường-hợp bọn Liễu-Thăng mới tới Lạng-Sơn đã chết tướng tan quân.

tay không bắt gió: nếu không phải là bậc siêu nhân biết tin vào sức mình và sức dân tộc của vua Thái-Tổ nhà Hậu Lê và các đồng chí đã làm một cuộc phiêu-lưu táo bạo vô cùng và dễ thất bại như chơi.

Nay nếu ta so sánh sự-nghiệp của Ngài có lẽ ta phải dành cho Ngài cùng các đồng chí của Ngài cùng tất cả lòng bái phục của chúng ta. Chúng tôi còn muốn nói thêm rằng trong giai đoạn chống quân xâm lăng đời Trần nước ta về văn hóa, chính-trị, kinh tế, xã-hội đang thịnh-đạt, nhân tài dồi dào, tinh-thần dân-tộc chưa bị sứt mẻ, nguyên-lực quốc gia đang sung-túc. Cuộc chiến-đấu của quân-dân Việt-Nam bấy giờ muốn sao còn bớt gay go, còn nắm vững được phần nào tin-tưởng của nhân dân miễn biết xử dụng chiến-lược chiến-thuật và các yếu-tố thiên-thời, địa-lợi, nhân hòa.

Nhưng Lê-Lợi chống thực-dân Minh là lúc Việt-Nam toàn bộ lọt vào tay giặc Bắc.

Giặc ở ngay trong nhà, giặc bố-trí hết mọi địa-thế hiểm-yếu, đặt được mọi cơ-quan thống-trị, kiểm-soát. Nguy-hiểm hơn nữa giặc lại nằm luôn ở các thành-phần trí thức trong nước, còn lại bóng «*dân ngu khu đen*» (theo ý chúng) thì dở được trò gì? Thế mà đất nước nhà đã kịp thời hun đúc ngay một số anh hùng hào-kiệt đứng đầu là Lê-Lợi, nhà phú nông đất Lam Sơn. Chỉ cần một vĩ-nhân có tài ra lãnh đạo cuộc kháng-chiến là đủ đảo lộn được chánh tình thuở đó. Nhưng thưa các bạn, nếu các bạn đọc kỹ bài Đại Cáo Bình Ngô mới thương cho con người ưu-quốc đã ra gánh vác việc xứ sở quê-hương giữa lúc tổ quốc hết cả vốn liếng vật chất, tinh thần kiệt-quệ đủ mọi mặt. Có nên nói rằng Lê-Thái-Tổ đã làm một việc gần như đội đá vá trời, đem sức mỏng manh của một con người lật nhào ngọn Thái-Sơn?

Chúng tôi ngừng bút ở nơi đây để xin hỏi các bạn sao đất nước này lại có những con người lịch-sử, những sự-kiện lịch-sử kỳ dị như vậy?

Vì địa-linh sinh nhân-kiệt hay vì cái dư-phúc của ông bà để lại ?

Chưa hết! Về cận-đại lịch-sử nước nhà còn được sáng ngời thêm vì sự xuất hiện của một số vĩ-nhân nữa đặc-sắc không kém và cũng lạ lùng hết sức suýt xóa nhòa cả bản đồ Á-Châu bằng võ công và đưa đồng bào Hồng Lạc đến chỗ vinh quang không tiền khoáng-hậu. Đó là Quang-Trung Nguyễn-Huệ, con người không những có tài thao-lược không thua những tướng lừng-danh cổ kim lại còn có cái óc trùm trời mới là điều đáng lạ đối với một nhược-tiểu dân tộc.

Xuất xứ, thân thế và sự-nghiệp của Nguyễn-Huệ ?

Cho tới thế kỷ XVIII công thương nghiệp ở nước ta vẫn không được phát triển theo khả năng và ý muốn của dân chúng do sự hạn chế của triều-đình về việc giao dịch với các nước ngoài. Hoạt-động căn bản trước sau của quốc-gia vẫn là nông-nghiệp. Như vậy để nói rằng đánh đuổi xâm lăng là nhân dân đồng ruộng thì chống chế độ vua quan tham tàn, ích-kỷ dĩ nhiên cũng là nông dân. Phong-trào khởi-nghĩa của nhà Tây-Sơn được đeo nhãn hiệu nông dân và được nhấn mạnh ở điểm này chỉ là thừa mà thôi. Nước Việt-Nam là một nước sống về nông-nghiệp, thuở đó trên 90% dân chúng là nông dân thì việc gì xảy ra lại không do nông dân? Tuy nhiên bề ngoài anh em nhà Tây-Sơn thuộc tầng lớp tiểu tư-sản và phong-kiến hạng dưới nếu xét Nguyễn-Nhạc làm Biện-lại ở Vân-đồn và Huệ, Lữ chuyên bán trầu cau, trao đổi sản vật với dân Thượng (Bình-Định), nhưng xét nguồn gốc thì các ông này thuộc giòng dõi nông dân bởi tổ tiên ở Nghệ-An đã bị quân Chúa Nguyễn buộc phải di-cư vào Nam-hà với nhiều tù binh sau một trận phản công qua sông Gianh năm 1655. Ông tổ là Hồ-phi-Khanh được đưa đến ấp Tây-Sơn (Bình-Định) để khai-khẩn ruộng đất.

Thuở bé anh em Tây-Sơn theo học Giáo Hiến ít lâu về văn cũng như võ và thường được thày khích-lệ dấy nghĩa bởi thày cũng mang nặng nhiều bất bình đối với thời cuộc.

Bấy giờ chế-độ Nam-hà rất mục nát. Nơi nào cũng có tham quan lại nhũng. Giữa lúc dân chúng bị đói rách cơ cầu thì phụ chánh đại thần là ngoại tả Trương-phúc-Loan giải vàng ra phơi đầy sân trong một vụ lụt. Loan là ông cậu chúa Định-Vương (12 tuổi) kết bè đảng chỉ lo bóc lột dân chúng, gây sự kiệt-quệ thống-khổ khắp mọi nơi nhờ vậy anh em Nhạc, Huệ vừa phất cờ khởi-nghĩa, toàn thể dân chúng địa-phương đều hưởng-ứng ào-ạt như gió bão. Người lãnh đạo phong trào này dĩ nhiên cũng thuộc đám nạn nhân của chánh quyền đời bấy giờ chớ không phải chỉ do thông cảm với cảnh ngộ bi thảm của đồng bào mà thôi. Nói tóm lại, bọn người này có thể nói là những kẻ tiến bộ. Họ không còn chấp thuận chế độ Trương-phúc-Loan vì chế độ này đã phản động đối với quyền lợi của đại chúng tới mức đại chúng không còn cam chịu thêm nữa.

Đã hai trăm năm kể từ Trịnh Nguyễn phân tranh, chế độ phong kiến của Lê, Trịnh, Nguyễn mỗi ngày thêm hủ-bại, lỗi-thời như cái nhà đã quá hư nát.

Rồi những người anh hùng của phong trào Tây-Sơn đã vươn tay giật đổ cái nhà đó, thỏa mãn được yêu cầu hàng thế-kỷ của dân tộc mau lẹ như chớp nhoáng; dũng mạnh như làn sóng của đại-dương. Nó biểu-hiện cho quần chúng thấy rằng thành-trì của phong kiến bền vững hay mong manh là ở nơi dân, dân là sức mạnh duy nhất của một chế độ, thuận với dân thì còn, nghịch với dân thì mất. Với chính quyền nào lực lượng của nhân dân vẫn là trên hết.

Cuộc khởi-nghĩa của Tây-Sơn bắt đầu từ năm Tân Mão (1771) đến năm Quý-Mão (1783) đã quét sạch được con cháu Chúa Nguyễn ra khỏi nội-địa miền Nam.

Họ Trịnh ở miền Bắc cũng bị Tây-Sơn dứt vào năm Bính-Ngọ (1786). Thế là cả hai nhà Trịnh Nguyễn có thâm-căn cố-đế dài trên hai thế-kỷ chỉ trong khoảnh khắc đã bại vong trước lực lượng nhân dân do anh em Nhạc, Huệ lĩnh đạo.

Năm Giáp Thình (1784) hai vạn quân Tiêm-La và 300 chiến thuyền lấy danh-nghĩa sang giúp Chúa Nguyễn do hai Đại-tướng Chiêu-Tăng, Chiêu Sương chỉ-huy đã bị Nguyễn-Huệ nhử đến Rạch Gầm và Xoài Mút (phía trên Mỹ-Tho phá tan gần hết chỉ trong một trận.

Nhưng việc đánh đuổi ngoại-xâm Tiêm-La này đâu vĩ-đại, nhiều hào-hứng bằng cuộc diệt 20 vạn quân Thanh vào năm Kỷ-dậu (1798)! Đám quân Tàu này sang nước ta với lý-do khôi phục nhà Lê nhưng bên trong vua Càn Long và lũ bề tôi tính lợi dụng nước ta đang rối loạn mà đánh cướp, lập thành quận-huyện như ngàn năm trước.

Đại-tướng nhà Thanh là Tôn-sĩ-Nghị lãnh đạo ba quân trích ở bốn tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây, Vân-Nam và Quí Châu rồi đem vua tôi Lê-Chiêu-Thống về nước làm chiêu bài cho cuộc xâm lược. Chúng mới sang chiếm đóng thành Thăng Long và các miền phụ cận có ít ngày đã bóc lột quấy nhiễu nhân dân tàn hại không sao kể xiết.

Vua Quang-Trung được tin tức về biến cố này liền thống lĩnh thủy bộ đại binh ra Bắc. Ngày 30 tháng chạp Ngài đã có mặt ở Sơn-Nam và sang mồng 5 tháng Giêng (Kỷ dậu) quân ta chớp nhoáng tấn công vào thành Thăng-Long khiến binh đội của nhà Thanh không kịp trở tay phải tháo chạy qua Nhĩ-hà làm đổ cả cầu, sa cả xuống sông chết đuối vô kể. Riêng Tôn-Sĩ-Nghị quẳng hết ấn-tín cùng một ít tả-hữu trốn thoát.

Chiến công của Nguyễn-Huệ đã diễn ra vô cùng huy hoàng vào đầu mùa Xuân năm Kỷ dậu và người Việt Nam nào ham đọc lịch-sử mỗi khi Xuân sang mà không tưởng niệm đến người anh hùng và sự nghiệp diệt ngoại-xâm vĩ-đại của Ngài một cách vô cùng thích-thú.

Vua Quang-Trung là một nhân vật lịch sử có nhiều điểm khiến ta phải chú ý nếu chúng ta nghiên-cứu rộng rãi sự nghiệp của Ngài:

1') *Diệt xâm lăng:* Ngài đánh bại hai quân Tàu, Xiêm dễ dàng như xua gà.

2') *Đuổi Chúa Nguyễn:* Ngài đầy quân Nam-hà ra khỏi xứ Đồng Nai lẹ làng như trở bàn tay.

3') *Hạ ba dòng họ Lê, Trịnh, Nguyễn:* Những dòng họ này có uy thế trên ba thế-kỷ ở nước nhà. Vậy mà ngọn cờ đào của Tây Sơn bay tới đâu các chánh quyền Trịnh-Nguyễn sụp đổ đến đó, sức chống đối gần như không đáng kể. Tính ra từ 1771 đến 1802 triều đại Tây-Sơn cáo chung, vua Quang-Trung chưa hề biết có chiến bại. Quả không một danh tướng cổ kim nào được hiển-hách như vậy.

Ba điểm trên đây chỉ mới nói lên cái tài đánh Đông dẹp Bắc của người anh hùng đất Tây-Sơn, qua các thành-quả vô cùng rực-rỡ nhưng các nhà quân-sự ngày nay không nhìn vào các thành-quả ấy để khen ngợi vua Quang-Trung thôi mà còn nhìn kỹ các chiến-pháp của ngài để thán phục rất nhiều.

Chiến-pháp của vua Quang Trung thế nào? Xin thưa đó là lối tốc chiến để tốc thắng nhưng trong cái tốc chiến ấy có 3 yếu-tố hết sức cần-thiết không thể bỏ qua được:

— Tin tức về địch lấy cho thật đúng thật mau (tinh-thần của địch, lực-lượng của địch, vị trí của địch.)

— Nắm vững tinh-thần của quân đội bản bộ tức là sự quyết tâm từ trên xuống dưới muôn người như một cương quyết diệt thù cứu quốc.

— Hành quân vào lúc bất ngờ của địch và đánh rất mạnh rất nhanh cho địch không kịp đối phó.

Nếu chúng tôi không nhầm thì cũng vào hạ-bán thế-kỷ XVIII người đồng thời của Nguyễn-Huệ là Nã-phá-Luân hoàng-đế cũng từng dùng chiến pháp trên đây nên đã nhiều phen thắng lớn trên khắp chiến-trường Âu-châu.

Lại có điều đặc-biệt thêm nữa là Nguyễn-Huệ không phải là người được học nhiều về văn cũng như võ bởi ông thày học của Ngài là Giáo Hiến không hề có tiếng tăm lớn về hai môn kể trên, như vậy ta phải liệt kê người áo vải cờ đào đó vào loại «*sinh nhi tri*» tức là bậc thánh nhân vậy. Nói rộng ra đất nước Việt-Nam qua lịch-sử thường cho ta thấy những vĩ-nhân của chúng ta hay có những xuất-xứ rất bất ngờ, rất khiêm-nhượng mà làm nên những huân-nghiệp vô-cùng lớn lao đầu so sánh cả với danh nhân nước người. Tỉ-dụ Lý-thường-Kiệt xuất-thân là một hoạn-quan, dòng họ nhà Trần làm nghề chai lươi, Lê Lợi là một phú nông, anh em Nguyễn-Huệ cũng không thuộc thành-phần quý-tộc nào.

Nhân đây chúng tôi muốn nói với các bạn đọc nhất là anh em thanh niên đang có mặt trong giai-đoạn Tổ-quốc bị cái cảnh tam-phân ngũ-liệt, nước loạn dân tàn này rằng đừng nên có tự-ti mặc-cảm: có ai cấm chúng ta làm anh-hùng đâu và nếu ta quyết-tâm cứu nhà cứu nước để làm một Trần-Quốc-Tuấn, một Nguyễn-Huệ, đài vinh quang và danh dự lúc nào cũng rộng mở trước mắt ta. Xét mình xét người đi, làm trai chỉ có thời loạn là cơ-hội để dựng sự nghiệp mà thôi!

Bài hịch của Hưng-đạo-Vương có ghi lời Ngài kêu ba quân mỗi người phải là một Bàng Mông, Hậu-Nghệ thì quả sau này mười vạn quân Việt đã thành Bàng-Mông, Hậu-Nghệ hết rồi nhờ đó đã đánh tan 500 ngàn chiến sĩ kiêu hùng bách chiến bách thắng của Mông-Cổ mỗi lần chúng ló đầu sang Việt-Nam.

Về chánh trị vua Quang-Trung cũng có những cái nhìn sâu sắc vào thực tại và thực tại cho đến bây giờ đang kể là bi-đát vì người bình dân của chúng ta hầu hết phải sống bằng ruộng đất mà đa số lại không có ruộng đất. Nguyên nhân: các quan liêu, cường hào phú nông dưới đời Lê mạt đã bằng uy-quyền, bằng nghề cho vay lãi, bằng sự thay đen đổi trắng ở các sổ bộ lợi dụng tình thế rối ren vì chiến-tranh từ hai thế-kỷ đã chiếm đoạt nhiều ruộng đất công-tư ở khắp nơi. Người dân

cầy thuần-túy và vô-sản phải lĩnh canh rồi nộp tô tức quá nặng nề. Ngay khi ngọn cờ đào phất lên, đường lối của Tây-Sơn đã là thâu lại ruộng đất nơi nào đoàn quân «*cứu-tinh*» kéo tới. Khi hai tập-đoàn Trịnh-Nguyễn bị tiêu diệt, chánh-quyền vào tay người anh hùng đất Qui-Nhơn thì một chánh-sách được áp-dụng ngay là trả ruộng cho dân cầy và chiêu-hồi những đồng bào lưu vong về cố-lý gia-tăng sản-xuất. Chánh sách này đã tạo nên điều kiện phát-triển của giới tiểu-nông là giới đông-đảo nhất và cũng có ảnh-hưởng tốt cho công-thương nghiệp. Luôn dịp này Ngài còn cho mở rộng các thương cảng để việc mua bán được tự do với các người ngoại dương tức là khôi-phục nền kinh-tế hàng hóa bấy lâu bị vua quan hạn chế triệt-để.

Trong việc ngoại-giao với các nước láng giềng ngài chú trọng đến hòa hảo nhưng giữ vững quốc-thể, nâng cao địa vị dân tộc, nhất là với Trung-quốc.

Nổi bật nhất là sự dùng chữ Nôm một cách tích cực, từ triều-đình ra ngoài dân dã. Với ngài, chữ Nôm mới là văn tự chính thức của chúng ta và còn ngụ ý rằng học nhờ viết mướn là thiếu tinh-thần độc-lập. Đến việc tôn-giáo Ngài cũng có những nhận xét rộng rãi, tinh-tế là không có kỳ-thị đối với một tín-ngưỡng nào nhưng không dung tha bọn trốn việc quan đi ở chùa. Ngay từ cuối đời Lý, theo nho-thần Đàm-dĩ-Mông, đã có hiện-tượng kỳ-quái này nên họ Đàm phải tâu lên vua: «*Tăng-đồ nhiều hơn dịch-phu toàn quốc...*». Để trừ khử tệ-đoan này nhà vua buộc làm chùa lớn ở các phủ, huyện để bớt chùa nhỏ và các tăng-ni phải chịu sự khảo-duyệt về giáo-lý, hạnh-kiểm mới được có mặt nơi cửa thiền. Xét ra vua Quang-Trung chẳng được nổi tiếng là tay văn tự trứ danh như nhiều ông vua của các tiền triều mà ngài tỏ ra lỗi lạc tiến bộ hết sức về văn-hóa, chính-trị, ngoại-giao, kinh-tế v.v... không mấy người bì kịp. Tuy nhiên nhiều ý-tốt của Ngài chưa đạt được tới mức mong muốn vì thời cuộc đa-đoan phức tạp quá nhiều ngài chưa thể nhất thời thẳng tay thanh toán một số khá đông phần tử thối nát còn lén

lút trong chánh quyền ngài nên sự tiến bộ của triều-đại bị hạn chế một phần nào.

Nhưng vua Quang-Trung còn có một chủ-trương mà chưa một triều-đại nào trước đây dám nghĩ tới: Đó là việc mang binh đội Việt-Nam vào đất Tàu. Lý-thường-Kiệt xưa kia mang 10 vạn quân xâm-phạm nội địa Trung-quốc chỉ là đánh một đòn gió (hay đòn tâm lý) vào triều Tống mà thôi. Vua Quang-Trung đi xa hơn Thường-Kiệt: Ngài cho sứ sang cầu hôn với công chúa nhà Thanh, xin lại hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây và súy-đồ của Ngài đâu có phải chỉ to lớn đến thế. Ngài đã nghĩ rằng các Rợ Hung, Rợ Hồ, Mông Cổ v.v... là các phiên quốc của Trung-Hoa trước kia từng vào làm chủ giống HÁN thì Ngài cũng muốn người Lạc-Việt ta đem quân reo ngựa hí đến đất Tàu. Qua một trận giao-phong từ Thường-Tín đến Thăng-Long không quá mười tiếng đồng hồ cùng quân bốn tỉnh miền Hoa-Nam với bọn tướng tá nhà nghề của vua Càn-Long, Ngài đủ rõ sức người sức mình nên đúng như lời đã tuyên-bố trước ba quân rằng mười năm sau quân đội rèn luyện xong nước phú cường Ngài sẽ hỏi tội bọn Tàu. Chuyến đi sứ lần cuối cùng để mở cuộc khiêu-khích vua Càn-Long. Ngài không dùng văn thần mà cử Vũ-văn-Dũng là một Đại-tướng cốt nghiên-cứu địa-hình, địa-vật, phong-tục, chế-độ của Thanh-triều, nhiên-hậu sẽ hưng binh. Sự-kiện này đã được sử sách ghi chép rõ rệt. Tiếc thay việc mới diễn hành đến nửa chừng thì nhà vua bị bạo bệnh qua đời nên cái mộng người Việt qua Tàu lại tan ra mây khói. (6)

(6) Đề-nghị cầu hôn và xin đất (hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây) của vua Quang-Trung được chấp-thuận, duy về đất đai Thanh-triều chấp-thuận cho một nửa, nhưng sứ đoàn đang nói chuyện ở Bắc-Kinh thì có tin vua bị bạo bệnh chết nên việc tuy thành lại bị bỏ luôn. Tuy nhiên nếu Quang-Trung còn sống sự việc đâu có đến thế mà xong, ngài muốn gây chiến thì chiến tranh phải bùng ra mới nghe. Có kẻ nói: « Ngài làm một cuộc vô cùng phiêu-lưu và mạo-hiểm... » Chúng tôi xin trả lời: các dân Hung-Nô, Mông-Cổ, rợ Nhung vào làm mưa nắng trên đất Hán nhiều phen, tại sao không co ta? Việc đời kém suy xét nhiều khi đi đến thất-bại, nhưng tính kỹ quá dễ thoái-chí, đôi phen cần mạo-hiểm mới thành công như phương-ngôn Tây từng nói: *Qui ne risque rien n'a rien* (Không liều không được có liều có ăn).

Dầu sau trước súy-đồ hết sức vĩ-đại này, tuy chưa được thực-hiện, hậu sinh chúng ta cũng phải hoan nghênh cái óc trùm trời của Quang-Trung Nguyễn-Huệ. Nhiều nho-thần xưa kia đã từng tỏ ý khao khát thấy cờ của dân tộc Việt-Nam dựng trên đất Tàu, 170 năm gần đây đã có một vị anh hùng dám nuôi mộng đó lại yểu vong, thật đáng hận vô cùng (7).

Với thế-hệ chúng ta, nước Tàu phong-kiến đã rút lui vào quá-khứ, nước Tàu cộng-sản ra đời còn tai hại, nguy hiểm gấp mười, người trai nước Việt nào dám nối chí Quang-Trung Nguyễn-Huệ đây?

Con cháu đã không hơn lại không bằng ông cha chẳng lấy thế làm nhục sao?

(Viết tại Sài gòn một ngày cuối thu Đinh-Mùi)

---

(7) Vũ-văn Dũng khi còn có mặt ở trước sân điện của vua Càn-long được tin đệ-nhị sứ đoàn Việt-Nam đến báo Quang-Trung băng (có lẽ vì chứng đứt mạch máu) quá đột ngột đã té xỉu và khi ông tỉnh dậy ông có bài thơ than tiếc người anh hùng dân tộc như sau:

Bố y phấn tích ngũ niên trung
Mai cổ thi vi tự bất đồng.
Thiên vị ngô hoàng tăng nhất kỷ,
Bất tư Đường, Tống thuyết anh hùng.

Tạm dịch (của Anh-hợp)

« Năm năm dấy nghiệp tự thân nông,
Thời trước thời sau khó sánh cùng.
Trời để vua ta thêm chục tuổi,
Anh hùng Đường, Tống hết khoe hùng. »

TÂY-SƠN THUẬT LƯỢC

■ Vi-ảnh số 5/VAH4 của Viện Khảo Cổ Saigon, nguyên bản của *Société asiatique Paris*, số HM 2178 Legs H Maspéro.

■ *Bản dịch của* TẠ QUANG-PHÁT Chuyên-viên Hán-học Viện Khảo-Cổ Saigon.

L.T.S.: Bài Tây Sơn thuật lược này bằng chữ Hán tác giả không biết là ai, có đăng cả trong Nam Phong số 148, phần chữ Hán, tr 29-37. Tuy về sử liệu có nhiều điểm sai, nhưng lại có mấy truyện nhỏ, có thể gọi là giai thoại về thời Tây Sơn, về Nguyễn Huệ rất ngộ nghĩnh, chưa thấy sử sách nào nói đến Vì vậy chúng tôi xin đăng đây bản dịch của ông Tạ Quang Phát Về những điểm sai với sử, chúng tôi xin chú giải ở dưới, còn những mẩu truyện ngộ thì chúng tôi in bằng chữ xiên để giúp độc giả dễ nhận thấy.

Tây-sơn Nguyễn-văn-Nhạc, tổ-tiên là người ở huyện Nghi-xuân, tỉnh Nghệ-an. Niên-hiệu Dương-đức triều Lê chiếm giữ được bảy huyện (của Chiêm-thành?) bèn dời dân vào đấy. Từ đó mới sinh ra Nhạc. Nhạc xưa vốn làm bộ-lại ở tuần Vân-đồn, vì thiếu tiền của quan mới trốn làm trộm cướp, thủ-hạ có trên trăm người, cướp phá châu ấp, tướng-quân trấn-thủ không đàn-áp được Nhạc tự xưng là Thiên-vương, tiếm xưng niên-hiệu là Thái-đức, lén chiếm giữ thành Quy nhơn.

Năm Đinh-dậu (Cảnh-hưng năm thứ 38). Nguyễn-văn-Nhạc với em là Huệ cử binh đánh kinh-đô Phú-xuân (1). Vua Hiếu-định đi biển vào thành Gia-định tuần thú. (2) Hoàng-đế triều ta (Nguyễn) cùng ở chung với Nhạc Tháng 9 năm ấy Nguyễn-văn-Nhạc xúc-phạm đến vua, và vua Hiếu-định băng (3) Hoàng-đế Nguyễn-Ánh triều ta bèn sang Xiêm-la mà ở (4). Nhạc có những vùng từ Ải-vân trở về Nam.

Năm Nhâm dần, Nhạc thu nạp bầy tôi của chúa Trịnh đã bỏ trốn là Nguyễn-hữu-Chỉnh, lúc ấy Nhạc vốn có chí thôn-tính đất Thuận-hóa (5), nhưng không có ai mưu tính công việc ấy, đến lúc ấy được Chỉnh chạy vào, Nhạc mừng lắm bèn thu-dụng.

Năm Bính-ngọ (Cảnh-hưng thứ 47) tháng 3, Nguyễn-hữu-Chỉnh trình-bày với Nhạc cơ-hội thích-nghi để lấy Thuận-hóa, xin phát binh đánh lấy Phú-xuân, Nhạc nghe theo.

Tháng 4, Nhạc sai em là Huệ, tiết-chế các quân thủy và bộ, rể là Vũ-văn-Nhậm làm tả-quân đô-đốc, Chỉnh làm hữu-quân, nhắm kinh Phú-xuân tiến phát.

Phụ chú của tòa-soạn:

(1) Điểm này sai. Kinh-đô Phú-xuân đã bị Hoàng-Ngũ-Phúc chiếm từ năm Giáp-ngọ, Lê Cảnh-hưng thứ 35 (1774). Năm Đinh-dậu, Cảnh-hưng thứ 38 (1777), Nguyễn-Văn-Nhạc xin Hoàng-Ngũ-Phúc được trấn Quảng-nam, Nguyễn-Văn-Huệ đánh Gia-định, giết Tân-chính-Vương và chúa Duệ-tông, chớ Tây-sơn chưa đánh kinh-đô Phú-xuân.

(2) Điểm này sai. Vua Hiếu-định, tức Duệ-tông đi đường biển vào Gia-định năm Ất-vị (1775) chứ không phải năm đinh-dậu.

(3) Điểm này sai. Hoàng-đế triều Nguyễn không có lần nào ở chung với Nhạc, và không có lần nào bị Nhạc xúc phạm.

(4) Điểm này sai. Mãi đến năm Giáp-thìn (1784) Nguyễn-vương Ánh mới đi Xiêm, chứ không phải đi năm Đinh-dậu (1777).

(5) Nói là Huệ có chí thôn tính Thuận-hóa thì đúng hơn, chứ Nhạc không dám đánh Thuận-hóa.

(5) Trịnh-Khải chứ không phải Trịnh-Tùng, Tùng đã chết năm quí-hợi (1623).

Tháng 5, quân của Nhạc đánh và lấy được Phú-xuân. Chỉnh nhân thế khuyên Huệ thừa thắng lấy kinh-đô Thăng-long.

Tháng 6, Huệ tiến phạm kinh-đô, chúa Trịnh Đoan-nam vương là Tùng đánh thua mà chết.

Tháng 7, Huệ giả vờ tôn hoàng-đế nhà Lê ở điện Kính-thiên và làm lễ triều-yết.

Trong tháng ấy vua Hiển-tông Vĩnh hoàng-đế băng.

Tháng 8, Nguyễn-văn-Nhạc và Huệ trở về Nam Chỉnh chạy theo Nhạc đến biển đông, Nhạc không cho Chỉnh trở về Nam, mới cho lưu lại ở Nghệ-an. Nhạc và Huệ từ Thăng-long đến, thì Huệ ở lại thành Phú-xuân, tiếm xưng là Bắc-bình-vương cháu đầu của vua Lê là Duy-Kỳ lên ngôi hoàng-đế, đổi niên-hiệu là Chiêu-thống.

Năm Đinh-vị (năm đầu Chiêu-thống) Nguyễn-hữu-Chỉnh lấy binh Nghệ-an đánh đuổi Án-đô-vương Trịnh-Bồng.

Vua Lê thì dùng Nguyễn-hữu-Chỉnh coi giúp việc nước, phong tước cho Chỉnh làm Bằng-quận-công. Mùa đông năm ấy vua Lê sai Ngô-Nho (người ở Tri-chỉ), Trần-công-Xán (người ở Yên-vĩ), cũng gọi là Lượng) đem lễ-vật địa-phương cùng quốc-thư cho Huệ, nói rằng Nam và Bắc mỗi bên đều giữ lấy cương-thổ của mình, không dặng vượt khỏi bổn-phận (6). Huệ giận lắm, truyền mật lịnh ném bọn Nho và Công-Xán xuống biển, lại khiến tiết-chế Nhậm đốc-suất bộ quân, thái-úy Điều đốc-suất thủy-quân, đô đốc Đặng-Giản làm tiên-phong, nhắm kinh Thăng-long tiến phát. Lúc ấy quân ngụy qua Nghệ-an, triều-đình được thông-báo, đầu tiên ở khúc sông quanh khe Vân-sàng bày chiến-thuyền và súng để chuẩn-bị. Đặng-Giản giả vờ không dám tiến lên chỉ ven theo bờ biển ngày đêm giương cờ đánh trống. Quan triều-đình thấy thế khinh-dễ. Đặng-Giản mới ra lịnh cho chặt cây ở rừng ven sông, ném xuống sông cho ngăn dòng nước mà xuống,

(6) Phái-bộ Trần-Công-Xán, do Nguyễn-Hữu-Chỉnh đề nghị phái vào Phú-xuân để xin Nguyễn-Huệ trả lại đất Nghệ-an cho nhà Lê, vì thế Nguyễn Huệ mới giận.

lại lén sai những người lặn lội giỏi, thừa ban đêm theo những bè gỗ ấy mà qua sông, rình cho quân triều-đình ngủ say, mới kéo hết thuyền về phía bắc, trong đồn ngụy lại phát hiệu lịnh độ quân qua sông mà đánh giết, thuyền giặc lại nổ súng bắn vào quân triều-đình. Quân triều-đình tan vỡ mà chạy trốn.

Năm Mậu-thân (Chiêu-thống năm thứ 2 — Thái-đức năm thứ 10), tháng giêng, quân Tây-Sơn tiến phạm kinh-thành Thăng-long. Vua Lê chạy đi Hải-dương, quân Tây-Sơn rượt theo, cha con Hữu-Chỉnh đều bị bắt. Huệ cho Vũ-văn-Nhậm trấn Thăng-long, Đặng-Giản trấn Thanh-hóa (Giản là người ở Lương-xá, dòng-dõi của Đặng-nghĩa Huấn).

Vua Lê sai Lê-Quýnh, Trần-danh-Án phò hoàng-thái-hậu sang nhà Thanh bên Tàu để xin binh tiếp-viện.

Mùa hạ, Huệ giết kẻ bầy-tôi là Vũ-văn-Nhậm, lúc ấy Nhậm tại trấn, có kẻ tố-giác rằng Nhậm lén lộng quyền Huệ mượn cớ là đi tuần đất Bắc, Nhậm ra lạy chào Huệ bèn bắt mà giết đi.

Huệ cho quan Đại-tư-không Ngô-văn-Sở, quan nội-hầu Lân trấn Thăng-long, Huệ từ Thăng-long trở về.

Mùa thu, tiến-sĩ nhà Lê là Ngô-thì-Nhậm (người ở Tả-thanh-oai hiệu là Hy-doãn), Nguyễn-gia-Phiên (người ở An-lũng) Phan-huy-Ích (người ở Thu-hoạch), hương-cống Ngô-vi-Quý (người ở Tả-thanh-oai), Đoàn-nguyên-Tuấn (người ở Hải-an) cùng đến Phú-xuân yết-kiến Huệ.

Huệ khiến Nhậm giữ tư-lịnh (từ nay về sau những thư trát gửi sang Thanh đều do Ngô-thì-Nhậm viết ra) khiến Phiên và Ích làm điện trung thị ngự-sử, khiến Quý và Tuấn sung Hàn-lâm-viện.

Đoàn-nguyên-Tuấn là con của Thúc, ở trong làng, gác nhà lên cao mà ở trong vườn hoa, gọi Phong-nguyệt-sào (ổ gió trăng) để ngâm vịnh ở đấy, tự gọi là Sào-Ông, dường như cho mình là Sào-Phủ vậy. Nay lại quên tình vườn cũ, lại cong gối mà quỳ lạy ở triều-đình của giặc, không gợi hứng với cỏ hoa, lại dựa thân vào Hàn-lâm-viện, không còn nhàn rảnh nữa để ngâm vịnh với gió trăng, mà lại nhập vào bộ

sứ-thần. Tưởng lại tấm thân của Tuấn chưa từng được một ngày nào yên nghỉ ở cái ổ gió trăng của ông ta vậy, thì làm sao mà chẳng phụ lời hẹn ước trước kia (ông Thụy-nham tặng thơ có câu rằng: *Hoa ồ phi cư phụ cố sào.*

nghĩa là: « Vườn hoa chẳng ở thì phụ ổ gió trăng. »

Mùa đông tháng 11, Huệ tự xưng hoàng-đế, cải nguyên là Quang-trung.

Tháng ấy vua Lê dùng quân Mãn-Thanh lấy lại kinh-thành Thăng-long.

Năm Kỷ-dậu (Nguyễn-Huệ niên-hiệu Quang-trung thứ 2) tháng giêng, Huệ cả phá quân của Tôn-sĩ-Nghị nhà Thanh ở Thăng-long. Vua Lê đi lên phương bắc.

Huệ dùng mưu kế của Ngô-thì Nhậm, khiến Nhậm sang nhà Thanh hối-lộ với các vương thân quan ở nội-các của triều Thanh để ngăn việc tiếp-viện và vội ra lịnh cho cả thiên-hạ thần-dân phải suy-tôn Huệ làm vua, lấy lời suy-tôn ấy, kèm vào tờ biểu để tâu lên vua nhà Thanh. Lúc ấy viên tham-tụng xưa là Bùi-huy-Bích mượn cớ có bịnh mù mà không chịu ký tên vào. Huệ khiến ép bức buộc phải lăn dấu tay.

Huệ đặt ở các huyện quan tả hữu quản-lý, lại dùng người giàu có và thế-lực ở địa-phương làm huyện-trưởng khiến đốc-xuất việc lương-thực cho quân-đội Quan tả-quản thì coi về việc thưa kiện, quan hữu-quản thì coi về cơ-đội binh-lính. Vì thế mà cơ-binh trong hạt được đóng đồn ngay trong hạt, mỗi tổng đều có sai một vệ-binh đi tuần thám ban đêm, vì thế mà đạo-tặc đều yên, cửa làng khỏi phải đóng. (7)

---

(7) Theo sử-liệu hiện có, chúng ta chỉ biết « ở mỗi huyện, vua Quang-trung đặt một văn-phân trị, một võ-phân-suất, một tả quản-lý, một hữu quản-lý, công việc của quan văn là trưng đốc binh lương, xét xử từ tụng; công việc quan võ là cai quan và thao diễn quân lính », còn tả, hữu quản lý thì ta không biết làm việc gì. Nếu đoạn này đúng với sự thật « dùng người giàu có và thế lực ở địa-phương làm huyện-trưởng, khiến đốc suất lương thực cho quân đội..., cơ binh trong hạt được đóng đồn trong hạt,... mỗi tổng có sai một vệ binh đi tuần thám ban đêm, » thì ấy cũng là sáng kiến hay của vua Quang-trung để trị an trong thời loạn lạc.

Nạn đói to, có người vợ dân phải bán mình để lấy tiền nuôi gia-đình. *(Đời kể lại rằng ở Hải-dương có người vợ khá có nhan-sắc, quen gần với đồn Tây-sơn, viên đồn-trưởng thấy nàng mà đẹp lòng. Người vợ ấy bèn nói với chồng rằng: nay vì nạn đói kém, trên thì có cha mẹ, dưới thì có đàn con, không có gì để đủ nuôi-dưỡng, thiếp xin chàng nhận làm anh thiếp để đem thiếp bán cho viên đồn-trưởng. Người chồng bằng lòng, bán vợ được một trăm quan mà mang về, còn vợ thì tự thắt cổ ở trong phòng. Viên đồn-trưởng kinh-hãi hỏi người chồng, người chồng mới tình thật thưa, viên đồn-trưởng bảo đi chôn cất và cho luôn số tiền ấy không đòi lại).*

Lời phê-bình.— *Năm đói kém đã khiến người ta đến thế ru! Tuy nhiên, người vợ thà chịu cho thân mình chết chớ không nhẫn cho gia-đình mình chết. Ôi! cũng gọi là người vợ hiền vậy. Sánh với kẻ có trách-nhiệm lo việc trường-tồn của quốc-gia thì khác xa nhau một trời một vực. Mùa hạ Ngô-thì-Nhậm từ nhà Thanh bên Tàu trở về.*

Huệ phát thẻ tín-bài là theo kế sách của Ngô-thời-Nhậm. Tín-bài ấy làm bằng gỗ ngoài có viền bông hoa, trong biên tên họ của người dân lãnh thẻ cùng với tuổi và quê-quán, có ký tên đóng dấu, khiến dân lãnh tín-bài ấy ở quan nha. Những kẻ đi ra buôn-bán phải đeo cái thẻ tín-bài ấy ở dưới cổ làm bằng, nếu không có tín-bài thì là bọn tà-đảng không đặng thông-hành Việc thi-hành phép ấy thật do Ngô-thì-Nhậm.

Lúc ấy nhân-dân sợ oai dữ của Huệ. càng đưa nhau ra lãnh tín-bài, số dân đinh có hư tăng để nhà nước khống-ngự, nhưng ở Tả-thanh oai lại khiến dân càng khốn-khổ.

Mùa thu, sứ nhà Thanh là bọn Vương-phủ-Đường sang sách-phong cho Huệ làm An-nam quốc-vương. Huệ sai bọn Phạm-huy-Ích đi tiếp sứ nhà Thanh, Nguyễn-Nhạc người con lên nối ngôi, ấy là Tiểu-triều.

Mùa đông, Huệ sai Ngô-vi-Quý sung vào sứ bộ sang tạ ơn nhà Thanh

Năm Canh-tuất (Nguyễn-Huệ niên-hiệu Quang-trung thứ 3), mùa xuân, Huệ thăng Ngô-thời-Dụng làm bộ-binh thượng-thư với tước là Tình-phái-hầu.

Mùa hạ, Huệ sai điện-trung thị-ngự-sử Phan-huy-Ích, công-bộ đài-chiếu thượng-thư Vũ-duy-Tấn (đỗ hương-cống triều Lê, người ở Mộ-trạch) và hàn-lâm học-sĩ Đoàn-Nguyễn-Tuấn cùng với đô-đốc Nguyễn-hữu-Chấn sang nhà Thanh, lúc ấy vua Càn-Long đã 80 tuổi. Lúc trước vua nhà Thanh có báo Huệ phải thân-hành sang chúc phúc, Huệ cố từ. Bọn Phan-huy-Ích tâu với Huệ xin quyền-biến, Huệ mới giả-mạo sai Chấn đi thay cho mình, và khiến bọn Phan-huy-Ích đi theo để yết-kiến.

Huệ sai Ngô-thì-Nhậm quản-lãnh việc đi sứ, rồi lại gia thêm bực Dực-vận công-thần, chuyển sang làm thị-trung đại-học-sĩ giám-tư kinh-đô Thăng-long.

Mùa hạ, Ngô vi-Quý từ Yên-kinh trở về. Lúc ấy những tiến-sĩ của nhà Lê cũ thường-thường lấy văn-học mà vang tiếng trong đời Ngô-thì-Nhậm muốn khiến các vị ấy đều ô-nhục như hắn, mới thưa với Huệ nhử các vị ấy bằng quan-tước, vị nào không đến thì đem binh mà bắt. Bùi-huy-Bích ở Thịch-liệt thác bịnh mà từ-khước. Ngô-thì-Nhậm lại lấy thơ gọi Trần-danh-Án ở Bảo-triện. Trần-danh-Án thơ dùng tiếng chó heo mà từ-khước với Nhậm. Nhậm thẹn không dám gửi thơ đến nữa. Lê-huy-Trâm ở Bối-khê (làm cần-chính đại-học-sĩ của quốc-triều lãnh chức đốc-học các vùng Bắc-ninh, Cao-bằng và Lạng-sơn), Phạm-quý-Thích ở Hoa-đường (làm thị-trung đại-học-sĩ của quốc-triều). Nguyễn-Đường ở Trung-cần (làm đốc-học Sơn-tây), Ngô-Viện ở La-khê, Nguyễn-Du ở Văn-xá, Nguyễn-điên-Dương ở Bảo-từ (làm hiệp-trấn ở Hưng-hóa của quốc-triều), Trần-bá-Lãm ở Vân-canh (làm đốc-học Bắc-thành), Nguyễn-gia-Cát ở Xuân-Cầu (Cát về sau ứng nghĩa-quân yết-kiến đức Cao-hoàng Gia-long ở Gia-định, làm Lễ bộ tả tham-tri, phụng-sứ thăng chức thượng-thư, về sau có xảy

ra việc mà phạm tội), Bùi-dương-Lịch ở An-toàn (làm đốc-học Nghệ-an), Lê-trọng-Dĩnh ở Đa-sĩ đều thấy trước mà trốn đi. Quý Thích phú thi có câu:

« Tái thiên giao thê lệ,
« Tỵ địa các trầm phù.

Nghĩa là:

« Đầy trời đều nước mắt nước mũi giao hòa,
« Ở đất thì đều trốn tránh, kẻ chìm người nổi.

Huy-Trâm thường tự thề rằng: « Nếu không chết thì lẩn trốn trong núi rừng, quyết không chịu làm bầy tôi cho Tây-Sơn » Viện và Trọng-Dĩnh về sau đều bị bắt Viện phải đem con ra làm tin mới được thả. Còn Dĩnh thì bất đắc dĩ phải ra làm đốc-học ở Vị-hoàng vài tháng rồi lại thác bịnh mà từ-khước, Những người còn lại như Hoàng-bình-Chính ở Thổ-hoàng, Nguyễn-Nha ở Hữu-thanh-oai, Nguyễn-quí-Ban ở Nhơn-mục đều nhận mạng-lịnh của Tây-Sơn làm quan vinh-hiển. *Chỉ có Nguyễn-đăng-Sở ở Hương-triện thì xin làm tri-huyện. Sở vốn khi trước có cưới một người thiếp của vua Lê, việc gì cũng do nàng ấy sai khiến. Một ngày nọ vợ của Sở đi ra hỏi ông thầy tướng: « Như tôi phải phối với bậc quan nào? » Ông thầy tướng nói rằng: « Bà phải làm vợ của quan tri-huyện, nếu không thế thì bà sẽ chết yểu », Vợ của Sở trở về nói lại với Sở, cho nên Sở cố làm cho được chức tri huyện ấy.*

Huệ từ Thăng-long trở về.

Huệ cho quan đại-tư-mã Ngô-văn-Sở, quan nội-hầu Lân cùng với người con thứ là Thùy trấn-giữ Thăng-long, cho Tuyên trấn-giữ Thanh-hóa, cho Đặng-Giản làm đại-đô-đốc, coi giữ Đại-thiên hùng-binh, sai làm thuốc súng.

Tháng 7, bọn Chẩn đến Yên-kinh, lúc ấy vua nhà Thanh đi tuần phương bắc để tránh nóng, cấp báo cho Chẩn và các quan theo hầu phải đến hành-cung ở Nhiệt-hà yết-kiến. Vua nhà Thanh ban cho thơ có câu rằng:

« Y cổ vị văn lai tượng khuyết.

« Thăng triều vãng sự bỉ kim nhân.

Nghĩa là:

Từ xưa chưa nghe nói vua nước phương nam đến cửa tượng-khuyết lạy chầu.

Đối với việc đã qua của triều Minh đã mất thì đáng khinh việc đời cống người bằng vàng.

Huy-Ích có phụng họa, vua nhà Thanh có phê thơ cũng cho là ổn-thỏa, có ban thưởng rất hậu, đến khi về Tây-uyển ở Yên-kinh, thì được vào yết-kiến luôn mấy mươi ngày, đến ngày trở về nước, thì vua Thanh có tuyên triệu Huy-Ích và Duy-Tấn vào Quang-minh chính đại điện, khiến đứng một bên mà xem ở thềm ngọc, rồi rót rượu cho uống, tin rằng đó là sứ bộ vinh-hạnh bực nhất (do ở bài Tinh sà kỷ hành).

Tháng chạp, bọn Chấn từ Yên-kinh trở về, đến cầu doanh Huy-Ích nhân té mà bị thương ở chân, bèn dâng biểu cho Huệ xin miễn triều-yết, tạm ở lại để điều-dưỡng.

Năm Tân-hợi (Nguyễn-Huệ niên-hiệu Quang-trung thứ 14), quan nội-hầu Lân bắt được Tụ là em của vua Lê ở Bảo-lạc, và giết luôn cả nhà Diễn quận-công. Khi trước Tụ dựa vào Diễn-châu để lo bề khôi-phục. Có kẻ đi tố-cáo với Tư-mã Sở. Tư-mã Sở khiến nội-hầu dạy Diễn quận-công bắt Tu mà giết đi. Nội-hầu Lân bèn thác việc mở tiệc rượu. Cha con Diễn quận-công cả thảy năm người đều được ban cho áo cẩm hoa bào và khăn là lụa hồng, đều ngồi mà yến ẩm, khi rượu đã say, nội-hầu Lân làm rớt cái mâm đồng làm hiệu, quân Tây-sơn bèn bắt cha con Diễn quận-công mà chém. Nhân thế mới đặt trấn Hà-dương ngay ở đất ấy, để đô-đốc Viên với 500 binh-sĩ trấn giữ rồi trở về.

Đồn Hà-dương đều bị giết sạch vì Tụ. Trước thời tai-nạn của Diễn quận-công xảy ra, em của Diễn quận-công là Tụ ở ngoài cho nên được thoát, đến lúc ấy Tụ họp các binh-lính địa-phương vây chặt đồn của Tây-sơn bắt hết binh-lính mà giết sạch, chỉ có đô-

đốc một mình được chạy về; đến khi quân Tây-sơn đến bắt Tề thì Tề đã chạy đi đâu không biết.

Huệ đặt quan bí-thư, mỗi tháng 6 lần chầu để giảng-giải kinh sử. Huệ không có học cho nên không biết thư sách. Một ngày nọ Huệ hỏi quan bí-thư rằng: « Trong sách có chép quá nhiều việc thế? » Quan bí-thư thưa rằng: « Sách sử chép sự-tích thiện ác của đế-vương và lý-do hưng-phế để đời sau biết mà soi xét răn dè ». Huệ nói rằng: « Như thế thì từ xưa có ai đánh Tàu không? » Thưa rằng: « Nước ta có Trần-hưng-Đạo đánh quân Tàu ở sông Bạch-đằng, Lê-thái-Tổ đánh quân Tau ở thành Đông-quan, nhưng mà đều là đánh chúng tiến sang, chớ chưa có tiến sang Tàu mà đánh chúng » Huệ nói rằng: « *Ta nay sẽ đánh Tàu để ngươi xem* », (quan bí-thư là người ở Ngọc-đông, tỉnh Thanh-hóa, tên họ chưa khảo ra). Huệ xuống sắc-lịnh cho công-viện vá lại chiến-y, rồi lại gửi cho gia-thiếp của các đại-thần cất giữ, hẹn đủ hai mươi vạn chiếc áo để ban-cấp cho quân-sĩ thì ngày ấy sẽ đánh Quảng-tây mà cướp phá. Lúc ấy Huệ vừa vào trong viện để xem xét, thì có người thiếp của thái-úy Điều, họ Hoàng, giả vờ không biết có Huệ ở đấy, nói với đồng bọn rằng: « *Nay quen thắng mà đánh Tàu, nhưng Tàu thì to mà ta thì bé, nếu rủi không thắng thì mới làm sao? Chẳng bằng cứ trị dân mà hưởng nước, việc gì phải đi tìm ở xa* ». Huệ nghe được hét lên nói rằng: « Người kia là ai mà dám cản-trở việc quân của ta ». Liền sai đưa người thiếp họ Hoàng ấy ném xuống biển. Thế rồi ngài lại hối-hận mà nói rằng: « Người kia nói cũng hợp-lý ». Huệ liền ra lịnh tha cho Việc cướp phá nước Tàu bèn dừng lại. (người thiếp họ Hoàng là dòng-dõi của viên đại-tướng nhà Lê Hoàng-nghĩa-Giao).

Lời phê bình. – *Nói một lời mà bãi được việc binh, cũng là người nhơn-đức thay!*

Năm Nhâm-tý (Nguyễn-Huệ niên-hiệu Quang-trung thứ 5) lúc ấy vợ chính của Huệ đã chết. Huệ sai Ngô-thì-Nhậm đưa thơ sang tổng-đốc Quảng-tây để khiến cầu-hôn với vua nhà Thanh.

Nam ấy Nguyễn-Huệ mất, *tóc của Huệ thì quăn, mặt thì đầy mụt, có một con mắt nhỏ, nhưng mà cái tròng rất lạ, ban đêm ngồi không có đèn, thì ánh sáng từ mắt soi-sáng cả chiếu, lúc lâm-trận thì chế thắng, uy anh hùng lẫm-liệt, cho nên mới bình-định phương Bắc và dẹp yên phương Nam, hướng tới đâu thì không ai hơn được, tiếm vị làm vua được 5 năm, không lập pháp-lịnh điều-ước, việc thưa kiện đều do miệng ngài phân-xử, tội tù thì phần nhiều dùng đòn mà đánh để trừng-trị (đòn tục gọi là đùi). Bầy-tôi ở trong hay ở ngoài đều sợ oai của ngài, không dám can tội hối-lộ. Thường ngày Huệ hay sợ đức Cao-hoàng Gia-long ta, lúc đau nguy cấp, Huệ nói với kẻ bầy-tôi rằng: «Hắn sẽ phục-quốc được». Hoặc có kẻ thưa rằng: «Nếu hắn ra thì bọn hạ-thần xin đánh». Huệ nói rằng: «Ngươi chớ cho lời ta là nói láo, nếu hôm nay ta chết, thì ngày mai hắn ắt ra, nếu mai ta chết thì ngày sau hắn ắt ra. Ngươi còn sống, ngươi xem». Nói thế Huệ liền mất. Con là Trát nối ngôi, đại-xá tội phạm và cải-nguyên (Trát môi trớt, răng to).*

Luận rằng: *Với tư-chất nhỏ bé yếu đuối và đương tình-thế nguy hại ấy, trong thì có Khang-công và Tuyên-công, nhu-nhược một hai người lẻ-loi non nớt, ngoài thì có tư-đồ (tên Dũng) và thiếu-phó (tên Diệu) dũng mãnh năm sáu vị vũ-phu, Trát lại tranh thắng với Cao-hoàng Gia-long ta, thì hắn sẽ bị trói ngay trước mặt mà làm tù thì đáng lắm.*

Năm Quý-sửu, (Trát, niên-hiệu Cảnh-thịnh năm đầu), Trát đến Thăng-long để nhận cho nhà Thanh sách-phong, lúc ấy sứ nhà Thanh xin đến Phú-xuân, Trát giả mạo xây cung mộ ở xã Hạ-hồi rồi nói dối là đường đi từ Sơn-tây mà đi thì phải một tháng. Đi được nửa đường, sứ nhà Thanh nói rằng: «Đây là đi về phía tây, sao lại dối ta». Bèn trở về Thăng-long làm lễ phong-điếu.

Trát trở về Nam, tấn-công thành Quy-nhơn bắt Tiểu-triều và giết ngay trong ngày hôm ấy.

Năm Giáp-dần (Trát niên-hiệu Cảnh-thịnh thứ 2) Cao-hoàng Gia-long đem quân Hà-lang trở về đánh phủ Diên-khánh và thắng được.

Tướng giữ thành của Trát là Quyền quận-công đem đội thủy-quân đầu bên ta, rồi phóng lửa đốt thủy-đồn của Tây-sơn.

Cao-hoàng thừa thắng lấy thành Quy-nhơn và thành Hoàng-đế.

Có kẻ hỏi rằng: Vua Lê dùng quân Nhà Thanh, còn Cao-hoàng-đế ta thì dùng quân người Âu, đều là dựa vào sự giúp đỡ của nước ngoài, mà Lê thì mất mà ta thì hưng, thì chẳng phải là lời sấm rằng: Tiên đồng đã trở về Bắc, đất nghiệm đã an-bài, bảy đời thì trở về kinh-đô, sách trời đã định trước, mạng trời đã khiến như thế hay sao? Rằng phế hay hưng vốn ở Trời, nhưng hơn hết là ở người. Vua Lê kia khen heo và hôi nồi, thì chẳng phải là khí-tượng đế-vương thì làm sao mà đem so-sánh với Cao-hoàng Gia-long ta được thay! Thế là lý-do thành bại của hai bên khác nhau vậy.

Quân-doanh của Tôn-sĩ Nghị, tướng nhà Thanh, ở Bờ-đề, vua Chiêu-Thống đến đấy yết-kiến Tôn-sĩ-Nghị, Tôn-sĩ-Nghị sai người đưa vua về cung, vua đi ngay qua chợ thấy một con heo to và một cái nồi đồng lớn, mới hỏi rồi đi Khi người được sai đi đưa trở về thì Nghị hỏi rằng: « Ngươi thấy quốc vương cử-động ra sao? » Người ấy kể lại đủ mọi việc đã thấy như thế. Tôn-sĩ-Nghị mới than rằng: « Khen heo, hỏi nồi, chăng phải là khí-tượng của đế-vương, thì bọn ta sẽ nguy mất ».

Tây-sơn từ năm Canh-tuất trở lại, thì mùa lúa so-sánh có trúng hơn, trong nước bình-yên (thóc một quan tiền được 100 đấu, dân-chúng đều có chứa trữ, tiếng sáo lời ca có được nghe đó đây). Nhưng ở Bắc-kỳ thì dân trí-thức đều chán ghét triều Tây-sơn, mong được vì chân chúa. Từ sau khi Gia-định đã dẹp yên rồi, mỗi lần gió nồm thổi, thì người người đều nói rằng đó là gió của ông Chủng (Gia-long) vậy.

Lời bình luận: *Lòng người quay về ai thì mạng trời ở đấy. Xem lòng người như thế thì Tây-sơn kia muốn không mất đi, và ta muốn không hưng lên thì có được chăng?*

Trát đặt ở các xã huấn-khoa để giữ việc thưa kiện trong xã.

Trát giết Lê-thái-Sư. Con của Lê-thái-Sư là đô-đốc Lê-tôn-Chất làm phản và đầu-hàng bên ta.

Trát sai người đem mật chiếu đến Thăng-long để giết quan đại đồng-lý.

Năm Kỷ-vị (Trát niên-hiệu Cảnh-hưng thứ 7), vua Càn-long nhà Thanh băng. Trát sai người sang lễ hương, tờ biểu có viết rằng:

« Viên Tản sơn thanh Lỗ thủy bích, vọng cùng thần quốc chi yên lam, đẩu xu tinh chuyển Nữ tu hàn, cảm-động thiên gia chi vân vật (Ngô-thì-Nhiệm chi từ dã).

Nghĩa là: « Núi Tản-viên xanh, sông Lô biếc, trông ra xa cùng khói màn sương khói của nước nhỏ của chúng tôi, thì thấy sao Bắc đẩu đã dời, sao Nữ đã mờ lạnh, mà cảm-động cho cảnh-vật của nước thiên-triều phải ảm-đạm vì có quốc-tang (lời của Ngô-thì-Nhậm)

Đài-chân-Vũ ở Thăng-long có cây dung ngã chết mà lộc dựng lên, lúc ấy nước Đại-man có sai sứ đến xem có nói rằng: « thứ này nước phương tây chúng tôi không có ».

Lời bình luận: *Cây dung là vật nhỏ-nhen, thì làm sao ghi được một việc gì. Quốc-gia sắp hưng-thịnh thì ắt có điềm lành báo trước. Khi vua Hiếu-Tuyên trung-hưng, thì cỏ cây liễu đã chết ở Thượng-lâm bỗng mọc đứng lên mà sống. Thế thì cây dung ấy mọc đứng lên mà sống là điềm lành ứng vào quốc-triều hưng-thạnh lại chăng, cho nên kính-cẩn ghi chép.*

Năm Canh-thân (Trát niên-hiệu Cảnh-thịnh thứ 8) mùa xuân, Phan-huy-Ích vào yết-kiến Trát, được Trát cho làm Lễ bộ thượng-thư, tước là Đoan-nham-hầu.

Kho thuốc súng của Trát ở Thăng-long cháy.

Trát sai tướng tư-đồ và thiếu-phó đến vây thành Hoàng-đế.

Năm Tân-dậu (Trát niên-hiệu Cảnh-thịnh thứ 9) tháng 5, đại-

quân của ta lấy tại Phú xuân. Trát chạy ra ở Thăng long. Lúc ấy Trát đã mất sào-huyệt, nhưng vẫn hay khoe-khoang để trấn-áp lòng người.

Tháng 6, Trát tế ở đàn Tây-hồ, lại cải niên-hiệu là Bảo-hưng nguyên-niên.

Quan Hộ-bộ tả-thị-lang Nguyễn Lượng có dâng lên bài Tây-hồ cảnh-tụng, dùng quốc-âm, lời rất thanh-nhã, Trát mừng vui lắm (Lượng là người ở Phú-thị, đỗ hương-cống triều Lê xưa).

Mùa đông, Trát thi khóa-sinh.

Tháng 11, Trát tế ở đàn Xạ-đôi-phố.

Năm Nhâm-tuất (Trát, Bảo-hưng năm thứ 2) tháng giêng, Trát dẫn Tuyên-công, Khang-công và các tướng đánh Hoành-sơn-quan. Trát để đại-tư mã Ngoại và đại đô-đốc Phong giữ Thăng-long. Ngày mùng 5 tháng 2, Tùng-lĩnh tướng quân là Nguyễn-Chí (người ở Tây-đảm) và Mai-lĩnh-Hầu (người ở... tú, không rõ tên) cùng đánh Thăng-long, mà không thắng, Tùng-lĩnh tướng-quân chết. Lúc trước hai ông là bầy-tôi của nhà Lê. Nhà Lê mất, thầm có chí phục-thù, Tùng-lĩnh có tài hơn người, nhà giàu có, thường bị người ta khống-chế, bị giam một năm ở quan-tư-mã của Tây-Sơn mới được thả ra. Mai-lĩnh-hầu thông hiểu tinh-tường toán-số và binh-lược, việc thường biết trước, được người ta gọi là tiểu Khổng-minh, mở quán ở Thanh-oai, cùng qua lại với Tùng-lĩnh tướng-quân, âm-thầm kết-giao với khách hào-kiệt được 10 năm Mai-lĩnh-hầu thường dùng cỏ thi mà bói để biết Tây-Sơn hưng hay vong. Đến khi quốc-triều ra mật-dụ cho các hào-kiệt ở Bắc-kỳ phải khởi-nghĩa để tiêu-diệt Tây-sơn, thì Tùng-lĩnh tướng-quân nói với Mai-lĩnh-hầu rằng phải khởi-sự. Mai-lĩnh hầu nói rằng: « Tây-sơn sẽ mất vào năm Nhâm-tuất, trong khoảng mùa hạ mùa thu, khi phương Nam khí vượng lên thì tôi sẽ đánh lấy trước rồi sẽ quây về đầu Cao-hoàng Gia-long cũng chẳng muộn. Nếu chẳng như thế thì quân đội phương Nam ra đoạt đầu công của ta ». Lúc ấy nhân Trát đi về Nam, bèn sang mật-kết với đô-đốc Tú để làm nội-ứng, viết thơ hiệu-triệu các hào-kiệt trong bốn phương, hẹn đêm mồng 2 tháng 2 giờ tý đều dẫn binh đánh giết vào thành Thăng-

long. Lúc ấy các đạo đã đến trước nhưng không thấy phát hiệu, đều tản ra đi mất, thì quân ở Tây-đảm mới đến, đô-đốc Tú nghe hiệu-binh, bèn mở cửa thanh ngoại. Tú cỡi ngựa đi trước hai vị Tùng-xinh, Mai-lĩnh theo sau. Tú hô gấp lên rằng: « Giặc đến dưới thành, cần mở cửa ra đánh » Tướng giữ thành đáp rằng: « Giặc đến thì lhém đầu ngươi, cửa thành ban đêm không được mở ». Tùng-lĩnh không thể làm sao được nữa, bèn đem lửa đốt phố-xá trong thành rồi loạn. tướng Tây-sơn muốn bỏ thành mà chạy, lúc ấy sắc trời đã sáng. Trên thành trông xuống chỉ thấy mươi người đi theo Tùng-lĩnh, bèn phát-binh ra đánh, Tùng-công đã thoát thân đi trong đường phố. Có một viên giữ ngục nhận biết, cho nên Tùng-lĩnh bị hại. Còn Mai-lĩnh thì từ đấy ẩn-dật dấu tông-tích ở chốn chòi tranh, quên chí hồ-thỉ tang-bồng. Trong niên-hiệu Gia-long, Mai-lĩnh chết ở gia-đình. Còn Tùng-lĩnh về sau được quốc-triều khen tặng. Có thơ khen rằng:

Âm:

Tối ái Mai, Tùng
Lẫm liệt hàn đông
Nhất thời cộng sự
Thiên cổ văn phong,
Công nan bất tựu
Nhân xưng kỳ trung.
Mạc tương thành bại.
Lệ luận anh hùng

Dịch:

Thương thay mai cây tùng
Chịu đựng mùa đông lạnh.
Chỉ cộng-sự một lần
Ngàn xưa lưu danh tánh.
Tuy công khó chưa xong
Người-người khen trung-tín.
Chớ thành bại xét công
Đem anh hùng luận sách.

Tháng tư năm ấy, quân của Trát lén vào đồn Động-hải mà không thắng trận, thua to chạy trốn, quân ta thừa thắng đuổi dài Quan tư-mã và quan thiếu-phó từ đương Quy nhơn chạy về đến Nghệ-an đều bị bắt.

Tháng 6, xa-giá của Cao-hoàng Gia-long đến Thăng-long. Khang-công tự treo cổ, Trát và Tuyên-công chạy về phương bắc đến sông Xương-giang đều bị quân ta bắt được (tháng ấy sương bay đầy trời), nhà Tây-sơn mất.

(Tiếp theo trang 32)

Trên non có nước,
Gắng bước mà lên.
Nước non còn nợ chớ quen,
Lòng trong với nước gan bền cùng non.
Trời Tây mây kéo hoàng-hôn,
Biển Đông thấp-thoáng sóng dồn bình-minh.
Nghiên son mài ráng lung-linh,
Bút tuôn hàng nhạn chép tình nước non...

Hòn NGHIÊN và hòn BÚT nằm bên hữu bên tả hòn Hoành-Sơn, trông thật cân-đối. Khách Thơ ví hòn Hoành Sơn như bức bình-phong, còn hai hòn BÚT NGHIÊN là hai trụ ba-biểu đứng hai bên, hơi lấn ra phía trước một ít.

Sát bên chân hòn Hoành-Sơn lại có hai hòn núi nhỏ đứng song-song, giống bệt bộ chuông trống nho-nhỏ để trước chiếc áng thờ. Đó là HÒN MỘT và HÒN GIẢI. Cổ nhân gọi Hòn Một là CHUNG-SƠN tức hòn Chuông, hòn Giải là CỔ-SƠN tức hòn Trống.

Cổ-nhân đạt tên không phải dựa vào vị-trí, nhưng dựa hình-dạng.

Hòn Một trông phảng phất quả chuông đồng.

Còn hòn Giải thì đứng ở phía Bắc trông vào thì dáng tròn-tròn như cái trống. Nhưng đứng phía đông mà ngó lại thấy hơi vuông-vuông như một chiếc ấn. Vì vậy hòn Giải còn có tên nữa là *ẤN SƠN* tức hòn Ấn.

Đặt cho hòn Giải tên Ấn-Sơn chẳng phải chỉ vì hình-dáng mà còn vì ở phía đông, nơi vùng Gò-Sặt (Trinh-Tường) có 1 hòn núi thấp và dài gọi là hòn *KIẾM-SƠN* tức hòn Kiếm. Có KIẾM thì phải có ẤN mới đủ đôi.

Truyền rằng:

Sau khi chiếm được long-huyệt ở Hoành-Sơn thì ba anh em Nguyễn-Nhạc vùng phát tướng. Gương mặt trông sáng rỡ, và việc học-hành — võ cũng như văn — tiến-bộ lạ thường. Thầy học là Cụ Giáo HIẾN — 1 người miền Ngoài, giỏi văn lẫn võ, lại rành khoa tướng số — trước kia vốn đã có biệt-nhãn cùng ba anh em họ Nguyễn, nay thấy thần-sắc, biết vận trời đã đến, bèn đem câu sấm «Tây khởi nghĩa, Bắc thư công» ra khuyên NGUYỄN NHẠC về lo mưu-đồ đại-sự. Vâng lời thầy, ba anh em trở về Kiên-Thành lo chiêu-mộ hào-kiệt.

Vùng đất Tây-Sơn xưa kia núi rừng rậm-rạp, chuyện thần linh quỉ dữ lan tràn khắp đó đây. Để qui-tụ lòng dân, NGUYỄN-NHẠC bèn lợi-dụng óc mê-tín của quần chúng.

Hòn Trung-Sơn ở Phú-Lạc tuy ở gần thôn-xóm, nhưng ít ai dám lên vì sợ «mả mẹ chàng Lía», và nhất là sợ cọp. Thỉnh-thoảng, NGUYỄN-NHẠC cho người tâm phúc lên núi, nửa đêm nổi trống nổi chiêng. Người quanh vùng kẻ cho rằng hồn chàng Lía về cúng mẹ, người lại bảo đó là quỉ thần mở hội vui. Kẻ bàn người tán, không mấy lúc tiếng bay tận ngàn xa, một thành mười, mười thành trăm... Hòn Trung-Sơn từ xưa đã có tiếng càng thêm nổi tiếng.

Một hôm, nhà NGUYỄN-NHẠC có kỵ. Khách-khứa đông-đúc. Cỗ-bàn vừa ăn xong thì trời đã khuya. Những người ở xa, đều phải nghỉ lại, còn người quanh xóm thì lục-tục ra về. Bỗng trên Trung-Sơn, tiếng trống tiếng chiêng vang-dội, và trong bóng cây trên đỉnh, ánh lửa lập-loè. Ai nấy đều kinh-dị. NGUYỄN-NHẠC rủ người lên xem thử «quỉ thần làm trò gì». Phần đông đều e-ngại. Chỉ bốn năm tay lực-sỹ xin theo.

Nai-nịt gọn-gàng, chân vũ hài, tay trường kiếm, đoàn người lần bước lên đỉnh Trung Sơn. Khi gần đến đỉnh, trong ánh lửa mập-mờ hiện ra một ông lão râu ba chòm bạc-phếu, đầu đội mủ cánh-chuồn, mình khoác áo đại-bào, chân đi hia..., bộ dạng giống

hệt một ông lão-van trong các vở tuồng hát-bội. Ai nấy đều ớn lạnh vì sợ, và không ai bảo ai, mọi người đều dừng lại một lượt. Ông lão cất tiếng bảo:

— Trong anh em có ai là NGUYỄN-NHẠC chăng? Nếu có thì hãy lại gần đây nghe lệnh. Còn các người khác hãy đứng yên.

NGUYỄN-NHẠC run-rợ bước ra, đến quì trước mặt ông lão. Ông lão phất tay áo, lấy ra một tờ chiếu rồi đọc lớn:

— Ngọc Hoàng sắc-mạng NGUYỄN-NHẠC vi Quốc vương.

Đoạn trao tờ chiếu cho NGUYỄN NHẠC rồi quay bước đi vào trong bóng tối.

Từ ấy tiếng đồn khắp nơi, và ngôi Quốc Vương của Nguyễn-Nhạc, nằm vững trong tâm trí quần chúng. Trong đám sỹ-phu, trừ cụ giáo HIẾN, không mấy ai biết đó là kế của Nguyễn Nhạc.

Chưa lấy làm đủ, NGUYỄN NHẠC còn tìm một thanh bảo kiếm và đúc một quả ấn vàng, rồi đem dấu trong vùng núi Trinh-Tường.

Một hôm cùng bộ-hạ ở An-Khê về, đến Hoành Sơn thì ngựa NGUYỄN-NHẠC lồng lên, rồi thẳng cổ chạy nước đại. Nhưng không chạy trễ ra hướng Bắc để qua sông về Kiên-Thành, lại chạy vào hướng Đông-Nam. Đến chân núi phía trong Gò-Sặt, cương ngựa bị đứt, NGUYỄN-NHẠC té nhào, trặc chân không đứng dậy nổi. Đám tùy-tùng chạy đến xoa bóp hồi lâu mới đỡ. Khi đứng dậy để lên ngựa trở về, NGUYỄN-NHẠC chợt thấy chuôi kiếm ló ra nơi nách đá trên sườn núi. Sai người lên lấy thì là một thanh kiếm xưa lưỡi sáng như nước. Ai nấy đều mừng là «của trời ban».

Về nhà NGUYỄN-NHẠC nói cùng hai em và thuộc-hạ:

— Ngọc-Hoàng đã sắc-phong ta làm Quốc-Vương, lẽ tất nhiên là phải ban ấn kiếm. Nay kiếm đã có rồi, ta phải đi tìm ấn.

Đoạn tổ chức ngay lễ cầu-đảo tại chân núi Hoành-Sơn.

Cầu đảo ba đêm ngày. Đêm làm lễ, ngày cho người đi tìm khắp nơi. Đã hai ngày liền, hàng trăm người chia nhau đi khắp các núi khe quanh Hoành-Sơn, mà không có kết-quả. Đêm thứ ba, lúc nửa đêm chiêng trống hành-lễ vừa dứt, thì một vòi lửa như một lằn pháo thăng-thiên bay xẹt từ Hòn Một đến Hòn Giải thì rơi xuống. Tiếp đó một tiếng nổ nhỏ như tiếng pháo tre, rồi một tiếng nổ lớn có phần dữ dội làm chấn-động cả vùng. Ai nấy đều thất-kinh. Sáng sớm NGUYỄN-NHẠC đem người đến Hòn Giải xem, thì thấy sườn phía Nam có một vùng như bị sét đánh lở và nám đen. Trèo lên xem thì một quả ấn vàng nằm trong kẽ đá tại nơi bị lở. Ai nấy đều tin là «ấn trời ban».

Việc được kiếm được ấn thêm vào việc Ngọc-Hoàng ban sắc phong vương, làm cho thiên-hạ tin một trăm phần trăm rằng «NGUYỄN-NHẠC quả có chơn mạng»...

Nhân việc được kiếm được ấn mà núi mệnh-danh là KIẾM-SƠN và ẤN-SƠN, tức hòn Kiếm, hòn Ấn.

Cũng trong vùng Gò-Sặt, phía trên hòn Kiếm, có hòn ÔNG-ĐỐC, hình-thù giống một con hổ phục, đầu ngó lên Hoành-Sơn. Núi không cao. Và tuy trông giống hình cọp, song ngó bộ hiền-lành như con cọp tu lâu đời. Nơi triền phía Bắc hiện có một ngôi chùa thờ Phật. Cảnh nhân-tạo thật là hợp với vẻ thiên nhiên.

Đó là điểm «hổ cứ» đã nói trên kia.

Con «long bàn» là hai nhánh của con sông Côn, 1 từ phía Tây chảy xuống, 1 từ phía Tây-Nam chảy ra, hợp nhau tại địa-đầu thôn Phú-Phong, trông như hai cánh tay ôm choàng lấy cuộc đất của Hoành-Sơn vậy.

Tại quận An-Túc, phía trong Tú-Thủy chừng 12 cây số có làng CỒ-YẾM.

Tuy là một làng thượng du nhưng đất-đai bằng-phẳng. Một

cánh đồng phì-nhiêu, rộng có đến 5, 6 trăm mẫu, giăng lam trải lục tận chân trời xanh. Giữa đồng đột-khởi một ngọn núi, không lớn lắm và cao chỉ độ 300 thước, nhưng trông hùng-dũng hiên-ngang.

Đứng xa nhìn đồng nhìn núi thật giống chiếc bánh-ú lột trần để trên mâm to lót lá chuối mà trời là lọng che.

Cảnh-trí cực đẹp!

Đồng ấy gọi là ĐỒNG CÔ HẦU,

Núi ấy là gọi núi NÚI HOÀNG-ĐẾ.

Sao lại mệnh-danh như thế?

Truyền rằng:

Cồ-Yêm xưa kia là một cánh rừng mênh-mông, ở giữa vun cao vì ngọn núi. Tên rừng gọi là MỘ-ĐIỂU vì ban đêm chim về nghỉ, từng bầy từng lớp, tiếng kêu vang-dậy cả ngàn xa. Người Thượng BÀ-NÀ chiếm-cứ làm địa-sở từ nghìn xưa, người ngoài không dám phạm.

Vị Tù-trưởng BÀ-NÀ sống khoảng hạ bán thế-kỷ thứ 18 có người con gái gả cho NGUYỄN-NHẠC làm thiếp, tục gọi là CÔ HẦU.

Sau khi dụ được người Thượng các sách theo mình. NGUYỄN-NHẠC dùng rừng Mộ-Điểu làm căn-cứ quân-sự. Dinh trại đóng trên núi. Để lấy lương thực nuôi quân, cho phá rừng làm ruộng. Công-việc khai-khẩn, tiếp đến công-việc canh-tác và thu-hoạch đều do CÔ-HẦU đảm-đương.

Khi NGUYỄN-NHẠC lên ngôi Hoàng-Đế ở Đồ-Bàn, CÔ HẦU vẫn ở nhà khai-thác đồng lúa. Do đó đồng mệnh-danh là Đồng CÔ HẦU. Và ngọn núi coi như là nơi phát-tích nhà Tây-Sơn nên được tôn-xưng là núi HOÀNG-ĐẾ.

Khi mới khởi sự, binh-lính của nhà Tây-Sơn phần đông đều là người Thượng.

Những người Thượng mộ được ở vùng An-Khê (An-Túc hiện thời) trước hết đều dồn về căn-cứ Mộ-Điều. tập-luyện trong ít lâu rồi mới đưa xuống núi Ông-Bình, Ông-Nhạc ở dưới đèo An Khê để khép vào hàng-ngũ và huấn-luyện thêm.

Truyền rằng :

Một hôm NGUYỄN HUỆ vâng lệnh anh chỉ-huy một đạo tân-binh từ Mộ-Điều xuống An-Bình. Gần đến chân phía Tây đèo An-Khê thì đạo binh vùng thối lui : Một cặp rắn mun cực-kỳ to-lớn nằm chận giữa đường, cổ cất cao như hai cột nhà cháy và miệng hả to như hai chậu máu tươi. Mọi người đều kinh hồn và cho là 1 điềm-xấu. NGUYỄN HUỆ liền xuống ngựa, chấp tay khấn :

— Nếu anh em chúng tôi có thể dựng được nghiệp lớn thì xin Xà-Thần tránh đường cho quân đi. Bằng mạng-số chúng tôi không ra gì thì xin chỉ cắn chết tôi mà tha cho quân lính được sống về cùng con cùng vợ.

Vừa khấn xong thì cặp rắn quay đầu xuống, song song đi trước dẫn đường cho đạo binh. Tới thôn Thượng-An thì dừng lại. Một con vào bụi rậm ngậm ra một thanh long-đao, cán đen như mun. lưỡi bén như nước. Rồi cả hai ngậm ngang thanh đao, song song bò đến dâng cho Nguyễn-Huệ. Đoạn biến mất.

Thanh đao Nguyễn-Huệ dùng đánh giặc là thanh đao của thần rắn dâng.

Để tỏ lòng tri-ân, Nguyễn-Huệ lập miếu thờ thần rắn tại nơi dâng đao.

Miếu ấy hiện nay vẫn còn và tục gọi là MIẾU XÀ,

Nhưng miếu hiện thời không phải miếu ngày trước. Vì miếu xưa đã lâu đời bị sập đổ. Trong một khoảng thời-gian khá lâu dấu tích đã bị mất hẳn. Nhưng rồi cọp thường ra ngồi rình nơi

sân miếu, hành-khách qua lại bị hao khá nhiều. Để tránh hồ-hoạn, người địa-phương bèn lập lại miếu thờ, hầu mong thần rắn phù-hộ.

Lại có người bảo rằng:

— Miễu Xà là nơi thờ con rắn mà Nguyễn-Nhạc đã chém lấy máu để cờ khi cử lễ xuất binh đánh Chúa Nguyễn.

Con rắn Nguyễn-Nhạc chém đó cũng loại rắn mun.

Chuyện Nguyễn-Nhạc chém rắn lấy máu để cờ thường nghe các phụ-lão ở miệt dưới đèo An-Khê kể.

Chuyện rắn mun dâng long-đao cho Nguyễn-Huệ thường nghe các phụ-lão ở vùng phía Tây đèo An-Khê và những người buôn Thượng kể.

Một bên thì lấy cây Cầy cây Ké ở đèo An-Khê, là nơi Nguyễn-Nhạc tế cờ trước khi xuất binh, và câu «Cây Ké phất cờ, cây Cầy khỉ cỗ» của địa-phương làm bằng.

Một bên thì chỉ «Miễu-Xà» làm chứng.

Chuyện tuy không có sách-vở chép để, song có bằng-chứng rõ-ràng. Ngư vậy tin cũng khó mà không tin cũng khó.

Những câu chuyện huyền-thoại thường đều xây-dựng trên sự thật. Chuyện «chém rắn để cờ», chuyện «rắn thần dâng đao», một là những chuyện có thật, nhưng «có ít xít ra nhiều»; hai là những con rắn thần kia do nhà Tây-Sơn «đẻ ra». Những câu chuyện «Ngọc-Hoàng ban sắc», «Ngọc Hoàng ban ấn kiếm» đã kể ở các mục trước, có thể chứng-minh cho thuyết «rắn do người đẻ».

Mà những bậc đại tài như Tây-Sơn tam kiệt thì chỉ hai bàn tay trắng còn gây được sự-nghiệp nghìn thu, huống hồ chỉ «đẻ» ra những linh-vật.

Và trong khoảng nước non từ Đồng Cô-Hầu Núi Hoàng-Đế đến đèo An-Khê còn nhiều chuyện hư hư thực thực về nhà Tây-Sơn.

Còn non còn nước còn người,
Còn duyên bắt mực còn lời nước non.

nguyên-nhân của ngày GIỖ-TRẬN và lý-do hưng-vong của nhà TÂY-SƠN

TỐ-NAM NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM

Theo tục lệ xưa: ngày giỗ là ngày hệ trọng hơn cả ngày sinh; Bởi vì đối với gia đình thì để ghi nhớ công đức tiên-tổ; đối với quốc gia thì để tưởng niệm các vị anh hùng có công cứu dân cứu nước. Tức như mồng 10 tháng 3 âm lịch là ngày giỗ tổ Hùng-Vương; Mồng 4 tháng 5 ngày giỗ Hai-Bà; 20 tháng 8, ngày giỗ đức Trần Hưng-Đạo; Và giỗ Lê-Lai Lê-Lợi vào ngày 21-22. Đó toàn là ngày giỗ chung của cả nước, và những ngày ấy đều có một nguyên ủy cũng như một ý nghĩa riêng, mà quốc dân ta không ai được phép sao nhãng.

Duy còn cái giỗ vào hôm mồng 5 tháng giêng, đã được mạnh danh là ngày giỗ trận Thoạt nghe cái danh từ đó, chắc rằng ai cũng đoán được là giỗ tướng sĩ trận vong, như Tiền Quân Thành ngày trước đã lập đàn tế và có bài văn bất hủ truyền tụng mãi tới ngày nay.

Nhưng các tướng sĩ được ta tế lễ trong ngày Giỗ trận là những tướng sĩ nước nào? Của vua Quang Trung, hay là của Tôn-Sĩ-Nghị? Thiết tưởng trong khi tế lễ, chúng ta cũng cần biết rõ nguyên nhân...

Vậy nay chúng tôi xin trích một bài văn tế để góp vào phần tài liệu khảo cứu như sau:

Phiên âm

Thanh-Sứ chí Thăng-Long, tế Sầm Nghi-Đống nhất đàn hữu dụ-tế vân:

Tứ phương hồ thỉ; Nam tử sơ tâm.
Vạn lý kiếm cung; Anh hùng chung sự.
Miến hoài văn khánh chi bi; Vĩnh khái như sơn chi tử.

Duy tướng-quân:

Hoa hạ cao tài; Súy khoa kiệt cử.
Chướng lãnh ngoại kim qua lẫm liệt, vĩnh kỳ Ban-tử chi công danh,
La-thành biên hỏa pháo tranh oanh, hốt xúc Phục Ba chi trí lự

Dịch

Sứ nhà Thanh khi sang đến thành Thăng-Long, có bầy một đàn để tế Sầm Nghi-Đống, văn tế như sau:

Bốn phương hồ thỉ; chí cả nam nhi,
Muôn dặm kiếm cung, cuộc đời anh kiệt.
Nghe hồi chuông khánh, nhớ kẻ biên thần,
Cái chết trung kiên, coi tầy non Thái.

Nhớ tướng-quân xưa
Trong nước tột bậc tài ba
Võ khoa nêu cao tên tuổi.

Ngoài Ngũ-Lĩnh (1) dáo vàng, lẫm liệt, chí còn mong sự nghiệp chàng Ban (2)
Bên La-thành (3) đạn lửa tơi bời, trời nỡ đoản cơ mưu họ Mã (4)

---

(1) Ngũ-Lĩnh: Dãy núi chia giới hạn huyện Hợp-phố bên Tàu và quận Giao-Chỉ bên ta.

(2) Ban-Siêu ở đời Đông-Hán, xếp bút nghiên để đầu quân, hàng phục được hơn 50 nước bên Tây-Vực (nay là Mông-Cổ) được phong tước Định-viễn-Hầu.

(3) La-Thành: Thành Đại-La ngày xưa; Nay là Hà-Nội.

(4) Phục,Ba tướng-quân tức là Mã-Viện ở đời Đông-Hán sang đánh hai Bà Trưng bên ta, được phong là Phục-Ba tướng-quân.

Trên đây là bài văn tế Sầm-Nghi-Đống là viên Tri-phủ Điền-Châu, lúc ấy đóng đồn ở Đống-Đa, vì không chịu hàng phục, đã cùng hơn trăm tướng sĩ thắt cổ tự tử, được vua Càn-Long tỏ tình thương xót, nên mới dụ cho vua Quang-Trung phải dựng đền thờ, và sai sứ sang lập đàn tế lễ; rồi sau Hoa-kiều cũng cứ đến ngày mồng 5 tháng giêng thì họ lập đàn tế lễ rộn rịp linh đình như thể đám hội Người Việt-Nam ta nhân dịp xuân mới, thấy lắm trò vui, rủ nhau tới xem, rồi cũng dự lễ. Nhưng không hiểu tại sao, lễ Giỗ trận đó lại đặt ở đền Trung-Liệt là ngôi đền được dựng từ đời Lê-Hy-Tôn (1680-1705), tức là đền thờ 3 cha con Quan-Công đời Hán, và các công thần tử tiết nhà Lê như ông Lê-Lai v.v... cũng được thờ chung trong đó. (Xem bộ *Đại-Nam Nhất-Thống-Chí*, mục từ miếu của tỉnh Hà-Nội). Bởi thế nên tiếng gọi là ngày Giỗ-trận mà kỳ thực là để tế các vị thần được thờ ở trong đền; thành ra trái với ý nghĩa của ngày giỗ lịch-sử, và nó cũng không giống như ngày tế trận-vong tướng-sĩ của Tiền-Quân-Thành.

Đài vinh-quang, ai xây nền móng?

Ai cũng nhận thấy sở dĩ có ngày Giỗ-trận là để kỷ niệm chiến công oanh liệt của vua Quang-Trung Nhưng cái đài chiến thắng vinh quang mà vua Quang-Trung đã từng ngự trị trên đó thì ai là người đã đặt viên đá đầu tiên để xây nên nó? Chắc hẳn ai cũng nhận thấy là do bàn tay của Vương-huynh Nguyễn-Nhạc.

Bởi vì gia đình họ Nguyễn Tây-Sơn có 3 anh em, Nguyễn Văn-Nhạc là anh cả, em là Văn-Huệ, và Văn-Lữ. Xét trong bộ sử *Hậu-Lê Toản-yếu*, và *Hoàng-Lê Nhất-Thống-Chí* v. v... đều chép rõ là quê ở tỉnh Nghệ-An vào khoảng niên hiệu Dương-Đức triều Lê Gia-Tôn (1672-74) quân của chúa Nguyễn ra đánh Nghệ-An, chiếm cứ 7 huyện ở vùng Nam-Hà, bắt dân về nam cho ở tại quận Tây-Sơn, thì trong số dân bị bắt di cư có cả tổ tiên anh em ông Nhạc Nhạc vốn nhà giàu bỏ tiền ra mua được chức Biện-lại ở ải Vân-Đồn, nên mới gọi là Biện-Nhạc. Nhạc là người hào phóng, lại có máu mê cờ bạc, đánh thua hết cả tiền thuế của đồn (?) rồi trốn vào trong thung lũng chiêu tập thủ hạ được vài trăm người, thường đi cướp

phá các nơi, quan quân ở các địa phương đều phải kiêng nể, thành ra thế lực mỗi ngày một to, nghiễm nhiên là một đại vương ở trên sơn trại!

Nhưng Đại-Vương của trại Tây-Sơn đây là người có chí tranh bá đồ vương, không giống như đại vương của bọn thảo-khấu ở Lương-Sơn-bạc chẳng hạn!

Bởi vì Ông Nhạc: về phần nhân sự, ông đã tự tin tài sức của mình Nhất là tin ở người em có hai con mắt như hai luồng điện! Tiếng nói xoang xoảng như tiếng chuông đồng! trí dũng có thừa mà lại thiện chiến. Tức là ông Nguyễn Văn-Huệ; Còn Nguyễn-Văn-Lữ, thì không bằng hai anh; nhưng cũng là một cánh tay trái đáng tin cậy. Vì thế nên sau cái ngày dùng mẹo tự trói mình ở trong cũi để cho thủ hạ khiêng đi nộp quan, rồi đương đêm tháo cũi xông ra cướp thành! Thì chẳng những nhân dân trong vùng khiếp phục mưu cao và gan dạ! Mà cả đến bọn tướng giặc hung ác ở bên nhà Thanh chạy sang, như tên Tập-Đình và tên Lý-Tài, bấy lâu chúng đã làm mưa làm gió trong hạt Quảng-Nam, ngày nay cũng phải khuất phục dưới cờ của chúa Tây-Sơn (cứ trong lịch-sử và cuốn *Nguyễn-Thị Tây-Sơn* chép: Quân của Tập-Đình lấy danh là Trung-Nghĩa, quân của Lý-Tài danh là Hòa-Nghĩa, mỗi khi ra trận chúng cho uống rượu thiệt say, tên nào cũng cởi trần trùng trục, và buộc cuộn giấy vàng mã vào mình để tỏ ý liều chết! nhân dân trông thấy đều sợ hết hồn) Lúc ấy chúa Nguyễn ở *Quảng-Nam* tức là Nguyễn-Thuần vì tuổi còn nhỏ, triều chính do tay gian thần là Trương-phúc-Loan nắm hết, làm cho thế nước ngày một suy vi; Chúa Trịnh thừa cơ sai Quận Việp tức Hoàng Ngũ-Phúc vào đánh chiếm Thuận-Hóa, ông Nhạc thấy sức chưa thể chống nổi, sai sứ đến xin làm nước nội thuộc để đánh chúa Nguyễn. Và biểu dương chiến công của ông Huệ, được Quận Việp chấp thuận phong cho ông Nhạc chức Tây-Sơn Trưởng hiệu với tước Cung-Quốc Công để trấn thủ Quảng-Nam; và ông Huệ được phong chức Tây-Sơn hiệu Tiền-phong tướng-quân. Từ đấy con chim đại-bằng có đủ lông cánh để tuông mây! Mà

người anh đáng kính đáng sợ cũng không thể đem sợi dây bảo thủ ra để mà kìm hãm được nữa!

Hai là về phần thiên mạng: ông Nhạc tin là mình có mả phát đế vương? đúng với kiểu đất của Hoàng-Phúc đã đoán « Hổ-tự Tây-Sơn xuất, Long tòng Đông-Hải lai » (Cọp tự Tây-Sơn nhẩy ra, rồng tự Đông-Hải bay đến) và câu « Chính-Đại chi hổ-đầu đới kiếm, võ tướng khai cơ » (Kiểu đất đầu cọp đội gươm, sẽ phát võ-tướng mở ra cơ đồ)? Rồi ông lại thường mơ thấy mình cưỡi trên lưng rồng vàng? Ông tin rằng điềm trời báo trước cho biết, nên khi được làm Trấn-thủ Quảng-Nam, ông đã chế tạo ra chiếc long-ngai, chọn ngày tức vị, xưng hiệu là Thiên-Vương (thấy chép trong hồi thứ 9, bộ *Hoàng-Lê Nhất-Thống-Chí*).

Vẫn biết người anh hùng xuất thế, không mê tín thần-thoại dị đoan? Nhưng theo quan niệm của đông phương ta từ trước tới nay, đối với thuyết mạng trời và mạch đất, thì nó vẫn được coi là môn học huyền bí, chỉ riêng những người trí tuệ cao siêu như cụ Trạng-Trình, hay cụ Tả-Ao thì mới nhận xét ra được. Tức như cụ Bảng nhỡn Lê-Quí-Đôn là bậc học rộng tài cao tuyệt thế; nên khi cụ được chúa Trịnh đặc phái vào nam giúp Hoàng-Ngũ-Phúc đánh chiếm Thuận-Hóa, Quảng-Nam; nhân cuộc đi kinh lý vùng đất Tây-Sơn, cụ đã nhận thấy vượng khí non sông vùng ấy một cách chắc chắn như thế nào? Nên khi trở về ngoài bắc, cụ đã trình bẩy với Chúa Trịnh 8 chữ sau đây « Thập nhị niên cường, kỳ cường mạc đương » (Nghĩa là: 12 năm sau thì cường thịnh, cường thịnh không ai đương nổi)? Rồi cụ đề nghị, nên phải tìm kế dẹp đi, càng sớm càng tốt; Nhưng Chúa Trịnh-Sâm cho là lời bàn vu khoát? Chẳng những không tin, lại còn sai sứ mang sắc ấn vào phong cho anh em Tây-Sơn, và lại ban thêm 1 thanh kiếm vàng, 1 cái chiêng vàng để tỏ tấm lòng tin cậy. (Đoạn này rút trong bộ *Bình-Nam Thực-Lục* quyển II, trang 20a). Thế là ông Nhạc đỡ được mối lo miền bắc; có thể rảnh tay tìm kế thôn tính miền nam; và đã đặt móng xây cái lâu đài xán lạn để cho ông Huệ tiến tới vậy.

Ai đã vạch ra con đường tất thắng?

Cọp ở Tây-Sơn đã xuất đầu lộ diện, anh em đương lúc lo toan con đường tiến thủ; Bỗng đâu lại thấy rồng ở đông-hải bay vô! Nguyễn-hữu-Chỉnh tự Nghệ-An chạy vào! Chỉnh có phải là con rồng ở Đông-hải đó chăng? Ví với con rồng thì hơi quá đáng; Nhưng sau khi cái nhân vật kỳ khôi ấy vào, nó sẽ mở đường cho bao việc kinh thiên động địa của vị anh hùng áo vải Tây-Sơn! Vậy dưới đây tôi hãy xin lược thuật về thân thế của nhân vật ấy, để bạn đọc thưởng thức... Nguyễn-hữu-Chỉnh người làng Chân-phúc, huyện Đông-Hải tỉnh Nghệ-An. Cha là một tay phú thương, vào làm môn hạ cho Quận Việp để tựa thế lực Chỉnh lúc còn nhỏ đã nổi tiếng thông minh, 16 tuổi thi đậu hương-giải (cử nhân), lại sở trường về quốc âm, và rất hâm mộ sự nghiệp của Phần-dương (Quách-Tử-Nghi đời nhà Đường), nên có soạn ra bài phú Quách-lạnh-Công bằng quốc âm để gửi tâm sự của mình. Bài này được coi là áng văn chương kiệt tác. Một cậu cử hay chữ nhiều tiền, tính lại hào hiệp, trong nhà lúc nào cũng có khách rượu làng thơ, nuôi sẵn ca nhi vũ nữ để phả những tác phẩm vào đàn. Quả là một người phong lưu bậc nhất ở kinh thành Thăng-Long hồi đó.

Văn tài đã thế, võ nghệ cũng khá tinh thông; mấy lần ra thi Tạo-sĩ (cử võ) không đỗ, lại theo gót cha vào làm gia thần quận Việp, lúc đi bình nam, quận Việp thường trao cho sứ-mạng vào Tây-Sơn, ban đầu đã được anh em ông Nhạc chú ý. Rồi sau khi Quận-Việp chết, Chỉnh lại được con nuôi Quận-Việp là Hoàng-phùng-Cơ tức quận Huy đón vào Nghệ-An giúp việc quân cơ. Được dịp thi thố tài năng. Chỉnh bèn tổ chức một đoàn thuyền chiến ra công huấn luyện thủy thủ, trong thời gian ngắn quét sạch bọn giặc Tàu-Ô; Nên chúng đã phải tặng ông một cái danh hiệu « Diêu-điểu » (Diều hâu, cú vọ) ở bể đông!

Tục truyền nhà ông Chỉnh có ngôi mộ tổ ở núi Côn-Bằng đúng với kiểu đất của Cao-Biền đã dự đoán: Thiên vạn long phi thiên vạn hổ, xưng bá xưng vương giai hợp số (Ngàn vạn rồng bay ngàn vạn hổ, xưng bá xưng vương đều hợp số). Vì thế nên sau ông mới lấy hiệu là Bằng-lãnh-hầu.

Trong thời gian ấy, ở ngoài Bắc-hà có loạn Kiêu-binh, anh em quận Huy bị chúng giết cả! Chỉnh được tin ấy, sợ có liên lụy đến mình, bèn đem vợ xuống thuyền vượt bể lánh vào Tây-Sơn; anh em ông Nhạc thấy Chỉnh, mừng rỡ như bắt được vàng! Chỉnh cũng ra sức thi thố tài năng, để đáp lại lòng tri kỷ: khuyên Nhạc nên thừa cơ hội đánh chiếm Phú-Xuân.

Về phần Nguyễn-Nhạc từ trước vẫn nuôi cái hy vọng đó, chỉ vì chưa đủ thế lực, chưa dám thực hành. Ngày nay được Chỉnh phác họa cho một chương trình có thể mở rộng phạm vi thế lực, lẽ nào lại chịu bỏ qua; Bèn cho Cống-Chỉnh giữ chức Hữu-quân, và Võ văn-Nhiệm giữ chức Tả-quân, đều đặt dưới quyền tiết chế của Nguyễn văn-Bình (tức ông Huệ); Trước khi xuất quân Chỉnh đã ngầm sai một người thầy tướng bên Tầu vào coi tướng số cho viên Trấn thủ Thuận-Hóa là Tạo Quận-Công, bảo ông lập đàn cúng tế suốt 7 đêm ngày thì sẽ được nhiều phúc lộc? Chẳng ngờ đến đêm thứ 7 trong lúc tiếng chuông tiếng mõ đương dòn, thì bỗng được tin quân của Tây-Sơn đã chiếm Ái-Vân! Quận Tạo vội chạy về dinh sai đóng cửa thành định cố thủ, thì lại bị Chỉnh dùng mẹo li gián, xui nên tướng tá bất hòa, Quận Tạo đành phải trói mình ngồi trong tù xa để xin hàng phục!!!

Chiếm xong Thuận-Hóa (Phú-Xuân), Chỉnh lại nêu lên danh nghĩa « Diệt Trịnh phù Lê », đưa Bắc-bình-Vương ra đánh Bắc-Hà; sau khi diệt được họ Trịnh, Chỉnh đứng làm mai xin Lê Hiển-Tôn gả Ngọc-Hân Công-Chúa cho Bắc-bình-Vương, lễ nghinh hôn vừa cử hành xong thì vua Hiển-Tôn băng-hà; và Chúa Tây-Sơn vì sợ Bắc-bình đi quá táo bạo, vội kéo binh ra, trao trả nước lại cho Lê Chiêu-Thống rồi kéo về nam, định tâm bỏ rơi Cống-Chỉnh để cho nhân dân Bắc-Hà làm thịt; Nhưng Chỉnh theo kịp, hai ông đành để cho Chỉnh ở lại Nghệ-An, rồi sau mấy tháng thì vua Chiêu-Thống lại bị tôi cũ họ Trịnh lấn áp hơn xưa, nên phải cho người vào triệu Cống-Chỉnh ra giúp

Được cơ hội tốt, Chỉnh lại kéo quân ra bắc, diệt xong vây cánh họ Trịnh (Trịnh Bồng được phong là Án-đô-Vương), được vua

Chiêu-Thống phong chức Bình-Chương-quản-quốc; coi như một bức trường thành

Quyền hành trong nước nắm trọn cả rồi, vì muốn thực hành giấc mộng xưng đế xưng vương, Chỉnh lại nghiễm nhiên ở ngay trong dinh chúa Trịnh! Và con thì cũng cầm đầu dinh Võ-thanh Quân, còn hơn địa vị của thế-tử họ Trịnh ngày trước!

Giữa lúc Chỉnh đương sửa soạn để bắt ức vua phải chính thức phong vương cho mình, thì tiếp được tin Tây Sơn có cuộc nội da xáo thịt. Muốn thừa dịp tốt đòi lại Nghệ-An làm nơi căn bản, Chỉnh bèn tâu với vua Lê Chiêu-Thống sai Sứ đoàn Trần-công-Xán đem quốc thư vào. Chẳng ngờ khi Sứ đoàn vào đến Nghệ-An, thì cuộc nội biến ấy đã dàn xếp xong, Bắc-Bình vương đã giải vây cho Hoàng-đế thành (Thành Đồ-Bàn của vua Thái-Đức Nguyễn-văn-Nhạc) trở về Phú-Xuân; sứ đoàn Công-Xán chẳng những không đòi lại được trấn Nghệ, mà khi trở về lại bị chết oan ở dưới đáy bể; Rồi Võ-văn-Nhiệm được lệnh của Bắc-Bình-Vương đem quân ra ngay, khiến cho Cống-Chỉnh chẳng kịp đề phòng, vội vã đem vua Chiêu-Thống chạy lên mạn bắc, chỉ sau một trận giao chiến ở huyện Yên-Thế, thì con bị chết, Chỉnh bị bắt về xé xác ở Thăng-Long! Thế là kết cục một đời gian hùng tuyệt thế.

Trên đây chỉ xin lược thuật những điểm chính để tỏ ra Cống-Chỉnh là kẻ dọn đường để người anh hùng áo vải bước lên võ-đài mà thôi; Còn như nói về chi tiết thì ta ghi chép đến hàng trăm trang, cũng vẫn chưa đủ.

Nguyên nhân sự sụp đổ.

Nói về nguyên nhân sự sụp đổ của triều đại Tây-Sơn thì ai chẳng kết luận vì sự chia rẽ trầm trọng tự trong gia đình để gây nên cảnh nồi-da là cảnh thương tâm, chẳng những chỉ hại riêng cho họ Nguyễn Tây-sơn, và nó còn có ảnh hưởng bất hạnh cho cả quốc gia dân tộc!

Vậy sự chia rẽ ấy tự đâu mà có? Có phải vì số vàng bạc châu báu tịch thâu được của nhà Trịnh mà Bắc-Bình-Vương nắm cả, không chịu chia cho Thái Đức đó chăng? Điều đó chưa chắc đã đúng? Bởi vì lúc ấy Bắc-Bình-Vương không hề động chạm đến kho tàng nhà Lê; còn của chúa Trịnh thì đã có đủ thì giờ chuyển

đi nơi khác. Và của các vị triều thần cùng tư gia, thì bọn kiêu binh đã cướp cả mất rồi, phỏng có thu được cũng chẳng còn bao? Há nhẽ hai ông là bậc anh hùng khoáng đạt, lại vì câu chuyện nhỏ nhen để đi đến chỗ cốt nhục tương tàn?

Theo chỗ chúng tôi nhận xét, thì nhà chép sử về sau, kể cả cuốn *Nguyễn-Thị Tây-Sơn-Ký*, đối với triều đại Tây-Sơn, hoặc giả có mối tư thù? hoặc giả phải theo mạnh lạnh nào đó để nêu cai xấu của vị anh hùng? Chẳng những thế mà thôi, họ lại còn bảo ông Nhạc hoang dâm với cả vợ con ông Huệ? v.v. toàn là những câu bịa đặt vô lý?

Sự thực thì ông Nhạc là người biết tài ông Huệ hơn ai hết. Thử coi những lời ông đã nói với ông Huệ trong lúc hai người hai ngựa cùng tiến vào thành Thăng-Long: Sở dĩ ngô huynh ra đây là để giúp sức cho đệ, sợ có sự gì bất trắc xảy ra. Vì huynh biết rõ cái tài chém tướng đoạt cờ, thủ thắng ở ngoài muôn dặm, thì chú hơn anh; Nhưng còn ngồi ở triều đình, xếp đặt bá quan, thì anh hơn chú v.v.

Về phần ông Huệ, lúc nào cũng giữ một niềm kính trọng đối với ông anh. Thử coi khi ở Phú-Xuân, vì e bỏ lỡ cơ hội, cần phải xuất binh một cách thần tốc, thì cũng viết thư về để trình bày, và xin hoàng huynh tha lỗi.

Đến khi ông Nhạc tiến ra Thăng-Long, thì chính ông Huệ phải đem tướng tá ra tận ngoài thành đón rước, và sai sửa soạn trang hoàng dinh mình đương đóng, hệt như một chốn hoàng cung, để cho anh ở; còn mình thì ở dinh thự bên ngoài, rồi đem ấn tín binh quyền nộp lại cho anh, và dẫn công chúa Ngọc-Hân ra chào, ông Nhạc tỏ ý hài lòng, gật đầu lia lịa, ừ, em Tây-Sơn Vương làm rể Nam-Quốc đế, thực là hộ đối môn đương; Rồi lại quay sang nói với công-chúa: Quí nhân thực không hổ thẹn là em dâu ta, vậy biết lấy chi để mừng chú thím?

Coi đó ta thấy, một người lúc nào cũng giữ đứng mực đàn anh, để cho em phải kính trọng; Chỉ vì sau khi trả nước lại cho Lê-hoàng để rút về nam, thì Bắc-Bình Vương ở lại Thuận-Hóa mà Thái-Đức thì ở Đồ-Bàn, vì xa cách nhau, để cho kẻ thù nhòm thấy kẽ hở, tìm cách li gián, đào nên cái hố chia rẽ sâu xa, khiến cho thế nước ngày một suy yếu, sớm đi đến chỗ diệt vong.

Nhưng dù sao thì người đặt móng tự trước cho đài vinh quang cũng chính là tay ông Nhạc; Rồi khi ra bắc đối với Lê-hoàng và các triều thần ông lại tỏ ra người có độ lượng quân tử, gây bao ấn tượng tốt đẹp đối với thân sĩ Bắc-hà, cho nên nhiều người đem lòng kính mến như bọn Ngô-Nhậm và cánh họ Phan họ Đặng đã đem tài trí giúp vua Quang-Trung đánh cho Sĩ-Nghị mảnh giáp không còn!

Như vậy thì trận thắng oanh liệt về sau, biết đâu lại chẳng vì có ảnh hưởng tốt đẹp của vua Thái-Đức đã gây từ trước???

Vậy nay gặp ngày Giỗ-trận, chúng ta kỷ niệm chiến thắng Đống-Đa của vị anh hùng áo vải dân tộc, lẽ nào chúng ta lại không nhắc nhở đến vị anh hùng tuy không dự trận mà vẫn có công rất lớn tức là Thái-Đức vương-huynh.

TÔ-NAM: NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM

Cung Chúc Tân Xuân

CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

Công-Ty nặc-danh vốn 175 triệu bạc VN.

Trụ-sở: 34, 35 bến Vân-Đồn, KHÁNH-HỘI Sài gòn

Điện-thoại: 24.454, 24.455, 20.141

Hộp thơ 286

☆

— Nhà Máy Đường và Rượu tại HIỆP-HÒA (Tỉnh HẬU-NGHĨA)
— Nhà Máy Đường và Rượu tại KHU KỸ-NGHE BIÊN-HÒA.
— Nhà Máy Lọc Đường tại KHÁNH-HỘI SAIGON

CHUYÊN SẢN-XUẤT:

— *Đường cát trắng tinh, trắng ngà.*
— *Đường miếng đóng hộp 1 kilô, tinh khiết.*
— *Rượu luyện tinh, bán luyện tinh, rượu đốt.*

Và hai SẢN-PHẨM ĐẶC-BIỆT

★ Rượu mạnh «RUM VIEUX HIỆP-HÒA» để lâu trên 3 năm trong những thùng bằng cây «Chêne» theo đúng tiêu-chuẩn Âu-châu, dành riêng cho người sành điệu.

★ Rượu khai-vị có chất Quinquina «APERITIF HIỆP-HÒA» chế bằng rượu vang và chất Quinquina nhập-cảng thẳng tại Âu-châu, dành cho các Bà và đãi khách tao-nhã.

một vài phương-thuật để nghiên-cứu về

TÂY SƠN

HỒ HỮU-TƯỜNG

Năm nay, đối với lễ kỷ niệm chiến thắng Đống Đa Mậu Thân, tôi có đề nghị với Ủy ban Quản Trị Điện Thờ Tây Sơn nên tổ chức một cuộc du khảo tập thể. Với một giá rất bình dân, là 5.000 đ., gồm một vé tàu bay khứ hồi Sài-Gòn Qui Nhơn, một vé xe đò khứ hồi Qui Nhơn Bình Khê, hai bữa điểm tâm và bốn bữa ăn, hai đêm ngủ và xem đủ các trò chơi bình dân (và nếu ngân sách điện được dồi dào, thì có thể xem đốt pháo bông cổ truyền và rất ngoạn mục), những vị du khảo tha hồ mà thưởng thức NHẠC VÕ TÂY SƠN. Tôi có đề nghị như thế, trước là tưởng đến các vị giáo sư sử địa trẻ, sau khi đã học phương pháp sử học ở nhà trường cần phải được một vài phương thuật khác để nghiên cứu về Tây Sơn (1).

Tôi trộm nghĩ rằng nghiên cứu về Tây Sơn, mà chỉ căn cứ vào cái phương pháp tờ a, tờ b và sự suy luận, thì sẽ đem lại không biết bao nhiêu thố ngộ. Những học giả trước đây, phần đông là người đàng ngoài, thấy anh em Tây Sơn có ba, Nguyễn Huệ được tục gọi là «chú ba Thơm», nên suy luận theo phong tục ngoài Bắc, rằng NHẠC là anh cả, LỮ là anh thứ hai, rồi HUỆ là em thứ ba. Đến Bình Khê, thấm nhuần phong tục của vùng nầy, trong gia đình không có ngôi «anh cả» như ngoài Bắc, mà

(1) Nếu nhóm Sử Địa vận động được khỏi trả tiền máy bay cho mình, thì mỗi vị du khảo sẽ được trừ 2.800 đ, tức là chỉ còn phải trả 2.200 đ. mà thôi.

chỉ có «anh hai» như trong Nam, thêm dựa vào *dân thoại*, nghe người địa phương nhắc: «Ông Hai Trầu (Nhạc), chú Ba Thơm, thầy Tư Lữ», và thấy trên bia trước điện Tây Sơn có khắc rõ ràng em của Quang Trung là Lữ, thì các giáo sư trẻ mới hay rằng bấy lâu nay mình đã học sai, và đem cái sai mà dạy nhồi sọ trẻ em.

Cũng phải đến tận Bình Khê, mới hiểu được tại sao Nhạc được dân chúng gọi là Ông Hai Trầu, Lữ được gọi là *thầy*, do đâu mà cuộc khởi nghĩa có sức mạnh ngay từ vừa khởi lên, và nhất là việc các sách chép rằng «bởi Biện Nhạc đánh bạc thua hết công quỉ, nên trốn lên núi mà dậy giặc» là một việc hoàn toàn sai lầm. Một người quan lại tham nhũng, thua bạc hết tiền công quĩ, đứng lên hô hào dậy giặc, hỏi có ai dám tin theo mà liều sanh tử?

Từ chỗ nhà của ba anh em, trầu đã được tải bằng đường bộ, đến một bến nước trên sông Côn (nay dấu vết của bến nầy hãy còn, và nên đặt một bia đá để làm kỷ niệm lịch sử), ông Hồ Phi Phúc, từ thôn Phú Lạc dời đến ấp Kiên Mỹ, xã Bình Thành, đã sống với cái nghề buôn trầu lên Thượng du. Gia đình là gia đình một nhà nông, nhưng trong năm, làm ruộng không bao nhiêu ngày, còn cả nhà sống bằng nghề buôn bán. Và nhờ buôn trầu, mà Nhạc trở nên một lái Trầu giàu có. Tục danh ông Hai Trầu do cái nghề buôn bán nầy mà xuất hiện. Và cũng nhờ buôn bán với đồng bào Thượng du, mà sau nầy, cần chinh phục những người nầy theo đạo Bà La Môn, Lữ mới «xuất gia», tự xưng là Ma Ni giáo chủ, để đem cây cờ nền đỏ tròng mặt Trời vàng để thuyết phục họ. Lúc ấy, họ thờ Thần Lửa. Ma Ni giáo chủ ta đem mặt Trời lên mà thuyết phục cho họ hiểu rằng mặt Trời là nguồn gốc của mọi sức nóng và có trước lửa, thì các anh em Thượng nên qui phục. Vì đó mà Lữ được gọi là Thầy, được sách chép là «xuất gia». Nhưng xuất gia để làm Ma Ni giáo chủ, chớ không phải cạo đầu mặc áo cà sa để làm một vị tăng của đạo Phật. Một lần nữa, các giáo sư trẻ tập dè dặt trước khi suy luận.

«Việc cờ bạc» của Nhạc, tuy là không có, nhưng cũng «có». Nhờ buôn trầu mà giàu có, Nhạc được tuyển coi kho thóc của nhà nước. Nền của kho ấy, một vài bô lão còn chỉ được cho ta biết. Nhờ giàu mà được chọn, nhưng chính là Nhạc cũng muốn. Thuở xưa, thuế đóng không bằng tiền, mà bằng thóc. Chính là Nhạc muốn lấy số thóc trong kho ấy, và có lẽ đã vận động để được làm biện. Tức là người thơ ký coi sổ sách ra vào của thóc mà thôi. Và khi vào được tổ chức rồi, Nhạc mới tổ chức tất cả nhân viên, gánh thóc lên núi để chuẩn bị quân lương. Ý muốn khởi nghĩa đã phát xuất từ lâu, trước việc «thua bạc» chớ không phải là hậu quả của sự «thua bạc». Các bô lão có thể chỉ cho các giáo sư trẻ thấy thóc đã gánh lên núi theo con đường nào, và luôn dịp, chỉ cho thấy chỗ tập luyện quân, là gò Cắt Cu. Cuộc âm mưu chuẩn bị khởi nghĩa kéo dài ít nữa cũng vài năm. Nhưng, một hôm, có người trong tổ chức phản bội, mật báo cho nhà cầm quyền ở Qui Nhơn lên vây bắt. Cũng may, tổ chức hay kịp. Nhưng mà tổ chức thoát thân và cứu hết tất cả gia đình của mọi người không kịp (thuở xưa, nếu có đủ bằng chứng rằng có âm mưu phản nghịch, thì các bị can đều bị xử tru di tam tộc). Trong cơn lúng túng, mọi người không biết tính làm sao, thì Nhạc túc trí đa mưu, bắt quách tên phản bội mà giết «để tế cờ», một mình thoát chạy lên núi, và để lại cho các đồng chí cái kế hoạch «thua bạc». Khi quan quyền từ Qui Nhơn đến điều tra thì tất cả đều khai giống nhau rằng không hề có việc «âm mưu khởi nghĩa». Chỉ có việc Nhạc và tên tố cáo toa rập nhau mà bán hết thóc, đánh bạc, cả hai thua hết. Tên tố cáo vì muốn chạy tội, vu cáo là có âm mưu. Còn Nhạc, thì sợ tội, nên đã giết tên ấy và trốn lên núi một mình. Tên nhân chứng đã chết, tất cả đồng lõa khai láo, quan quyền chấp nhận cái huyền thoại Nhạc thua bạc. Và huyền thoại nầy đi vào lịch sử, cho các em mài trốn ở tiểu học mòn đáy quần mà đồng thời óc cũng bị nhồi bằng một việc không có.

Nhờ nói láo, mà bao nhiêu người được khỏi tội tru di tam tộc. Ai cũng cảm ơn Nhạc, ai cũng phục Nhạc túc trí đa mưu.

Và nghĩ rằng, không lâu nữa, quan quyền cũng biết sự thật, nên cả thảy đều dọn gia đình lên núi, theo Nhạc hết. Thế là, nhờ cái huyền thoại « thua bạc », mà không mấy hôm, uy tín của Nhạc vang lừng, được tôn lên làm « minh chủ » của cuộc khởi nghĩa. Dễ gì một điếm cờ bạc thua hết tiền kho, mà phất cờ khởi nghĩa lại được muôn người hưởng ứng? Thua bạc? Không mà có, có mà không. Các giáo sư sử địa, và ngay đến những nhà cách mạng sẽ học rất nhiều nơi việc thua bạc của Nhạc. Nhờ « thua bạc » mà đi vào được trong lịch sử, thật là một đề tài hấp dẫn cho một kịch bản làm sống lại giai đoạn lịch sử nầy. Thua bạc, hằng năm không biết bao nhiêu triệu người thua bạc trên dãy đất nầy, hỏi có mấy ai thua bạc mà khai mào nổi một cuộc khởi nghĩa đã đem lại cho dân tộc những trang sử oai hùng?

Du khách, năm nay đến viếng Bình Khê, sẽ được xem đánh NHẠC VÕ TÂY SƠN. Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, nhơn ngày lễ sanh nhựt Quang Trung, mồng năm tháng năm, chưa được chứng kiến trò nầy, mặc dầu cũng có người đập trống. Ngày ấy, cựu tỉnh trưởng làm thế nào không biết, mà chính là nghệ sĩ NGUYỄN PHONG không được lọt vô vòng rào. Nên chi, đến mục Nhạc Võ Tây Sơn, ban tổ chức đành đem một anh đập trống lấy lệ (1).

Nếu nghiên cứu sử Tây Sơn, theo phương pháp tờ a tờ b, đến đoạn quân Tây Sơn đánh hai đồn Hà Hồi và Ngọc Hồi trong đêm tối, mà thấy chép quân nhà Thanh chỉ nghe tiếng trống tiếng loa và tiếng hò reo của đạo quân Ó, thì hàng đầu ngay, thì các nhà viết sử rất ngạc nhiên sao lại có chuyện nhát gan như vậy. Bị tờ a, tờ b đã ghi, thì đành chép vào, chớ sử gia ta chỉ cho khỏi băn khoăn? Nhưng nếu đến được Bình Khê mà dự lễ Đống Đa Mậu Thân, thấy và nghe đánh nhạc võ Tây Sơn, thì ắt là chẳng còn băn khoăn chi nữa.

---

(1) Để sửa sai cái ấn tượng, chúng tôi có tổ chức một phiên nhạc võ tại trường QGÂN.

Phải đến Bình Khê. Bởi vì phép đánh trống nầy, trước đây chỉ có một người giữ lại được. Người ấy là *Ông Tám Ngang*. Ông biết nghệ thuật nầy, nhưng cũng như ông cha đã căn dặn, luôn luôn dấu. Dấu vì ở dưới triều Nguyễn, mà nhạc võ nầy là bí truyền của Tây Sơn, lỡ mà để thiên hạ biết rằng mình giữ được bí truyền, ấy là tỏ dạ trung thành với Tây Sơn thì tất nhiên không sao tránh được việc bị nặng tội. Mãi đến khi có kháng chiến, triều Nguyễn đã dứt, sự sợ sệt không còn, thì ông Tám Ngang mới đem nghệ thuật quốc bảo nầy mà dạy lại cho hai đứa con trai và một đứa học trò. Một trai của ông sớm chết. Khi đình chiến, đứa thứ hai bị đem ra Bắc cùng một lượt với cậu học trò. Bởi vì Việt Minh gom hết tinh hoa của dân tộc mà đem về ngoài ấy cả. Cũng may là cậu học trò với trăm mưu ngàn kế, lướt không biết bao nhiêu hiểm nguy, thoát được mà ở lại miền Nam. Nhờ vậy mà nghệ thuật đánh trống, tục gọi là nhạc võ Tây Sơn được một người miền Bắc và một người miền Nam còn biết. Và người miền Nam nầy hiện nay còn ở Bình Định tuổi gần năm mươi (1), tên là Nguyễn Phong. Bấy lâu nay, vì sanh kế mà ông quên lửng việc bảo tồn nghệ thuật thuần túy dân tộc nầy. Nhưng nếu chánh phủ thiết tha đến sự bảo tồn nầy, mở một lớp đánh nhạc võ Tây Sơn tại trường Quốc Gia Âm

---

(1) Rủi mà vị nầy qua đời, chưa truyền được nghệ thuật cho ai, thì nghệ thuật «quốc bảo» nầy chắc chắn là sẽ thất truyền. Bởi nghĩ vậy, nên Hội Văn Hóa Bình Dân đã phối hợp với Hội Đức Trí Thể Dục mà tổ chức một buổi đập trống tại trường Quốc Gia âm nhạc để trình bày trước giới hữu trách và các tùy viên văn hóa nước bạn. Với hy vọng trường Quốc Gia âm nhạc tổ chức một lớp nhạc võ Tây Sơn. Ai cũng khen hay. Nhưng lớp vẫn chưa ai nhắc đến. Dám mong tất cả ai thiết tha với Văn hóa dân tộc hãy nhắc khéo các giới hữu trách làm thế nào bảo tồn được nghệ thuật đặc biệt dân tộc nầy. Chúng tôi tin rằng nếu có một phái đoàn văn hóa đem trình diễn nhạc võ Tây Sơn khắp nơi, thì khắp nơi sẽ được hoan nghinh đặc biệt, và danh từ cũ «mang chuông đi đánh xứ người» sẽ được thay bằng danh từ «mang trống đi đánh xứ người!».

Nhạc, thì ông cũng sẵn sàng phụng sự theo cương vị và khả năng của mình.

Gọi là nhạc võ, điều ấy ai có xem qua một lượt, thảy đều nhìn nhận như vậy. Nhạc sĩ không chỉ là nhạc sĩ, mà phải thêm là một võ sĩ. Cứ chỉ đập trống, đánh bằng dùi, bằng bàn tay, bằng cùi chỏ, bằng ngón tay, bằng nắm tay và khi đến bực siêu đẳng, thì cả đầu, cả hai gót, cả hai cái thúc trên năm cái trống đặt sau lưng, các bộ múa, rõ ràng là một võ sĩ đang múa một đường quyền. Điệu nhạc lại hùng hồn, thôi thúc. Nhịp càng phút càng nhặt, sự hùng dũng không sao tả được.

Đặc biệt là nhạc khí chánh yếu là bộ trống tối thiểu mười hai cái (bực siêu đẳng mới sử dụng đến 17 cái, thêm năm cái để sau lưng), lớn nhỏ khác nhau, tiếng trầm bổng theo cung bực của âm nhạc. Thành thử khi trổi nhạc, thì tiếng trống thành một bản nhạc đặc biệt hùng vĩ. Tự nhiên có kèn, có đờn, có chụp chỏa khắc nhịp để dõi theo hầu làm cho ai nấy biết rằng tiếng trống có bài có bản, chớ không phải bạ đâu đập đó.

Bài bản lại toàn là bài bản của quân sự. Xin kê ra đây. Bài KHAI TRƯỜNG mở đầu các cuộc diễn võ trên võ trường, để đánh trong các dịp luyện quân. Bài XUẤT QUÂN, để làm hăng lòng chiến sĩ khi khởi hành để ra trận. Bài THÚC QUÂN để nung nấu lòng chiến sĩ. Bài KHẢI HOÀN để cho chiến sĩ hòa theo mà reo mừng khi thắng trận...

Ta nên nhớ rằng văn minh Việt Nam, theo các nhà khảo cổ khai quật vốn là cái văn minh của «trống đồng». Tổ tiên ta sử dụng cái trống làm nhạc khí dân tộc. Việc ấy đã rõ ràng vài ngàn năm trước đây. Bây giờ, ta biết rằng nhạc võ Tây Sơn dùng một giàn trống, thì quả là theo đúng truyền thống dân tộc.

Trong tăm tối, nghe một giàn nhạc võ trổi lên, người ngoại quốc không khỏi mắc vào một cái lầm vĩ đại. Thường các đạo quân đều có dùng trống để thúc quân. Trống của thiên hạ, chỉ

tung ra một âm bực duy nhất. Nghe một cung bực, thì ta biết ngay là chỉ có một đạo quân mà thôi. Bây giờ ta thử đặt ta vào tâm trạng các lính nhà Thanh trong đồn Hà Hồi. Tăm tối mà nghe đến tiếng trống có đến mười hai âm bực khác nhau, sẽ đoán rằng có đến mười hai đạo quân Tây Sơn đến đánh mình. Một cự lại đến mười hai, cái đồn Hà Hồi của mình làm sao đương cự nổi với « biển người từ Nam tràn lên » ? Giải thích được cái tâm trạng sợ hãi của lính nhà Thanh, ta mới giải thích được do đâu mà quân Tàu không dám đánh, mà hàng đầu ngay....

Các sử gia, mà tạm rời tờ a tờ b, chịu khó đến Bình Khê mà « du khảo », nghe dân thoại, thấy những gì đặc biệt thuộc hoàn cảnh, phong tục, dân khí của người trong vùng, ắt có một ý niệm nào về một phương thuật để nghiên cứu về Tây Sơn. Nghiên cứu mỗi hiện tượng, mỗi địa phương, mỗi phong trào với một phương thuật khế hợp cho mỗi mỗi, thì tôi tin rằng nhóm Chủ Trương Tập San Sử Địa sẽ dựng lên được một *phương pháp nghiên cứu sử Việt Nam.*

HỒ HỮU TƯỜNG

Cung Chúc Tân Xuân

I. M. I. — Saigon.
I. T. A. — Saigon.
Suzuki Motors — Japan.
Toshiba — Japan.

NGÔ - BẢO
58, Pasteur — Saigon

vài tài-liệu mới lạ về
những cuộc Bắc-tiến

CỦA NGUYỄN-HUỆ

ĐẶNG PHƯƠNG-NGHI

Nếu các nguồn sử liệu trong nước về Tây Sơn đã được xuất bản hay khai thác gần hết, thì còn nhiều các nguồn sử liệu ngoại quốc chưa được phát hành. Các nguyên bản đó hiện đang được lưu trữ tại các Nha Văn Khố Âu Châu mà hầu hết là các thư tín trao đổi giữa các Giáo sĩ ngoại quốc. Một số đã được đăng tải hoặc trong bộ « Lettres Édifiantes et Curieuses » của Gia Tô Hội, bộ « Nouvelles lettres Édifiantes et Curieuses » của Hội Truyền Giáo Ba Lê, và A. Launay, Documents historiques sur la mission de Cochinchine, M. E. P, 1925 hoặc trong các Tập San như « Bulletin des Amis du Vieux Huế », « Bulletin de la Société des Études Indochinoises », « Bulletin de l'École française d'Extrême - Orient, Revue de l'Extrême - Orient », « T'oung Pao » Revue Indochinoise... Nhưng còn một số lớn chưa được khai thác hay xuất bản. Tài liệu về Tây Sơn còn nhiều, nhưng trong khuôn khổ của tờ báo kỳ này, chúng tôi chỉ có thể trích một vài bản văn chọn lọc. Hy vọng rằng tài liệu này sẽ góp thêm một chút ánh sáng cho sự hiểu biết về lịch sử Tây Sơn.

Chắc chắn, sự xử dụng loại tài liệu này rất tế nhị vì các Giáo sĩ không tránh khỏi chủ quan, nhưng nhờ nó ta có một ý niệm về dư luận quần chúng và tình trạng xã hội dưới thời Tây Sơn, không kể đến nhiều chi tiết quan trọng về « Các Cuộc Bắc Tiến » của Nguyễn Huệ mà không một tài liệu chính thức nào nói tới.

Những tài liệu trích dịch dưới đây là những trang nhựt ký của Hội Truyền Giáo ở Bắc kỳ, đã chép các việc xảy ra ở Bắc kỳ rồi gửi về Hội Truyền Giáo trung ương ở Paris (Société

des Missions étrangères de Paris). Thời kỳ này Giáo Hội này được điều khiển bởi Đức Giám Mục Davoust (Jean) 1728-1789. Ông đến Bắc kỳ 1753. Đến năm 1759 đi La Mã và Paris, nhưng tới năm 1782 lại trở sang Ma Cao và 1783 trở lại Bắc kỳ. Những trang nhật ký này đang lẽ phải tàng trữ tại thư viện Hội Truyền Giáo Ba Lê nhưng vào thời Cách mạng Pháp (khoảng năm 1792), Hội Truyền Giáo Ba-Lê bị thất lạc nhiều tài liệu, và những trang nhựt ký này không hiểu lý do nào đã sang Nha Văn khố Quốc gia Ba Lê. Chính vì vậy, hầu như đã không có ai biết đến về tài liệu của Hội Truyền Giáo Ba Lê này.

Ngoài ra chúng tôi còn dịch một số bức thư trao đổi giữa các Giáo sĩ của Hội Truyền Giáo Ba Lê.

Vì thời gian quá cấp bách để đúng kỳ hạn của Tập San ấn hành vào dịp Xuân này, chúng tôi đã không thể chú giải kỹ càng như ý muốn.

(tài-liệu lưu-trữ tại NHA VĂN-KHỐ QUỐC-GIA BA-LÊ (Paris, Archives Nationales số F 5; A 22).

[tr 216] NHẬT KÝ VỀ NHỮNG SỰ KIỆN ĐÁNG GHI NHỚ đã xảy ra trong địa phận Giáo Hội Bắc Kỳ (1) về chính trị, dân sự và tôn giáo (1a) từ tháng 8-1787 cho tới trung tuần tháng 10-1788

Từ hồi tướng Coũ Chỉnh (2) trở về thủ đô Bắc kỳ vào cuối tháng 1-1787 và từ lúc tân chúa (hay kẻ thống trị) Quế (3) tự tử theo lời đồn vài tháng sau khi thấy đảng mình bị tiêu diệt và sự nghiệp của mình bị phá hủy hoàn toàn, quyền lực của nhà vua trẻ tuổi Chiêu Thoung (4) hình như đã hồi phục được sự vẻ vang xưa và mỗi ngày một củng cố — trong khi các tiên-vương như Cảnh Hưng, như chúng tôi đã từng nói, chỉ là những vị vua trên danh nghĩa và tượng trưng mà thôi.

Các vụ quấy rối trước đây do «giặc Tây Sơn» gây nên chỉ còn rất hiếm trong nội địa Bắc kỳ; phần đông quân lính Tây Sơn đã rút vào Nam và chỉ còn một ít đóng tại xứ Nghệ An và vùng Bô Chin (5), giáp giới Nam kỳ thượng (6), Nhưng than ôi, sự yên ổn đó chẳng được lâu dài. Tướng Coũ Chỉnh sớm *hối cho lòng* tin cậy và sự khinh suất của ông, hay sự vị nể quá đáng đối với 1 kẻ thù nguy hiểm [Tây Sơn] vì ông tuồng như nhường cho họ miếng đất Bắc kỳ trên để họ cai trị, có chỗ vùng vẫy và lối vào tiến chiếm vương quốc khi cơ hội thuận tiện. Vả lại, đáng lẽ tướng Chỉnh phải thận trọng và hiểu rằng tình trạng thái bình mà Bắc kỳ đang hưởng từ 9, 10 tháng nay, là do sự *ân cần* và tính dũng mãnh của ông ít hơn là do tình thế chiến trận giữa ông bạo chúa đáng sợ miền Nam kỳ thượng, tục gọi là Đức Oung (7), em thứ 8 của tiếm vương Nhạc và người anh [Nhạc] Tiếm vương buộc lòng phải chịu dưới quyền của em mình và phải nhận mọi điều kiện em mình đặt ra. Quả nhiên, khi Đức Oung hành quân trở về, ông ta vẫn chưa hài lòng về sự bành trướng mới mẻ của xứ Phú Xuân của ông. Ông không quên trở lại kế hoạch tiến chiếm Bắc kỳ mà ông đã nghiên cứu lâu nay.

Ngày 6-12-1787, tôi nhận được nhiều tin đặc biệt và 2 lá thư của ông Le Breton (8), người trợ tế đại diện cho tôi ở vùng giáp giới Nam kỳ đề ngày 20 và 23-11 cho biết rằng.

1°) [tr. 217] Chừng 1 tháng nay, 1 vị tướng của tầu Attila (9) [Nguyễn Huệ] tên là Vach Quinh (10) đã trở lại xứ Nghệ mộ rất nhiều lính và bắt dân chúng cung cấp 1 số lượng gạo khá lớn. Với những hành động tối dã man, tên ác quỉ đó thường hay xẻo tai, lột da mặt từ trán cho tới miệng, đánh nhừ tử cho đến chết những viên xã trưởng hay những người đại diện cho các làng xã không tuân lệnh hắn ngay.

2°) Từ 2, 3 ngày nay, 1 vị quan khác, cao cấp hơn, trước gọi là Chương Nha, sau đổi thành Đô đốc, rồi Đức Oung và

sau cùng gọi là Tiết chế (11) (tất cả các loạn tướng thời đó đều đổi tên như thay áo) cũng tới xứ này những 20 hay 25 con voi và 4, 5 ngàn lính Nam kỳ, chắc là tính tiến lên về phía kinh thành của vương quốc này. Tuy nhiên thượng cấp của ông ta có lẽ chỉ có ý định gửi ông ta ra Bắc kỳ để mộ lính, thu gạo và ở đó dò xét *hành vi* và mọi sự đòi hỏi của Coũ Chỉnh và Chiêu Thoung, vị vua bị điều khiển. Mục đích của viên tuyển mộ dân quân Bắc kỳ là để thay thế các lính cũ của bạo quân Phú Xuân [Nguyễn Huệ] mà từ rầy chúng ta sẽ gọi là Bắc vương (sau ngày ông ta thắng Nhạc tức Thái đoc (12) và chia lãnh thổ của ông ra làm 3 phần chỉ để lại cho người anh 3 tỉnh nhỏ ở giữa quốc gia và cái chức vị Hoàng đế tuy long trọng nhưng lố bịch. Ông tự xưng là Bắc bình Vương tức Vua xứ Bắc, biểu lộ như vậy mưu đồ thanh toán Bắc kỳ (địa phận phía bắc Nam kỳ thượng). Vì đội ngũ đã bỏ rơi ông để theo Nhạc, trong hoặc sau thời kỳ chiến tranh giữa ông (kẻ chinh phục và phân phát vương vị) và tiếm vương [Nhạc] ông bị lâm vào tình trạng phải thu thập trên lãnh thổ nhỏ bé của ông những thành phần thuộc giai cấp hạ lưu, những tay anh chị lưu manh, nông dân, và cấp cho họ khí giới. Đó là những người lính được *chỉ định* hoặc để ngăn ngừa một sự tấn công bất thần của quân địch (tuy bị bại trận nhưng được tăng cường với rất nhiều *đào binh*) hoặc để trù định xâm chiếm Bắc kỳ. Sư đoàn do Tiết chế và Vach Quinh chỉ huy được phân tán và chỉ định vào các cơ đội dân quân tuyển tại xứ Thanh Nghệ và Bố chính [218] (địa phận dùng vào việc dưỡng binh). Sư đoàn này có nhiệm vụ giám sát, bắt buộc những người dân quân phải chiến đấu chống anh em họ. Họ tàn sát ngay tại chỗ những kẻ nào tìm cách trốn tránh hay từ chối đầu quân cho họ. Vì thế trong 1 cơ đội cứ 1 người lính Nam kỳ (của Tây Sơn) thì trung bình lại có khoảng 30 hay 100 lính Bắc kỳ.

Trong 1 khoảng thời gian ngắn, Tiết chế đã thành lập được 1 quân đội có lẽ hơn 30.000 người. Quả nhiên, ông ta trực chỉ kinh đô và tới xứ Thanh vào trung tuần tháng Chạp. Bấy giờ

chính quyền Bắc kỳ mới thức tỉnh khỏi cơn mê ngu muội của họ và trù liệu những biện pháp cần thiết để đẩy lui quân địch hay ít nhất cũng ngăn không cho họ tiến vào xứ Nam để vào hoàng thành. Những trận đụng độ đầu tiên giữa 2 bên xảy ra ngay sau ngày lễ Giáng sinh. Mặc dầu thỉnh thoảng thua mấy trận và thiệt hại 1 số lính chính quy vài trăm lính tập Bắc kỳ, quân Tây Sơn vẫn tiến từ từ về bờ cõi xứ Nam (tức tỉnh Sơn nam) và chỉ còn cách tư dinh tôi có nửa ngày đường, lại mệt hơn nữa là trong tình trạng nguy cấp như thế mà sự bất hòa lại thình lình bộc phát giữa Coũ Chỉnh và Đốc Chiên trấn thủ xứ Nam (mà tôi đã nhắc tới trong cuốn nhật ký viết năm trước). Sự lủng củng này bắt nguồn từ sự ghen ghét của Đốc Chiên trước uy danh lừng lẫy của Coũ Chỉnh. Đốc Chiên ghép cho Coũ Chỉnh tội ban phát những đặc ân phi pháp cho những kẻ tay chân và chỉ lo tới sự tiến cử họ trong khi đó chính ông và những quan lại dưới quyền ông mới là những kẻ tận tụy với việc nước lại không được đếm xỉa tới. Đốc Chiên vì tham vọng và đố kỵ, cho rằng thời cơ thuận tiện để báo thù Coũ Chỉnh đã tới và định nắm lấy nó nhưng ông nghĩ rằng hành động phản bội của ông không những gây tổn hại cho địch thủ ông [Coũ Chỉnh], cho cả nhà vua nói riêng và Vương quốc nói chung mà còn cho cả ông nữa. Ngày 30 tháng 12, 1 viên sĩ quan theo Công giáo chỉ huy 1 sư đoàn trọng yếu của hạm đội hoang gia dưới quyền của Đốc Chiên có viết cho tôi 1 lá thư trong đó [219] ông cho tôi hay rằng Đốc Chiên không những không đem lực lượng cản địch mà ngược lại còn dự định vượt tuyến vào Nam hang TS [Tây Sơn]. Trước đây, ông ta cùng với Coũ Chỉnh hợp tác với TS, (đồng thời tôi nhớ rằng) nhờ vậy ông ta được Tiết chế TS ban cho 1 thẻ thông hành và 1 số hộ vệ quân. Vì Đốc Chiên đã nhiều lần tỏ ra dũng cảm và am tường chiến thuật của địch nên lính Bắc kỳ tin cậy và sẵn sàng tuân lệnh ông ta hơn các tướng khác. Tin tức về sự bội phản đó làm thay đổi tức thì cục diện chiến cuộc vì nó khuyến khích lòng can đảm của quân TS và gây kinh hoàng trong đội ngũ lính Bắc kỳ. Tuy bị bạn đồng liêu bỏ rơi 1 cách hèn nhát như

vậy Coũ Chỉnh vẫn không nổi giận mà giả vờ viết liên tiếp mấy cái thư cho Đốc Chiên, nhân danh Vua và tổ quốc, khẩn thiết yêu cầu ông này từ bỏ ý định tai hại của ông và gác lại mối di hận sang một bên (vì lợi ích chung). Nhưng tính kiêu căng và sự ngoan cố chung của những kẻ bội phản làm hắn bỏ ngoài tai mọi điều khuyên răn. Bởi vậy Coũ Chỉnh bắt buộc phải đích thân chỉ huy đội ngũ còn lại và cấp tốc rời thủ đô để chặn đường và tấn công địch. Trong khi đó, 1 vị hoàng thân (cậu hay chú bác của vua Lê Chiêu Thou) được cử đi dẹp giặc, gây hoang mang trong dân cư kinh đô vì sự đào tẩu về kinh thành một cách quá vội vã của ông. Coũ Chỉnh tức giận và muốn trừng trị nghiêm khắc người này để làm gương và cảnh cáo các vị quan và binh lính dưới quyền ông. Vì vậy ông tâu với vua rằng ông chỉ nhận lãnh trách nhiệm điều khiển cuộc chinh phạt quyết định sự thành bại của đất nước với điều kiện phải bêu đầu ông hoàng kia về hành vi hèn hạ của ông. Vua Chiêu Thoũ không dám từ chối sự đòi hỏi đó. (Chắc chắn hình phạt đáng sợ đó không hợp với phong tục Tây phương và ở đấy mọi người sẽ coi đó là 1 hành động dã man). Sau đó vào ngày 4 (hoặc 5 gì đó) tháng giêng Coũ Chỉnh lên đường. Theo nhiều lời đồn thì ông bị ám ảnh bởi những điều gở mà ông đã nhận thấy khi xem xét các tinh tú vì ông ta am hiểu cạn kẽ chiêm tinh thuật). Vả lại ông ta cũng biết rằng mình không được lòng quân sĩ của ông. Quả nhiên, khi ông ra tới trận tuyến, ô g nhận thấy rằng quân đội của ông sẵn sàng đào ngũ hay chưa đánh mà đã muốn hàng quân TS. Trong tình trạng hiểm nghèo đó, vì sợ rơi vào tay Tiết chế, ông không làm gì khác hơn là rút lui 1 cách kín đáo vào đêm 6 và 7 tháng giêng để trở về hoàng thành. Người ta kể rằng khi tới nơi vừa thấy nhà Vua, ông liền kêu lên rằng: «Bloi ơi là Bloi! nhà Lê đã mất rồi!» (13) rồi ông cầm lấy tay nhà Vua. Cả 2 vừa khóc vừa xuống 1 chiếc thuyền chở họ đi ẩn tại «xứ Boc» hay «xứ Bắc» (13).

Không chậm trễ, Tiết chế xua quân tiến về kinh đô và

vào thành với phần lớn quân sĩ của ông vào ngày mùng 9 tháng 1. Hôm sau chiến hạm Le Castries của Pháp qua ngang Bắc kỳ.

Ngày 10, tướng Nam kỳ cho quân đuổi theo Coũ Chỉnh để bắt ông này và mời vua Chiêu Thoũ trở về kinh thành. Cố nhiên nhà vua không dám nhận lời mời. Cuối cùng ngày 12, Coũ Chỉnh bị chính 1 người đồng hương (và cũng là 1 cựu chiến hữu) của ông là Ba Trang Thuoc (14) bắt. Coũ Chỉnh kháng cự 1 cách dũng cảm nhưng khi thấy con trai ông bị giết 1 cách dã man ngay trước mắt ông và hơn nữa, theo người ta kể lại, vì ông bị thương nặng nơi cánh tay, ông bắt buộc phải đầu hàng. Ngay đó, ông bị nhốt trong 1 cái cũi có buộc đầu con trai ông ở trên. Ông bị đưa về kinh đô. Người ta quả quyết rằng Tiết chế dự định gửi ông vào Phú Xuân để nộp ông cho « Nam kỳ bạo quân » hay Tân bắc Vương. Nhưng lính Bắc kỳ gọi là quân Tam phủ (15), kẻ thù bất cộng đái thiên của người tù nhân danh tiếng này, đã hò hét đòi giết ông ngay nên Tiết chế không dám khước từ. Đó là dư luận dân gian. Sự thật thì Tiết chế lúc đó có vẻ không những mong muốn độc lập mà còn hy vọng độc chiếm Bắc kỳ [21] ly khai với chủ ông, nên ông rất mừng khi đã trừ được 1 kẻ địch đáng sợ như Coũ Chỉnh. Coũ Chỉnh, vị tướng bất hạnh, bị xử tử tại hoàng thành hôm 15 tháng 1 và thi thể trần truồng với cái đầu của ông bị bêu mấy giờ liền cho công chúng xem. Người ta còn kể thêm rằng khi Tiết chế đọc bản án tử hình, kể tội ông là 1 kẻ nghịch lệnh và phản bội, không chịu đến gặp Bắc vương mặc dù đã nhận được nhiều lệnh gọi, Coũ Chỉnh trả lời rằng : « Ông tốt phúc mà bắt được tôi vì nếu không, chính ông sẽ mất đầu (như tôi sắp mất đây) cuối năm nay. » Cái chết bi thảm của tướng Coũ Chỉnh như thế đó. Ông ta hình như chỉ « trèo cao để ngã đau ». Quyền lực của ông dưới thời vua Chiêu Thoũ mạnh đến nỗi vị vua này định cho ông nhập Hoàng gia bằng cách thừa tự ngài, việc ban thưởng này là việc rất hi hữu ở các quốc gia khác! Coũ Chỉnh từ chối. Thực ra, chắc hẳn ông sợ rằng 1 ân sủng quá đáng như thế đối với dòng dõi ông có thể gây ác cảm và làm thiên hạ chống ông.

Vả lại, trong triều đình, việc gì cũng do ông định đoạt cả. Ngay nhà vua cũng có vẻ nể sợ ông. Ngài hết sức tránh những việc có thể làm mếch lòng ông. Đến nỗi, 1 hôm nọ, 1 số người có cửa hàng tại Hoàng thành đến tố cáo với tướng Chỉnh rằng 1 vài vị Hoàng thân, chú bác và cậu vua đến bức hiếp họ không cho họ buôn bán Coũ Chỉnh bất bình bắt vua phải trừng phạt những người này. Chiêu Thoũ lập tức phải cho bắt mấy người đó nộp cho Cõu Chỉnh. Sau khi quở trách các vị này ông liền bắt họ phải bồi thường thiệt hại do họ gây ra. Còn cấm họ từ rầy không được la cà trong phạm vi thành phố nữa [222] nếu không tuân lệnh thì sẽ bị trừng phạt. Lệnh cấm đó tỏ ra có hiệu nghiệm.

Tiết chế mãn nguyện và tự đắc về thành tích đầu tiên của ông nên tưởng thế nào cũng bắt được Chiêu Thoũ. Ông còn khoe khoang rằng ông sẽ cho nhà vua trình diện dân chúng hoàng thành nhân dịp chào đón năm mới (Bắc kỳ). Nhưng nhà vua này đã phải cải trang nay dưới hình thức này mai dưới hình thức khác, có khi phải đội lốt 1 người nông dân, phải chặt củi trong rừng, rồi khiêng lên trên vai (như chính ông đã thú nhận trong 1 bức thư cảm động mà ông gửi cho thần dân ông ít lâu sau).

Nhờ vậy ông đã thoát khỏi cuộc truy tầm của bọn tay chân Tiết chế.

Những người nào quen suy tưởng thời cuộc bằng nhân nhãn, chỉ coi cái ách vận của Chiêu Thoũ như 1 trò đùa tàn nhẫn của Tạo Hóa. Nhưng các giáo sĩ được biết rằng vị vua đó đã đánh dấu sự đăng quang của ông bằng cách chấp chiếu các bằng sắc cho dân những vùng muốn vị thành hoàng lên phẩm trật cao hơn với 1 giá rất đắt. Hành vi đó (đối với chúng tôi) bắt nguồn từ 3 cái tật xấu (của quan lại cũng như của dân chúng): lòng kiêu căng, tính biển lận và sự mê tín. Những vị giáo sĩ khi biết được cái tin chẳng lành đó, hình như đã tiên đoán, ngay lúc đó, 1 cuộc cách mạng mà hậu quả sẽ là sự chiếm đoạt ngai vàng và lãnh thổ bởi người ngoài. Họ đinh ninh rằng tại Coũ Chỉnh không những

không chống sự mê tín dị đoan đó mà lại còn khuyến khích nó 1 cách đê tiện Chính ông đã nhận được bằng sắc (16) [do vua ban] và sai 1 anh lính cận vệ công giáo mang tờ đó về quê ông (17) nên trước sau ông cũng gặp thảm họa nhục nhã.

Còn tên Đốc Chiên bất trung, hắn không được hưởng lâu sự hoan hỉ của mối thù đã trả. Vài ngày sau sự thất bại và trước ngày hắn bắt và xử tử Coũ Chỉnh, hắn nhận được lời khuyến cáo của vài người bà con hắn (đang bị Bắc vương giữ làm con tin) ở Phú xuân bảo hắn chớ có đến thành này. Hán bèn viết thư cho Coũ Chỉnh xin tha thứ tội đào ngũ của hắn, viện cớ rằng đó chỉ là 1 mưu nhỏ do hắn nghĩ ra để tấn công quân TS. Nhưng chẳng may lá thư của hắn bị địch bắt được, thành thử hắn trở thành kẻ bội phản khả ố đối với 2 bên. Tuy nhiên vì lúc đó, hắn có vẻ quả quyết và bị dồn vào thế phải chiến đấu với Tiết chế, nên vua Chiêu Thoũ định che đậy sự phản bội của hắn. Ông ra lệnh cho hắn phải tấn công tiền quân của địch, trong khi cánh quân khác sẽ đánh úp hậu quân còn lại. Từ lúc đó, tức là từ trung tuần tháng giêng, có nhiều trận đánh ác liệt giữa Đốc Chiên và Tiết chế.

Đến cuối tháng 3, tháng 4 chiến tranh tuy ngăn trở sự hưng đồ của Tiết chế nhưng không có hậu quả gì hơn là tăng gia sự tàn phá và sự khốn cùng trên đất nước. Trong khi quân Nam kỳ làm chủ Hoàng thành và thủ phủ xứ Nam, vị trí bố phòng trọng yếu độc nhất của Vương quốc và Đốc Chiên hãy còn đóng đồn ở nơi cũ với chiến thuyền và đủ loại tầu bè, giữ chắc thế thủ; Tiết chế cùng Vach Quinh, (vị tướng hung bạo mà tôi có nói ở đầu bài này) và các quan tướng khác bố trí dọc bờ sông các đội vệ binh đủ loại để dò xét động tĩnh của tướng Bắc kỳ. Những vị tướng Nam kỳ quấy phá Đốc Chiên không ngừng và phái bộ hạ đi khắp nơi sách nhiễu dân chúng đủ điều. Người ta chỉ nghe nói đến mộ lính, quyên gạo, quyên tiền. Khi 1 tổng vừa mới cấp cho Tiết chế 1 số lính mới đúng ngày đã hẹn (mỗi sự chậm trễ hoặc thiếu sót về vấn đề đó đều bị trừng trị tức thì) người

ta lại thấy chẳng bao lâu, những con chim kên kên (chỉ những người lính mới tham tàn đó) trở lại mang theo danh sách hay bản kê những người có tiếng giầu có hay sung túc [phú hộ], những kẻ có hiềm khích nhiều hay ít với chúng phải nộp bao nhiêu lượng gạo hay bao nhiêu tiền. Chúng khám xét nhà cửa lấy cớ để tìm kiếm khí giới làm cho tôi 1 bữa phải trốn giữa đồng ruộng, ngay buổi trưa đang lúc nắng chang chang trong khi chúng lục lọi và làm 1 bản kê khai tài sản của dinh thự tôi. Chúng còn đòi hỏi tất cả hội đoàn nông dân, làng mạc, thôn xóm phải trình cho chúng biết tình trạng hay bản kê khai chính xác những đất đai của họ nhằm mục đích trưng tập thuế má, và các phụ đảm công khác cùng mộ lính tráng. Tệ hơn nữa tại nhiều nơi quân TS dã man còn tuyển các thiếu nữ trẻ. Chúng đã cướp nhiều cô khỏi tay cha mẹ để làm tỳ nữ hay làm cung nữ cho tên Tiết chế đê tiện. Muốn dân Bắc kỳ không tài nào chống lại chúng, chúng cho các thủ hạ làm mật sứ đi khắp nơi triệt hạ tất cả những thành lũy hay gò [mô] đất [224] được dựng lên mấy năm trước để chống bọn giặc cướp tại các thôn làng. Nhưng tôi phải ngừng tại đây vì tôi bắt buộc phải thú nhận rằng mưu mô của quân vô đạo đó, được sắp đặt trước 1 cách tinh xảo quá. Những thủ đoạn quấy rối của chúng khiến tôi không thể (tự phụ) là đã trình bầy được 1 ý niệm đầy đủ về tình trạng hỗn loạn và lộn xộn toàn diện... [quân TS quấy nhiễu các vị giáo sĩ] [225]. Trong lúc đó Tiết chế vẫn đóng bản doanh tại Hoàng thành trong phủ Chúa được ông biến thành 1 thứ pháo đài. Ông không che dấu được sự bối rối tuy bề ngoài khinh miệt tướng Đốc Chiên. Ông sợ tướng nầy là vì bây giờ trong tay ông chỉ còn 1 số ít lính TS (hay Nam kỳ) thực thụ mà thôi vì phần đông lính Nam chết đói hay mất hiệu lực chiến đấu, nguyên do là ở bệnh tật và chiến tranh. Không những ông không hy vọng gì về việc bạo quân Nam kỳ hay Bắc vương gửi quân tăng viện cho ông (tuy vậy ông không ngớt khoe khoang là vẫn nhận được đều đều quân tiếp viện để lung lạc tinh thần quân Bắc kỳ) mà ông lại còn lo sợ sự phẫn nộ của Bắc vương vì ông khăng

khăng từ chối nhiều lần không chịu tuân theo lệnh gọi ông về Phú xuân sau khi đã giết được Coũ Chỉnh. Ông lại còn tỉnh nghi là đã có tham vọng chiếm ngai vàng Bắc kỳ đáng lẽ là của chủ ông [Bắc vương] nhân lúc người này đang đánh nhau với Tiếm vương Nhạc, Bắc vương không thể đích thân ra Bắc kỳ để xem xét tận tường các hành động của Tiết chế. Ông phải giao nhiệm vụ đó cho 1 vị quan thân tín tên là Đại tư Mã (18), kẻ thù công khai của vị tướng tham vọng [Tiết chế]. Vị quan này ra Bắc vào đầu tháng 2 với 1 quân đoàn 2.000 người. Ít lâu sau ông tới kinh đô. Ông không thèm đến chào Tiết chế mặc dù ông này chức lớn hơn. Ông lúc nào cũng tỏ vẻ lãnh đạm và có nhiều ác cảm với Tiết chế. Sự chia rẽ giữa tướng sĩ Nam kỳ cộng với những thắng lợi của Đốc Chiên và vài phe đảng Bắc kỳ khác chống lại Tiết chế bắt đầu làm chúng tôi hy vọng. Nhất là từ trung tuần tháng 4, chúng tôi hy vọng rằng Bắc kỳ sắp thoát nạn quân TS khốn nạn vì chúng không giấu giếm sự bối rối của chúng khi quân TS thi nhau đào ngũ và ẩn trốn trong nhà những người dân nào chịu chứa chấp họ.

Nhưng chúng tôi không ngờ rằng chúng tôi đang sống trước 1 cuộc đại cách mạng đặt Vương quốc này dưới uy quyền chúng. Thật vậy, vào cuối tháng 3 (19) khi Bắc vương đã thắng 2, 3 trận quân đội của Tiếm vương Nhạc được cử tới đánh ông [Bắc vương] để trả thù việc ông làm cho anh ông mất thể diện năm 1787 (20), ông chỉ nghĩ tới cuộc chinh phạt Bắc kỳ dự định vào tháng 4. Lúc đó, vua Chiêu Thoũ cùng với Đốc Chiên nhờ 1 chiến thuật đặc biệt, vừa mới phá tan 1 đội quân lớn của địch. Nghe tin Bắc vương sắp ra. Đốc Chiên vội bỏ dinh sở cũ để lên thuyền trốn ra biển (21). Mãi ngày hôm sau, mồng 30 tháng 4 tin Đốc Chiên bỏ trốn (không rõ duyên cớ đích xác) mới đến tai tôi. Nhưng khi tới bờ biển, Đốc Chiên không có thì giờ thả neo để tìm kiếm lương thực tại vùng lân cận, thì 1 cuồng phong ngược chiều nổi lên làm phân tán hạm đội của ông. Vì vậy hải quân ông rơi vào tay địch và ông bị bắt vào đầu tháng 5. Còn vua Chiêu Thoũ khó khăn lắm mới thoát nạn

được, bằng cách băng qua rừng núi. Hiện giờ, người ta vẫn không biết đích xác vị hoàng đó ra sao. Dân Bắc kỳ không quên nhận xét (như 1 việc đáng lưu ý) rằng sự liên kết giữa vua và Đốc Chiên cũng là sự mở đầu tai vận của vị tướng từ trước tới giờ có tiếng là tốt số.

Trong khi đó Bắc vương tiến rất mau, cầm đầu 1 đại binh cùng đoàn hộ giá gồm 150 con voi, 100 người nằm võng, rất nhiều kiệu sơn vàng lộng lẫy (1 cái dành cho Bắc vương, và 1 cái cho công chúa Hân, cô của Chiêu Thoũ và vợ cả của ông) (22). Ngày 2-5, tôi hay tin Bắc vương chỉ còn cách trú sở tôi có 1 ngày đường. Ngày mồng 7, tôi được biết ông đã vào kinh thành sáng mùng 4 nhưng không lộ vẻ vui tươi gì. Có người nói rằng quan Tiết chế có ra đón ông tại 1 địa điểm cách xa thủ đô với vẻ nề sợ nhưng thực ra là với ý định chặn đường và tấn công ông; nhưng khi thấy ông được bảo vệ kỹ lưỡng quá, nên Tiết chế giả vờ vui vẻ như không hề có tình ý gì. Dù sao Bắc vương cũng cho người bắt ông tức khắc. Sáng hôm sau, mồng 5 tháng 5, ông bị trói dẫn ra pháp trường và bị bắt quì ở đó cho công chúng xem, phơi mình dưới ánh nắng gay gắt của mặt trời. Ngày hôm sau ông bị xử trảm. Đó là vận số xứng đáng [227] cho 1 kẻ khát máu đã từng gieo tang tóc cho tổ quốc nói chung và Bắc kỳ nói riêng. Theo 1 lá thư của ông La Mothe (23) thì 1 người phu khiêng kiệu của các chúa Bắc kỳ đã bị đâm chết bằng 1 ngọn giáo theo lệnh của Tiết chế (không cần phải qua 1 thủ tục nào cả) ở ngay trong dinh của ông 4 ngày trước khi ông bị xử trảm. Gan của người phu xấu số này (mà các bạn đồng giáo đoàn của tôi quen biết) bị các lính cận vệ TS ăn hết.

Ngày 10 tháng 5, 1 ngày trước lễ Thánh Linh Giáng lâm, 1 vị quan tư lệnh Bắc kỳ tên là Lê Thai (24) và anh (hay em) rể Coũ Chỉnh bị quân Tiết chế bắt từ trước và bị giam giữ tại Hoàng thành, cũng bị Bắc vương ra lệnh xử trảm... [mưu toan rửa tội 2 người này bất thành]...

Tuy Bắc vương ra Bắc để lật đổ loạn đảng Tiết chế và để giữ chắc công cuộc cai trị vương quốc được phó thác cho ông nhưng ông sợ vị thái tử hợp pháp của Nam kỳ [Nguyễn Ánh] trở về nay mai và xâm chiếm bất thình lình. Ông phải lập tức lên đường vào Nam với những binh lính mới mộ được tại Bắc kỳ để bố trí phòng thủ và kháng cự lại. «Tân Attila» đó chẳng bao giờ chịu ngồi không tại thủ đô. Ngày 11-5, ông đến cung điện vua Chiêu Thoũ, hình như để chiếm hữu ngai vàng. Song le, ông thận trọng không dám công khai tự xưng là vua Bắc kỳ và đành lòng đặt sự cai trị vương quốc trong tay với 4, 5 vị quan Nam kỳ hay TS: vị quan thứ 1 là Đại tư Đồ (25), cháu rể ông và rể tiếm vương Nhạc; vị quan thứ 2 là Đại Tư Mã (26), sư phó ông (mà tôi [228] đã có nói tới) nổi tiếng là dũng cảm và thông minh trong việc điều khiển mọi công việc (nhiều người trong đó có ông Serard (27) tin là vị này theo công giáo).

Ngày 15-5, Bắc vương — từ một ít lâu này ông chỉ tự nhận là Đức lệnh (28), nghĩa là vị hoàng lập pháp — công bố 1 sắc lệnh mà nội dung là:

1°) Năm 1786 ông có ra cứu Bắc kỳ và tôn vương Chiêu Thoũ khỏi áp lực của các vị hoàng họ Trịnh định tiếm vị Vua dưới cái tên Chúa.

2°) Ông đã giao cho Coũ Chỉnh nhiệm vụ trông nom công lợi nhà nước nhưng vị quan này đã không làm tròn nhiệm vụ đó vì thế ông phải phái Tiết chế ra triệt hạ và lật đổ Coũ Chỉnh, nhưng cuối cùng trái với sự mong đợi của ông, Tiết chế lại lạm dụng quyền thế để quấy nhiễu, hà hiếp dân chúng nên nhà Vua (Bắc vương) phải đích thân đến tận nơi để tái lập trật tự.

Sau vài dòng vào đề như trên, ông tiếp rằng: 4 ngày trước, nghĩa là ngày 11-5, các quan văn võ tới yết kiến ông có hảo ý đệ đơn xin tha cho hoàng tộc Lê và tôn thất Chúa Trịnh. Đoạn ngỏ lời với dân Bắc kỳ, ông hỏi họ thích sống dưới chế độ

nào: bị 1 ông hoàng huyết thống nhà Lê cai trị (ông giả vờ không nhắc đến tên Chiêu Thoũ) hay khẩn cầu ông ở lại điều khiển quốc gia để được hưởng 1 sự thái bình hoàn toàn và vĩnh cửu, dưới sự bảo hộ, giúp đỡ của ông. Ông kết thúc sắc lệnh đó bằng cách yêu cầu mọi công dân (không phân biệt giai cấp, phẩm tước và địa vị) cho biết ý định của họ về việc này.

Cùng lúc ấy, 1 sắc dụ khác của Bắc vương công kích vua Chiêu Thoũ được ban hành. Nội dung của nó là:

1°) Vua Chiêu Thoũ là 1 kẻ vô ơn bạc nghĩa, phản bội sự trợ giúp của Bắc vương.

2°) Vị hoàng đó là 1 gánh nặng cho quân đội và thần dân của ông. Ông đã không ngừng sách nhiễu họ đủ kiểu đến nỗi họ phải buộc lòng rời bỏ nhà cửa ruộng vườn để tản mát khắp nơi.

3°) Chiêu Thoũ đã phạm trọng tội [229] gian dâm và loạn luân ghê tởm với em gái ông và sát nhân vì ông đã cho giết 1 cách dã man cùng 1 lúc 3 người chú (bác hay cậu) ông và 1 người vợ của Cảnh Hưng, tổ phụ của ông [tuy nhiên Bắc vương không có trưng bằng cớ]. Với những hành động bần thỉu và kinh tởm đó ông không đáng sống chút nào vì thế Bắc vương cho hay rằng bất cứ ai bắt sống Chiêu Thoũ, mẹ và em trai ông ta (29) nộp cho chính quyền sở tại sẽ được tặng thưởng xứng đáng, nơi cư trú sẽ được miễn (suốt đời) khỏi phải trả các thứ thuế, phụ đảm và không phải làm sưu dịch; ngược lại nếu ai biết chỗ ẩn náu của Chiêu Thoũ mà không báo ngay hay dám chứa chấp ông ta, nếu nhà cầm quyền mà biết được, sẽ bị xử tử tức thì không ân giảm, làng hoặc nơi trú ngụ sẽ bị phá hủy hoàn toàn và biến thành tro.

Trong khi chờ đợi, vì Bắc vương sắp phải lên đường vào Nam, ông nhất định cho phá hủy thủ đô Bắc kỳ, gọi là Kẻ Cho (30), Kinh Đô hay Kinh Kì và xây lại tại xứ Nghệ An 1 hoàng thành mới (31) gần quốc gia nhỏ bé của ông (Phú Xuân) và gần Nam kỳ thượng, ở khoảng giữa 2 vương quốc. Ông liền

cấp tốc cho thực hiện kế hoạch này. Trước hết ông cho phá tất cả các biệt thự của các Chúa cũ và của những người chuyên chế biện sự nhà Trịnh ở trong hoàng thành và cho chất lên thuyền những vật liệu, đồ đạc quí nhất và tài sản cùng với 1 số lớn gạo thu nhặt được để mang tới chỗ được chỉ định là nơi xây cất thành phố tương lai gọi là Phủ Thạch hay Thành Rum. Ông cũng không bỏ sót các dinh vua Chiêu Thoũ và cung điện các vua nhà Lê [ông cho phá tan hết]. Ông cho lấy đi tất cả những thứ ông thích, ngay cả đá lát nữa (theo lời đồn). Nhưng, như thế vẫn chưa làm thỏa mãn lòng tham vô đáy của ông. Tôi nhận được nhiều lá thư và được nhiều người cho biết rằng vào cuối tháng 5 và đầu tháng 6, Bắc vương nghĩ và kiếm đủ cách tịch thu tiền mọi người. Ông lợi dụng 1 vị quan Trung hoa tên là Thiêm Bảy (32), con rể vua Cảnh Hưng như ông tức là anh (hay em) «cột chèo» bằng cách bảo vị này kê khai những tên đại thương gia giầu có và những tư nhân có nhiều tiền để ông xua lính vào cướp. Cuối cùng ông kiếm chuyện với tên đồng lõa ti tiện này [tức vị quan Tầu]. Ông cho tra tấn thật dã man tên đó cùng với vợ hắn để ép chúng làm tờ kê khai đích xác của cải của chúng. Ông đã thành công trong việc chiếm đoạt tài sản kếch xù của chúng. Mấy lá thư đó còn cho tôi biết rằng:

1·) Người ta không biết gì hơn nữa về các phản ứng của vị Bắc vương hung dữ này đang phẫn nộ vì sự thất bại của đội quân do ông phái đi dẹp các loạn quân Bắc kỳ còn lại và dân cư miền thượng.

2·) Bà góa phụ Cảnh Hưng, mẹ vợ ông có lần xin ông tha cho các vị quan Bắc kỳ, đặc biệt là cho Đốc Chiên. Người ta đồn rằng bà có cho Đốc Chiên 100 thoi (hay đỉnh) vàng để ông ta dùng vào việc mua chuộc các quan lại, bảo tồn cái đầu ông. Nhưng vì sợ hãi trước sự phẫn nộ của con rể bà, bà đã bỏ trốn. Bắc vương lập tức cho tịch thu đồ đạc và tài sản của bà Công chúa Bắc kỳ (tức là bà Hân) vợ ông bị đánh 20 roi theo lệnh ông. Hình như bà này đã oán trách chồng bà vì sự ngược đãi đối với mẹ bà.

3') Khi mẹ vợ ông bị điệu về triều đình, ông đã trách mắng bà thậm tệ vì mối cảm tình của bà đối với Đốc Chiên. Số vàng do bà cấp cho Đốc Chiên để chạy tội phải vào tay ông. Ông còn cho lấy cung của Đốc Chiên, vị tướng đáng thương này đã bị đóng gông gần 1 tháng nay. Rồi ông cho đánh vị tướng này 40 trượng vì tội từ chối, không chịu khai chỗ vua Chiêu Thoũ ẩn trốn. Cuối cùng, ông ra lệnh xử trảm vị tướng này ngày 1 tháng 6.

4') Ông vừa mới cho giết bào đệ vua Chiêu Thoũ; bị bắt khi đánh nhau với quân TS.

5') Ông còn giữ tại Hoàng thành tất cả các văn võ đại thần Bắc kỳ, không cho phép họ ra khỏi thành bất cứ vì nguyên do gì. Người ta không biết số mạng của họ rồi đây sẽ ra sao.

6') Ông cho tuyển chọn rất nhiều thợ và nghệ sĩ đủ loại để mang họ theo ông. Ông dùng họ vào việc xây cất tân kinh thành. Ông bắt mỗi nghiệp đoàn [230] phải cấp cho ông ít nhất 15 người.

7') Ông mới ra lệnh mộ 1 đội quân 240.000 người gồm toàn lính cũ thuộc cựu quân đội vương quốc, và nhiều dân quân mới. Trong thời gian 5 ngày, mọi khu vực phải cấp đầy đủ số lính mới. Số lính được tuyển mộ vượt hẳn nhu cầu chiến tranh của Bắc kỳ và gần gấp đôi số mà chính quyền trước có lệ tuyển và duy trì.

8') Lại có lệnh mới bắt nộp ngay lập tức và cùng 1 lúc các thứ thuế được trả làm 2 kỳ trước kia, các thứ thuế gạo tháng 3 và tháng 10, tất cả các thuế má khác chưa được trả đầy đủ; không ai được than phiền hay bầy tỏ ý kiến về việc đó. Các xã trưởng và phú hộ (hào mục) nào không tuân lệnh ngay sẽ bị đánh 100 trượng hoặc sẽ bị xử tử tùy theo họ phạm trọng tội hay khinh tội.

Đó là đại khái kết quả của những cuộc hành quân và

cách xử lý của Bắc vương trong thời gian ngắn ông lưu tại thủ đô Bắc kỳ. Ông rời nơi này sau ngày lễ thánh Jean (33) để về Phú Xuân chặn đường vị vua hợp pháp đang tìm cách chiếm lại đất đai của ông [Nguyễn Ánh]. Ông hấp tấp đến nỗi ông chỉ ghé ở 1 ngày tại nơi được chỉ định xây thành phố mới. Theo thư của ông Breton nhận được hồi cuối tháng 7, cuộc hành trình gian khổ ấy cộng với cái khí tiết nóng bức quá độ đã làm nhiều binh lính, ngựa và voi phải bỏ mạng giữa đường. Từ ngày ông ấy trở vào Nam kỳ, chúng tôi không nhận được tin tức nào về việc làm và sức khỏe của ông ấy [Bắc vương]... [tác giả nói về tình trạng hiện tại]... Hiện thời, cả Bắc kỳ đều trong tình trạng chiến tranh, đâu đâu cũng thấy khí giới. Chỗ nào cũng có bè đảng. Tuy chúng không chịu kết hợp với nhau nhưng chúng cũng chẳng ghét quân TS lắm. Thành thử quân TS, tuy ít ỏi, [231] lợi dụng được sự chia rẽ và bất hợp tác của chúng để tiêu diệt chúng dần dần nhờ khí giới của những người dân Bắc kỳ bị họ bắt làm lính đi theo họ [quân TS]. Họ dùng những người dân Bắc kỳ này làm mộc và đắp thành lũy chống đồng bào Bắc kỳ. Từ ít lâu nay, người ta đếm được khoảng 5 hay 6 đối thủ tranh nhau vương vị Bắc kỳ. Đầu tháng 4, tôi nhận được 1 đại chứng thư của 1 trong những tên giang hồ, tự nhận là con cháu 1 vương gia cũ họ Lý và là người kế vị chính thống (34) của ngôi vua. Hắn ta dùng những lời lẽ bay bướm nhưng mập mờ đại để khuyến cáo tôi tán trợ phe hắn. Hắn hứa sẽ dành nhiều đặc quyền cho tôn giáo mà tôi đang truyền bá, nếu thành công. Thư đó không đề năm thứ 2 Chiêu Thoũ mà lại đề ngày thứ 1 Xuân Mậu Thân, năm mặt trời chu chuyển (tức là năm 1778). Ai cũng biết rằng tôi không bao giờ trả lời 1 lá thư như thế.

Ngày 13-8, tôi nhận được một lá thư của ông Serard đề ngày 10, cho biết rằng thủ lãnh 1 đảng nọ ở Bắc kỳ vừa mới tuyên bố: là con cháu 1 vị đại thần tên là Trạng Trình (35) người đã từng được nâng vào hàng chức phẩm cao nhất tức là chức tể tướng vương quốc). Hắn lại còn khoe khoang là được chỉ

định làm vua theo 1 lời sấm truyền mà hắn bảo là lấy ở trong cuốn Sam ki (36). Cuốn này được khắc lên đá và viết bởi vị sĩ phu trên [Trạng Trình]. Vị sĩ phu này được dân Bắc kỳ coi là Nostradamus (37) của họ.

Trong cuốn nhật ký này, tôi chưa nói tới các hoạn quan Bắc kỳ vì khi tôi bắt đầu viết cuốn này tôi chưa biết rõ đời sống của họ. Giờ đây, tôi chép lại bài trần thuật mà tôi vừa mới nhận được ngày 9-11. Tác giả của bài này là 1 vị linh mục tự nhận là người được mục kích nhiều sự kiện ly kỳ nhất. Ông ta viết bài này theo lời dặn của tôi. Đây là bản dịch sát nghĩa của bài đó:

Thưa đức ông, tôi lấy làm hân hạnh được dâng lên đức ông bài trần thuật này kèm với tất cả sự kính cẩn của tôi. Trước hết, tôi xin nói về những việc làm của ông hoàng lập pháp Đức lệnh hay Bắc vương, sau khi tới thủ đô Bắc kỳ. Khi vừa nhập thành, ngài lập tức ra chỉ thị cho các văn võ đại thần và các hoạn quan của cựu quốc vương Bắc kỳ, gọi là Vua hay Đức Thống Trị, và của người nắm hết quyền hành lúc bấy giờ là Chúa, phải tuân theo ý ngài, đến yết kiến (ra mắt) ngài ngay, không được chậm trễ, để bầy tỏ lòng tôn kính ngài. Ai nấy đều tin chắc rằng Bắc vương ra Bắc kỳ là để chiếm ngai vàng vương quốc mà thôi. Song le, phần lớn các quan văn võ không vội tuân lệnh đó và chỉ có thiểu số quan lại đến ra mắt Bắc vương. Những người ra trình diện đều bị bắt ngay lập tức. Họ phải trả 1 số tiền chuộc ít hay nhiều tùy theo chức vụ và tư cách của họ nếu họ muốn chạy tội. Còn nếu không có tiền chuộc họ sẽ bị xử tử. Phần đông các vị quan bỏ trốn, không chịu giáp mặt Bac vương. Phẫn nộ trước các hành động khinh thị ý ngài, Bắc vương liền cho bắt họ lại và ra lệnh tịch thu tài sản của họ. Còn các hoạn quan, bình sinh ở tại triều đình vì vậy rất chóng giầu có (và 1 ngày 1 giầu hơn) ngài ra lệnh bắt họ lại, gây áp lực mạnh và canh chừng nghiêm ngặt để họ chịu nộp cho chính quyền vàng bạc lụa là của họ. Ngược lại, nếu họ cứ cứng đầu mãi, thì họ sẽ bị giết. Những kẻ giàu có vì muốn bảo đảm an ninh

cho đời sống và gia đình họ nên chấp nhận trả cho chính quyền 1 số tiền lớn. Những người này, nhờ cách đó mà được hưởng 1 đời sống khá dễ chịu. Nhưng họ sợ ngài lại làm khó dễ 1 lần nữa, nên bỏ trốn rất xa nơi [232] trú ngụ của họ. Các hoạn quan (tại hoàng thành) vì nghèo mà không thể nộp tiền cho nhà cầm quyền, đều bị trói tay sau lưng và đeo ở cổ 1 đồng tiền. Họ gồm 2 hoặc 300 người bị dẫn độ về Phú xuân (tại Nam kỳ thượng) trong tình trạng đó. Nếu bỏ trốn mà bị bắt lại, họ sẽ bị xử tử liền tại chỗ. Đó là trường hợp của 1 hoạn quan đã bỏ trốn từ 2 ngày nay. Quân TS ra lệnh cho dân làng ông phải đem nộp ông ta ngay nếu không cả làng sẽ bị cướp phá hoàn toàn. Dân làng buộc lòng phải tuân lệnh và vị quan khốn nạn này lại rơi vào tay của quân TS «bạo tàn». Chúng liền xử tử ông và treo đầu ông bên lề đường... 1 hoạn quan khác trốn đi đã được 1 ngày thì chúng hay tin và cho người đuổi theo. Nhưng vì ông không dám về nhà, chúng bắt dân làng phải nộp cho chúng người anh (hoặc em) của ông nếu họ không muốn cả làng họ bị phá hủy. Rồi chúng mang người anh (em) đó theo các tù binh khác. Nhưng tới 1 quãng đường thấy không có cách nào bắt ông này cung khai cả nên chúng đành thả ông ra. Quân TS chỉ muốn moi tiền của các tù binh thôi nên nếu gia đình bà con họ đến đón đường xin chuộc cho họ chúng chịu liền, (nếu họ nhận điều kiệu của chúng). Thật là 1 cảnh tượng «đau lòng» khi thấy cha mẹ, anh em, vợ con (?) và họ hàng các hoạn quan vượt mấy dặm đường đi theo họ từ thủ đô tới 1 làng xa xôi hẻo lánh, vừa khóc vừa rên rỉ y như đi đưa đám, rồi lại nhìn và nghe họ từ biệt nhau bằng những lời lẽ thật thắm thiết và cuối cùng chứng kiến cảnh quân T.S. tàn nhẫn thúc dục những nạn nhân bạc mệnh và khốn nạn của họ lên đường. Đó là việc mà tôi đã chứng kiến tận mắt.

Ký tên Thomas Diên
Linh-Mục người Bắc kỳ.

Nhưng vì loại người đó rất khả ố và đáng khinh đối với nông dân Bắc kỳ, công chúng không chú ý mấy tới sự thất sủng của

họ, và vì phần đông họ thù ghét Thiên Chúa giáo, nên đạo này chẳng tổn hại gì khi họ chết cả.

Ngày 18-12-1788.

Nhật ký về những sự kiện đáng ghi nhớ trong địa phận Giáo Hội Bắc kỳ về chính trị, dân sự, tôn giáo từ tháng 10-1788 cho tới cuối tháng 7-1789.

... Tiếm vương ấy [Bắc vương] đang bận xây tại Huế, theo 1 lá thư của đức ông La Bartette đề ngày 17-8 và nhận được ngày 24-10, 1 pháo đài rất cao rộng đã làm chết rất nhiều người [thợ], để bảo đảm thành phố đó chống lại mọi sự đánh úp hay công kích của Tự quân chính thống vì ông không ngớt lo sợ Tự quân trở về nay mai. Đức Ông nói thêm rằng có tin đồn Bắc vương sẽ phải ra Bắc kỳ vào tháng 11.

Ngày 25-10, tôi nhận được 1 lá thư gửi tới từ hoàng thành đề ngày 21 báo rằng khi hoàng đế Trung Hoa được một đơn thỉnh nguyện của mẹ và vợ (38) Chiêu Thoung đã ẩn náu tại đế quốc đó, thông tri cho ngài vận khốn nguy của vua Chiêu Thoung, theo lời đồn, Hoàng đế cho gửi 300.000 người vừa đi bộ lẫn đường bể sang cứu vua Chiêu Thoung chống quân T.S. Đồng thời tôi nhớ rằng các lãnh tụ đảng Ô Bắc kỳ hình như phấn khởi bởi tin đó. Mới đây có âm mưu công kích giặc T.S. khắp nơi ngõ hầu tiêu diệt họ. Nhưng kế hoạch hay ấy không thể hành được, hoặc vì kế hoạch bị phát giác kịp thời, hoặc vì người chủ mưu dự định đó không dám hành động. Ngày 18-11 tôi đọc 1 lá thư đề ngày 20-9 của đức ông La Bartette gửi cho ông Le Breton trong đó Đức ông cho biết rằng: Tiếm vương Phú xuân hay Bắc vương vừa mới phong cho con trai ông làm Nam vương lúc đó mới có 7 tuổi, nhưng hoàng tử đó được coi như được 12 tuổi.

vì theo như lời đồn, các quan muốn nịnh người cha nên tặng cho người con nhiều tuổi hơn (39).

2') Bắc vương đã ấn định ngày 11 tháng 10 [âm lịch] tức ngày mồng 8 tháng 11 là ngày ông tự phong mình làm Hoàng đế dưới danh hiệu « Quang-Trung » (có nghĩa là ánh sáng trung ương tức là theo sự giải thích có lẽ đúng nhất, mặt trời của vũ-trụ) đồng thời ông đang bận tính 1 kế hoạch vĩ-đại theo như 1 sắc lệnh ban bố ngày 6-10 [âm lịch] hay ngày 3-11 gởi cho Đại thần Đại tư Mã và tất cả các quan hay sĩ quan Tây Sơn làm việc tại Bắc kỳ; ngày 19 1 giáo đồ Bắc kỳ rất thân với Đại tư Mã có cho bản sao của sắc vị đó. Tự văn bản đó như sau:

« Bởi sắc lệnh này ta cho các tướng Đại tư Mã, Đại đốc (40) và các sĩ quan khác biết rằng từ trước tới nay các vua chúa đều lấy luật pháp để cai trị thần dân và duy trì hòa bình, nên ta cũng noi gương các vị tiền bối mà đánh dấu ngày khởi đầu triều-đại ta bằng cách soạn ra 1 bộ luật để dân chúng sống trên đất đại ta nghiêm ngặt tuân theo. Vì thế ta đã giao cho các quan tư pháp và tham chính viện nhiệm vụ hoàn tất tác phẩm đó trong 1, 2 tháng. Trong khi chờ đợi ta ban bố vài pháp quy yêu cầu mọi người và mỗi các ngươi đứng đắn thi hành. Nội dung điều lệ đó như sau:

1') Nếu 1 sĩ quan hay binh lính nào phạm tội gì, các quan văn võ sẽ họp lại để xử họ và nếu họ đáng bị xử tử họ sẽ bị kết án tử hình.

2') Song le trong thời chiến tranh, mỗi lần 1 vị chỉ huy sai bộ hạ mình đi đánh địch, bộ hạ đó phải tuyệt đối tuân theo, người nào tử trận 1 cách can đảm sẽ được vẻ vang. Trái lại ai vì sợ chết mà bỏ trốn sẽ bị sỉ nhục Bởi vậy ta cho phép xử tử tức thì những kẻ trốn bổn phận cũng như những kẻ cho địch có thời giờ dưỡng sức lại và tấn công vì hèn nhát hay vì chậm-chạp; sau rồi các tướng lãnh phải báo cáo hành động của họ trong trường-hợp đó.

3°) Khi chiến tranh chấm dứt và khi quân đội trở về kinh đô và được trả lại cho chính quyền, không một quan chỉ huy nào được tự tiện xử tử 1 người ngang quyền hay ngang chức và ai mà vi phạm luật này sẽ không có hi vọng được khoan hồng.

4°) Mỗi lần xảy ra chuyện gì liên quan đến quốc gia hay công ích, mọi người đều phải lưu ý ngay đến việc đó kẻo 1 sự chậm trễ nhỏ nhặt cũng có thể gây trở ngại cho công việc. Thời bình, sự mau lẹ đó cũng cần thiết rồi, huống chi tại Bắc kỳ nơi cuộc chiến càng ngày càng ác liệt, 1 cuộc chiến mà các ông phải coi như việc trọng yếu bởi vì mỗi giây mỗi phút có thể mang lại nhiều sự thay đổi bất ngờ liên tiếp theo nhau như gió, như chớp hay như hơi và những biến chuyển đó lúc thì thuận, lúc thì nghịch thành thử không thể căn cứ trên cái gì chắc chắn được. Bởi vậy mỗi khi nhu cầu quốc gia hay tình hình chiến tranh bắt phải họp để thảo luận về những việc phải làm và mỗi khi ngày giờ họp được ấn định, các quan văn võ sẽ phải họp ngay lập tức vào ngày giờ đó [238] để bàn bạc và quyết định với nhau. Nếu bất đồ có người vì sơ xuất mà quên tới nơi họp đúng giờ, ta cho phép Tư Mã và Đại Đô đốc phạt họ tùy theo lỗi nặng hay nhẹ.

5°) Nếu mỗi khi thuộc hạ quan chỉ huy chi đội hay thuộc hạ của ông đi đuổi bắt kẻ gian, đáng lẽ bảo vệ và che chở dân vô tội và hiền lành họ lại cưỡng đoạt của cải của dân gian, áp bức đàn bà con gái, hay cướp phá những nơi họ đi qua thì cách cư xử đó thật đáng trách và chỉ mang đến cho dân chúng đáng thương sẽ đau khổ và thất vọng, vì họ phải chịu nhiều tai vạ hơn dưới thời ác quỉ Nhậm hay Tiết chế. Họ cư xử như vậy thì làm sao dân chúng yên lành được? Và làm sao gọi hành động đó là giải phóng dân chúng khỏi áp bức, và làm sao phạt thủ-phạm cho được? Vậy ta ra lệnh cho các sĩ quan phải công-bố trong trung đội hay binh đoàn mình điều nghiêm cấm, không được lấy bất cứ vật gì của dân dù là 1 ngọn cỏ, như ta không ngớt tuyên cáo trước đây. Các sĩ quan sẽ chắc chắn làm

vừa lòng ta và đúng theo tình ý ta nếu hết sức thi hành điều nghiêm cấm đó. Ai cư xử như vậy có thể tin rằng sau khi chia sẻ cùng ta những nỗi khổ nhọc và những mối hiểm nghèo của thời chiến này, họ cũng sẽ chia sẻ thanh danh và hưởng thú vui thời bình cùng ta. Vả lại nữa, không ai có quyền dựa vào sự vắng mặt hay sự xa cách của ta để phiền nhiễu cướp bóc dân chúng và uy hiếp đàn bà con gái. Chỉ khi nào ngưng và dẹp được những bạo hành đó, họ mới có thể tự phụ giữ nổi chức vụ và bảo đảm an ninh cho cá nhân và gia đình họ, bằng không, đừng mong gì ta dung thứ họ.

Đó là những điều ta muốn các ngươi phải biết.

Ngày 3-10 [âm-lịch] năm Thái đức (Tiếm vương Nhạc) thứ 11 ».

Lúc đó Bắc vương chưa thực-thụ tự xưng hoàng đế dưới danh hiệu Quang Trung (41).

Ngày 29-11 tôi được tin trấn thủ xứ [Sơn] Nam của TS tên là Đốc Thung (42) vừa mới có ý định sai người đi lùng bắt các giáo sĩ với hi-vọng làm giàu nhờ sự bắt bớ đó... [239]... Ngày 13 tháng 11 (?), 2 người lính Bắc kỳ, thuộc quân đội T.S. chạy trốn đến nơi chúng tôi ở và kể lại rằng quân Nam kỳ đã bị đánh tan trong 6 cuộc giao chiến ; 1 số lớn tử trận, quân còn lại thì tầu tán. Tin đầu đó được tiếp theo nhanh chóng bởi nhiều tin khác : Chiều ngày 15 và hôm 16, Đại tư Mã và các sĩ quan TS khác đã rời bỏ thủ đô và chạy trốn với đội ngũ, khí giới và hành lý họ. Nhưng không thấy ai bị bắt cả. Ngày 17, 1 phần quân đội Trung Hoa vào thủ đô cùng với vua Chiêu Thoũ. Ngày 19 sứ giả của hoàng đế Trung Hoa là đại-tướng chỉ huy quân đội thiên hoàng tên gọi là Toũ đốc (43) đã nhiệm mệnh và tuyên bố Chiêu Thoũ làm vua Bắc kỳ. Viện binh Trung Hoa gồm độ 280.000 người, một nửa đóng trong thành-phố, nửa còn lại ở bên kia sông. Quân đội đó được cung cấp rất nhiều lương thực cần thiết mang từ bên Trung Hoa sang. Thành thử họ không phải là 1 gánh nặng cho Bắc-kỳ và không hề quấy

nhiều dân chúng. Quân Trung Hoa đã phá tan tất cả các đồn vệ binh do quân TS lập trong kinh thành hay trong vùng lân cận. Người Nam kỳ nào rơi vào tay chúng đều bị xử tử không tha 1 ai (44).

Đó là yếu lược 1 lá thư của 1 linh-mục trông coi giáo dân hoàng thành viết cho tôi đề ngày 26-12 và tới tay tôi ngày hôm sau. Nhưng đấy không phải là cách duy nhất cho chúng tôi biết tin tức về sự thất bại của địch [TS] : từ ngày 17, các làng mạc đánh trống đề đánh dấu sự vui mừng của họ vì trống [240] tuy là 1 nhạc khí được dân Bắc kỳ rất ưa chuộng đã bị cấm đánh và ngưng xử-dụng từ ngày quân TS làm chúa tề xứ này. Chẳng bao lâu các đồn do địch chống giữ tại xứ Nam bị phá hủy hết. Chính quân địch cũng bị công-kích bởi dân cư các làng. Họ còn nhiều khi cướp bóc và tàn sát chúng. Chúng rút lui về xứ Thanh-hóa tại doanh trại cũ của chúng và đóng đồn phòng ngự tại đó. Quân Trung Hoa chẳng hề lo ngại việc ấy làm dân chúng lấy làm ngạc nhiên vì ai cũng tưởng thế nào họ cũng đuổi kỳ được quân TS không cho chúng có thì giờ nghỉ ngơi trước khi rút ra hết khỏi vương-quốc. Thái độ hay tính khinh địch của quân TH đầy ngạo khí vì đã thành công chống 1 kẻ địch lợi hại làm cho những người biết suy nghĩ e sợ và tiên đoán những biến chuyển về sau.

Cũng ngày 27-12 tôi nhận được mấy bản văn thư từ thủ đô gửi tới những biến cố đã giúp Chiêu Thoũ lấy lại ngai vàng của ông. Vì những sắc lệnh đó chứa nhiều điểm kỳ khôi đáng biết nên tôi đã tóm tắt hoặc dịch những bản đó dưới đây:

Sắc lệnh thứ 1 là 1 lời tuyên ngôn hay khuyến cáo mà đại thần TH đảm đương việc canh chừng biên giới đế quốc và Bắc kỳ gửi cho các quan dân Bắc kỳ, trong đó họ mô tả 1 cách cảm động những nỗi khốn khổ của vua Chiêu Thoũ. Họ trách các quan dân Bắc kỳ đã không chịu hợp tác với nhau bằng những lời lẽ thiết tha và giảng cho họ hiểu những hậu quả đáng tiếc không thể tránh được của thái độ đó. Họ khuyến khích mọi

người đoàn kết lại và cùng nhau vùng dậy chống cừu địch chung, nhất định giải thoát nhà vua và tổ quốc họ. Họ kêu gọi quan dân suy nghĩ kỹ vì chỉ có cách đó mới bảo toàn được danh dự họ [quan dân] và mới tránh cho họ sự chê bai của thiên-hạ. Họ còn thêm rằng: nếu quan dân Bắc kỳ chịu hành-động như vậy, họ sẽ không quên báo cáo cho Thiên hoàng biết và quan dân sẽ xứng đáng được Thiên hoàng bảo trợ và sủng ái hơn. Ngài sẽ nhớ đến lòng nhiệt thành và công trạng của các quan dân và việc đó sẽ được vĩnh viễn lưu truyền trong sử ký đế quốc [TH]. Sau đó, từ lời khuyến dụ đến lời dọa nạt cho đến lời khoe khoang (kiểu người TH), họ tuyên-bố với các quan Bắc Kỳ mà họ coi như trẻ con rằng nếu các quan từ chối không chịu nghe những lời khuyên bảo khôn ngoan đó, họ cũng sẽ báo cáo cho Thiên hoàng biết và ngài thế nào cũng trừng trị họ [quan Bắc kỳ] (45) Các quan phải biết rằng lực lượng quân sự của đế quốc thật là ghê gớm, rằng TH không thiếu tiền và lương thực và quân TH đi đến đâu thì không 1 thành lũy nào mà họ không phá hủy được, không 1 pháo đài nào mà họ không triệt hạ được. Quan dân Bắc kỳ hãy thức tỉnh khỏi cơn mê say cuồng loạn của họ bằng cách rời bỏ phe giặc, kẻ thù của quốc gia dân tộc để trở về với vị vua chính thống của họ. Bằng không, Thiên hoàng sẽ gửi sang đây 1 đạo quân mạnh mẽ đến nỗi đi đến đâu đá phải nát, ngọc phải tan để bắt họ trị tội. Lúc đó, họ chỉ còn nước tự trách mình vì đã không sáng suốt kịp thời để né tránh tai họa. Bởi vậy, họ hãy cân nhắc thật chín chắn nên theo phe nào và bàn cãi kỹ càng với nhau phải hành động ra sao trước khi báo cho các vị quan TH biết ý kiến của họ. Các vị này sau đó sẽ báo cho Thiên hoàng biết kết quả. Trong khi chờ đợi, Thiên hoàng đã sai 1 danh tướng TH cùng với 1 đạo quân gồm 4 binh đoàn đuổi theo giặc Nhạc để giết hắn cùng các tướng cướp khác vì tội hắn thật quả đáng chết. Các quan TH còn nhắc lại rằng: «Nếu sau khi đọc cáo thị này các ông rời bỏ phe giặc để về quy hàng nhà vua và dẫn cả hoàng tộc trở về thủ đô, Thiên hoàng sẽ tha tội

các ông. Nhưng nếu các ông vẫn còn mê muội, không sợ cơn phẫn nộ của ngài mà còn cố chấp, ngài sẽ gửi thêm 800.000 người qua đường thủy và đường bộ để bắt hết thầy các ông hòng trị tội Chắc hẳn từ khi có xứ Bắc kỳ cho tới nay, chưa có 1 cuộc chinh phạt nào lớn như vậy. Dù các ông có khinh thường lệnh ngài, các ông cũng sẽ bị tiêu diệt và không có 1 người nào trong các ông có thể than phiền là chưa được cảnh cáo trước».

Bài sau đề ngày 17-12 là 1 bài khuyến cáo của 3 đại-tướng TH gửi cho dân Bắc kỳ Nội dung bài này như sau: *Từ khi quân đội Thiên-hoàng lên đường vào Nam nhanh như hỏa-tốc, lẹ như chớp bão, dữ tợn như sấm sét, họ mới tới 1 con sông thì đã gặp địch quân. Họ đã giết hơn 1000 tên địch và đánh đuổi lũ tàn quân rồi đem vua Chiêu Thoũ trở về thủ đô bình an vô sự. Họ không chậm trễ khi đuổi theo giặc tới nơi trú ẩn cuối cùng của chúng (46) để tiêu diệt cả giống chúng. Chúng ta cho toàn dân Bắc kỳ hay biết rằng khi Thiên hoàng được tin các người trở thành mồi cho lũ giặc Tây Sơn, ngài đã cảm kích tình trạng bi đát ấy và đã gửi viện binh sang để giải thoát các người khỏi cảnh giông bão và khói lửa. Chúng ta cũng xin nói rằng đội ngũ của Thiên-hoàng đi đến đâu cũng đều để yên cho dân lành làm ăn, không gây 1 tổn hại nào, Chúng ta còn phái sĩ quan đi khắp nơi để dò xét xem có tên lính nào xâm nhập gia cư dân chúng để ăn cướp không và chúng ta cỏ ra lệnh xử tử tất cả những tên này và đem bêu đầu chúng dù chúng chỉ ăn cắp 1 ngọn cỏ. Như vậy toàn dân đều có thể an tâm làm việc hàng ngày như thường không phải lo sợ cho số mạng mình hoặc bỏ nhà cửa ra đi. Sau hết, nếu chẳng may quân TS có ẩn náu tại nơi nào đó, các ngươi phải cố kiếm ra vị-trí của chúng đặng đi thông báo cho quân đội T.H. Ai trái lệnh này và chứa chấp chúng trong nhà sẽ không mong được sống sót mà còn chịu chung số phận như chúng. Chúng ta xin thông báo cho các ngươi trước để sau này nếu có phải chết thì đừng hối-hận.*

Bản thứ 3 là 1 sắc lệnh trong đó Hoàng đế Kiền-long tuyên bố lập ông hoàng Chiêu Thoũ làm vua Bắc kỳ. Đây bản

dịch bài đó: *Ta thừa mệnh trời mà làm Hoàng đế muốn mọi người biết rằng:*

1) Mối quan tâm của người cai trị 1 đế-quốc là duy-trì hòa bình trong hay ngoài đế-quốc mình.

2) Không có việc thiện nào đáng giá hơn sự giúp đỡ kẻ khốn khổ khỏi bị áp bức và sự biểu-lộ tình thân hữu lớn nhất là nâng đỡ kẻ bị sa sút và phục-hồi tài-sản họ.

Căn cứ trên nguyên-tắc đó, bổn phận đầu tiên của những công dân nào đã từng được hưởng ân huệ của quốc vương họ và đã cha truyền con nối chức vị cao. Khi nước họ bị đe dọa bởi sự tiêu diệt và dân họ phải sống trong sự hỗn loạn và sự quấy nhiễu (bổn-phận đầu tiên của họ, tôi nhắc lại) chắc hẳn là hợp sức để phá tan kẻ thù, để cứu tổ quốc điêu-tàn của họ và phục-hưng mọi sự sao cho từ rầy trở đi từ trong ra ngoài chỉ là hòa bình và an-ninh. Mới đây tự quân vương quốc Bắc kỳ tên là Lê duy Kỳ ngay sau khi tổ phụ ông thăng hà đã bị áp chế bởi 1 người giòng họ Nguyễn Nhạc — tên này đã tàn phá vương quốc và chiếm lấy ngọc tỷ — và bắt buộc phải rời bỏ kinh-thành và xứ sở ông để lang thang đây đó rồi sang ẩn náu tại đế quốc ta. Nhân trong tình trạng đau đớn đó, quốc vương nhớ rằng từ 180 năm nay Bắc kỳ thuộc về đế quốc ta và nộp cống cho ta và thấy quốc vương đó không có tham vọng nào hơn là bảo tồn di sản do tổ-tiên ông để lại gồm có 16 tỉnh với điều kiện cũ, không nghĩ tới tăng rộng nó, ta động lòng trước bĩ vận của ông và muốn ông kính phục ta thêm nữa, ta đã gửi 1 đạo quân chống kẻ thù ông để cho chúng biết uy-lực của ta và để giải phóng Bắc kỳ khỏi sự áp bức của chúng rồi bồi phục ngai vàng cho quốc vương. Đồng thời ta cũng khuyến cáo các thần dân ông phải đoàn kết để đánh đuổi kẻ địch. Sau hết, đạo quân của ta chỉ huy bởi tướng Đại Nhân (47) (đặc sứ [241] của Hoàng đế) sau khi đánh đuổi quân địch và chấm dứt nỗi thống khổ và sự lưu vong của quốc vương đã dẫn ông về thủ đô ông bình an vô sự và đã khiến thần dân ông hàng phục ông. Vậy được toàn quyền quyết định,

tướng Đại-Nhân đã nhân danh ta tuyên bố là từ rày ông là vua Bắc Kỳ [tức An-nam quốc vương] và thay mặt ta ban cho ngài 1 ngọc tỷ mới».

Sau đó, nói thẳng với Chiêu Thoũ, Hoàng Đế kết thúc như sau: *Ông hãy cố gắng sửa đổi các tệ tập và an bình lại xứ ông theo mệnh lệnh và ý định của ta. Ông hãy sống yên vui với thần dân ông. Ông hãy canh chừng cẩn thận biên giới, đừng nhãng bỏ việc nước và chớ tự đặt ông vào thế mất nước 1 lần nữa vì quá tin tình trạng hòa bình hiện tại bởi sự tin tưởng đó có thể bị trả bằng 1 giá rất đắt. Làm như vậy, ông sẽ thực thụ chứng minh lòng biết ơn của ông đối với ta vì hai ân huệ mà ta đã ban cho ông (phục hưng đất nước ông và vương chức ông) và mới mãi mãi duy trì lãnh thổ ông. Ông hãy nhớ lời khuyến cáo này của ta. Ta chào ông.*

Ngày 10 tháng 11 năm Kiền long thứ 35 (tức là ngày 7-10-1788).

Sau cùng bản thứ 4 gửi đến tôi làm tôi ngạc nhiên là bản thảo 1 lá sớ do 1 linh mục trông coi giáo đồ ở kinh thành gửi cho 1 bạn đồng liêu của ông ta trú ngụ gần nơi tôi ở. Đơn thỉnh nguyện này được mấy vị quan theo công giáo, bộ hạ mới của vua Chiêu Thoũ, nhận trình lên...

[242]... Trong khi quốc vương đang cho lùng bắt vài vị quan có tội [phản bội] trong số đó có 2 vị bị kết án tử hình vì năm ngoái đã nộp em ông cho Tiếm vương Phú Xuân (để bị xử tử như tôi đã kể trước đây), quân đội Thiên hoàng hay «Tiên triều» (48) đó là tên mà sĩ quan và binh lính Trung hoa tự đạt cho họ vì lòng kiêu căng thậm tệ của chúng — chỉ thao diễn hay vận động quân sự để phô-trương hơn là vì thực ích và chỉ nghĩ tới ăn mừng năm mới vào ngày 26-1 hơn là lo về quân Tây Sơn. Quân này, 1 mặt phấn khởi bởi sự thờ ơ và tính nhút nhát của chúng, mặt khác kích thích bởi lời đe dọa và sự e sợ cơn phẫn nộ của Hoàng đế Quang Trung hung bạo khi ông

hay tin chúng tháo lui (49), tha hồ cướp phá trở lại. Tại những nơi chúng đóng, chúng cho mộ 1 cách rất nghiêm ngặt nào là binh lính, tiền bạc hay lương thực. Chúng đốt phá các làng mạc đã hoan hỉ chứng kiến mối nhục nhất thời của chúng, hay đã tiếp đón binh đội Bắc kỳ, hay không đủ tư cách chịu đựng sự trưng thuế mới. Ngày 16-1, 2 học trò trường Kẻ Vinh (50) của chúng tôi, gần vùng quân « giặc » đóng, đến nhà tôi cho tôi biết rằng hôm trước quân Tây Sơn đã đốt thành tro 1 làng lớn gần sát cạnh Kẻ Vinh. [265] [dân Bắc kỳ] thấy quân Trung Hoa, những kẻ tự hào là người đến giải phóng họ, chẳng làm nghĩa vụ dẹp loạn TS, hồi tỉnh khỏi cơn say mê (nhất thời), hết tin tưởng nơi những tên lính Thiên triều đó. Thay vì ca tụng chúng như trước, họ bắt đầu công khai chỉ trích tình trạng bất động và tính cách khiếp sợ trước quân TS của đạo quân này. Chẳng bao lâu sự hoan hỉ của công chúng, nhất là của những kẻ theo tà giáo [tức là theo Tam giáo] nhường chỗ cho sự thất vọng ê chề. Những người trên đã đóng góp tiền bạc để xây lại và sửa chữa những đền chùa đã bị địch phá phách, cũng để tỏ lòng tôn kính đối với những vị thần của họ nhân những buổi hội hè, chè chén, ăn uống thô tục. Ngày nào cũng vậy, người ta chỉ thấy các *sứ giả* đem hung tín về tới thủ đô. Trong khi đó, các sĩ quan Trung Hoa, bỏ qua tai những lời kêu than và vô tình trước những đại bại, chỉ biết kêu gọi Tư Mã và quân Nam kỳ đầu hàng hay ra giao chiến thử tài. Địch nhận sự thách đố đó sớm hơn quân Tầu tưởng và sự thành công của họ giống như người ta đã tiên đoán và báo động mặc dầu phần đông dân chúng vẫn chưa chịu tin. Quả nhiên, hoàng đế Quang Trung mà nhiều người Bắc (nghe theo lời tuyên truyền của TH) tưởng đã tạ thế, rời Phú xuân khi hay biết về tình trạng nguy cấp của sự nghiệp ông nếu ông không ra Bắc kỳ. Ông tiến như vũ bão ra Bắc và chỉ mất có 1 ngày, không quản đường xa khó nhọc đã giết chết nhiều ngựa voi của ông, trong khi người khác phải mất 3, 4 ngày. Từ ngày 20-1, quân TS do Tư Mã chỉ huy đâm ra lên tinh thần vì biết ông sắp tới. Một trung đoàn vài ngàn lính TS đã tấn công 1 biệt đội lớn Bắc

kỳ ở gần Kẻ Vinh. Chiến thắng, họ [TS] tàn phá cả một vùng giáp nơi xảy ra cuộc giao tranh. Sau đó, trung đoàn này được sát nhập vào binh đoàn được Quang Trung giao cho nhiệm vụ tiến trước về phía thủ đô, được lệnh đột kích ngay quân Tầu, không phải chờ quân tiếp viện. Khi binh đoàn này vừa tới xứ Nam sau khi đi qua Thanh Hóa, thì binh lính TS đã lan tràn ở chung quanh vùng tôi ở như một lũ chó săn háu đói. Ngày 24, chúng bắt tôi phải bỏ trú sở của tôi đi sang làng khác giữa ban trưa nóng bức. Nhưng vài tên cướp ngày đó lại đi theo tôi, vì thế tôi lại phải đánh lừa chúng đi ẩn trốn tại 1 nơi tương đối an ninh hơn, trọn ban đêm. Ngày hôm sau là ngày thánh Paul cải giáo và là ngày chủ nhật thứ 3 sau lễ cứu chúa hiển hiện, ngoài sự đau đớn không được tổ chức và dự lễ mét, tôi còn nhận được tin địch vào nhà tôi (mà tôi mới bỏ ngày hôm trước) và chiếm cứ nó. Chúng còn cướp phá các nhà tư nhân nào có đồ vật khả dĩ chúng đem theo được, lục lọi khắp nơi và đào đất tìm gạo hay tiền bạc mà dân cư kiếm cách giấu không để lọt vào tay chúng. Vùng này có 9, 10 làng và tất cả các làng này đều bị những tên cường đạo tràn ngập cùng 1 lúc [266]. Vài làng bị hoàn toàn phá hủy đến nỗi dân cư phải lâm vào cảnh đi ăn xin. Người ta phải *bất nhẫn* trước cảnh bần cùng và chết đói gây bởi quân TS vì tại khắp vùng không ai có thể làm phúc cho hàng ngàn người bất hạnh này... [sự đào tẩu của tác giả] tôi phải lang thang khắp nơi, với đủ hạng người, phần đông theo tà giáo, vì quân địch đang lùng bắt.

Ngày 26 hay 27 tháng 1, hoàng đế Quang Trung đi qua xứ Nam và trực chỉ thủ đô. Ngày 28 ngài tới Ke Vôi hay Hà koi (51), 1 thị trấn cách thủ đô có 1 ngày rưỡi thôi, và nghỉ tại đó. Người ta nói với tôi rằng, có 1 tướng TH tên là Đô Khou Coung (52) đến gặp ngài tại đó để báo tin cho ngài biết là Hoàng đế Kiền long vừa gởi 1 đại binh tới tiếp viện cho Bắc kỳ. Quang Trung giả vờ không tin điều đó nhưng ngài biết rằng ngài chỉ còn 2 đường để chọn: 1 là phải ra qui hàng, 2 là sửa soạn giao chiến vào ngày thứ 6 năm mới tức ngày 31-1.

Vài ngày trước đó, các tướng TH, vì tự phụ, cho công bố tại tất cả các khu phố kinh thành 1 bản cáo thị kêu gọi công chúng đến làm chứng và mục kích tại chỗ trận chiến sắp xảy ra. Chúng còn hứa sẽ bao vây và bắt trọn quân TS và trao giải thưởng cho ai có thể khuyến dụ Quang Trung đích thân tấn công chúng tại thủ đô Bắc kỳ vì như vậy sẽ tránh cho họ đỡ mất công đi tìm kiếm ngài. Mặc thái độ phách lối ấy, lời thách của họ được chấp nhận và ngày tốt lành được ấn định bởi quân TH mê tín, nhưng Quang Trung, khôn ngoan hơn đã ra tay trước ngày đó. Ngày 28-1 tướng Đại Tư Mã tấn công liền mấy tiền đồn của TH. Quân TH bị đánh bất ngờ và không kịp điều động binh lính đi cứu viện vì họ không đề phòng trước. Song le, người ta thừa nhận rằng có 1 số lính TH bỏ chạy hôm ấy nhưng hôm sau ngày 29 họ bình tĩnh trở lại, quyết tâm đánh đuổi địch, giết và gây thương tích cho nhiều lính TS và khá đông voi trận. Sự kiện này làm Quang Trung lo ngại. Ngày 30-1 [267] Quang Trung rời Kẻ Vôi trên lưng voi và đến chung sức, khuyến khích đội ngũ ông nhưng khi thấy họ chiến đấu không được hăng hái lắm, ông liền bỏ voi và dùng ngựa. Theo lời đồn, ông đeo 2 cái đoản đao (gươm) và chạy ngang dọc chém rơi đầu nhiều sĩ quan và binh lính TH làm rất nhiều người chết về tay ông. Ông luôn mồm hô xung phong và lúc nào cũng ở trận tuyến đầu. Lúc bấy giờ 1 số ít tàn quân TH, bị rối loạn hàng ngũ, lại bị đồn ép và bị tấn công cả 4 mặt, thấy hậu vệ đội Bắc kỳ nao núng, chúng liền bỏ cuộc và chạy thẳng về thủ đô. Quang Trung dẫn quân TS đuổi theo chúng bén gót, phá được 1 cửa thành và làm chủ tình thế. Theo bản trần thuật sát sự thật nhất, quân TH đã thiệt hại trong trận này hơn 10.000 người, ít nhất là 1/3 bị chết đuối khi chen nhau qua sông trên 1 cái cầu phao (vì không chịu nổi sức nặng của hàng ngàn người nên cái cầu này liền sụp xuống), 2/3 còn lại bị dẫm (hay chém) nát hoặc bị bắt làm tù binh. Quân TS thì cố giấu giếm tổn thất của họ. Ai cũng nói rằng ít nhất là có 8000 lính TS bị giết trong số đó có 1 sĩ quan cao cấp (cũng là dũng sĩ của Quang Trung) tên

là Đo Đoc Lân (53). Ngài [Quang Trung] biểu lộ sự thương tiếc ông này bằng cách cử hành long trọng tang lễ cho ông giữa khi chiến trận còn sặc mùi tử khí. May thay, vua Chiêu Thoũ đã trốn đi được với mẹ ông vừa từ TH trở về từ hôm trước hay 2 ngày trước cùng với hoàng gia. Họ chạy lên xứ Bắc cùng Toung Đoc (54) (là người đầu tiên bỏ trốn) và 1 số lính còn sót lại của «đại quân» TH. Vị quan dũng cảm nhất của TH có lẽ là Diên Chu Mai Thu (55) chỉ huy độ 1000 người. Khi bị quân TS vây chặt, ông vẫn cố thủ đồn ông 1 cách can đảm tới tận sáng 31; cuối cùng thấy không có hy vọng thoát thân, ông liền tự tử, binh lính của ông bị địch giết sạch. Không chậm trễ, Quang Trung sai tướng Tư Mã dẫn 1 phân đội kỵ binh đuổi theo tàn quân TH. Tới 1 con sông tên là Soung Thoung (56), 2 bên đánh nhau lần nữa và Tư Mã bị thua liên tiếp 2 trận lại còn bị địch bắt sống. Nhưng theo 1 nguồn tin khác, ông đã rút lui sau khi bị thiệt hại lớn. Những lời đồn về trận này xung khắc nhau nhiều quá nên tôi không dám bảo đảm bất cứ nguồn tin nào. Có 1 điều chắc chắn là từ khi cuộc giao chiến đẫm máu ở Hoàng thành chấm dứt (và từ ngày 30-1) có nhiều tin đồn rằng quân Thiên triều sắp trở lại. Nhưng tới hôm này, ngày 30-3, người ta vẫn chưa thấy chúng đâu và có lẽ chẳng bao giờ người ta còn thấy chúng nữa. Dù sao chúng không thể nào mà trở sang ngay được. Hiện nay, dân Bắc kỳ đều coi chúng là ngu xuẩn mặc dù họ có tin cậy chúng lúc ban đầu.

Trong khi chờ đợi, Quang Trung đề đề phòng 1 cuộc xâm lăng bất ngờ đã cho xây trong 3 ngày 3 đêm liền, chung quanh điện vua Chiêu Thoung, 1 mô đất dầy 20 «piê» (57) và cao 12 «piê». Về việc này, ông La Mothe đã phải thốt lên rằng: «Thật là hiếm những người đáng sợ và quỉ quyệt như ông ta! Ông ta đã cho đem về Phú Xuân và về lân kinh đô của ông [Quang Trung] bằng đường bộ chứ không phải bằng đường thủy (vì ông sợ tàu bè chất nặng quá có thể chìm xuống đáy biển hoặc gặp bão giữa đường) 2, 3000 cỗ đại bác và súng thần công (chiến pháo), không biết bao nhiêu là súng dài và khí giới khác

cùng với vô số tiền bạc và (đại khái) tất cả những vật liệu quý giá bắt được của quân Tầu. Đó, kết quả của cuộc chinh phạt ấy là như vậy, nó đem đến đau đớn và nhục nhã cho quân TH và lợi lộc cùng vẻ vang cho quân TS.

[268] Cuối cùng, Quang Trung, sau 1 thời gian lưu trú tại thủ đô Bắc kỳ mà ông đã hoàn toàn phá hủy và biến thành trơ trọi, đã trở về Nam kỳ Thượng vào ngày mồng 2 5 mang theo nhiều voi nhưng ít người. Phần lớn quân đội của ngài đã tử trận, 1 phần lớn hơn nữa đã chết vì bệnh dịch và số còn lại mệt mỏi quá không đủ sức mang theo võ khí, nhiều người chỉ có thể lê lết nhờ 1 cái gậy thành ra họ thác dọc đường như rạ và tất cả đều nghĩ rằng không còn bao giờ thấy lại Phú Xuân nữa. Trước khi rời kinh thành Bắc kỳ, Quang Trung có lập 1 hội đồng gồm vài vị quan có nhiệm vụ duy trì mọi việc trong tình trạng cũ (của ông để lại). Các đội và các đồn vệ binh được đặt khắp nơi để mộ lính, thu thuế, (nộp bằng tiền, gạo hay bằng các thực phẩm khác), lập sổ điền địa ghi đầy đủ ruộng đất của các tư nhân mà chúng bắt nộp thuế theo ý chúng, và để duy trì áp lực trên dân chúng. Mục đích của chuyến đi [vào Nam] này là gì? Có phải để đi đánh ông hoàng muốn cướp ngôi vua Nam kỳ của ngài không? Chúng tôi chưa được biết rõ điều đó mặc dù có nhiều tin đồn được truyền đi về việc đó, từ lâu nay.

Tài liệu lưu trữ tại Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Ba lê (Sté des Missions étrangères de Paris).

Trích trong tập *Tonkin 692.*

■ 20-1-1790. Thư của ông La Mothe gửi ông Blandin (58) tr. 158-159.

... Ông Letondal có viết cho chúng tôi rằng Đức ông Adran đã trở về Nam kỳ hạ từ 5, 6 tháng nay thật, nhưng đường xá bị giặc [quân TS] canh giữ kỹ quá nên Đức ông không cho chúng

tôi biết tin ông. Tiếm vương dũng cảm và tàn bạo, chúa tể Nam kỳ Thượng và Bắc kỳ không mấy lo sợ quân đội gồm người Ấn độ, Xiêm, Trung Hoa và Bồ đào Nha... Ngay đến Hoàng đế TH cũng có vẻ vì nể tân Actila này vì ngài mới vừa phong ông làm vua Bắc kỳ qua trung gian 1 vị đại sứ (59), quên cả việc 50.000 binh lính TH đã chết vì tay Tiếm vương năm ngoái chỉ trong 1 cuộc giao chiến (thôi) (60); trận đó quân TH, được trang bị đầy đủ khí giới, từ súng cho tới gươm và đông gấp 10 quân Tiếm vương... Tiếm vương không thèm rời Nam kỳ để nhận «sắc phong» tại thủ đô chúng tôi (Bắc kỳ) và chỉ chịu phái 1 vị quan thường nhân danh ông. Ông này mặc áo của chúa ông [Quang Trung] làm vị đại sứ TH phải kính nể...

Ách TS còn được thích hơn ách quân Tầu hay nói cho đúng thì sự thống trị của họ dễ chịu hơn dưới triều đại các vị vua trước, vì họ không ngược đãi các tôn giáo và biết cầm giữ điều khiển lính họ, (dân chúng và đạo tặc mấy năm trước thường đốt phá nhà chúng tôi) thành thử nếu họ bớt đừng bắt dân chúng đáng thương phải đóng nhiều thuế quá và nếu họ bớt tàn nhẫn trong vài trường hợp có lẽ chúng tôi không mong đổi họ với 1 vị chúa nào khác.

Trích trong tập *Tonkin 700.*

■ Tr 1307-1309. Kẻ Vinh ngày 6-10 1786. Thư của ông Le Roy (62) gửi cho Đức Veren và các giáo sĩ khác tại Nam kỳ.

Tại xứ Nam, chúng tôi đã nhận được thư của Đức Veren và ông Toussain (63) mà một người lính tùy tùng Tiếm vương Nhạc đã đưa lại cho 1 linh mục của chúng tôi ở xứ Nghệ tên là Cha Tận, nhưng mãi lâu sau lúc Nhạc trở về [Qui Nhơn] cha người Bắc kỳ ấy mới gửi thư lại cho ông Breton.

... Ngày 16-7 quân địch [TS] được kẻ phản nghịch Coũ Chỉnh chỉ huy đã tới, bằng rất nhiều thuyền bè, cách trường của chúng tôi tại làng Kẻ Vinh 1 ngày đường. Chúng đi rất nhanh. Có vài người lính của 1 đại thần Bắc kỳ đã bắn vào quân Nam

kỳ, nhưng sau đó quân này vẫn giữ trật tự khi tới 1 thị trấn lớn tên là Vị Hoàng, nơi có 1 vựa gạo mới mang từ Nam kỳ ra. Quan quân Bắc kỳ đã bỏ trốn và địch liền chiếm cứ tất cả các đồn và kho của vương quốc nhưng họ không làm hại ai và vẫn trọng công lý khắp nơi. Dân chúng thấy họ cư xử nhân đạo như vậy chỉ chê cười quân « giặc » và không ai nghĩ tới cách ngăn chặn họ tới Hiến Nam (64), nơi trấn thủ chúng tôi ngụ. Họ ra chợ che chở dân chúng khỏi bị quân ăn cắp quấy nhiễu và chặt đầu liền tại chỗ không cần làm thủ tục, những tên bị nộp cho họ. Muốn được lòng dân hơn, có khi họ xử trảm ngay cả lính của họ vì mấy người này đã quấy nhiễu dân chúng ở chợ. Cuối cùng ông ta (người gửi thư) còn cho biết chúa Nguyễn vài ngày nữa, sẽ ra Bắc. Chúng tôi còn nghĩ rằng người Anh và người Hòa Lan sẽ đi theo ông vì người ta thường bàn tán tới tầu Âu châu, đại bác v.v... và các khí giới khác được thông dụng tại Âu châu. Ít lâu sau người ta thấy 1 chiến thuyền lớn của người em Nhạc (còn gọi là Đức Oũ) long trọng tới. Dân chúng Bắc kỳ dại khờ từ khắp nơi chạy tới coi các ông chúa và nghe nhạc của họ. Đêm 18-19 tháng 7 chúng tôi nghe thấy tiếng súng đại bác nổ cả đêm. Đó là 1 cuộc giao chiến giữa quân Bắc kỳ và kẻ địch tại Hiến Nam, Trấn thủ cũ của chúng tôi cùng vệ binh và con ông chống cự hết sức họ, nhưng vì sợ hãi xâm chiếm, binh lính họ bỏ trốn 1 cách hèn nhát ; và sau khi bị thiệt hại 200 người, quân Bắc kỳ không dám đụng độ địch nữa. Quân [TS] nhân lúc đang thắng thế, tiến thẳng ra kinh đô và ngày 20-7 chúng vào đó không gặp sự kháng cự nào. Thượng-đế đã lấy mất trí suy đoán của quan binh chúng tôi vì ai nấy đều thi nhau trốn chạy tán loạn và mặc hết để cứu cái mạng sống của họ. Người ta kể rằng lính Bắc kỳ chỉ bắn có 12 phát súng vào quân Nam kỳ thôi, rồi họ bỏ chạy và đốt cháy vài tòa nhà do đó 1-4 thành phố bị thiêu rụi. Địch có viết trên cờ họ chữ « diệt Trịnh phù Lê » bởi vậy chỉ có chúa Trịnh và bộ hạ cùng binh lính ông chạy trốn thôi. Gia đình nhà Lê ở lại kinh đô và 2 ngày sau khi chúng đến nơi, quan quân Nam kỳ đến ra mắt vua Cảnh Hưng với đầy đủ lễ nghi. Người ta tưởng ngài

đã băng hà nhưng ngài chỉ thác 1 tháng sau thôi. Trước khi mất đi, vị vua tuổi tác đó đã gả 1 công chúa cho Đức Oũ (65) Chạy được 1, 2 ngày thì chúa Trịnh bị chính thần dân ông bắt lại và định mang ông nộp cho quân Nam kỳ nhưng ông không cho chúng thì giờ làm vậy vì ông đã tự thắt cổ chết. Thế là hết đời ông hoàng bạc phước, đã được quân đội đem ra khỏi tù đặt lên ngai vàng và đã cầm đầu chính quyền trong 1 thời kỳ đen tối (66), như quý ông đã biết. Quân địch đã cướp hết mọi thứ, chúng chỉ để lại những căn nhà trống không và các dinh thự thôi. Chúng vét sạch cả phủ chúa và biến đền chùa thành nhà của quan. Chúng đem chôn các ngẫu tượng vào không thờ thần nào cả. Có người còn phao tin rằng 2 Đức Oũ [Nhạc và Huệ] đều theo Công giáo và có rất nhiều giáo đồ trong quân đội. Có 1 vị quan Nam kỳ, sau khi rửa tội tại nhà 1 linh mục chúng tôi, đã viết thư cho đức Céram (67) nhờ đức ông cho ông ta biết voi (?) ở đâu để ông ta lĩnh phần. Các lái buôn xứ này làm giầu nhờ sự đói kém gần đây. Chúng không thương xót những kẻ chết đói đáng thương nằm dài dọc bên lề đường, lại còn đầu cơ gạo để bán với giá đắt hơn. Hình như Thượng đế đã có chủ tâm dẫn quân Nam kỳ vào vương quốc này để trừng phạt những kẻ tàn bạo đó. Các lái buôn mất hết thuyền và vàng bạc thành thử mỗi ngày lại có kẻ âm thầm về nhà, thân thể bị lột trần chỉ còn 1 mảnh khố nhỏ, nhưng cũng may vì chưa bị giết. Lúc họ về tới nhà, họ còn gặp nhiều tai nạn nguy hiểm hơn nhiều. Đạo tặc lan tràn khắp nơi như kiến, và cắn hết mọi thứ như châu chấu của «Ngày tận thế». Chúng nhầy xổ vào các lái buôn; cướp đốt nhà họ và giết khá nhiều người. Gần Cửa Bang, có 1 hòn đảo danh tiếng tên là Biện Sơn (68), trước dân cư gồm toàn lái buôn độ 3000 người, trong số đó có 6, 700 giáo đồ. Những kẻ bất hạnh đó trước kia làm giầu trên xương máu người nghèo nhờ bất công và tham nhũng, lần này Thượng đế đã trừng phạt họ và trên nhiều người như thế chỉ còn 2, 30 người sống sót mà thôi. Năm nay thật là năm đen tối của Bắc kỳ. Phủ Yên trường ở xứ Thanh (69) là kho tàng của họ Trịnh nên đầy vàng bạc và

chiến lợi phẩm thu được tại Nam kỳ, đã bị quân Bắc kỳ bỏ lại. Những quân cướp [thật chứ không phải quân TS] đã ùa vào đấy lấy những gì có thể cướp được. Chúng đánh, giết và tranh giành nhau từng vật một. Sau đó quân Nam kỳ tới và cướp sạch hết. Ai cũng tin rằng quân Nam kỳ sẽ thay thế nhà Trịnh. Chúng cho công bố vài sắc lệnh mà ai khinh thường. Sau chót, sau khi đã thu nhặt hết chiến phẩm, Đức Oũ sửa soạn để ra đi. nói rằng mục đích ra Bắc của ông là để đánh đuổi quân Trịnh đang áp bức nhà Lê, nay nhiệm vụ đã xong ông xin trở về. Đang lúc đó, lại có 1 tin khác: đó là tin Vua trời với 30 con voi và 1 vạn quân đã qua xứ Nghệ, xứ Thanh và xứ Nam và đã tới Kẻ Chợ trong 1 thời gian ngắn. Người đó chính là Nhạc. Ông chỉ lưu tại Kẻ Chợ có 2, 3 ngày, rồi ông lại hấp tấp trở về [Nam kỳ] qua xứ Nghệ và Bố Chính, tất cả đội-ngũ Nam kỳ về theo ông, kẻ theo đường bể, người đường bộ. Không ai ngờ tới chuyện này cả nên được tin, nhiều kẻ bạo nhất cũng phải xanh mặt. Hết vua, hết quan, hết bạc, hết gạo, cả vương quốc bị bỏ rơi cho lũ đạo tặc .. Chúng tôi tưởng chừng sắp khốn đến nơi, và thật vậy, nên Thượng đế để hàng triệu quân ác tâm nầy nở tại Bắc kỳ, chúng tôi sẽ không còn trên thế gian này nữa. Lũ «giặc» [Nam kỳ] lúc ra Bắc thì hiền lành, nhưng lúc về Nam thì ngược lại: chúng đã cướp bóc dân chúng 2 bên sông. Giữa sự hỗn loạn này nhiều sự phạm thượng (thần thánh) đã xảy ra. Nhiều linh mục của chúng tôi đã mất bình dầu thánh, hoặc tế phục, thánh tước, sách vở. Quần đạo tặc còn xé tế phục để may quần phục. Người ta có thấy nhiều đứa chết trong bộ áo lễ trắng...

... Sau khi địch đi, các quan lập chú [hay bác, nguyên văn oncle] của tiên Chúa trước gọi là «Oũ quận quế (70) lên ngôi Chúa. Nhưng có người cạnh tranh ngôi Chúa với ông. Quan quân đang chia rẽ. Nhiều xứ không có trấn thủ hay trấn thủ lại đi cướp bóc. Tại vài nơi, các làng họp nhau lại để hỗ trợ nhau trong công cuộc bắt kẻ gian. Lúc nào người ta cũng dọa chúng tôi là Coũ Chỉnh và phe ông ta càng ngày càng mạnh. Quân Nam kỳ không cho phép ông vào

Nam và đã ngược đãi ông. Dù sao, ông đang lập 1 đảng mới và nếu dân chúng không chịu nộp những sắc thuế mà quân đội ông có quyền thu ở Bắc kỳ, giặc [TS] chắc sẽ thắng và chúng tôi sẽ còn bị áp bức lâu hơn nữa. Quân TH mất hết tầu bè của họ mà quân TS tịch thu để chở khí giới, chiến lợi phẩm về xứ chúng. Các phu trạm [người đưa thơ] của chúng tôi không đi được vì thế tôi không biết thư của chúng tôi có được người TH mang đến Áo môn như chúng tôi hy vọng không. Mùa màng tháng 10 rất tươi tốt, nếu mất mùa chúng tôi đã nguy rồi.

●

■ 28-5-1790 thư của ông La Mothe gửi ông Letondal (71) tr. 1398.

... Thật vậy đức ông Adran đã trở về địa phận giáo hội của ông như chính ông đã viết cho chúng tôi, nhưng đường giao thông nối liền các vùng Nam kỳ bị cấm chạc chẽ đến nỗi bây giờ chúng tôi mới được tin Đức ông về, nếu ông không cho chúng tôi hay. Đức ông Veren chủ giáo phụ tá của đức Adran láng giềng chúng tôi, cũng nhờ có ông (71) mới biết tin đó. Muốn đường được mở, phải có 1 cuộc cách mạng nữa lay chuyển và biến đổi cả Nam lẫn Bắc kỳ. Đó là biến cố mà chúng tôi chờ đợi hàng ngày từ khi chúng tôi được tin Chúa Nguyễn hay vua Nam kỳ được người Bồ đào Nha ở Áo môn trợ giúp. Nhưng tôi không giấu rằng nếu viện trợ đó ít quá, chắc thế nào nó cũng vậy, rất có thể vua Nam kỳ sẽ không chống nổi khí giới, kinh nghiệm và mưu lược cũng như dũng cảm của Tiếm vương; tôi không nói tới Nhạc, hiện đang chiếm cứ miền Trung Nam kỳ và hình như đã mất 1 phần đất của ông cho em ông mà tôi nói đến em ông, người đã chiếm được Bắc kỳ và hiện đóng đô tại vùng Nam kỳ gần nơi cư trú của Đức ông Veren và các giáo sĩ khác. Ông này còn dễ sợ và khó trừ khử hơn ông kia nhiều. Hiện giờ ông làm chủ tề và cai trị 1 mình vương quốc Nam kỳ nhỏ bé của ông gọi là Phú Xuân. Còn người cai

trị chúng tôi là con trai ông, 1 đứa bé độ 6, 7 tuổi mà chúng tôi phải gọi bằng chúa. Nhưng đứa bé đó có tướng và quan giỏi biết kìm giữ chúng tôi và bắt chúng tôi phải kính nể. Nói thật ra, sự thể không đến nỗi nào. Chúng tôi cũng bị phiền nhiễu nhưng chúng tôi tránh khỏi trộm cướp dưới tân triều này, và về phương diện tôn giáo, chúng tôi được hưởng nhiều tự do và an ninh hơn dưới thời các tiên vương khác.

Trích trong *Cochinchine 746.*

6-6-1787. Thư của ông Doussain [t] (72) gửi ông Blandin. tr. 201.

Vậy lắ quân giặc tràn vào chỗ chúng tôi ở đúng ngày lễ «Mình Thánh» (72a), lúc dân Bắc kỳ ít ngờ nhất. Quan lớn của chúng tôi (73) còn đang bận làm lễ cầu tuần cho sự bình phục của ông một cách thành kính (tại 1 đền danh tiếng ở Phú Xuân) thì có người đến báo có đánh nhau ở ngay ngoài đồn. Thế là ông bỏ khẩn cầu, bỏ ăn chay, bỏ cúng lễ để chạy đi triệu tập binh lính và cố gắng kháng cự. Mới vào giặc bao vây «đồn» vì muốn để cho ông thì giờ đầu hàng. Các quan họp lại bàn tán; quan lớn và vài vị quan khác muốn treo cờ bạc (74) nhưng các quan khác không chịu, chỉ muốn cho dương cờ điều. Thấy vậy quân giặc xông vào quân ông và gây 1 cuộc thảm sát dã man. Quan lớn bị bắt và điệu ra trước mặt vua Nhạc; sau đó ông bị chém đầu. May sao, 1 thanh niên bị băm (?) nửa người thoát được và chạy về dinh Cát báo tin các bạn anh đã chết hết và chỉ có thể thoát thân được nếu bỏ trốn. Được tin đó tất cả binh sĩ của thành Cát chạy trốn Giữa đường, chúng bị dân làng quấy phá và đòi treo cổ (họ). Thấy vậy chúng nói: «Nếu dân chúng tới xử tử chúng ta «thì chém» [họ], nếu là lính địch thì «chịu đầu» [hàng].» Người ta tới báo tin ấy cho quân giặc lúc đó đã tới Bố Chính bằng đường bề. Giặc nhận 200 người với 5 con voi trận và dẫn họ tới trước mặt quan TS. Ông này ra lệnh đẩy họ xuống biển. Quân «đồn» lần trốn quân TS. nhưng khi tới Bố Chính, chúng bị dân cư [ở đó] vây bắt và nộp cho quan

địa phương. Phần đông bị chặt đầu hay bị quăng xuống biển. Đàn bà trẻ cũng không được tha. Chỉ có quân «đồn Đồng hới» là trốn thoát được không thiệt hại gì. Mới đầu họ bị chiến thuyền tấn công nhưng khi thấy không chống đỡ nổi, họ rút lui vào 1 khu rừng gần đó [rồi họ?] tiến ra Bắc kỳ. Nhạc có 2 người em, 1 người đã ra Kẻ Chợ mà không báo tin cho anh biết, (bây giờ lại muốn làm vua vùng này). Ông để anh ông trở về Qui phủ (nơi đóng đô của ông này) rồi tự xưng là Đức Chúa. Nhạc hay tin ấy không bằng lòng và cảnh cáo người em. Nhưng ông này không những không vâng lời lại còn mộ 1 đạo quân 60.000 người đến giao chiến với Nhạc tại Qui phủ. Ông ấy [Nguyễn Huệ] ở đó từ ngày lễ Tro thánh. Họ đã đánh nhau 2 lần. Người ta đồn rằng Đức Chúa đã mất đến nửa số quân. Điều chứng tỏ sự việc ông đang gặp khó khăn là việc ông bắt mọi người phải ra trận. [204] Đức Chúa đi đánh anh ông xong rồi còn dự định ra Kẻ Chợ để xưng Chúa ở đó. Việc ấy có thể có lắm vì ông rất quan tâm đến nó. Ông có 3 đại thần ở ngoài Bắc, 1 người ở chợ Vĩnh, (xứ Nghệ) và 2 người ở Bố Chính. Ai cũng nghĩ rằng dù có thua [anh ông], ông cũng sẽ ra thẳng Bắc kỳ. Ông [Letondal] nên biết rằng Đức Chúa đã lấy làm vợ 1 công chúa nhà Lê. Mới đây có 1 đại sứ Bắc kỳ vào Nam kỳ. Người ta không biết lý do của vụ đi sứ đó.

•

An Đo 23-7-1788. Thư của đức ông La Bartette gửi cho...(?) (75), tr. 179-185.

... Một người mới từ «Phan Thít» (76) gần vùng Đồng Nai tới đây nói với chúng tôi rằng nhiều bạn lái buôn của ông mới

từ Đồng Nai về quả quyết với ông rằng quân đội ông Chủng (77) đang đánh nhau ác liệt với ông đốc Sâm (78), người được giặc bổ làm trấn thủ Đồng Nai, và đã bao vây ông này [Sâm] cùng đội ngũ ông, thành thử quân TS chỉ còn 1 khu đất nhỏ chung quanh cửa Cần Giờ (79). Tin đó có thật hay không? Chúng tôi không biết tính sao vì có nhiều tin đồn quá làm chúng tôi không biết vịn vào đâu. Tôi tin 1 điều là quân đội «chúa Nguyễn» hiện đang ở Đồng Nai vì ai cũng nói như vậy. Ngoài ra 3, 400 chiến thuyền do tân vương [Nguyễn Huệ] gửi vào Đồng Nai từ 2 tháng nay để chở gạo vào Phú Xuân vẫn chưa về; như thế là họ đã gặp trở ngại. Vả lại nếu «ông Chủng» ở đó, quân của ông không biết đề phòng gián điệp kỹ lưỡng lắm Chắc chắn Đốc Sâm đã kiếm được cách phái 1 chiếc thuyền mang tin chiến tranh với chúa Nguyễn cho tân vương lúc bấy giờ đang ở Bắc kỳ. Ông này liền bỏ xứ Nam để cấp tốc về Phú Xuân. Đường đi thường phải mất 20 ngày mà ông chỉ cần 10 ngày thôi cho nên 1 số binh lính của ông, vì không theo kịp bị chết dọc đường. Ông đã cho triệu tập tất cả binh lính lại tại Phú Xuân. Chắc ông đã thu được nhiều lương thực tại Bắc kỳ, nếu không ông không thể nuôi quân đội ông được vì thực phẩm mà ông trông đợi từ Đồng Nai chưa về tới nơi. Hiện nay, ở Phú Xuân, vận chuyển dữ lắm. Người ta tin rằng quân đội ông sắp vào Quảng nhưng không biết để đánh nhau với Nhạc hay để tiến vào Đồng Nai. Chắc ông trù định cả 2 việc vì sợ lâu ngày quân đội chúa Nguyễn sẽ tăng cường nhưng ông cũng phải ra Qui phủ kết liễu cuộc tranh chấp giữa ông và anh ông. Vả lại, quân đội ông sẽ không tới Đồng Nai được trừ phi hạ bệ được anh ông. Nếu quân đội chúa Nguyễn ra đây khi tân vương còn ở Bắc kỳ thì bây giờ mọi việc đã xong xuôi vì nếu tân vương muốn trở về Nam kỳ, ông sẽ bị chặn ở lũy Sấy (79a), vả lại tất cả dân Bắc kỳ sẽ nổi loạn vì họ đều chán ghét ông [Nguyễn Huệ] trong thâm tâm họ và chỉ mong chúa Nguyễn ra thôi... Cuộc chinh phạt Bắc kỳ lần trước đã làm chết rất nhiều người, (vì đói, vì mệt, vì bịnh, hay vì gươm dáo) Giả thử ông Chủng muốn đợi, ông ấy phải

củng cố lực lượng của ông tại Đồng Nai hay nơi khác để ngăn sự tấn công và sức gắng của địch.

Từ khi Tân vương về Phú Xuân, ông ấy bận phòng ngự: ông đã cho xây cất 1 bức tường cao 20 pi-ê [thước] [182] chung quanh dinh ông Hình như ông gấp lắm; ông bắt mọi người làm việc sáng đêm không nghỉ. Người ta nói rằng ông cho đặt súng đại bác chung quanh. Người ta còn nói, ông sắp xây tường 2 bên sông chảy qua Phú Xuân và đặt súng đại bác ở đó. Người ta tin rằng ông làm như vậy vì ông sợ thủy quân [địch]. Chính tại thành này ông đã cất số vàng bạc kiếm được ở Bắc kỳ.

Ngoài ra, Tân vương tỏ vẻ khinh thường khi có người nhắc tới chiến tranh giữa ông và ông Chủng hay Nhạc, anh ông. Không những nhạo báng mà thôi, ông còn dùng nhiều danh từ «*sỗ sàng*»: Ông sẽ phải trả thái độ đó bằng 1 giá rất đắt vì có nhiều người dũng cảm của ông mà vẫn bị sa bẫy.

Vào khoảng tháng 2 năm nay, ông Chưởng Nhậm hay ông Tiết Chế đến xứ Nam với 1 đội quân [183] độ 40.000 người. Thấy vậy, vua Chiêu Thống chạy trốn với Cống Chỉnh. Ông này bị quân T.S. bắt và bị chặt đầu. Họ không bắt được vua. Chắc ông đã trốn sang lục địa Trung Hoa. Trong khi ấy, quân Bắc kỳ họp lại khá đông và giao chiến khá lâu với quân TS. nhưng họ không làm ra trò trống gì. Ông Tiết Chế luôn luôn thắng. Tuy vậy ông không hưởng hiệu quả của cuộc chiến thắng của ông được lâu vì «ông Đốc Ba» (80) buộc ông vào tội muốn tranh ngôi vua với Chúa [Nguyễn Huệ] nên Chúa lập tức ra Bắc ra lệnh xử trảm ông cùng nhiều lãnh tụ đảng ông. Cuối cùng «Đức Chúa» đã được tôn làm vua Bắc kỳ hôm 25 tháng 4 [âm-lịch].

●

Xứ Nghệ, 16-8-1788. Thư của ông Breton gửi cho ... tr. 187-196

Tôi phải đến ông một người đã từng ở Hội Thung (81),

bên cạnh Trong Xảnh (82). Đó là 2 làng ở trên bờ sông lớn. Thuyền buồm Trung Hoa thường qua sông ấy để tới xứ này. Cửa biển vùng này gọi là Cửa Hội.... (Tình hình có lợi cho chúa Nguyễn; 2 anh em Tây Sơn bất hòa; Nguyễn Huệ yếu vì không có tướng phụ tá; Bắc kỳ cũng yếu và chỉ có vài quân Nam kỳ canh giữ thôi)...

[189] Hiện ai cũng ngạc nhiên khi thấy dân Bắc kỳ bị điều khiển như đàn cừu bởi có 1, 2 tên Nam kỳ phóng đảng xuất thân từ bọn hạ dân và chỉ được thăng quan từ hồi ra Bắc.

Tiếm vương Phú-Xuân sắp cho tịch thu các tàu bè ở xứ Ngự và xứ Thanh và mang rất nhiều đội-ngũ đi đánh quân nhà vua [Nguyễn Ánh] tại Đồng Nai [190] khi gió thuận, nghĩa là sau ngày Thánh Michel (83). Họ đã làm bản kê các tàu bè rồi... [Chúa Nguyễn đang đợi viện trợ của Pháp quốc]..

[192]. Ở xứ này quân Tây Sơn mới bắt lính ăn thịt người sống: chúng cắt thịt ra từng miếng bắt lính ăn sống; tay cầm gươm, chúng bắt họ phải nếm món đó. Chúng làm như vậy để ra oai. Nhưng tôi nghĩ rằng hành vi đó chỉ thúc tiến sự suy đồi của chúng thôi. Người ta nói rằng ở Phú Xuân, cảnh khốn cùng đã cực độ rồi lại gia tăng khi Tiếm vương về, ra lệnh mọi người xây thành lũy, bắt mọi người làm việc không ngừng.

Các giáo sĩ nói rằng vua Bắc kỳ đã trốn thoát. Họ không biết vị hoàng ấy hiện ẩn náu nơi đâu. Từ nhiều tháng nay, có tin đồn ở Áo Môn [Macao] và Quảng Châu [Canton] rằng ông đã tỵ nạn tại Trung Hoa và nhân danh chư-hầu Hoàng đế, ông có xin Hoàng đế gửi viện-binh sang đánh kẻ thù của ông. Tin ấy đã được nhật báo Bắc Kinh xác nhận. Theo thư từ Quảng Châu gửi cho tôi, báo đó nói rằng vị phế-vua đó có xin viện-binh Trung-Hoa và Hoàng đế đã nhận lời. Thư từ Bắc Kinh gửi tới tôi từ vài ngày nay làm tin đó thêm xác thực; Thư đó cho biết rằng vua Bắc kỳ hiện ẩn náu tại một tỉnh Trung Hoa cùng với gia đình ông; ông có cầu cứu Hoàng đế và Hoàng đế đã chấp

thuận; ngài đã tiếp ông xứng với chức vị ông... (quân đội Trung-Hoa đang sửa soạn để sang Bắc kỳ).

[195] Chắc chắn đội ngũ [Trung Hoa] đã rời Quảng Châu từ 1 tháng nay và người ta hay tin họ đã tới Quảng Tây. Quân Trung Hoa được biết rằng tên giặc [Nguyễn Huệ] đã khoe khoang sẽ tới giao chiến với họ và chiếm một phần đế-quốc họ. Đức ông Veren viết rằng ông ta có khoe như vậy thật...

[196] Ngoài tội lấn quyền hiển nhiên mà ông mới phạm bằng cách cướp một chư hầu của đế-quốc, quân Trung-Hoa còn tức ông vì ông quấy nhiễu lái buôn Trung-Hoa. Năm 1788 (tức là năm nay) ông đã tịch thu thuyền bè của họ ở Bắc kỳ để chở chiến lợi phẩm của ông vào Nam kỳ. Những năm trước, ông đã tàn sát nhiều thường dân Trung-Hoa.

●

■ *30-6-1788. Thư của Đức ông Veren gởi... tr. 198-204.*

Chiến tranh bùng nổ từ tháng 1 [âm lịch] năm ngoái giữa 2 anh em Nhạc và ông Tám và chấm dứt vào tháng 5 [âm lịch]. Một phần lớn dân Huế tử trận, sau đó 2 anh em chia tay nhau Nhạc ở lại phủ ông ở Qui Nhơn còn em ông về Phú Xuân... Hình như ông Tám cai trị, từ xứ (84) Chăm ra Bắc kỳ và anh ông từ Quảng Ngãi tới Đồng Nai. Từ đó Nhạc đã đặt vệ binh tại Quảng Ngãi ở bờ cõi xứ Chăm và em ông cũng cho canh giữ vùng xứ Chăm giáp giới với Quảng Ngãi. Hai anh em rình nhau lắm; nhìn ngoài họ không bao giờ có thể hợp nhau được. Vào khoảng tháng 3 năm nay, sau khi Nhạc gây hấn tại biên giới Chăm làm như ông muốn chiếm đoạt xứ ấy và tiến thẳng ra Bắc, em ông lập tức cho quân ra kháng cự và chỉ trong vài ngày ông đánh Nhạc đại bại, tướng Nhạc thì bị voi dày. Sau chiến thắng đó, ông Tám trở về Phú Xuân. Từ đó, sự nghiệp của Nhạc gặp vận xấu, ông bị áp phục không còn gì và không đủ tư cách đương đầu với em ông.

Khi ông Tám ra Bắc, ông có giao lại Phú Xuân cho một người rất dần độn. Ông ta muốn mộ hết mọi người làm lính ông ta cho [200] bắt tất cả đàn ông từ 12 cho đến 60 tuổi. Lính ở xứ này như vậy đó. Chỉ còn lại có đàn bà, con nít và nhiêu lão. Gần như không có ai cầy ruộng, không ai dám đi câu cá. Những người nào đã trả tiền để được miễn đi lính sau rồi cũng bị bắt và lôi đi đánh trận như người khác... [200] Tất cả những của cải cướp được tại Bắc kỳ hiện ở Phú Xuân... [Tình hình rất lợi cho chúa Nguyễn. Quân Trung Hoa có lẽ sang Bắc kỳ. Chúng đã mua đại bác của người Anh]... [204] Người ta nói rằng Hoàng đế cho người nói với ông Tám rằng ông phải rút lui ngay khỏi Bắc kỳ bằng không ngài sẽ phái quân đội sang đuổi ông.

CHÚ THÍCH:

Chú ý: Phần giữ dấu móc [...] do dịch giả chua thêm, còn giữa các ngoặc đơn, kép đều ở nguyên tác.

(1) Để dễ hoạt động, Hội Truyền bá Thiên Chúa giáo chia truyền giáo hội của họ tại Việt Nam làm 2, một ở Bắc kỳ (từ Bắc Bố Chính trở ra) và một tại Trung và Nam kỳ; mỗi khu vực do 1 vị giám mục cai quản và một vị giám mục phục tá. Nhưng Giáo Hội Bắc kỳ chỉ gồm có miền Tây Bắc kỳ thôi vì miền Đông được giao phó cho giòng thánh Dominique từ năm 1693.

(1a) Ở đây chúng tôi chỉ chú trọng trích dịch về phần chính trị và dân sự mà thôi.

(2) Nguyễn hữu Chỉnh hay Cống Chỉnh.

(3) Trịnh Bồng (xem chú 70).

(4) Vua Lê Chiêu Thống.

(5) Bố Chính (Bắc).

(6) Nguyên văn: *Haute Cochinchine.* Đó là tên dùng để chỉ Trung kỳ bấy giờ.

(7) Đức Ông.

(8) François Louis Le Breton (1749-1789) thụ chức giáo sĩ năm 1774, sang Việt Nam (Bắc kỳ), vào năm 1777, cư ngụ tại Trang Nứa Nghệ An

(9) Các giáo sĩ gọi Tân Attila vì Nguyễn Huệ được vì như Attila, một vị vua Huug nô, đã từng được coi là kẻ «bách chiến bách thắng» làm mưa làm gió Âu châu vào giữa thế kỷ thứ 5.

(10) Vach Quinh?

(11) Vu văn Nhậm, được Nguyễn Nhạc phong chức tả quân đô đốc vào tháng 4 năm Bính Ngọ (1786) khi Tây Sơn đánh chiếm Thuận-hóa và được Nguyễn-Huệ phong chức Tiết chế đem quân ra Bắc bắt Nguyễn hữu Chỉnh vào năm Đinh Mùi (1787) Chương Nha có lẽ là Chưởng Nha, một chức võ quan cũng có thể là Chưởng Nhâm (chức chưởng như Chưởng-phủ và Nhậm dễ bị người Tây phương viết sai là Nha) Đức Ông chỉ là tiếng gọi người được trọng-vọng.

(12) Thái Đức.

(13) Nguyễn văn. Bloi = trời.

(14) Ba Trang Thuóc?

(15) Quân Tam Phủ: quân ưu-binh tuyển ở ba Phủ Thanh-hóa (Hà-trung, Thiệu hóa và Tĩnh gia) và 12 huyện Nghệ An từ thời Lê trung-hưng. Sau trở thành kiêu-binh.

(16) «Bằng sắc» phong thần cho các thần hoàng.

(17) Nghệ An.

(18) Đại Tư Mã Ngô văn-Sở.

(19) *Chú thích thêm của tác-giả.* Ô. La Bartette mới được phong chức giám mục Veren (a) và đáng làm «chủ giáo phụ tá» cho Đức Ông Adran đã cho chúng tôi biết rằng 1 vị quan tên là Trần Đức trước đã từng ngược đãi Công giáo và chỉ huy đội tiền vệ, đã bị bắt: thân ông bị voi dày, còn đầu ông bị bêu trong 3 ngày ở Faigo, 1 thành phố của Nam kỳ thượng.

(a) La Bartette (Jean) — 1744-1823 ở Nam kỳ năm 1773-1774 tại Dinh Cát. Năm 1784 được phong chức Giám mục Veren.

(20) Do Nguyễn Nhạc cũng đã bị Nguyễn Huệ đánh thua vào năm 1787 hay vì một nguyên do nào khác, Nguyễn Huệ đã làm anh mất thể diện?

(21) Bờ biển trấn Sơn Nam.

(22) Ngọc Hân Công chúa là cô của Lê Chiêu Thống nhưng không phải là vợ cả của Nguyễn Huệ.

(23) La Mothe (Charles) — (1751-1816). Giáo sĩ sang Bắc kỳ năm 1782. Năm 1793, phụ tá cho giám mục Longer ở địa phận Kẻ Vinh (Nam Định).

(24) Lê Thái phải chăng là Nguyễn như Thái? Khi Vũ văn Nhậm mang quân ra Bắc Nguyễn Hữu Chỉnh có tâu với vua Lê cho Nguyễn như Thái lám Thống Lĩnh (tư lịnh) quân Bắc kỳ để chống với Tây Sơn, nhưng Nguyễn như Thái lại bị chết trận rồi *(Hoàng Lê Nhất Thống Chí)*.

(25) Ngoài Vũ Văn Nhậm còn ai là rể của Nguyễn Nhạc lại được Nguyễn Huệ trọng dụng? Phải chăng có sự lầm lẫn?

(26) Đại tư Mã Ngô Văn Sở.

(27) Serard (Philippe) — (738-1804). Giáo sĩ sang Bắc kỳ 1762 ở Kẻ Vinh.

(28) Đức Lệnh, tiếng kêu người được trọng vọng.

(29) Em trai vua là Lê Duy Chỉ?

(30) Kẻ Chợ: Đông Kinh, (Hà Nội).

(31) Kinh đô mới là Phượng Hoàng Trung Đô tại Nghệ An.

(32) Thiêm Bảy?

(33) Lễ Thánh Jean [Jean Baptiste]: 24 tháng 6.

(34) Mưu toan lập lại nhà Lý?

(35) Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.

(36) Sấm Ki.

(37) Nostradamus (Michel de Notre dame). Nhà chiêm tinh và y sĩ ở Saint Rémy (1503-1560), tác giả cuốn *Centuries*, 1 loại Sấm Ký.

(38) Mẹ và vợ. Chú thích của tác giả: Trong lá thư «nhiệm mệnh» mà tôi sẽ nhắc tới sau, hoàng đế Kiền Long [Càn Long] hình như nói rằng: «Tân Vương Bắc kỳ đang ẩn náu tại Trung Hoa và chính ông đến cầu viện.

(39) Nam Vương: Quang Toản.

(40) Đại tư Mã Ngô văn Sở và Đại Đô Đốc Phan văn Lân...

(41) *Chú thích của tác giả:* Có lẽ đó là văn thư cuối cùng của ông đề niên hiệu anh cả ông vì chính mắt tôi đã thấy 2 sắc lệnh đề ngày 2 và 7-2 mang niên hiệu năm đầu triều đại hay đế chính Quang Trung.

(42) Đốc Thung?

(43) Toũ: Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị.

(44) *Chú thích của tác giả:* «Người ta còn quả quyết rằng hồi đầu chúng quen thói tàn ngược bắt ăn thịt vài người đáng thương.

(45) *Chú thích của tác giả:* Khi đọc bài này 1 người ta có thể nghĩ rằng quân T.H. tuy không lộ ra sợ chính họ bị khốn vì quân T.S. hơn là sợ cho quân B.K. và hình như họ lấy làm sướng nếu xui được quân Bắc kỳ đánh nhau với kẻ thù của họ.

(46) *Chú thích của tác giả:* Tên phách láo đã không giữ lời hứa.

(47) Đại nhân, tiếng «xưng hô», tức Tôn Sĩ Nghị.

(48) Thiên triều.

(49) *Chú thích của Tác giả:* Mấy giáo đồ Bắc kỳ là bộ hạ của quan Đại Tư Mã mà tôi nhắc tới ở trên, đã quả quyết với tôi rằng Tiếm Vương phạt vị quan này về tội hoảng sợ bằng cách trừ của ông 1 tháng lương thực và cấm ông không được đụng với thực phẩm của binh lính. Ngoài ra tôi còn nhớ rằng:

1·) Quang Trung có tới tổng doanh của ông [Quang Trung] tại Vân Sang (a) và mời các võ quan cao cấp dự tiệc, nhân đó ông bắt Đại Tư Mã quỳ xuống cách xa ông trong khi các quan khác ăn uống và dùng lời lẽ gay gắt, dữ dội nhứt quở trách về tính nhút nhát của ông này.

2) Ít lâu sau; muốn làm ông [Đại Tư Mã] thất đảm, Quang Trung cho xử trảm viên trấn thủ Than Hoa (b) và 1 đại thần khác bị khép tội quấy nhiễu đàn áp dân chúng trước mặt ông.

3·) Quang Trung bắt ông [Đại Tư Mã] lại ra chỉ huy quân đội.

4·) Quang Trung bãi chức Tổng Nguyên Soái của ông [Tư lệnh quân đội tại Bắc kỳ hồi trước].

a. 1 địa danh gần núi Tam Điệp.

b. Trấn thủ Thanh Hóa không rõ là ai?

(50) *Kẻ Vinh:* Nam Định.

(51) Hà Hồi, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, Hà Đông.

(52) Đô Khou Coung?

(53) Đô đốc Lân này không phải Đô đốc Phan văn Lân vì về sau vua Quang Trung ủy cho Ngô văn Sở và Phan văn Lân coi việc binh ở Bắc, Ngô thời Nhậm, Phan huy Ích coi việc giao thiệp với Trung Hoa sau khi Vua đại phá được quân Thanh và trở về Nam [Hoa Bằng, *Quang Trung, anh hùng Dân tộc*, Bốn phương, 1951, tr 219].

(54) Tổng Đốc Tôn Sĩ Nghị.

(55) Điền châu Sầm Nghi Đồng?

(56) Soung Thoung = Sông Thương?

(57) 1 piê: 1 thước, (độ 0,324 m).

(58) Blandin [Pierre — Antoine) — 1753-1802, Giáo sĩ sang Bắc kỳ 1778, tới 1784 về Paris.

(59) Sứ Tàu sang làm lễ «truyền phong» vua Quang Trung làm An Nam Quốc Vương.

(60) Trận Đống Đa?

(61) Xem chú 50.

(62) Le Roy (Jean,) — (1754-1803).

Giáo sĩ sang Bắc kỳ 1780, truyền giáo ở địa phận Kẻ Vinh (Nam Định).

(63) Toussain: Doussaint (xem chú 72).

(64) Thủ phủ trấn Sơn Nam.

(65) Đức ông Nguyễn Huệ.

(66) Trịnh Khải được bọn Kiêu binh đưa lên ngôi chúa.

(67) Đức giám mục Céram tức Đức cha. J. Danoust.

(68) Theo *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tỉnh Thanh Hóa, 916; tập Thượng của Cao Xuân Dục, Biện Sơn đảo ở phía ngoài cửa Bạng (Thanh Hóa) 7 dặm, chỗ tránh gió rất tốt cho thuyền bè đi bể.

(69) Phủ Trường Yên xứ Thanh Hóa. Nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

(70) Ông Quận Quế: Côn-quận-Công Trịnh Bồng, con Trịnh Giang, vào hàng bác của Trịnh Khải. Khi Nguyễn Hữu Chỉnh ra Bắc, Bồng chạy lên làng Quế Ổ trấn kinh Bắc, liên kết với bọn người ở Quế Ổ chống lại Chỉnh Phải chăng vì có liên hệ với Quế Ổ nên được gọi là Quận Quế?

(71) Lelondal (Claude) — 1733 1813 «Thày tư quản sự» (procureur). tại Ma Cao từ năm 1785.

(72) Doussaint (Jean-Adré) 1756-1809 sang Nam kỳ 1781. Năm 1807 giữ chức Phó giám mục địa phận Bá Đa Lộc.

(72a) Lễ vào ngày thứ tư đầu tiên của mùa Chay (Carême) vào dịp lễ Phục Sinh, khoảng tháng 1, 3.

(73) Viên trấn thủ Thuận Hóa Phạm Ngô Cầu.

(74) Cờ trắng là cờ hàng, còn cờ điền?

(75) Không thấy chép người nhận thư.

(76) Phan Thiết.

(77) Nguyễn Ánh.

(78) Thời kỳ này, viên trấn thủ Đồng Nai của Tây Sơn, trấn giữ thành Gia-Định là quan Thái Bảo Phạm văn Tham, người Tây phương đọc là Sâm?

(79) 1 cửa sông Đồng Nai.

(80) Đô đốc Phan văn Lân?

(81) Hội Thung?

(82) Trọng Xảnh?

(83) Ngày 29-9.

(84) Vùng Quảug Nam.

Cung Chúc Tân Xuân

ĐẠI - NAM

Bảo Hiểm Công Ty

Số 4, Tôn-Thất-Thiệp — SAIGON

ĐT. 20.240; 22.935

(lầu nhất VIỆT NAM NGÂN HÀNG)

Là Công ty bảo hiểm mà quý Doanh nhân, Thương gia, Công kỹ nghệ gia VIỆT NAM hoàn toàn tin cậy giao phó trách nhiệm bảo hiểm tất cả các nghiệp vụ xuất nhập cảng, cơ sở kỹ nghệ, công xưởng, tai nạn lao động, cá nhân tai nạn, trách nhiệm dân sự v.v...

Đại Nam Bảo Hiểm Công Ty phục vụ hữu hiệu giới Doanh thương, đền bồi mau chóng, tiếp đón nồng hậu:

Bảo hiểm:

- XE CỘ
- HÀNG HẢI
- VẬN TẢI
- TAI NẠN LAO ĐỘNG
- HỎA HOẠN
- TAI NẠN CÁ NHÂN

Thuốc Bác-sỹ Tín vì sao ra đời ?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp-dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học, y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trông thấy khuyết-điểm ấy, Bác-Sỹ Tín lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thổ-sản, thổ-nghi và dân-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông, công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên Bác-Sỹ Tín đã sang Âu-Châu du-học tìm, hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tòng-sự tại các bịnh-viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, Bác-Sỹ Tín đã cố công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên-chất dùng vào việc chế thuốc, thâu thập cái hay của người đặng nâng cao giá-trị những dược-phẩm dồi-dào của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, Bác-Sỹ Tín liền tổ-chức một sở bào-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc Bác-Sỹ Tín, thích-hợp với cơ-thể người mình và khí hậu nhiệt đới. Toa nhãn đều dùng chữ quốc-ngữ và phát-hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-đích là để phổ-thông trong dân chúng, tận xóm làng, thôn lâm, cống hiến cho đồng-bào môn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình vãn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác-Sỹ Tín sẽ ấn-hành những sách báo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bổ sinh-lực của nòi giống.

NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN

lại còn có tham-vọng :

1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v. v...

2.— Xuất-cảng những dược-phẩm Việt-Nam.

3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon tháng 3 năm 1945)

(Tiếp theo trang 8)

ấy, tôi dùng kí-hiệu (·). Tôi chỉ dùng cước-chú trong rất ít trường-hợp: có đánh con số làm mồi. Cước-chú dùng để thêm ý mới. Tôi ít dùng cước-chú, trái với các tác-giả khác, vì nó buộc độc-giả gián-đoạn sự đọc nhiều quá.

Khi nào tôi chữa một vài chữ chắc sai trong nguyên-văn, thì tôi có ghi sự ấy trong dấu-hiệu (ng.v...)

CÀN-LONG CHINH-VŨ AN-NAM KÍ

(Bài ghi việc đánh dẹp An-nam đời Càn-long)

Tác-giả : NGỤY NGUYÊN 魏源

Trích từ sách THÁNH VŨ KÍ 聖武記, quyển thứ sáu, từ trang 45

DỊCH

★ tr. 45/a. Từ đời Minh đến nay, họ Lê nối đời làm vương nước An-nam. Năm Thuận-trị thứ 16 (1660), quân nhà Vua (: Thanh) dẹp yên Vân-nam, quốc-vương *Lê Duy-Đỉ* 黎維禔 (: tên giả của Lê Thần-tông) sai sứ đến quân-doanh.

Năm Khang-hi thứ 5 (1666), trả lại sắc, ấn đã nhận của vua Quế-vương nhà Minh bán cho (: vua cuối nhà Minh, niên-hiệu Vạn-lịch). Chiếu phong *Duy-Hi* 維禧 (: tên giả Lê Huyền-tông) làm An-nam quốc-vương Bấy giờ *Mạc Nguyên-Thanh* (: tên giả của Kính-Vụ) còn đóng giữ Cao-bằng, cũng được ban chức Đô-thống-sứ, nhiều lần gây việc đánh quấy.

Năm (Khang-hi) thứ 6 (1667), Lê Duy-Hi đánh úp Cao-bằng. Mạc Nguyên-Thanh đem ba nghìn người chạy sang Vân-nam. Năm thứ 7 (1668), triều-đình dỗ họ Lê đem bốn châu thuộc Cao-

bằng trả cho Nguyên-Thanh (nguyên-văn: đem *châu Tư* 州 思 thuộc Cao-bằng). Năm thứ 13 (1674), Ngô Tam-Quế (: tướng Thanh, làm tổng-đốc Vân-nam) phản. Duy-Hi nhân nhịp lại đánh lấy Cao-bằng (thật ra: Lê Hi-tông, Vĩnh-trị thứ 2, 1696) Bấy giờ, đất An-nam hoàn-toàn về tay họ Lê.

Từ đó, xin sáu năm hai lễ cống cùng dâng một lúc (xem: *Sử-Địa* số 6, trang 5). Truyền sáu đời đến *Duy-Đoan* (: tên giả Lê Hiển-tông, xem S. Đ. số 6, trang 143) thì có loạn họ Nguyễn (: Tây-sơn).

Xưa, trong đời Gia-tĩnh, An-nam bị Mạc Đăng-Dung cướp ngôi. Quốc-vương *Duy-Huệ* 維 譓 (: tên giả Lê Trang-tông?) chạy giữ Thanh-hoa Đến đời cháu, *Duy-Đàm* 維 潭 (: Lê Thế-tông) phá Mạc, lấy lại nước. Thật là công của *Trịnh Ức* 檍 (: tên giả Trịnh Kiểm), Nguyễn

* tr. 45/b. (Kim; nguyên bỏ trống tên), bầy tôi lâu đời làm tả, hữu phụ-chính. Sau, hữu-phụ-chính (: phó phụ chính) họ Trịnh nhân nhịp Nguyễn chết để con côi trẻ, bèn kiêm giữ chức tả-phụ-chính, chuyên quyền coi việc nước; rồi đẩy họ Nguyễn đi ở Thuận-hóa, gọi là Quảng-nam-vương. Vì đó mà Nguyễn Trịnh đời đời cừu-thù nhau và gây sự đánh nhau.

Đến Lê Duy-Đoan, quyền càng rơi xuống kẻ dưới, chỉ giữ doanh phủ mình mà thôi. *Đống* 棟 (: tên giả Trịnh Sum) bèn giết thế-tử (: Duy-Vĩ, con vua Cảnh-hưng), chiếm ấn vàng, có ý cướp ngôi. Nhưng sợ sức mạnh Quảng-nam, bèn đỗ thổ-tù ở đó là *Nguyễn Nhạc*, *Nguyễn Huệ* cùng nhau đánh diệt Quảng-nam-vương ở Phú-xuân. Nguyễn Huệ tự xưng Thái-đức vương (ng. văn). Trịnh Đống tự xưng Trịnh Tĩnh-vương. Hai bên chống nhau. Vua Lê không làm thế nào được.

Chỗ An-nam đóng đô là Đông-kinh, tức trị-sở đô-hộ đời Đường. Mà lấy hai đạo Quảng-nam và Thuận-hóa làm Tây-kinh (ng v.), tức là đất Nhật-nam và Cửu-chân xưa (ng.v. có lẽ đã lầm Thanh-

hoa ra Thuận-hóa), đất cách bởi cửa bể; đã lâu đời bị họ Nguyễn ở Quảng-nam cắt tách và chiếm đóng, quân mạnh hơn nước An-nam.

Năm Can long thứ 51 (1786), Trịnh Đống chết (ng.v Trịnh Sum mất năm 1782, Trịnh Khải mất năm 1786), con là *Trịnh Tông* (: Khải) và *Trịnh Cán* gầm-ghè nhau Cán sai bầy tôi, *Cống Chỉnh*, đi xin quân Quảng-nam để diệt Tông. Từ đó, họ Nguyễn (: Tây-sơn) lại chuyển chiếm nước Lê Duy-Đoan lấy hai quận (: Thanh-hoa và Nghệ-an thuở ng

* tr. 46/a. cho. Lại đem con gái gả cho nữa.

Năm sau, Duy-Đoan mất. Tự-tôn (: chau nối ngôi) là Duy-Kì được lập. Nguyễn Huệ lấy hết voi để chở của-cải quí bau về Quảng-nam; sai Cống Chỉnh ở lai giữ Đô-thành. Cống Chỉnh lo phò Lê cự Nguyễn, bèn lấy vương-mệnh đem quân cướp lại năm mươi voi. Rồi Nguyễn Nhạc ở Quảng-nam cũng đòi choán l y của chở về.

Nguyễn Huệ về sửa thành-trì ở lũy Phú-xuân Rồi sai tướng mình *Nguyễn-Nhậm* 阮 任 (: Vũ Văn-Nhậm) đem v i vạn quân đánh Cống Chỉnh ở quốc đô. Chỉnh chết trận. Duy-Kì bỏ trốn mat. Nguyễn Nhậm bèn chiếm giữ Đông-kinh. Bòn bể giữ nơi hiểm-yếu, cũng có chí làm vương.

Năm (Càn-long) thứ 53 (1788), mùa hè, Nguyễn Huệ lại đem binh giết Nguyễn Nhậm ở kinh nhà Lê, rồi mời Duy-Kì trở lại lên ngôi. Duy-Kì biết nó khó lường, không dám ra. Huệ biết rằng dân-tâm không theo mình, bèn phá cung vua, bắt con trai, con gái, lấy ngọc, lụa đem theo thuyền về Phú-xuân. Để lại ba nghìn quân giữ kinh nhà Lê.

Có viên coi phủ Cao-bằng, *Nguyễn Huy-Tuc* dìu mẹ và vợ tự-tôn (1) với hai trăm họ hàng (nhà Lê) qua Cao-bằng, xuống thuyền trốn xa, đến khe *Bạc-nậm* 博 淰, là con sông ranh giới Long-chau thuộc phủ Thái-

* tr. 46/b, bình, liều chết qua sông lên bờ bắc. Ai không kịp qua sông đều bị quân đuổi theo đến bờ nam giet hết.

Tổng-đốc Lưỡng Quảng, *Tôn Sĩ-Nghị*, tuần-vũ Quảng-tây, *Tôn-Vĩnh-Thanh*, 孫永清 trước sau đều tâu việc ấy, và nói: « Đuổi đi hoặc cầm lại, cho đắt hay chiếm đất, xin theo mệnh bề trên ». Hoàng-thượng nghị rằng: « Họ Lê giữ đất phên-giậu và vâng theo lễ cống hơn trăm năm nay (Ta) không thèm nhân nó nạn mà lấy đất nó làm lợi cho ta. Nên đem quân hỏi tội Để dấy cái dứt, nối cái đứt, trước hãy để họ-hàng nó ở lại phủ Nam-ninh, sai các bồi-thần nó, bọn Lê Quính, Nguyễn Đình-Mai về nước, mật báo cho tự-tôn.»

Đất An-nam, phía đông giáp bể, phía tây giáp Lão-qua, phía nam cách Chiêm-thành bằng bể (: đường đi lại), phía bắc liền với Quảng-tây và Vân-nam Đông tây hơn 1700 dặm, Nam Bắc 2800 dặm. Có 52 phủ, trong số đó, 12 phủ có thổ-ti ở. Thật chỉ có 40 phủ mà thôi, góp lại chia làm 13 đạo. Bấy giờ chưa bị chiếm, còn đạo Thanh-hoa có 4 phủ 15 huyện, đạo Tuyên-quang có 3 châu 1 huyện, đạo Hưng-hóa có 10 châu 2 huyện. Lại có lộ (: đạo) phần cao chưa bị chiếm mà phần dưới đã bị chiếm: đạo (Nghệ-An còn 4 phủ 12 huyện, đạo Sơn-

* tr. 47/a, tây còn 5 phủ 24 huyện, đạo Kinh-bắc còn 4 phủ 20 huyện, đạo Thái-nguyên còn 3 châu 8 huyện. Những lộ mà phần cao đã bị chiếm mà phần thấp chưa bị chiếm có đạo Sơn-nam còn 9 phủ 36 huyện, đạo Hải-dương còn 4 phủ 19 huyện. Chỉ hai đạo Quảng-nam và Thuận-hóa vốn là sở-huyệt họ Nguyễn (ng. v. không phân-biệt rõ-ràng hai họ Nguyễn). Vả chiếm giữ hai đạo: Cao-bằng (ng. ch: 1 phủ 4 châu), Lạng-sơn (ng. ch: 1 phủ 7 huyện) để ngăn át nội-địa.

Vua sai Tôn Sĩ-Nghị đưa hịch cho các lộ ở An-nam, bày-tỏ sự thuận nghịch, bảo sớm phải quay về đường chính. Bấy giờ em Duy-Kì là *Duy-Lưu*, *Duy Chỉ* 維祂 維祉 đều chạy lánh nạn. Duy-Lưu chết ở Tuyên-quang (: Bị Hoàng văn-Đồng phản năm 1788). Duy-Chỉ qua xưởng *Ba-bồng* 波蓬 thuộc Kinh-bắc tới xin đầu. Tôn Sĩ-Nghị thấy Duy-Chỉ có tài-khí, muốn bảo tạm coi việc

nước. Vua lo rằng ngày sau hai anh em sẽ hiềm-nghi nhau, cho nên không cho phép. Bèn sai *Sầm Nghi-Đống* 宜棟 là thổ-quan Điền-châu giúp đưa Duy-Chỉ ra cửa quan (: vào An-nam) biệu-triệu nghĩa-binh.

Gặp lúc bọn Nguyễn Đình-Mai đem thư tự-tôn trả lời vừa tới nơi, xin chuyển tâu lên. Từ ấy, các thổ-ti nước An-nam và quan dân các châu chưa bị chiếm đua nhau bắt trói ngụy-đảng, hiến địa-đồ.

* tr. 48/b. Vả lại vài vạn nghĩa-dũng thuộc các xưởng ở ngoài cửa quan đều xin cấp lương, tập luyện, xin làm hướng đạo.

Bấy giờ, anh em Nguyễn Huệ cũng gõ cửa quan xin cống, đem tờ biểu của thần dân trong nước đến nói rằng: « Lê Duy-Kì thì không biết còn hay mất, xin lập con vua cũ Duy-Đoan là *Ông Hoàng Tư* (ng. v. bằng chữ nôm) *Duy-Cẩn* để coi việc nước; cùng rước mẫu-phi về nước » Vua biết rằng Nguyễn Huệ dối, Duy-Kì (ng. v. Duy-Đoan) ngu hèn, dễ đem giảo-kế để hoãn binh. Bảo Tôn Sĩ-Nghị nghiêm lời từ chối.

●

Đường tiến binh sang An-nam có ba: một là ra qua Trấn-nam quan thuộc Quảng-tây, ấy đường chính; hai là bởi Khâm-châu thuộc Quảng-đông qua bể tới núi *Ô-lôi*, đến phủ *Hải-đông* thuộc An-nam; đó là đường thuyền từ đời Đường về trước dùng; ba là bởi thác *Hoa-liên* ở huyện Mông-tự thuộc Vân-nam đi bộ tới sông *Thao* thuộc An-nam, ấy là đường Mộc Thạnh đời Minh xuất quân.

Tôn Sĩ-Nghị và đề-đốc *Hứa Thế-Hanh* đem một vạn quân Lưỡng Quảng ra cửa quan, lấy tám nghìn quân đi thẳng đánh thọc vào kinh-đô, và hai nghìn trú lại Lạng-sơn để làm thanh-viện.

Đề-đốc Vân-nam *Ô Đại-Kinh* 烏大經 đem tám nghìn quân ấy đường qua cửa

* tr. 48/a. *Mã bạch* 馬白 thuộc sảnh Khai-hóa, vượt sông *Chúc* 呪, vào cõi Giao-chỉ, đi 1100 dặm sẽ tới trấn Tuyên-hóa (: Tuyên-quang). So với đường cũ Mộc Thạnh đi, thì kha gần hơn.

Tổng-đốc Vân Quí (: Vân-nam và Quí-châu) *Phú Cương* 富綱 cũng xin đi. Vua nghĩ rằng một đạo quân không thể có hai súy, bèn bảo ở lại ngoài ranh đốc-áp việc vận lương.

●

Cuối tháng mười, quân Lưỡng Quảng ra khỏi Nam-quan.

Vua chiếu rằng: « Xứ An-nam sau khi loạn bị yếu mệt, không cung ứng nổi. Về việc tải lương trên nội-địa (: đất Thanh), dọc hai đường Việt (: Quảng-đông) và Điền (: Quảng-tây), hãy đặt điếm-đài hơn bảy mươi sở. ».

Quân nhà vua qua đâu, không quấy nhiễu một tí gì.

Tôn Sĩ-Nghị, Hứa Thế-Hanh qua Lạng-sơn rồi chia đường tiến quân (ng.ch: Lạng-sơn tức là nơi đời Tống, Địch Thanh người Quảng-châu đã chiếm ải Côn-lôn) Tổng-binh *Thượng Duy-Thăng*, 尚維昇, phó-tướng *Khánh Thành* 慶成 cầm quân Quảng-tây. Tổng-binh *Trương Triều-Long* 張朝龍, *Lí Hóa-Long* 李化龍 cầm quân Quảng-đông. Bấy giờ các thổ-binh, nghĩa-dũng theo đi. Tiếng rằng đại-binh có vài chục vạn. Các đạo đều giữ các ải.

Giặc nghe bóng, chạy trốn biệt, chỉ ngăn giữ chỗ hiểm ở ba sông (: Nhật-đức, Nguyệt-đức, Nhị. Ng.v: *tam giang chi hiểm* 三江之險) để cự lại.

Ngày 13 tháng 11, Thượng Duy-Thăng, Khánh Thành đem một nghìn quân, đang trống canh năm, tới sông *Thọ-xương* (: Nhật-đức). Giặc lui giữ bờ nam. Nhân thấy cầu phao bị cắt đứt, quân ta đều cưỡi

* tr. 48/b. bè qua thẳng lên bờ. Trong mù, giặc giết lẫn nhau. Quân ta bèn sang sông được cả, hết sức dẫy xéo, chem giết.

Trương Triều-Long cũng đánh bại tướng cốt-cán của giặc. Ngày 15, tiến quân đến sông *Thị-cầu* (Nguyệt-đức). Sông rộng. Vả bờ nam dựa vào núi, cao hơn bờ bắc. Giặc giữ chỗ hiểm, dàn súng. Quân ta không thể kết bè. Các tướng nghĩ rằng hình-thế

sông cong queo, (khiến) giặc trông ra thấy không được xa. Bè ngoài, bèn chở tre gỗ, làm cầu phao để tỏ rằng thế nào cũng qua sông (chỗ ấy). Rồi giấu hai nghìn quân ở thượng-du (cách đó) hai mươi dặm, chỗ nước chảy chậm, lấy thuyền con đang đêm qua sông.

Ngày 17 (tháng 11) quân ta cưỡi bè áp bờ. Cầm cự với nhau đang sôi nổi, thì gặp khi quân từ thượng-du đã vòng ra sau lưng giặc, nhân chỗ cao mà hét to, đánh xuống. Tiếng ran các hang núi. Giặc không biết vương-sư từ đâu xuống, bèn tan rã chạy lùi.

Ngày 19 (tháng 11), tới sông *Phú-lương* (: Nhị-hà Thật ra tên Phú-lương là một khúc sông Cầu hay Nguyệt-đức). Sông nầy là sông ở ngoài cửa thành kinh-đô của giặc. Giặc dẫn tre gỗ dọc sông, thu lượm các thuyền rút về kẻ bờ kia Nhưng xa trông hàng trận nó thì thấy không chỉnh. Biết rằng chúng không có chí cố giữ Bèn tìm thuyền nhỏ ở các bến cách xa đó, chở hơn trăm quân, ban đêm đến lòng sông, cướp được một chiến-hãm. Bèn chở hơn hai trăm quân, Hứa Thế-Hanh thân cầm quân qua sông. Lại cướp

* tr. 49/a. được hơn hai mươi thuyền nhỏ, thay phiên nhau chở hai nghìn quân sang, chia ra mà đánh các doanh giặc. Trong đêm, giặc không biện rõ (quân ta) nhiều hay ít, bèn tan rã, (Ta) đốt hơn mười chiếc tàu, bắt được vài mươi viên tổng-binh, tước hầu, tước bá.

Sáng rõ, quân ta tất cả qua sông. Họ hàng nhà Lê, nhân-dân cùng ra đón, cúi mình bên phía tả đường. Tôn Sĩ-Nghị, Hứa Viết-Hanh vào thành, tuyên-ủy rồi ra

●

Bọc (kinh-) thành có lũy đất, cao không đến vài thước. Trên trồng tre rậm. Phía trong có hai thành gạch, là chỗ quốc-vương ở. Cung thất hoàn-toàn bị huỷ. Mà Lê Duy-Kì trốn ở dân-thôn; trống canh hai đêm ấy mới ra. Tới doanh yết-kiến Tôn Sĩ-Nghị, cúi đầu chín lần mà tạ mừng thắng trận.

Ban đầu, khi vương-sư mới ra, Vua lo rằng sau khi việc (dẹp giặc) xong, sự qua lại để sách phong làm mất lâu thời giờ, đến đỗi vương-sư trải sương nắng ở ngoài lâu, (cho nên) đã trước sai lễ-bộ đúc ấn, nội-các soạn sách-văn, gửi trạm đem tới quân-doanh. Tôn Sĩ-Nghị định đến ngày 22 thì tuyên chiếu sách phong Lê Duy-Kì làm An-nam quốc-vương, và gấp báo cho Tôn Vĩnh-Thanh đem gia thuộc (họ Lê) về nước.

Duy-Kì dâng biểu tạ ơn, xin đến năm Càn-long thứ 55 (1790) sẽ
* tr. 49/b. tới kinh chúc lễ Vạn-thọ tám mươi tuổi. Vua chiếu rằng: « Đợi khi nào xứ An-nam hoàn-toàn yên, và Duy-Kì có thể tự-lập thì sẽ cho phép tới chầu. »

Về việc nầy, nhân lòng dân (thuộc chúa) cũ nhớ nhà Lê, và nhờ quân nghĩa-dũng của các xưởng đi trước dẫn đường. Vả chăng, bọn Hứa Viết-Hanh và hai họ Trương (ng. v: *Hứa Viết-Hanh nhị Trương đẳng* 張等) đều là chiến-tướng mới lập công ở Đài-loan về, mới có sự với hơn một vạn quân ruổi thẳng vào sâu, mà chưa chẵn tháng đã lấy được quốc-đô Còn quân của Ô Đại-Kinh tại Vân-nam thì chưa đến nơi.

Chiếu phong Sĩ-Nghị tước *nhất-đẳng Mưu-dũng-công*, Hứa Viết-Hanh tước *nhất đẳng tử*. Các tướng sĩ đều được thưởng kẻ ít người nhiều.

Bấy giờ Nguyễn Huệ đã trốn về sào huyệt. Tôn Sĩ-Nghị tính việc đóng thuyền đuổi đánh. Tôn Vĩnh-Thanh tâu rằng: « Quảng-nam xa cách đô họ Lê thêm hai nghìn dặm. Dùng quân một vạn người, thì đặt điếm lương cần mười vạn phu vận-tải, cũng bằng khoảng từ Trấn-nam quan đến thành họ Lê »

Vua nghĩ rằng: « An-nam bị tàn phá, trở nên trống không. Vả họ Lê nhiều đời đã ươn hèn. Dấy lên, mất đi, chưa biết chừng chẳng là vận số. Đã rằng đi đường xa, chở lương khó, thì không lẽ phí ngày giờ, nhọc quân lính để thay Lê đi lùng bắt giặc » Vua chiếu bảo rút quân vào cửa quan.

* tr. 50/a. Nhưng Tôn Sĩ-Nghị tham lập công bắt Nguyễn. Quân không rút liền, mà lại khinh địch, không đặt phòng-bị, sai các thổ-binh, nghĩa-dũng đi tản-mát, để quân ở yên trong thành nhà Lê trong hơn tháng.

Họ Nguyễn dò biết thật-hư. Cuối năm, dốc tất cả binh-lực ra, lại đem quân đánh úp quốc-đô. Thế mà quân ta còn tin lời nó nói dối là tới hàng, cứ êm-đềm không biết gì sốt.

Ngày mồng một tháng giêng năm sau (: Càn-long thứ 55-1790), trong quân đặt tiệc rượu, bày cỗ nhạc. Đang đêm thình-lình có tin báo rằng quân Nguyễn tới đông. Bấy giờ mới thảng-thốt ngăn địch.

Giặc đều chở đại-bác bằng voi mà xông vào trận. Quân ta ít chống nhiều, không địch nổi. Trong đêm tối, tự dày xéo lẫn nhau.

Lê Duy-Kì đem gia-đình trốn trước. Quân Vân-nam (ở Sơn-tây) nghe tiếng súng rậy trời, cũng lui chạy.

Tôn Sĩ-Nghị giành qua sông Phú-lương, rồi lập-tức đẵn cầu phao để dứt với phía sau mình. Bởi vậy, quân ở bờ nam, đề-đốc Hứa Thế-Hanh, tổng-binh Trương Triều-Long trở xuống, quan, binh, phu-dịch hơn vạn người đều bị chết đuối.

Sĩ-Nghị chạy về Trấn-nam quan, đốt hoặc bỏ hết ngoài cửa quan lương-thực khí-giới thuốc súng vài mươi vạn (cân). Quân và ngựa trở về không đầy một nửa. Quân Vân-nam nhờ bầy tôi nhà Lê, Hoàng Văn-Thông, hướng đạo trở về được hoàn-toàn. (2)

Mẹ con Lê Duy-Kì lại tới xin đầu.

* tr. 50/b. (Các việc ấy) được tâu lên. Vua nghĩ rằng: « Tôn Sĩ-Nghị đã không rút quân về sớm. Vả chăng Nguyễn Huệ đã thua mà trở lại, thì chắc rằng không phải (chỉ có) quân kết hợp lại trong chốc lát (mà thôi). Sao mà không trù bị, đến đỗi làm hỏng uy nước, tổn tướng sĩ ».

Ra lệnh cất chức y và bảo về Kinh đợi tội Lấy *Phúc Khang-An* (ng. v: An-Khang) thay.

●

Sau khi Nguyễn Huệ chiếm được An-nam, tự biết đã gieo vạ; rất sợ vương-sư (trở) sang đánh dẹp. Vả vừa mới gây việc bình với Tiêm-la. Sợ Tiêm-la thừa-hư ở phía sau. Gõ cửa quan, tạ tội xin hàng. Đổi tên ra *Nguyễn Quang-Bình* 阮光平 (ng. ch: Theo *Minh sử*, vua An-nam đều có hai tên; lấy một tên thờ Trung-quốc, xưng bày trong biểu tấu)

Sai con anh, *Quang-Hiển*, đem biểu vào cống. Nói rằng: « Giữ (đất) Quảng-nam đã chín đời. Đối với nước An-nam (ng. v sót chữ Nam), là địch-quốc, chứ không phải là vua tôi. Vả (việc nầy) là chuyện các man-dân đụng chạm tranh giành nhau, chứ đâu dám chống với Trung-quốc. Xin năm sau thân-hành tới chầu mặt ở Kinh-sư. Cùng nguyền sẽ lập miếu trong nước để thờ các tướng-sĩ (Trung-quốc) tử trận. Vả lại, nghe nói cống-sứ Tiêm-la sắp tới Kinh, sợ chúng mưu mách tội-lỗi. Xin Thiên-triều đừng nghe lời chúng. »

Trước sau, Phúc Khang-An đem các việc ấy tâu lên.

Vua nghĩ rằng: « Duy-Kì lại bỏ nước đi; cả sách ấn cũng không giữ được. Ấy là Trời ghét họ Lê không hay bảo-tồn tự-lập M.

* tr. 51/a. Nguyễn Quang-Bình đã xin thân-hành tới chầu mặt, chứ không phải như họ Mạc ngày trước chỉ cống người vàng thay mình. Vả nước An-nam, từ đời Ngũ-quí đến nay, (các họ) Khúc (: Thừa-Mĩ), Kiều (: Công-Tiện), Ngô, Đinh, Lí, Trần (ng. v. sót Lê Hoàn) Lê, Mạc lần-lượt nuốt lốm nhau. Đời trước đã từng chia đất nó thành quận huyện. (Nó) phản-trắc không chừng. (Làm vậy) không đủ bớt sự lo ở bờ nam ». Bèn bằng lòng nghe lời tâu. Lê Duy-Kì thì thưởng cho hàm tam phẩm, biên (biệu vào) cờ, an-trí ở Kinh-sư.

Năm (Càn-long) thứ 55 (1790), Nguyễn Quang-Bình tới chúc mừng. Thiết yến tại sơn-trang tại Nhiệt-hà (ng. v. chép như vậy,

nhưng hình như người Thanh biết rằng đó là Quang-Bình giả); được đặt dưới ban thân-vương (: bà con gần vua) và trên ban quận-vương. Ban mũ, đai. Nhận sách phong rồi về.

Năm sau, đánh bại Lê Duy-Chỉ (: bị Hoàng Văn-Đồng phản năm 1792) và quân nước Vạn-tượng. Tới dâng tin thắng trận

Năm thứ 57 (1792), tháng ba, (Quang-Bình) mất (ng. v. chép *tam nguyệt;* sự thật là vua Quang-trung mất ngày 29 tháng bảy. Xem sách *La sơn phu-tử* trang 156, do Minh-tân xuất bản). Con là Quang Toản nối ngôi, tuổi lên mười lăm.

Vua nghĩ rằng: « Nước họ Nguyễn mới dựng, lòng người chưa định. Và Nguyễn Nhạc còn ở Quảng-nam. Ngô Văn-Sở cầm binh-quyền từ lâu. Chúa trẻ, nước ngờ. Sợ có sự biến-động. Đặc bảo Phúc Khang-An (và) Vân-Quí tổng-đốc dự-bị ở biên-giới. Lại sai án-sát-sứ *Thành Lâm* 成林 (sang) dụ tế và dò thám trong nước chúng. » Thành Lâm (khi) trở về đem sự nước ấy bị xâu-xé tâu lên. Bèn thôi.

●

* tr. 51/b Xưa, họ Nguyễn (: chúa Nguyễn) đời đời làm vương ở Quảng-nam, lấy cảng Thuận-hóa làm cửa ngõ. Với Chiêm-thành, Tiêm-la đều liền đất (dọc theo) bờ bể tây-nam Khi có thuyền buôn theo gió vào cảng ấy, nếu không gió tây thì không ra được, (chúng) bèn thu mất hàng-hóa. Tức như chuyện thuyền buôn Trung-quốc ngẫu-nhiên vào, mà cũng tăng thuế lên gấp nửa. Vì vậy, thuyền buôn các nước Hồng-mao, Tiêm-la, Chiêm-thành đều lấy sự tới gần cõi Quảng-nam làm kiêng.

Cha con Nguyễn Quang-Bình dùng binh cướp nước (ấy). Của trong nước hư hao. Thuyền buôn không đến. Bèn sai hơn trăm chiếc tàu ô, mười hai viên tổng-binh, lấy tiếng là tìm mua quân-lương, đi chiêu-tập nhiều tụi vong-mạng dọc bờ bể Trung-quốc. Lấy quan-tước làm mồi nhử, cấp cho thuyền và khí-giới, sai đưa đường vào

cướp (các vùng) Mân (: Phúc-kiến), Việt (: Quảng-đông), Giang (: Giang-tô), Chiết (: Chiết-giang).

Năm đầu niên-hiệu Gia-khánh (1796 : Cảnh-thịnh thứ 4), các tỉnh tâu rằng đã bắt được giặc biển, nhiều lần (thấy) có binh tướng An-nam và sắc ấn (An-nam) ban trước cho các tổng-binh. Vua bảo tư (việc ấy), hỏi An-nam Nó còn bảo quốc-vương không biết chuyện sao ? (ng. v: *Thượng bất vị Quốc-vương dự tri dã* 尚不謂國王預知也 nhưng chắc rằng phải đưa chữ *Bất* xuống trước chữ *Tri*. Xem lời dẫn).

●

Tiêm-la đã cùng Quảng-nam tích oán. Gặp khi cháu họ ngoại nhà Lê (ng. v: *Lê-thị sanh*) 甥 là vua *Nông-nại* 農耐 (: Đồng-nai), *Nguyễn Phúc-Ánh* (ng ch: vốn tên là *Chủng*, đây là tên đổi) chạy tới Tiêm-la. Tiêm-la lấy em gái gả cho, giúp cho binh, (bèn) khắc-phục Nông-

★ tr. 52/a. nại. Thế càng ngày càng mạnh. Họ Nguyễn gọi là cũ cùng với họ Nguyễn mới, nhiều lần đá h nhau ; chiếm được đô cũ Phú-xuân (ng. ch: Năm Gia-khánh thứ 9-1804 — tổng-đốc Lưỡng Quảng, Uy Thập-Bố tâu rằng thuyền rợ An-nam từ cảng Thuận-hóa mà vào Quỳnh — : đảo Hải-nam — Bể châu nầy đối-diện với dọc xứ Thuận hóa, ấy là cửa ngõ của Phú-xuân thuộc An-nam. Pnú-xuân là quốc-đô nó. Xem đó thì Phú-xuân là Tây-đô, chứ không phải Đông-đô) và bắt trói và dâng bọn giặc bể *Mạc Phù Quan* 莫扶觀. Chúng đều là gian-dân Trung-quốc, đã từng nhận tước Đông-hải vương và chức tổng-binh của An-nam ban cho. (Phúc-Ánh) lại dâng lên sách phong và ấn vàng của Nguyễn Quang-Toản, mà đã bắt được khi đánh lấy Phú-xuân (3).

Ấy vào năm Gia-khánh thứ 4 (1799 — thật ra thì Quang-Toản bỏ Pnú-xuân năm 1801). Vua chiếu rằng : « Cha con họ Nguyễn làm tôi thờ Thiên triều, (lại) chiêu-nạp tụi bạn-vong, nhóm gian, nhử trộm. Pnụ ơn như thế, không gì lớn hơn. Nay quốc-đô, sách phong, ấn (đều) không giữ nổi Sự diệt-vong đã chắc nay mai Đó tỏ rằng lẽ « khuynh phúc » (: Trời làm đổ cái gì đã nghiêng) không sai.

Vậy sai tổng-đốc Lưỡng Quảng *Cát Khánh* 吉慶 tới Trấn-nam quan, thúc binh giữ biên-giới. Đợi khi nào Nguyễn Phúc-Ánh lấy được toàn cõi An-nam thì sẽ tâu lên. »

Năm (Gia-khánh) thứ 7, tháng chạp (đầu năm 1803), Nguyễn Quang-Ánh (đã) diệt được An-nam, sai sứ vào cống, bày tỏ trọn đầu đuôi sự gây binh, rằng ấy vì nhà Lê cũ mà phục thù. Đất Nông-nại ngày trước được phong, vốn xưa là đất Việt-thường (ng. ch : Xét Minh-sử, Chiêm-thành và Lão-qua là đất Việt-thường cũ,

* tr. 52/b vậy thì Nông-nại phải liền đất với phía tây Quảng-nam). Nay lấy đất An nam thêm vào. (Lòng) không quên đất đời đời đã giữ, (vậy) xin lấy tên Việt-nam gọi nước (ng. v. Nhưng thật thì Gia-long xin đặt tên nước là Nam-Việt). Chiếu phong làm Việt-nam quốc-vương.

●

Trước đó, năm Càn-long thứ 54 (1789), khi Lê Duy-Kì bị an-trí ở Kinh-sư, có cựu-thần, bọn Lê Quính, bốn người nhất-định không chịu cắt tóc, thay áo mũ. Và chúng nói : « Em quốc-vương là Duy Chỉ, cùng các tông-đảng và cựu-thần họp nhau để tự bảo ; nghĩa-quân đông lắm. (Vậy) muốn xin ra cửa quan để lo khôi-phục. »

Vua bảo rằng : « Nguyễn Quang-Bình đã qui-thuận, được ta phong. Không thể lại bày lẽ để thay đổi. Thế mà tụi Lê Quính lưu-li, chạy-vạy, lại không tùy thịnh suy mà lui tiến, còn trung với cái minh thờ Đặc-biệt sắc cho Nguyễn Quang-Bình hãy đem ra (Trung-quốc) thê thiếp, em trai gái của Lê Duy-Kì ; khiến mất (ng. v : *Vô tí thất sở sự*. Tôi nghi chữ *vô* thừa) cái chúng thờ. » Chưa thi-hành thì vào năm Gia-khánh thứ 7 (1802) Nguyễn Quang-Toản bị diệt.

Bấy giờ, chiếu cho các bầy tôi nhà Lê, ai nhớ đất cũ thì sẽ theo quan-tài Lê Duy-Kì về nước.

Ấy bởi họ Nguyễn mới đã cướp nước họ Lê được hơn mười năm, lại bị diệt bởi họ Nguyễn cũ Ngày nay, làm việc chức cống không phải họ Nguyễn ngày trước nữa.

●

Phần phụ (trang 52/b)

An-nam ghét thuốc phiện và giáo Thiên-chúa của Tây-dương, đã cấm tàu buôn vào Quảng-nam từ lâu. Đến khi Anh-cát-lị đóng quân ở Ấn-độ; có tướng nghe chuyện nước họ Nguyễn mới gây việc binh, (cho rằng) có thể thừa nhịp. Bèn đem hơn mười tàu binh tiến vào cửa sông Phú lương. Người An-nam rút hết thuyền giấu vào trong cảng. Trên vài trăm dặm, không có một ai. (Tàu Anh) tiến thẳng về Đông-đô. Đang đêm, thình lình một trăm mười chiếc thuyền con ra phía dưới trong cảng, thừa lúc có gió, nước thủy triều mà đánh hỏa-công. Rợ Anh không đường trốn. Bảy chiếc tàu vào trước bị đốt. Các tàu còn lại ở cửa sông sợ trốn, không có mặt mũi nào về nước. Bèn thuận nẻo tới Quảng-đông, mưu chiếm Áo-môn. Không làm được rồi đi, ấy là chuyện đời Gia-khánh thứ 13 (1808), khi Ngô Hùng-Quang làm tổng-đốc Quảng-đông.

●

Phần bình-luận (trang 53/a)

Tôi, *Nguyên*, nói rằng:

Hình-thế nước An-nam thì Tây-đô mạnh hơn Đông-đô. Cho nên các họ Trần, Mạc, Lê, Nguyễn, lần-lượt dấy lên, đều trước hết chiếm Quảng-nam Thuận-hóa đã Thắng rồi mới đưa đại-binh đánh về phía đông (: phía bắc).

Chính-binh (ta) đã từ Quảng-tây thẳng tới Đông-đô, mà đáng ra thì kì-binh nên qua thổ-ti họ Mạnh thuộc Vân-nam vào châu Thủy-vĩ (: Lao-kay) (Nếu) lại hẹn Tiêm-la áp đánh Quảng-nam phá Tây-đô nó, thì Nguyễn Quang-Bình chạy ắt phải bắt, mà không sự lo sau. Dùng binh sao có thể không hiểu rõ địa-lợi?

Giặc tàu ô vào cướp Trung-quốc cũng từng bị phá ở Mân, Việt, tan rã vì bão, thua tàu giáp-bản của Tây-dương xa lắm. Thế mà (An-nam) hai lần diệt được tàu của rợ Anh tới rình mò. Ấy đều (vì) để mặc giặc vào cảng, đặt quân phục, đánh hỏa-công. Mới

biết rằng quân chính không bằng quân kì, rằng sức mạnh không địch trí khôn. Giữ cửa bể không bằng giữ sông bên trong.

Khăng khăng muốn súng Tây-dương, tàu Tây-dương mới đủ chế lại Tây-dương! Như vậy chẳng làm An-nam nó cười cho sao? Đáng buồn cười! Như muốn đưa trát-thuyền (: thuyền nhẹ mang súng chạy mau) để ruổi ngoài khơi, hoặc khăng khăng giữ cửa bể mà không nhử vào thẳng, lại chẳng để An-nam nó cười cho chăng? Đáng buồn cười!

●

Phụ chú (trang 53b) các lời từ Trung-quốc vào An-nam theo sách *Minh Nhất-thống-chí* (Tôi đã dịch trong sách *Lí Thường-Kiệt*, quyển I, trang 125.

CƯỚC-CHÚ PHẦN DỊCH

(1) Trong *Chinh An-nam kí-lược*, Sư Phạm cho biết thêm rằng: « Lại tuần-vũ Quảng-tây tư khai, kê danh-sách các quyến-thuộc tùy tùng, đầu-mục của tự-tôn vua An-nam có: Nguyễn-thị Ngọc-tố 玉素 là mẹ Nguyễn-thị Ngọc-thụy 玉瑞 là vợ, Lê Duy-Thuyên 維荃 lên ba tuổi là con tự-tôn Lê Duy-Kì; con trai có chức sáu người, con gái có vị sáu người, bộc-đồng băm sáu tên. » (sách kể trên trang 123b)

(2) Về *Hoàng Văn-Đồng*, Sư Phạm chép:

« Trước đó, ngày 28 tháng 10, đốc-sư (: nguyên-soái) Tôn-công đem đề-đốc Quảng-tây Hứa Viết-Hanh ra cửa Trấn-nam quan, qua Lạng-Sơn mà tiến. Ngày 13 tháng 11, bại giặc ở Xương-giang. Ngày 15 đến Thị-cầu. Giặc chặn đường ở sông Phú-lương. Tiến đánh nó. Giặc thua to. Ngày 20, vào kinh nhà Lê. Làm vững ngôi cho tự-tôn Duy-Kì. Thành-thử khi quân Điền (: Vân nam) đến điểm thì An-nam đã được bình-định rồi. Gặp có lệnh ban-sư (: triệt binh). Ngày 21 tháng giêng năm sau, rút về Vân-nam. Xét thấy rằng sở dĩ quân Điền tiến không bị ngăn là nhờ Hoàng Văn-Thông mở đường. Hoàng Văn-Thông là tôi nhà Lê, trung với nhà Lê. Gặp loạn Nguyễn, quốc-

dân nhiều người phản theo Nguyễn. Chỉ mình Hoàng Văn-Thông giữ nhà Lê. Gặp lúc đại-binh nam chinh, Văn-Thông nhân nhịp mở đường cho quân Điền. Trên hơn nghìn dặm quân đi, có sẵn nệm chiếu Quân Việt (Quảng-tây và Quảng-đông) bị tan sập. Một mình quân Điền kéo rầm-rột về được. Đó chẳng phải công Hoàng Văn-Đồng sao? »

Đoạn sau tác-giả nhắc lại chuyện Vũ Văn-Mật đời Mạc đã xin quân Minh, và hướng dẫn quân Minh vào đánh Mạc. Minh đã thưởng đai mũ cho y và hàng được Mạc. Tác-giả trách các quan Thanh không biết lợi-dụng che chở cho Hoàng Văn-Thông, để đến nỗi « sau khi Lê mất, Hoàng Văn-Thông bị dụ rồi cha con đều bị giết. Thật ra thì theo Trần Đình-Đạo, một cô-thần triều Lê, thì chính Hoàng Văn-Đồng đã theo Tây-sơn giết hại hai em trai Chiêu-thống (xem nội-chú).

(3) *Gia-khánh Đông-nam Tĩnh-hải kí* 嘉慶東南靖海記 (Bài kí chuyện ở bể Tĩnh-hải, phương đông-nam, đời Gia-khánh) quyển 8, trang 36

Nước nhà từ đời Khang-hi thứ 22 (1683), đánh Đại-loan, dẹp họ Trịnh, rồi năm thứ 24 (1685) mở rộng tuần-phòng trên bể, thì vùng Mân, Việt, Chiết, Ngô, trên vạn dặm bể trời, kình-nghê không bóng sóng. Đến đầu đời Gia-khánh (1796), mới có cướp thuyền (Đĩnh-đạo) quấy rối. Cướp thuyền này bắt đầu từ khi cha con Nguyễn Quang-Bình ở An-nam cướp nước, rồi quân mỏi của hết, bèn vời tụi vong-mạng dọc bể, cấp cho binh thuyền, nhử bằng quan tước, sai cướp các thuyền buôn ở bể gần để biện lương-thực. Mùa hè tới, mùa thu về, tung-tích không lường, làm họa lớn cho đất Quảng-đông.

Sau lại có bọn cướp đất ở bang Phượng-vĩ, bang Thủy-áo cũng phụ vào. Chúng bèn vào sâu trong vùng Mân, Chiết. Cướp đất giựa vào thuyền rợ (: An nam) làm thanh-thế; thuyền rợ cậy cướp đất làm hướng-đạo. Trên vài nghìn dặm trên mặt bể ba tỉnh, nếu ta lên Bắc thì chúng xuống nam, nếu ta xuống nam thì chúng lên bắc. Nếu ta chống với thuyền, thì tụi cướp đất tung ra cướp; nếu ta đương đầu với cướp đất thì thuyền tới cứu. Vả chăng thuyền rợ

cao, to, nhiều súng; có gặp cũng chưa chắc được chúng. Cướp đất giảo-quyệt lại có nội-ứng; mỗi lúc tạm trốn rồi quay nhóm lại. Mà bấy giờ tụi giáo-phỉ ở Xuyên Thiểm vừa dẫy. Triều-đình vừa chú ý đến tây-chinh, chưa rảnh để tính việc về hòn đảo. Cho nên thế giặc càng ác-liệt.

Đầu đời Gia-khánh (1796), tướng-quân Phúc-châu là Khôi Luân, tổng-đốc Lưỡng Quảng là Cát Khánh trước sau tâu rằng: « Bắt được giặc bể tàu ô bọn Trần Thiên-Bảo, 陳天保, có ấn sắc An-nam tổng-binh và Báu-ngọc hầu. » Sắc cho An-nam quốc-vương Nguyễn Quang-Toản tra rồi tâu. Chúng còn bảo rằng quốc-vương không biết chuyện.

Năm Gia-khánh thứ 4 (1799), vua Nguyễn cũ ở Nông-nại cùng Nguyễn mới giao binh, bắt và đưa đến giặc bể là bọn Mạc Phù-Quan 莫扶觀. Đều là gian-dân nội-địa, đã từng chịu An-nam ngụy phong tước Đông-hải-vương và chức tổng-binh. Triều-đình mới biết rằng An-nam mắc tội nhóm gian nhử trộm.

Tháng 6, năm thứ năm (1800), hơn ba mươi chiếc tàu rợ, sáu bảy chục chiếc tàu Thủy-áo và Phượng-vĩ đều nhóm ở vùng Chiết-giang, dọa Đài-châu, chực đổ bộ. Tuần-vũ Nguyễn Nguyên, đề-đốc Thương Bảo tâu lên. Bèn lấy tổng-binh Định-hải-trấn là Lí Trường-Canh, tổng-thống thủy-quân ba trấn Giặc dừng ở Long-vương-đường, dưới núi Tùng-môn Gió bão sấm mưa phát lớn. Thuyền giặc va nhau bị vỡ, bị lật, chúng chết đuối gần hết, chỉ còn một hai thuyền trôi ra ngoài bể. Những đứa lên bờ hoặc bám vào thuyền đắm đều bị quan-quân thủy lục bắt. Tụi chịu tước hầu của An-nam Luân Quí-Lợi 倫貴利 và bốn tổng-binh đều bị chém. Đem sắc ấn ném trả cho nước nó.

Tàu ô An-nam có hơn một trăm hiệu, tổng-binh mười hai người, chia làm ba chi: tiền, trung-hậu. Mỗi chi có bốn tổng-binh. Bọn Luân Quí-Lợi là chi hậu. Gặp lúc nước An-nam lại bị vua Nông-nại Nguyễn Phúc-Ánh diệt, chịu phong tước mới, bèn chịu thúc-ước của triều-đình, đuổi hết tụi gian-phỉ trong nước. Từ đó giặc không sào-huyệt. Còn tụi ở Mân, thì bị tên cướp ở Chương là Thái Khiên thu tóm... Sau khi Khiên được thuyền rợ, súng rợ, thì tất cả dư-đảng Thủy-áo và Phượng-vĩ đều theo... »

乾隆征撫安南記

黎氏自明以來世王安南順治十六年　王師定雲南國王黎維禧遣使至軍康熙五年繳所受明桂王勅印　詔封維禧安南國王時莫元清尚據高平亦受都統使職屢構兵六年黎維禧襲奪高平莫元清率三千口走雲南七年　朝廷諭黎氏以高平泗州還元清十三年黎三桂叛維禧復乘間攻取高平於是安南盡歸黎氏自後請六年兩貢並進六傳至維潤而有阮氏之亂初明嘉靖中安南爲莫登庸所篡國王黎維讓走保清華至孫維潭起兵破莫復國實其臣鄭檜阮口

不即班又輕敵不設備散遣土兵義勇應軍黎城月餘阮氏諜知虛實於歲暮偵衆再舉襲國都而我師方信其來降之誑詞晏然不知也明年正月朔軍中置酒張樂夜忽報阮兵大至始倉皇禦敵賊皆象載大艦衝陣我師衆寡不敵黑夜自相蹂躪黎維祁挈家先遁滇師聞敵聲震天亦退走孫士毅奪渡富良江即斬浮橋以斷後由是在南岸之軍提督許世亨總兵張朝龍以下官兵夫役萬餘皆溺死馬士毅走回鎮南關盡焚弃關外糧械火藥數十萬上馬還者不及一半其雲南之師以黎臣黃文通嚮導得全返黎維祁母子復來投奔

No 9
1er trimestres 1968
1st quarters 1968

REVUE TRIMESTRIELLE

SỬ ĐỊA

QUARTERLY REVIEW

■ REVUE TRIMESTRIELLE DE RECHERCHE HISTORIQUE ET GÉOGRAPHIQUE

▼ QUARTERLY REVIEW OF HISTORICAL AND GÉOGRAPHICAL RESEARCH

■ PUBLIÉE PAR L'UNION DES PROFESSEURS ET DES ÉTUDIANTS DE LA FACULTÉ DE PÉDAGOGIE DE SAIGON.

▼ PUBLISHED BY A GROUP OF INSTRUCTORS AND STUDENTS OF THE FACULTY OF PEDAGOGY, UNIVERSITY OF SAIGON.

■ TABLE DE MATIÈRES

▼ CONTENTS

1 ■ HOÀNG XUÂN HÃN, La guerre Sino - Vietnamienne d'après « Ngụy Nguyên », un historien chinois de l'époque des T'sin pp. 2 - 8, 245-261.

Etude critique de la relation de l'expédition de K'ieu Long contre l'Annam écrite l'an 22è de l'ère « Đạo Quang » (1842) suivie de l'édition et la traduction du texte en Vietnamien.

▼ HOÀNG XUÂN HÃN, The Sino - Vietnamese war, according to Ngụy-Nguyên, a Chinese historian of Ts'in dynasty pp. 2-8, 245-261.

Critical study of the relation of the expedition of K'ien Long against Annam, written in the 22nd year of the « Đạo Quang » era (1842), followed by the edition of the text and its translation into Vietnamese.

2 ■ NGUYỄN ĐĂNG THỤC, La bataille de Đống Đa et la cause nationale pp. 9-16.

▼ NGUYỄN ĐĂNG THỤC, The battle of Đống Đa and the national cause pp. 9-16.

3 ■ QUÁCH TẤN, Vestiges et tradition concernant les Tây Sơn p. 17-32, 170-176.

Légendes de la famille de Nguyễn Huệ telles qu'elles sont transmises par les habitants de la région de Tây Sơn dont l'auteur est originaire.

▼ QUÁCH TẤN, Vestiges and tradition concerning the Tây Sơn p. 17-32, 170-176.

Legends of Nguyễn Huệ's family as they are handed down by the inhabitants of the district of Tây Sơn, the author's native village.

4 ■ TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG, Le rôle de Nguyễn Huệ dans le gouvernement des Tây Sơn pp. 33 — 47.

Il s'agit moins du rôle de Nguyễn Huệ que de différents aspects du gouvernement des Tây Sơn.

▼ TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG, *Nguyễn Huệ's role in the Tây Sơn's government.*

Historical account of the Tây Sơn's government pp. 33 - 47.

5 ■ TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG, la victoire de Nguyễn Huệ sur l'expédition siamoise pp. 48 — 58.

Relation des hostilités entre Nguyễn Huệ et Nguyễn Ánh de 1777 à 1784.

▼ *Nguyễn Huệ's victory over the siamiese expedition.*

Account of the hostilities between Nguyễn Huệ and Nguyễn Ánh from 1777 to 1784.

6 ■ TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG, Les habitants du Đại Việt à la fin du 18è s. pp 59 - 73.

Exposé des mœurs et coutûmes du Viet Nam à la fin du 18è s.

▼ TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG, The Đại Việt People at the end of the 18th Century.

Account of the customs and life at the and of the 18th Century.

7 ■ TẠ QUANG PHÁT, Le roi Quang Trung à travers les annales de la dynastie des Nguyễn pp. 74.

Traduction du Recueil principal des Biographies du Đại Nam (Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện), T1 l. 30, pp. 17b - 43b.

▼ TẠ QUANG PHÁT, King Quang Trung through the Annal of the Nguyễn dynasty.

Translation of the Main Collection of Biographies of Đại Nam (Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện), T1, b.30, pp. 17b - 43b.

8 ■ TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG, Contribution à la généalogie des Tây Sơn et portrait des frères Tây Sơn pp. 112 — 133.

▼ TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG, *Contribution to the Tây Sơn's genealogy and description of The Tây Sơn brothers pp 112 - 133.*

9 ■ X.X X. Tôn Sĩ Nghị, tombé au piège du « mépris de l'ennemi » tendu par Ngô Thời Nhậm.

Sur la retraite startégique opérée par Ngô Thời Nhiệm qui, en causant l'orgueil des troupes chinoises et par suite leur manque de précaution, amena la victoire de Tây Sơn.

▼ *X.X X, Tôn Sĩ Nghị caught in the trap of « the under-estimation for the enemy » sat by Ngô Thời Nhiệm, pp. 134 - 138*

About the strategic retreat effected by Ngô Thời Nhậm, causing the arroyance of the chinese troops and therefore their lack of precautions, which brought victory to the Tây Sơn.

10 ■ PHẠM VĂN SƠN, Pour une compraaison entre des héros antérieurs à Nguyễn Huệ et lui-même, pp. 139 - 154.

Comparaison entre Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi et Nguyễn Huệ.

▼ PHẠM VĂN SƠN, *For a comparison between some heros anterior to Nguyễn Huệ and Nguyễn Huệ himself, pp. 139-154.*

Comparison between Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi and Nguyễn Huệ.

11 ■ TẠ QUANG PHÁT, Exposé sommaire sur les Tây Sơn (Tây Sơn Thuật Lược, pp. 155 - 169.

Traduction du texte chinois conservé sous forme de microfilm à l'Institut Archéologique de Saigon et dont l'original se trouve à la Société Asiatique de Paris.

▼ TẠ QUANG PHÁT, Brief account of the Tây Sơn (Tây Sơn Thuật Lược) pp. 155 - 169.

Translation of the text written in Chinese and preserved in microfilm form at The Archeological Institute of Saigon, the original of which is kept at the Asiatic Society of Paris.

12 ■ TÔ NAM NGUYỄN ĐÌNH DIỆM, Origine de la fête de la bataille ou «Giỗ Trận» et cause de la chute des Tây Sơn, pp. 177 - 186

Selon l'auteur, les vicissitudes des Tây Sơn seraient dues à la bonne puis mauvaise entente des frères Tây Sơn.

▼ TÔ NAM NGUYỄN ĐÌNH DIỆM. Origin of the Đống Đa battle Anniversary or «Giỗ Trận» and cause of the fall of the Tây Sơn, pp. 177 - 186.

According to the author, the vicissitudes of the Tây Sơn are due to the good and bad feeling between the Tây Sơn brothers.

13 ■ HỒ HỮU TƯỜNG, Quelques méthodes pour l'étude des Tây Sơn, pp. 187 - 193.

L'auteur préconise la recherche sur place, en particulier l'étude de « Nhạc Võ » des Tây Sơn sorte de dance guerrière au tambour.

▼ HỒ HỮU TƯỜNG, Some methodes for the study of the Tây Sơn, pp. 187 - 193.

The Author recommends the research on the spot, especially the study of the «Nhạc Võ Tây Sơn» War-drum dance.

14 ■ ĐẶNG PHƯƠNG NGHI, Quelques documents inédits sur les expéditions du Nord de Nguyễn Huệ, pp. 194 - 245.

Traduction de quelques documents conservés aux Archives Nationales de Paris et à la Société des Missions étrangères de Paris.

▼ ĐẶNG PHƯƠNG NGHI, Some unpublished documents about the Nguyễn Huệ's expeditions to the North pp. 194 - 245.

Translation of some documents preserved in the National Archives and the Foreign Missions Society of Paris.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

MARUKA MACHINERY CO. LTD.

Đại diện

Vỏ và ruột xe máy, Đồ phụ tùng xe máy, Đồ phụ tùng xe hơi Bạc đạn đủ loại

Các loại máy móc Kỹ nghệ, ổ Bi và bạc đạn, vật dụng và đồ sắt

Tủ lạnh « Hi-tachi » Máy điều hòa không khí « Hi ta chi » đồ điện «Hi-tachi» máy móc kỹ nghệ

HÀNG NGUYÊN XỨ

NHẬT — MỸ — ĐẠI HÀN — ĐÀI LOAN

Saigon Office :
13, Trần Hưng Đạo
P. O. Box No. 121. Sài gòn
Cable address : « Maruka »
Tel : No 23A8988

Head Office:
No 41 Bungo-Wachi
Higashi — Ku
Saka — Japan
P. O. Box No Higashi : 350 Osaka
Cable Add : «Maruka Osaka»
Tel : No 940271 — 9

SAIGON-TAIPEI-SAIGON

- Mỗi Thứ Ba và Thứ Bảy
  bằng
  Phản Lực Cơ **Caravelle**
  VIỆT-NAM HÃNG-KHÔNG
- Mỗi Thứ Hai và Thứ Sáu
  bằng
  Super Constellation
  CHINA AIR LINES

* * *

Xin hỏi chi tiết và lấy vé nơi các Hãng Du Lịch hay

AIR VIETNAM

116, NGUYEN-HUE, SAIGON. ĐT. 91.624 - 91.625 - 91.626

CAI

CHINA AIR LINES

16, Duong Tu-Do, SAIGON. D.T. 24.452 - 23.144 - 25.846

AIR

SỬ ĐỊA

— tam cá nguyệt san — Số 9, 10 — 1968

năm thứ ba

MỤC-LỤC

⊕ *Lá thư tòa-soạn* 1

⊕ *Việt Thanh chiến sử theo NGỤY-NGUYÊN một sử-gia Trung-quốc đời Thanh*
HOÀNG XUÂN-HÃN 3

⊕ *Trận Đống-đa với chính-nghĩa quốc-gia*
NGUYỄN ĐĂNG-THỤC 9

⊕ *Di-tích và truyền-thuyết về nhà Tây sơn*
QUACH-TẤN 17

⊕ *Vai trò của Nguyễn-Huệ trong chế-độ quân-chính của Tây-sơn*
TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG 33

⊕ *Chiến thắng Nguyễn-Huệ trước viện-binh Xiêm-la*
TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG 48

⊕ *Dân Đại-việt ở cuối thế-kỷ XVIII*
TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG 59

⊕ *Vua Quang-Trung qua chính-sử của triều Nguyễn*
TẠ QUANG-PHÁT 74

⊕ *Góp thêm về phả-hệ Tây-sơn và chân-dung anh em họ*
TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG 112

◍ *Tôn-sĩ-Nghị trúng kế « kiêu địch » của Ngô Thời-Nhậm*
X. X. X. 134

◍ *Để so-sánh các anh-hùng trước Nguyễn-Huệ với Nguyễn-Huệ*
PHẠM VĂN-SƠN 139

◍ *Tây-sơn Thuật Lược*
TẠ QUANG-PHÁT 155

◌ *Nguyên-nhân của ngày Giỗ-trận và lý-do hưng-vong của nhà Tây-sơn*
TÔ NAM NGUYỄN ĐÌNH-DIỆM 177

◍ *Một vài phương-thuật để nghiên-cứu về Tây-sơn*
HỒ HỮU-TƯỜNG 187

◍ *Vài tài-liệu mới lạ về những cuộc Bắc-tiến của Nguyễn-Huệ*
ĐẶNG PHƯƠNG-NGHI 194

◍ *Mục lục bằng ngoại ngữ* 264

Giá 80$

Công-sở giá gấp đôi